

QUYỂN 4

(Quyển Sáu Cơ-Sở Cảm-Nhận)

(SAḬĀYTANA-VAGGA)

Về Bản Dịch

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pali-Anh của nhà sư Tỳ-kheo Bò-đề (đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên thâm, nhà từ thiện). Có những chỗ tham chiếu với các phiên bản của PTS và nhà sư Ajahn Sujato.

- Bộ kinh này có 5 quyển lớn (Vagga); mỗi quyển lớn được đặt tên theo tên của chương đầu tiên của nó. Mỗi chương là đồng nghĩa với một *liên-kết* (tương ứng) theo một chủ-đề chính nào đó (ví dụ: liên-kết Nhân Duyên, liên-kết Ca-Điếp, liên-kết Gia Chủ Citta...). Trong nhiều chương lại có các nhóm kinh (vagga). Bản dịch Việt này đánh số chương trùng với số liên-kết (**SN**) luôn.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa của câu hay chữ chỗ đó.

- Các chú giải, trích dẫn, diễn dịch... trong ngoặc vuông [...] là của thầy Tỳ Kheo Bò-Đề (hoặc có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú giải thuộc các giảng luận khác (như Spk, Spk-Pt...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu.

- Có những số hiệu các kinh và luận giảng được TKBĐ dẫn ra trong các chú giải để chỉ ra sự trùng lặp, so sánh, đối chiếu... là các số hiệu theo cách đánh số trong các bản dịch Pali-Anh của thầy ấy; ví dụ: **MN I 487–488**: bộ kinh **MN**, phần I, nằm ở trang 487-488 (thực ra đó là kinh **MN 72**, nhưng TKBĐ dẫn chiếu nhanh tới số trang mà lời kinh đó đang nằm). Nếu thuộc các bản dịch khác thì cũng được nêu rõ.

- Cuối mỗi chú thích ở cuối sách đều có ghi một số trong ngoặc đơn, ví dụ: (8), (240)..., đó là số của các chú thích trong phiên bản Pali-Anh của TKBĐ. Mục đích để cho những người đọc muốn tra cứu những chú thích đó so với chú thích tiếng Việt.

- Một số chữ Hán-Việt đã quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được

người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố-ý (hành), những hiện-tượng (pháp, các pháp), nhận-thức (tưởng), năng-lực tâm-linh (thần thông)....

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH & CHÚ GIẢI CHÍNH:

Be: phiên bản tiếng Miến Điện của SN

Ee: phiên bản theo ký tự La-tinh của SN

Se: phiên bản tiếng Sinhala (Tích-lan) của SN

* **SN**= Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh bộ)

Spk (Be) = Sāratthappakāsinī: Chú Giải bộ SN (phiên bản Miến Điện)

Spk (Se) = Sāratthappakāsinī: Chú Giải bộ SN (phiên bản Sinhala).

Spk-pt = Sāratthappakāsinī-purāṇa-ṭīkā: Tiểu Chú Giải bộ SN (phiên bản Miến Điện)

SS = Sinhala-script: Tiểu Chú Giải bộ SN (phiên bản Sinhala)

[▶] Lưu Ý: trong bản dịch này, các chú giải **Spk** thì mặc nhiên là của phiên bản Miến Điện (**Be**). Chỉ khi chỗ nào là **Spk (Be)** và **Spk (Se)** thì sẽ được ghi rõ luôn.

CDB = Connected Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của **SN** bởi Tỷ kheo Bồ-Đề.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pali-Anh của các bộ kinh Nikaya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: Vi Diệu Pháp Tạng

* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Theo Số Tăng* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs

Dhp = Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ (thuộc Abhi)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: tập Kinh Phật Tự Thuyết (thuộc KN)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: Chú Giải tập It

Ja: = Jātaḥ: tập Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN)

Khp = Khuddakapāṭha: tập Kinh Tiểu Tụng (thuộc KN)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc KN)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: Chú Giải bộ AN

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc KN)

Nidd I = Mahā-niddesa: tập Đại Diễn Giải (Đại Nghĩa Tích) (thuộc KN)

Nidd II = Cūḷa-niddesa: tập Tiểu Diễn Giải (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc KN)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: tập Con Đường Phân Biệt (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc KN)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Patis

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc KN)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Sn

Pp = Puggalapannatti: bộ Phân Định Cá Nhân (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc Abhi)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Pp

Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ MN

Pv = Petavatthu: tập Chuyện Quỷ Đói (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc KN)

Sn = Suttanipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú Giải Luật Tạng

Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ DN

Sv-pt = Sumaogalavilāsinī-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): Tiểu Chú Giải bộ DN (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc KN)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Th

Thī = Therīgāthā: tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ (thuộc KN)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): Chú Giải tập Thī (bản 1998)

Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Ud

Vibh = Vibhaṅga: Bộ Phân Tích (thuộc Abhi)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): Chú Giải bộ Vibh

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): Tiểu Chú Giải tập Vbh (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: Luật Tạng, Rõ Luật

Vism = Visuddhimagga: Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH

BL = Buddhist Legends: Những Huyền Thoại Phật Giáo (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: Cẩm Nang Vi Diệu Pháp (của Tỳ Kheo Bồ-Đề)

EV I = Elders' Verses I: Trưởng Lão Thi Kệ I (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: Trưởng Lão Thi Kệ II (của Norman)

GD = Group of Discourse: tập Kinh Tập II (của Norman)

Germ Tr = Bản dịch SN tiếng Đức (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: Bản dịch SN tiếng Anh (của Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: bản dịch Pali-Anh của DN bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: bản dịch Pali-Anh của MN bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli.

Ppn = Path of Purification: bản dịch Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] của nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: Tuyển tập các kinh thuộc SN (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

V. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán tạng (của Enomoto)

DPPN: Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: Tự Điển Phạn-Anh (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: Tự Điển Pāli-Anh (của PTS)

VI. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: Chữ Lai Phạn trong Phật giáo

BPS = Buddhist Publication Society (Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan)

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: Trưởng Lão Vanarata Ananda

MỤC LỤC

QUYỂN 4. (Quyển Sáu Cơ-Sở Cảm-Nhận)..... iii

Về Bản Dịch.....v

BẢNG VIẾT TẮT..... vii

Chương 35. Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN.....1

PHẦN I. ‘NĂM MƯƠI KINH GỐC’ 3

NHÓM 1. NHÓM ‘VÔ THƯỜNG’ (Anicca-vagga).....3

1 (1) Bên-Trong là Vô Thường3

2 (2) Bên-Trong là Khổ5

3 (3) Bên-Trong là Vô Ngã.....5

4 (1) Bên-ngoài là Vô Thường6

5 (2) Bên-ngoài là Khổ7

6 (3) Bên-ngoài là Vô Ngã.....8

7 (7) Bên-Trong là Vô Thường trong Ba Thời8

8 (8) Bên-Trong là Khổ trong Ba Thời.....9

9 (9) Bên-Trong là Vô Ngã trong Ba Thời10

10 (10) – 12 (12) Bên-Ngoài là Vô Thường trong Ba Thời...10

NHÓM 2. NHÓM ‘CÁC CẶP’ (Yamaka-vagga) 11

13	(1) <i>Trước Khi Ta Giác Ngộ [Bên-Trong] (1)</i>	11
14	(2) <i>Trước Khi Ta Giác Ngộ [Bên-Ngoài] (2)</i>	12
15	(3) <i>Đi Tìm Sự Thỏa-Thích... (1) (bên trong)</i>	13
16	(4) <i>Đi Tìm Sự Thỏa-Thích... (2) (bên ngoài)</i>	14
17	(5) <i>Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích... (1) (bên trong)</i>	14
18	(6) <i>Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích... (2) (bên ngoài)</i>	16
19	(7) <i>Khoái Lạc (1) (sự khoái thích)</i>	16
20	(8) <i>Khoái Lạc (2)</i>	16
21	(9) <i>Sự Khởi Sinh của Khổ... (1)</i>	17
22	(10) <i>Sự Khởi Sinh của Khổ... (2)</i>	17

NHÓM 3. NHÓM ‘TẮT CẢ.’ (Sabba-vagga).....18

23	(1) <i>Tắt Cả</i>	18
24	(2) <i>Sự Dẹp Bỏ (1)</i>	19
25	(3) <i>Sự Dẹp Bỏ (2)</i>	19
26	(4) <i>Hiểu Hoàn-Toàn (1)</i>	20
27	(5) <i>Hiểu Hoàn-Toàn (2)</i>	22
28	(6) <i>Bốc Cháy (Kinh Lửa)</i>	23
29	(7) <i>Bị Đè Nặng</i>	25
30	(8) <i>Sự Tu Tập Phù Hợp để Bướng-Bở</i>	26
31	(9) <i>Thích Hợp để Bướng-Bở (1)</i>	28
32	(10) <i>Thích Hợp để Bướng-Bở (2)</i>	30

NHÓM 4. NHÓM ‘PHẢI BỊ SINH’ (Jātidhamma-vagga).....32

33	(1) <i>Phải Bị Sinh</i>	32
34	(2) – 42 (10) <i>Phải Bị Già</i>	33

NHÓM 5. NHÓM ‘TẤT CẢ VÔ THƯỜNG.’ (Sabbaanicca-vagga)34

43	(1) – 52 (10) <i>Vô Thường</i>	34
----	---------------------------------------	----

PHẦN II. ‘NĂM MƯƠI KINH THỨ HAI’ 35

NHÓM 1. NHÓM ‘VÔ-MINH’ (Avijjā-vagga).....35

53	(1) <i>Dẹp Bỏ Vô-Minh</i>	35
54	(2) <i>Dẹp Bỏ Những Gông-Cùm</i>	36
55	(3) <i>Búng Bỏ Những Gông-Cùm</i>	36
56	(4) – 59 (7) <i>Dẹp Bỏ Những Ô-Nhiễm</i>	37
60	(8) <i>Hoàn-Toàn Hiểu Tất Cả Sự Dính-Chấp</i>	37
61	(9) <i>Sự Tiêu Cạn Tất Cả Sự Dính-Chấp (1)</i>	39
62	(10) <i>Sự Tiêu Cạn Tất Cả Sự Dính-Chấp (2)</i>	40

NHÓM 2. NHÓM ‘MIGAJĀLA’ (Migajāla-vagga)41

63	(1) <i>Migajāla (1)</i>	41
64	(2) <i>Migajāla (2)</i>	43
65	(3) <i>Samiddhi (1)</i>	45

66	(4) <i>Samiddhi</i> (2)	47
67	(5) <i>Samiddhi</i> (3)	47
68	(6) <i>Samiddhi</i> (4)	47
69	(7) <i>Upasena</i>	48
70	(8) <i>Upavāṇa</i>	50
71	(9) <i>Sáu Cơ Sở (để) Tiếp Xúc (1)</i> [sáu giác-quan]	52
72	(10) <i>Sáu Cơ Sở (để) Tiếp Xúc (2)</i>	53
73	(11) <i>Sáu Cơ Sở (để) Tiếp Xúc (3)</i>	55
 NHÓM 3. NHÓM ‘BỆNH’ (Gilāna-vagga)		56
74	(1) <i>Bệnh</i> (1)	56
75	(2) <i>Bệnh</i> (2)	59
76	(3) <i>Rādha</i> (1)	60
77	(4) <i>Rādha</i> (2)	61
78	(4) <i>Rādha</i> (2)	61
79	(6) <i>Dẹp Bỏ Vô-Minh</i> (1)	61
80	(7) <i>Dẹp Bỏ Vô-Minh</i> (2)	63
81	(8) <i>Một Số Tỳ Kheo</i>	64
82	(9) <i>Thế Giới</i>	65
83	(10) <i>Phagguna</i>	66
 NHÓM 4. NHÓM ‘CHANNA’ (Channa-vagga)		68
84	(1) <i>Phải Bị Tan Rã</i>	68

85	(2) <i>Thế Giới Là Trống Không</i>	69
86	(3) <i>Giáo Pháp Ngăn Gọn</i>	70
87	(4) <i>Ngài Channa</i>	70
88	(5) <i>Ngài Puṇṇa</i>	76
89	(6) <i>Ngài Bāhiya</i>	80
90	(7) <i>Bị Quấy Động (1)</i>	81
91	(8) <i>Bị Quấy Động (2)</i>	83
92	(9) <i>Cặp Đôi (1)</i>	85
93	(10) <i>Cặp Đôi (2)</i>	86

NHÓM 5. NHÓM ‘NHÓM SÁU’ (Saḷa-vagga) 89

94	(1) <i>Không Thuần Phục, Không Phòng Hộ</i>	89
95	(2) <i>Ngài Mālun̄kyaputta</i>	92
96	(3) <i>Sự Sa Sút</i>	98
97	(4) <i>Sống Lo Tâm</i>	100
98	(5) <i>Sự Kiểm-Chế</i>	102
99	(6) <i>Sự Định-Tâm</i>	104
100	(7) <i>Sự Ẩn Dật</i>	105
101	(8) <i>Không Phải Của-Ta (1)</i>	105
102	(9) <i>Không Phải Của-Ta (2)</i>	107
103	(10) <i>Uddaka</i>	107

PHẦN III. ‘NĂM MƯƠI KINH THỨ BA’ 111

NHÓM 1. NHÓM ‘AN TOÀN KHỎI SỰ TRÓI BUỘC’

(Yogakkhemi-vagga) 111

104	(1) <i>An Toàn khỏi sự Trói-Buộc</i>	111
105	(2) <i>Do Dính Chấp</i>	112
106	(3) <i>Nguồn Gốc Khổ</i>	114
107	(4) <i>Nguồn Gốc Thế Giới</i>	114
108	(5) <i>Ta Tốt Hơn, Ta Kém Hơn</i>	114
109	(6) <i>Những Thứ Gông Cùm</i>	116
110	(7) <i>Những Thứ Có Thể Bị Dính-Chấp</i>	116
111	(8) <i>Hiểu Hoàn-Toàn (1)</i>	117
112	(9) <i>Hiểu Hoàn-Toàn (2)</i>	117
113	(10) <i>Lén Lắng Nghe</i>	118

NHÓM 2. NHÓM ‘THẾ GIỚI & NĂM DÂY DỤC LẠC’

(Lokakāmaguṇa-vagga) 119

114	(1) <i>Cạm Bẫy của Ma-Vương (1)</i>	119
115	(2) <i>Cạm Bẫy của Ma-Vương (2)</i>	120
116	(3) <i>Đi Tới Sự Chấm Dứt Thế Giới</i>	122
117	(4) <i>Năm Dây Khoái-Lạc Giác-Quan</i>	126
118	(5) <i>Câu Hỏi của Vua Trời Đế-Thích</i>	129
119	(6) <i>Câu Hỏi của Pañcasikha</i>	130
120	(7) <i>Xá-Lợi-Phất và Học Trò</i>	131
121	(8) <i>Sự Khỏi Xướng cho Rāhula</i>	134

122	(9) <i>Những Thứ Gông Cùm</i>	137
123	(10) <i>Những Thứ Có Thể Bị Dính Chấp</i>	137

NHÓM 3. NHÓM ‘GIA CHỦ’ (Gahapati-vagga) 138

124	(1) <i>Ở Vesālī</i>	138
125	(2) <i>Giữa Những Người Vajji</i>	138
126	(3) <i>Ở Nālandā</i>	139
127	(4) <i>Ngài Bhāradvāja</i>	139
128	(5) <i>Soṇa</i>	143
129	(6) <i>Gia Chủ Ghosita</i>	143
130	(7) <i>Gia Chủ Hāliddakāni</i>	145
131	(8) <i>Gia Chủ Nakulapitā</i>	146
132	(9) <i>Gia Chủ Lohicca</i>	147
133	(10) <i>Gia Chủ Verahaccāni</i>	152

NHÓM 4. NHÓM ‘DEVADAHA’ (Devadaha-vagga) 156

134	(1) <i>Ở Devadaha</i>	156
135	(2) <i>Cơ Hội</i>	158
136	(3) <i>Thích Thú Những Hình-Sắc ... (1)</i>	159
137	(4) <i>Thích Thú Những Hình-Sắc (2)</i>	162
138	(5) <i>Không Phải Cửa-Ta (1)</i> (cỏ, cây, cành, lá).....	162
139	(6) <i>Không Phải Cửa-Ta (2)</i> (cỏ, cây, cành, lá).....	163
140	(7) <i>Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân [Bên-Trong]</i>	164

141	(8) <i>Khổ Là Có Nguyên Nhân [Bên-Trong]</i>	165
142	(9) <i>Vô-Ngã Là Có Nguyên Nhân [Bên-Trong]</i>	165
143	(10) – 145 (12) <i>Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân... [Bên-Ngoài]</i>	166

NHÓM 5.NHÓM ‘MỚI VÀ CŨ’ (Navapurāṇa-vagga) 167

146	(1) <i>Nghiệp</i>	167
147	(2) <i>Thích Hợp để Chứng Ngộ Niết-Bàn (1)</i>	168
148	(3) – 149 (4) <i>Thích Hợp để Chứng Ngộ Niết-Bàn... (2–3)</i>	169
150	(5) <i>Thích Hợp để Chứng Ngộ Niết-Bàn (4)</i>	169
151	(6) <i>Một Học Trò</i>	170
152	(7) <i>Mục Đích Của Đời Sống Thánh Thiện?</i>	172
153	(8) <i>Có Phương Pháp Nào?</i>	173
154	(9) <i>Được Trang Bị Các Căn</i>	176
155	(10) <i>Người Thuyết Pháp</i>	177

PHẦN IV. ‘NĂM MƯƠI KINH THỨ THỨ’ 179

NHÓM 1. NHÓM ‘TIÊU DIỆT SỰ THÍCH-THÚ’

(Nadikkhaya-vagga)..... 179

156	(1) <i>Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (1) (bên-trong)</i>	179
157	(2) <i>Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (2) (bên-ngoài)</i>	180
158	(3) <i>Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (3) (bên trong)</i>	180
159	(4) <i>Tiêu Diệt Sự thích-thú (4) (bên ngoài)</i>	181

160	(5) <i>Vườn Xoài của Jīvaka (1)</i>	181
161	(6) <i>Vườn Xoài của Jīvaka (2)</i>	183
162	(7) <i>Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (1)</i>	183
163	(8) <i>Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (2)</i>	184
164	(9) <i>Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (3)</i>	184
165	(10) <i>Đẹp Bỏ Cách Nhìn Sai-Lạc (tà kiến)</i>	185
166	(11) <i>Đẹp Bỏ Cách Nhìn Danh-Tính (thân kiến)</i>	186
167	(12) <i>Đẹp Bỏ Cách Nhìn Cái-Ta (ngã kiến)</i>	186

NHÓM 2. NHÓM ‘SÁU MƯƠI KINH TÓM LƯỢC & LẬP LẠI’ (Saṭṭhi-Peyyāla-vagga)..... 187

168	(1) <i>Tham Muốn đối với thứ Vô-Thường [Bên Trong]</i>	187
169	(2) <i>Nhục Dục đối với thứ Vô-Thường [Bên Trong]</i>	187
170	(3) <i>Tham Muốn & Nhục Dục đối với thứ Vô-Thường [Bên Trong]</i>	188
171	(4) – 173 (6) <i>Tham Muốn... đối với thứ Khổ [Bên Trong]...</i>	188
174	(7) – 176 (9) <i>Tham Muốn... đối với thứ Vô-Ngã [Bên Trong]</i>	189
177	(10) – 179 (12) <i>Tham Muốn... đối với thứ Vô-Thường [Bên Ngoài]...</i>	189
180	(13) – 182 (15) <i>Tham Muốn đối với thứ Khổ [Bên Ngoài].....</i>	190
183	(16) – 185 (18) <i>Tham Muốn đối với thứ Vô-Ngã [Bên Ngoài].....</i>	190

186	(19) <i>Quá Khứ là Vô-Thường [Bên Trong]</i>	191
187	(20) <i>Tương Lai là Vô-Thường [Bên Trong]</i>	191
188	(21) <i>Hiện-Tại là Vô Thường [Bên Trong]</i>	192
189	(22) – 191 (24) <i>Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Khổ [Bên Trong]</i>	192
192	(22) – 194 (24) <i>Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Vô-Ngã [Bên Trong]</i>	193
195	(28) – 197 (30) <i>Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Vô-Thường [Bên Ngoài]</i>	193
198	(31) – 200 (33) <i>Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Khổ [Bên Ngoài]</i>	194
199	(34) – 203 (36) <i>Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Vô-Ngã [Bên Ngoài]</i>	194
204	(37) <i>Cái Gì là Vô Thường thuộc Quá Khứ [Bên Trong]</i> .	195
205	(38) <i>Cái Gì là Vô Thường thuộc Tương Lai [Bên Trong]</i>	195
206	(39) <i>Cái Gì là Vô Thường thuộc Hiện Tại [Bên Trong]</i> .	196
207	(40) – 209 (42) <i>Cái Gì là Khổ thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại [Bên Trong]</i>	196
210	(43) – 212 (45) <i>Cái Gì là Vô Ngã thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại [Bên Trong]</i>	197
213	(46) – 215 (48) <i>Cái Gì là Vô Thường thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại [Bên Trong]</i>	197
216	(49) – 218 (51) <i>Cái Gì là Khổ thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại [Bên Ngoài]</i>	198
219	(52) – 221 (54) <i>Cái Gì là Vô Ngã thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại [Bên Ngoài]</i>	198

222	(55) Các Giác-Quan là Vô Thường [Bên Trong].....	199
223	(56) Các Giác-Quan là Khổ [Bên Trong]	199
224	(57) Các Giác-Quan là Vô Ngã [Bên Trong]	200
225	(58) Các Đối-Tượng Giác Quan là Vô Thường [Bên Ngoài].....	200
226	(59) Các Đối-Tượng Giác Quan là Khổ [Bên Ngoài]	201
227	(60) Các Đối Tượng Giác Quan là Vô Ngã [Bên Ngoài]	201
NHÓM 3. NHÓM ‘ĐẠI DƯƠNG’ (Samudda-vagga)		202
228	(1) Đại Dương (1)	202
229	(2) Đại Dương (2)	203
230	(3) Ví Dụ Ngư Dân	205
231	(4) Cây Có Mủ.....	206
232	(5) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita)	209
233	(6) Ngài Kāmabhū	212
234	(7) Ngài Udāyī.....	214
235	(8) Bài Giảng về sự Bốc Cháy.....	216
236	(9) Ví Dụ Bàn Tay Bàn Chân... (1).....	220
237	(10) Ví Dụ Bàn Tay Bàn Chân... (2).....	221
NHÓM 4. NHÓM ‘RẮN ĐỘC’ (Āsīvisa-vagga)		223
238	(1) Ví Dụ Rắn Độc	223
239	(2) Ví Dụ Người Lái Xe Ngựa.....	227

240	(3) Ví Dụ Con Rùa	230
241	(4) Ví Dụ Gỗ Súc Lớn (1)	232
242	(5) Ví Dụ Súc Gỗ To (2)	236
243	(6) Bài Giảng về sự Suy Đồi.....	236
244	(7) Những Trạng Thái kéo theo Khổ Đau.....	244
245	(8) Cây Kimsuka.....	250
246	(9) Ví Dụ Đòn Tỳ Bà.....	254
247	(10) Ví Dụ Sáu Con Vật.....	257
248	(11) Bó Lúa	261

Chương 36. Liên Kết CẢM-GIÁC267

NHÓM 1. NHÓM ‘CÓ THI KỆ’ (Sagāthā-vagga).....269

1	(1) Định Tâm.....	269
2	(2) Sướng.....	269
3	(3) Dẹp Bỏ	270
4	(4) Vực Sâu Không Đáy.....	272
5	(5) Nên Được Nhìn Thấy.....	273
6	(6) Mũi Tên	275
7	(7) Khu Bệnh (1)	279
8	(8) Khu Bệnh (2)	284
9	(9) Vô Thường.....	286
10	(10) Từ Sự Tiếp-Xúc.....	287

NHÓM 2. NHÓM ‘MỘT MÌNH’ (Rahogata-vagga).....289

11	(1) <i>Một Mình</i>	289
12	(2) <i>Trong Bầu Trời (1)</i>	291
13	(3) <i>Trong Bầu Trời (2)</i>	293
14	(4) <i>Nhà Khách</i>	293
15	(5) <i>Với Ānanda (1)</i>	293
16	(6) <i>Với Ānanda (2)</i>	294
17	(7) — 18 (8) <i>Một Số Tỷ kheo</i>	295
19	(9) <i>Pañcakaṇḍa</i>	296
20	(10) <i>Các Tỷ kheo</i>	303

NHÓM 3. NHÓM ‘CHỦ ĐỀ MỘT TRĂM LẺ TÁM’

(Aṭṭhasatapariyāya-vagga).....304

21	(1) <i>Sīvaka</i>	304
22	(2) <i>Chủ Đề ‘Một Trăm Lẻ Tám’</i>	306
23	(3) <i>Một Tỷ kheo</i>	308
24	(4) <i>Trước Khi...</i>	308
25	(5) <i>Sự Hiểu-Biết (minh)</i>	309
26	(6) <i>Một Số Tỷ Kheo</i>	310
27	(7) <i>Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (1)</i>	311
28	(8) <i>Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (2)</i>	312
29	(9) <i>Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (3)</i>	312
30	(10) <i>Bản Kinh Ngăn Gọn (đơn giản)</i>	312

31	(11) <i>Thuộc Tâm Linh</i>	313
Chương 37. Liên Kết PHỤ NỮ317		
NHÓM 1. NHÓM ‘KINH TÓM LƯỢC THỨ NHẤT’		
(Paṭhama-Peyyāla-vagga).....		319
1	(1) <i>Dễ Ủa và Khó Ủa (1)</i>	319
2	(2) <i>Dễ Ủa và Khó Ủa (2)</i>	319
3	(3) <i>Riêng Biệt</i>	320
4	(4) <i>Ba Phẩm Chất</i>	321
5	(5) <i>Tức Giận</i>	321
6	(6) — 13 (13) <i>Hiểm Độc</i>	322
14	(14) <i>Năm Mối Họa</i>	323
NHÓM 2. NHÓM ‘KINH TÓM LƯỢC THỨ HAI’ (Dutiya		
Peyyāla-vagga)		324
15	(1) <i>Không Tức Giận</i>	324
16	(2) — 23 (9) <i>Không Hiểm Độc</i>	325
24	(10) <i>Năm Giới Hạnh</i>	325
NHÓM 3. NHÓM ‘NHỮNG SỨC MẠNH’ (Bala-vagga) ...		
25	(1) <i>Tự Tin</i>	327
26	(2) <i>Thắng Thế Hơn</i>	327
27	(3) <i>Dưới Sự Kiểm Soát</i>	328

28	(4) <i>Một</i>	328
29	(5) <i>Về Mặt Đó</i>	328
30	(6) <i>Họ Đuổi Đi</i>	330
31	(7) <i>Nguyên Nhân</i>	331
32	(8) <i>Những Hoàn Cảnh</i>	332
33	(9) <i>Tự Tin</i>	334
34	(10) <i>Tăng Trưởng</i>	334
 Chương 38. Liên Kết JAMBUKHĀDAKASA		337
1	<i>Câu Hỏi về Niết-Bàn</i>	339
2	<i>Thánh Quả A-la-hán</i>	340
3	<i>Những Người Theo Giáo Pháp</i>	341
4	<i>Vì Mục Đích Gì?</i>	342
5	<i>Sự Yên Ủi</i> (sự an ổn, sự an tâm)	343
6	<i>Sự Yên Ủi Tối Thượng</i>	344
7	<i>Cảm Giác</i>	344
8	<i>Những Ô-Nhiễm</i>	345
9	<i>Vô Minh</i>	346
10	<i>Dục Vọng</i>	346
11	<i>Dòng Lũ</i>	347
12	<i>Sự Dính Chấp</i>	347
13	<i>Sự Hiện Hữu</i>	348
14	<i>Khổ</i>	349

15	<i>Danh Tính</i>	349
16	<i>Khó Làm</i>	350
Chương 39. Liên Kết SĀMAṆḌAKA		353
1	<i>— 16 Câu Hỏi về Niết-Bàn</i>	355
Chương 40. Liên Kết MUC-KIÊN-LIÊN		357
1	<i>Tầng Thiền Định Thứ Nhất</i>	359
2	<i>Tầng Thiền Định Thứ Hai</i>	360
3	<i>Tầng Thiền Định Thứ Ba</i>	362
4	<i>Tầng Thiền Định Thứ Tư</i>	363
5	<i>Cảnh Xứ Vô-Biên của Không Gian</i>	365
6	<i>Cảnh Xứ Vô-Biên của Thức</i>	366
7	<i>Cảnh Xứ Không Có Gì</i>	368
8	<i>Cảnh Xứ Không Nhận Thức Cũng Không Phải Không Còn Nhận Thức</i>	369
9	<i>Vô Dấu Hiệu</i>	371
10	<i>Vua Trời Đế-Thích [Sakka]</i>	372
11	<i>Candana</i>	379
Chương 41. Liên Kết CITTA		381
1	<i>Gông Cùm</i>	383
2	<i>Ngài Isidatta (1)</i>	385

3	<i>Ngài Isidatta (2)</i>	387
4	<i>Sự Biểu Diễn Thần Thông của Mahaka</i>	392
5	<i>Ngài Kāmabhū (1)</i>	395
6	<i>Ngài Kāmabhū (2)</i>	397
7	<i>Ngài Godatta</i>	402
8	<i>Nigaṇṭha Nātaputta (Ni-kiền-tử)</i>	405
9	<i>Tu Sĩ Lỏa Thử Tên Ca-Điếp</i>	408
10	<i>Thăm Người Bệnh</i>	412
 Chương 42. Liên Kết TRƯỞNG THÔN		415
1	<i>Trưởng Thôn Caṇḍa</i>	417
2	<i>Trưởng Đoàn Talaputa</i>	418
3	<i>Trưởng Đoàn Yodhājīva</i>	421
4	<i>Trưởng Đoàn Hatthāroha</i>	423
5	<i>Trưởng Đoàn Assāroha</i>	423
6	<i>Trưởng Thôn Asibandhakaputta</i>	424
7	<i>Ví Dụ Miếng Ruộng</i>	427
8	<i>Người Thối Kèn Vỗ Ốc</i>	431
9	<i>Những Gia Đình</i>	438
10	<i>Trưởng Đoàn Maṇicūḷaka</i>	441
11	<i>Trưởng Thôn Bhadraka</i>	443
12	<i>Trưởng Thôn Rāsiya</i>	447
13	<i>Trưởng Thôn Pāṭaliya</i>	462

Chương 43. Liên Kết VÔ VI479

NHÓM 1. NHÓM ‘THỨ NHẤT’ (Paṭhama-vagga)481

1	(1) <i>Sự Chánh-Niệm hướng vào Thân</i>	481
2	(2) <i>Thiền Định và Thiền Quán</i>	482
3	(3) <i>Ý Nghĩ và Sự Soi Xét</i>	482
4	(4) <i>Sự Định Tâm Trống Không</i>	483
5	(5) <i>Sự Thiết Lập Chánh Niệm</i>	483
6	(6) <i>Sự Nỗ Lực Đúng Dẫn</i>	483
7	(7) <i>Các Cơ Sở Năng Lực Tâm Linh</i>	484
8	(8) <i>Các Căn Tâm Linh</i>	484
9	(9) <i>Các Năng Lực</i>	484
10	(10) <i>Các Yếu Tố Giác Ngộ</i>	485
11	(11) <i>Con Đường Tám Phần</i>	485

NHÓM 2. NHÓM ‘THỨ HAI’ (Paṭhama-vagga)486

12	(1) <i>Sự Vô-Vi</i>	486
13	(2) <i>Sự Buông Hết</i>	494
14	(3) – 43 (32) <i>Sự Không Còn Ô Nhiễm</i>	494
44	(33) <i>Nơi Đến</i>	495

Chương 44. Liên Kết KHÔNG ĐƯỢC TUYÊN BỐ497

1	<i>Khemā</i>	499
---	--------------------	-----

2	<i>Anurādhā</i>	505
3	<i>Xá-Lợi-Phất và Câu-Hi-La (1)</i>	505
4	<i>Xá-Lợi-Phất và Câu-Hi-La (2)</i>	507
5	<i>Xá-Lợi-Phất và Câu-Hi-La (3)</i>	508
6	<i>Xá-Lợi-Phất và Câu-Hi-La (4)</i>	509
7	<i>Mục-kiền-liên</i>	514
8	<i>Vacchagotta</i>	518
9	<i>Hội Trường Tranh Luận</i>	521
10	<i>Ānanda</i> [Có cái ‘Ta’ hay không?].....	524
11	<i>Sabhiya Kaccāna</i>	526
CHÚ THÍCH		529

*Kính lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

Chương 35

Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN

*(35 **Salāyatana**—saṃyutta)*

(35 Tương Ứng Sáu Xứ)

PHẦN I

‘NĂM MƯƠI KINH GỐC’

NHÓM 1

NHÓM ‘VÔ THƯỜNG’

(Anicca-vagga)

1 (1) *Bên-Trong là Vô Thường*¹

Tôi nghe như vậy.² Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn của thái tử Jeta (Kỳ-đà), trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo như vậy: “Này các Tỷ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỷ kheo đó đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỷ kheo, mắt là vô thường.³ Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân

ta.’

“Tai là vô thường ... Mũi là vô thường ... Lưỡi là vô thường ... Thân là vô thường ... Tâm là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, sự ghê-sợ đối với tai, sự ghê-sợ đối với lưỡi, sự ghê-sợ đối với thân, sự ghê-sợ đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm người đó] được giải thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu-biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu được: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 35:01)

(‘Bên-trong’ ở đây là chỉ riêng sáu (06) cơ sở cảm nhận bên trong: tức sáu giác-quan, hay sáu căn, sáu nội xứ. ‘Bên-ngoài’ là sáu cơ sở cảm nhận bên ngoài: tức các đối tượng giác quan, sáu ngoại xứ. Từ đây, bản dịch Việt sẽ chọn dùng chữ “sáu giác-quan” [bên trong] và “sáu đối-tượng giác quan” [bên ngoài] cho thuận

đọc trong tiếng Việt.)

2 (2) Bên-Trong là Khổ

“Này các Tỳ kheo, mắt là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Tai là khổ ... Mũi là khổ ... Lưỡi là khổ ... Thân là khổ ... Tâm là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:02)

3 (3) Bên-Trong là Vô Ngã

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Tai là vô ngã ... Mũi là vô ngã ... Lưỡi là vô ngã ... Thân là vô ngã ... Tâm là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:03)

4 **(1) Bên-ngoài là Vô Thường**

“Này các Tỳ kheo, những hình-sắc (vật, cảnh, đối tượng...) là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Những âm-thanh ... Những mùi vị ... Những đối-tượng chạm xúc ... Những hiện tượng thuộc tâm. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử

thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với những hình-sắc, sự ghê-sợ đối với những âm-thanh, sự ghê-sợ đối với những mùi-hương, sự ghê-sợ đối với những mùi-vị, sự ghê-sợ đối với những đối-tượng chạm xúc, sự ghê-sợ đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm người đó] được giải thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu-biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu được: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 35:04)

5 (2) Bên-ngoài là Khổ

“Này các Tỷ kheo, những hình-sắc là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’”

“Những âm-thanh là khổ ... Những mùi-hương là khổ ... Những mùi-vị là khổ ... Những đối-tượng chạm xúc là khổ ... Những hiện-tượng thuộc tâm là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải

là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:05)

6 (3) Bên-ngoài là Vô Ngã

“Này các Tỳ kheo, những hình-sắc là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Những âm-thanh là vô ngã ... Những mùi-vị là vô ngã ... Những đối-tượng chạm-xúc là vô ngã ... Những hiện-tượng thuộc tâm là vô ngã ... Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là ‘ta’, đây không phải bản thân ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:06)

7 (7) Bên-Trong là Vô Thường trong Ba Thời

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, không quan tâm) đối với mắt của quá khứ; người đó không tìm kiếm khoái lạc trong mắt của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với mắt của hiện tại, dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

“Mũi là vô thường ... Lưỡi là vô thường ... Thân là vô thường ... Tâm là vô thường, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với tâm của quá khứ ... dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 35:07)

8 (8) Bên-Trong là Khổ trong Ba Thời

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, mắt là khổ, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại....

“Mũi là khổ ... Tâm là khổ, cả trong quá khứ và tương lai,

chứ không chỉ nói trong hiện tại ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 35:08)

9 (9) Bên-Trong là Vô Ngã trong Ba Thời

Ở Sāvatthī.

“Này các Tỷ kheo, mắt là vô ngã, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại....

“Mũi là vô ngã ... Tâm là vô ngã, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 35:09)

10 (10) — 12 (12) Bên-Ngoài là Vô Thường trong Ba Thời...

[Ba bài kinh này giống hệt ba kinh 7—9 ở trên, chỉ thay bằng các cơ sở “bên-ngoài”, tức các đối-tượng giác quan.]

(SN 35:10—12)

NHÓM 2

NHÓM ‘CÁC CẶP’

(Yamaka-vagga)

13 **(1) Trước Khi Ta Giác Ngộ [Bên-Trong] (1)**

Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ [trước khi sự giác ngộ của ta], khi ta còn là một bờ-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, điều này (ý nghĩ, nghi vấn) đã xảy đến với ta: ‘Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] mắt? Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự giải-thoát đối với tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm?’

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘sự khoái lạc và thích thú khởi sinh tùy thuộc vào (theo) mắt: đây chính là sự thỏa-thích trong mắt. Mà mắt là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong mắt. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với mắt: đây chính là sự giải-thoát khỏi mắt.

““Sự khoái lạc và thích thú khởi sinh tùy thuộc vào tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm: đây chính là sự thỏa-thích trong tai... tâm. Mà tai ... tâm là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là

sự nguy-hại trong tai ... tâm. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với tai ... tâm: đây chính là sự giải-thoát khỏi khỏi tai ... tâm.’

“Đã từ rất lâu, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp hiểu-biết đối với [trong trường hợp] sáu giác-quan này, thì ta vẫn chưa tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp hiểu-biết tất cả những thứ này, đúng như chúng thực là, thì ta mới tuyên bố rằng mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần ... các thiên thần và loài người.”⁴

“Sự hiểu-biết và tầm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải thoát của-tâm của ta là không thể lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn tái sinh nữa.’”

(SN 35:13)

14 (2) *Trước Khi Ta Giác Ngộ [Bên-Ngoài] (2)*

[Giống hệt kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng ‘sáu đối-tượng giác quan.’]

(SN 35:14)

15 (3) *Đi Tìm Sự Thỏa-Thích... (1)* (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong mắt. Mọi sự thỏa-thích trong mắt— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thỏa-thích trong mắt với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự nguy-hại trong mắt. Mọi sự nguy-hại trong mắt— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự nguy-hại trong mắt với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự giải-thoát khỏi mắt. Mọi sự giải-thoát khỏi mắt— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự giải-thoát khỏi mắt với xa tới mức nào.”

“Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong ... sự nguy-hại trong ... sự giải-thoát khỏi tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm. Mọi sự giải-thoát khỏi tâm— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã rõ ràng nhìn thấy sự giải-thoát khỏi tai ... tâm với xa tới mức nào.

“Đã từ rất lâu, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp hiểu-biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] sáu giác-quan này, thì ta vẫn chưa tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp hiểu-biết tất cả thứ này, đúng như chúng thực là, thì ta mới tuyên bố rằng mình đã thức tỉnh tới sự giác-ngộ toàn

thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần ... các thiên thần và loài người.

“Sự hiểu-biết và tầm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải thoát của-tâm của ta là không thể lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn tái sinh nữa.’”

(SN 35:15)

16 (4) *Đi Tìm Sự Thỏa-Thích... (2)* (bên ngoài)

[Giống hết kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng ‘sáu đối-tượng giác quan.’]

(SN 35:16)

17 (5) *Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích... (1)* (bên trong)

Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong mắt, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong mắt, nên chúng sinh bị say-mê với nó. Nếu mà không có sự nguy-hại trong mắt, thì chúng sinh sẽ không ghê-sợ với nó; nhưng vì có sự nguy-hại trong mắt, nên chúng sinh ghê-sợ với nó. Nếu không có sự giải-thoát khỏi mắt, thì chúng sinh sẽ không giải-

thoát khỏi nó; nhưng vì có sự giải-thoát khỏi nó, nên chúng sinh (có thể) giải-thoát khỏi nó.

“Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong tâm, nên chúng sinh bị say-mê với nó ... nhưng vì có sự giải-thoát khỏi tâm, nên chúng sinh (có thể) giải-thoát khỏi nó.

“Này các Tỳ kheo, đã từ rất lâu *chúng sinh* đã không trực tiếp hiểu biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] sáu giác-quan, đúng như chúng thực là, nên họ đã chưa giải thoát khỏi thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, khỏi thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người; họ chưa thoát ly được khỏi nó, chưa giải thoát khỏi nó, và họ cũng chưa được sống với một cái tâm không-còn những rào-cản ([tức: sự hiện-hữu (tái sinh) là do còn những rào-cản, gồm: rào-cản là những ô-nhiễm và rào-cản là vòng luân-hồi]). Nhưng khi họ đã trực-tiếp hiểu biết tất cả điều này, đúng như nó thực là, thì họ đã giải-thoát khỏi thế giới này ... có các thiên thần và loài người; họ đã được thoát ly được khỏi nó, giải thoát khỏi nó, và họ cũng được sống với một cái tâm không-còn những rào-cản.”

(SN 35:17)

18 (6) Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích... (2) (bên ngoài)

[Giống hết kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng ‘sáu đối-tượng giác quan.’]

(SN 35:18)

19 (7) Khoái Lạc (1) (sự khoái thích)

Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, ai tìm kiếm khoái lạc trong mắt là tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau thì (người đó) không thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy. Ai tìm kiếm khoái lạc trong tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau thì không thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy.

“Ai không tìm kiếm khoái lạc trong mắt trong tâm là không tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau. Ai không tìm kiếm khoái lạc trong sự khổ đau thì thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy.”

(SN 35:19)

20 (8) Khoái Lạc (2)

[Giống hệt kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng ‘sáu đối-tượng giác quan.’](SN 35:20)

21 (9) Sự Khởi Sinh của Khổ... (1)

Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của mắt là sự khởi sinh của sự khổ, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là sự khởi sinh của sự khổ, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lắng lặn, và sự phai biến của mắt ... của tâm là sự chấm dứt của khổ, sự lắng lặn của căn bệnh, sự phai biến của sự già-chết.”

(SN 35:21)

22 (10) Sự Khởi Sinh của Khổ... (2)

[Giống hệt kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng ‘sáu đối-tượng giác quan.’]

(SN 35:22)

NHÓM 3

NHÓM ‘TẤT CẢ.’

(Sabba-vagga)

23 (1) *Tất Cả*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về tất-cả.⁵ Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả? Mắt và những hình-sắc, tai và những âm-thanh, mũi và những mùi-hương, lưỡi và những mùi-vị, thân và những đối-tượng chạm xúc, tâm và những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là tất-cả.

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói rằng: ‘Sau khi dẹp bỏ tất-cả này, tôi sẽ (có thể) chỉ ra (cho thấy, cho biết, mô tả) một tất-cả khác’— thì điều đó chỉ là lời sáo rỗng của người đó mà thôi.⁶ Nếu người đó được hỏi thì người đó không thể trả lời, và thêm nữa, người đó sẽ gặp phải sự phiền bức. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, điều đó không nằm trong trú xứ (lãnh vực, lãnh địa, khu vực, phạm vi) của người đó.” ([tức: nếu ra ngoài trú xứ của mình thì sẽ bị phiền bức, khổ não]⁷

(SN 35:23)

24 (2) Sự Dẹp Bỏ (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) dẹp bỏ tất-cả. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để dẹp bỏ tất-cả? Mắt sẽ được dẹp bỏ, những hình-sắc sẽ được dẹp bỏ, thức-mắt sẽ được dẹp bỏ, sự tiếp-xúc mắt sẽ được dẹp bỏ, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù là sướng, hay khổ, hay trung tính [không sướng không khổ]—cũng đều được dẹp bỏ.

“Tai sẽ được dẹp bỏ ... Tâm sẽ được dẹp bỏ, những hiện-tượng thuộc tâm, thức-tâm sẽ được dẹp bỏ, sự tiếp-xúc tâm sẽ được dẹp bỏ, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện—dù là sướng, hay khổ, hay trung tính—cũng đều được dẹp bỏ.

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp để dẹp bỏ tất-cả.”

(SN 35:24)

25 (3) Sự Dẹp Bỏ (2)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) dẹp bỏ tất-cả thông qua sự biết trực-tiếp và sự hiểu hoàn-toàn. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để dẹp bỏ tất-cả thông qua sự biết trực-tiếp và sự hiểu hoàn-toàn? Mắt sẽ được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hiểu hoàn-toàn, những hình-sắc sẽ được dẹp bỏ như vậy, thức-mắt sẽ được dẹp bỏ như vậy, sự tiếp-xúc mắt sẽ được dẹp bỏ như vậy, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—cũng được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hiểu hoàn-toàn.

“Tai sẽ được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hiểu hoàn-toàn ... Tâm sẽ được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hiểu hoàn-toàn, những hiện-tượng thuộc tâm sẽ được dẹp bỏ như vậy, thức-tâm sẽ được dẹp bỏ như vậy, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện—dù là sướng hay khổ hay trung tính—cũng được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hiểu hoàn-toàn.

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp để dẹp bỏ tất-cả thông qua sự biết trực-tiếp và sự hiểu hoàn-toàn.”

(SN 35:25)

26 (4) *Hiểu Hoàn-Toàn (1)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tất-cả (trọn gói: 12 cơ sở cảm nhận bên trong và bên ngoài, tức: sáu giác-quan và sáu đối-tượng giác quan), không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt sự khổ đau.⁸

1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cái tất-cả mà nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt sự khổ đau?

“(đó là) Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu mắt, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt sự khổ đau. Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu những hình-sắc ... sự tiếp-xúc mắt ... thức-mắt ... và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên) ... nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt sự khổ đau.

“Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tai ... tâm và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tai ... tâm là điều kiện ... nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt sự khổ đau.

“Này các Tỳ kheo, đây chính là cái tất-cả mà nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó ... thì người ta không thể nào tiêu diệt sự khổ đau.

2- “Này các Tỳ kheo, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tất-cả, bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, người tu mới có thể tiêu diệt sự khổ đau.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cái tất-cả mà bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó, bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu có thể tiêu diệt sự khổ đau?

“(đó là) Bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu mắt ... tâm mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt ... tâm là điều kiện ... bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu có thể tiêu diệt sự khổ đau.

“Này các Tỳ kheo, đây chính là tất-cả mà bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó ... thì người tu có thể tiêu diệt sự khổ đau.”

(SN 35:26)

27 (5) *Hiểu Hoàn-Toàn (2)*

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tất-cả, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt sự khổ đau.

1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả...?”

“Mắt và những hình-sắc và thức-mắt và những thứ được nhận biết bởi thức-mắt. Tai và những âm-thanh và những thứ được nhận biết bởi thức-tai ... Tâm và những hiện-tượng thuộc tâm và những thứ được nhận biết bởi thức-tâm.

“Này các Tỳ kheo, đây chính là tất-cả mà nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt sự khổ đau.

2- “Nhưng, này các Tỳ kheo, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tất-cả, bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu có thể tiêu diệt sự khổ đau.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả ...? [*liệt kê như đoạn 1-kế trên*]

“Này các Tỳ kheo, đây chính là tất-cả mà bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó ... thì người tu có thể tiêu diệt sự khổ đau.”

(SN 35:27)

28 (6) *Bồc Cháy* (Kinh Lửa)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Gayā, tại chỗ Đầu của Gayā [Gayāsiisa] , cùng với một ngàn Tỳ kheo. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:⁹

“Này các Tỳ kheo, tất cả đều đang bốc cháy. Và, này các Tỳ kheo tất cả những thứ đang bốc cháy là gì? Mắt đang bốc cháy, những hình-sắc đang bốc cháy, sự tiếp-xúc mắt đang bốc cháy, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù là cảm-giác sướng hay khổ hay trung tính [không khổ không sướng]—cũng đang bốc cháy. Đang bốc cháy bằng cái gì? Đang bốc cháy bằng lửa tham, bằng lửa sân, bằng lửa si; đang bốc cháy bằng sự sinh, già, và chết; bằng sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy.

“Tai đang bốc cháy ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm đang bốc cháy ... và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện (duyên)—dù là cảm-giác sướng hay khổ hoặc trung tính—cũng đang bốc cháy. Đang bốc cháy bằng cái gì? Đang bốc cháy bằng lửa tham, bằng lửa sân, bằng lửa si; đang bốc cháy bằng sự sinh, già, và chết; bằng sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt, đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện—dù là cảm-giác sướng hay khổ hay trung tính; trở nên ghê-sợ đối với tai ... đối với mũi ... đối với lưỡi ... đối với thân ... đối với tâm ... đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện.... Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-

bỏ. Thông qua sự chán-bỏ nên [tâm người đó] được giải thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu-biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu được: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện hữu này nữa.’”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hân hoan và vui mừng với những lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này đang được nói ra, tâm của một ngàn Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp.

(SN 35:28)

29 (7) Bị Đè Nặng

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiểm Ăn của Bầy Sóc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, tất-cả bị đè nặng. Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả đó bị đè nặng? (đó là) Mắt bị đè nặng, những hình-sắc bị đè nặng, thức-mắt bị đè nặng, sự tiếp-xúc mắt bị đè nặng, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—cũng bị đè nặng. Bị đè nặng bởi cái gì? Bị đè nặng bởi sự sinh, già, và chết; bởi sự buồn

sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói vậy.

“Tai bị đè nặng ... Tâm bị đè nặng ... Bị đè nặng bởi cái gì? Bị đè nặng bởi sự sinh ... và tuyệt vọng, ta nói vậy.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:29)

30 (8) Sự Tu Tập Phù Hợp để Búng-Bỏ

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường lối (cách thức, phương pháp) phù hợp (đúng đắn, thích đáng) để búng bỏ tất cả mọi sự nhìn-nhận (sự nhận lầm, vọng tưởng, tư tưởng). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường lối phù hợp để búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận? ¹⁰ Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không nhìn nhận mắt, không nhìn nhận trong mắt, không nhìn nhận từ mắt, không nhìn nhận ‘Mắt là của-ta’.¹¹ Người đó không nhìn nhận những hình-sắc ... thức-mắt ... sự tiếp-xúc mắt ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên) dù là sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn

nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’

“Người đó không nhìn nhận tai ... Người đó không nhìn nhận tâm ... những hiện-tượng thuộc tâm ... thức-tâm ... sự tiếp-xúc tâm ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện (duyên) dù là sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’

“Người đó không nhìn nhận tất-cả, không nhìn nhận trong tất-cả, không nhìn nhận từ tất-cả, không nhìn nhận ‘Tất-cả là của-ta.’

“Do người đó không nhìn nhận bất cứ thứ gì như vậy, nên người đó không dính chấp thứ gì trong thế giới. Do không dính chấp, nên người đó không bị kích động (âu lo, bận tâm). Do không bị kích động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện hữu này nữa.’¹²

“Này các Tỷ kheo, đây là đường lối phù hợp để búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.”

(SN 35:30)

31 (9) Thích Hợp để Búng-Bỏ (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường lối thích-hợp để búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.¹³ Hãy lắng nghe điều đó....

“Và này các Tỳ kheo, cái gì là đường lối mà thích hợp để (dẫn tới sự) búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không nhìn nhận mắt, không nhìn nhận trong mắt, không nhìn nhận từ mắt, không nhìn nhận ‘Mắt là của-ta.’ Người đó không nhìn nhận hình-sắc ... thức-mắt sự tiếp-xúc mắt ... và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’ Bởi vì, này các Tỳ kheo, thứ gì người ta nhìn nhận, thứ gì người ta nhìn nhận trong đó, thứ gì người ta nhìn nhận từ đó, thứ gì người ta nhìn nhận là ‘của-ta’—thì nó không phải vậy (là khác, đang khác đi, đang biến đổi). Thế giới ([thế giới chúng sinh]), đang trở-thành khác đi (luôn biến đổi), dính mắc theo sự trở-thành, tìm kiếm khoái lạc chỉ trong sự trở-thành mà thôi; (có lẽ nghĩa là: chúng sinh chỉ tìm kiếm khoái lạc trong sự trở-thành, tức sự đang biến đổi, chứ không thể tìm được sự an lạc trong một sự cố-định hay thường-hằng nào cả).

“Người đó không nhìn nhận tai ... Người đó không nhìn nhận tâm... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện ... người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó

là của-ta.’ Bởi vì, này các Tỳ kheo, thứ gì người ta nhìn nhận, thứ gì người ta nhìn nhận trong đó, thứ gì người ta nhìn nhận từ đó, thứ gì người ta nhìn nhận là ‘của-ta’— thì thứ đó là khác (tức: không phải vậy; là nhận lầm). Thế giới, đang trở-thành khác (luôn đang khác đi, luôn biến đổi này nọ), bị trói buộc vào sự hiện-hữu, tìm kiếm khoái-lạc (sự vui thích) chỉ trong sự hiện-hữu mà thôi (không thoát khỏi hay vượt trên sự hiện-hữu sinh diệt).

“Bất luận các uẩn, các yếu-tổ (giới), và các cơ-sở cảm-nhận (xứ) có [vươn, với] tới đâu, người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’

“Do người đó không nhìn nhận bất cứ thứ gì như vậy, nên người đó không dính chấp thứ gì trong thế giới. Do không còn dính chấp, nên người đó không bị khích động (âu lo, bận tâm). Do không còn bị khích động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện hữu này nữa.’

“Này các Tỳ kheo, đây là đường lối thích-hợp để (dẫn tới sự) búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.”¹⁴

(SN 35:31)

32 (10) Thích Hợp để Búng-Bỏ (2)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường lối thích-hợp để búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và này các Tỳ kheo, cái gì là đường lối mà thích hợp để (dẫn tới sự) búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận? Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’ hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Những hình-sắc ... Thức-mắt ... Sự tiếp-xúc mắt ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— là vô thường hay thường hằng? ...

“Tai là vô thường hay thường hằng? ... Tâm ... mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tai ... tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính— là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’ hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.” “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với

thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt, đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính. Người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với tai ... đối với tâm ... đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm người đó] được giải thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’

“Này các Tỳ kheo, đây là đường lối mà thích hợp để búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.”

(SN 35:32)

NHÓM 4

NHÓM ‘PHẢI BỊ SINH’

(Jātidhamma-vagga)

33 (1) *Phải Bị Sinh*

Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, tất-cả đều phải bị sinh (có tính chất khởi sinh, sẽ bị tái sinh). Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả phải bị sinh? Mắt phải bị sinh. Những hình-sắc phải bị sinh ... Thức-mắt ... Sự tiếp-xúc mắt ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên) ... cũng phải bị tái sinh.

“Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện ... cũng phải bị tái sinh.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.””

(SN 35:33)

34 (2) — 42 (10) Phải Bị Già...

“Này các Tỳ kheo, tất-cả đều phải bị già.... Tất-cả phải bị bệnh.... Tất-cả phải bị chết.... Tất-cả phải bị buồn sầu.... Tất-cả phải bị ô-nhiễm.... Tất cả đều phải bị tàn hoại.... Tất-cả đều phải bị biến mất.... Tất-cả phải bị khởi sinh (hữu sinh).... Tất-cả phải bị chấm dứt (hữu diệt)....”

[Mỗi “tất-cả” tiếp tục như kinh **33** kể trên từ chỗ: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả phải bị ... hiện hữu này nữa.”]

(SN 35:34—42)

NHÓM 5
NHÓM ‘TẤT CẢ VÔ THƯỜNG.’
(Sabbaanicca-vagga)

43 (1) — 52 (10) Vô Thường...

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, Tất-cả đều là vô thường.... Tất-cả đều là khổ.... Tất-cả đều là vô ngã.... Tất-cả đều được biết trực-tiếp.... Tất-cả đều được hiểu hoàn-toàn.... Tất-cả đều được dẹp-bỏ.... Tất-cả đều được chứng-ngộ.... Tất-cả đều được hiểu hoàn-toàn thông qua sự hiểu-biết trực-tiếp.... Tất-cả đều bị đè nặng.... Tất-cả đều bị khổ nạn....”

[Mỗi “tất-cả” tiếp tục như kinh **33** kể trên từ chỗ: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả phải bị ... hiện hữu này nữa.”]

(SN 35:43—52)

PHẦN II

‘NĂM MUỖI KINH THỨ HAI’

NHÓM 1

NHÓM ‘VÔ-MINH’

(Avijjā-vagga)

53 (1) *Đẹp Bỏ Vô-Minh*

Ở Sāvatthī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để có sự vô-minh được dẹp bỏ và sự hiểu-biết đích thực (hữu minh) khởi sinh?

“Này các Tỳ kheo, khi một người biết và thấy mắt là vô thường, thì sự vô-minh được dẹp bỏ và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh. Khi một người biết và thấy những hình-sắc là vô thường ...

Khi một người biết và thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— là vô thường, thì sự vô-minh được dẹp bỏ và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh. Nay các Tỷ kheo, khi một người biết và thấy như vậy, thì sự vô-minh được dẹp bỏ và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh.”

(SN 35:53)

54 (2) *Đẹp Bỏ Những Gong-Cùm*

... “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để có những gông-cùm được dẹp bỏ?”¹⁵

[*Tiếp tục, Đức Phật trả lời như bài kinh kể trên.*]

(SN 35:54)

55 (3) *Búng Bỏ Những Gong-Cùm*

... “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để có những gông-cùm được búng bỏ?”

“Này Tỷ kheo Bhikkhu, khi một người biết và thấy mắt là vô ngã, thì các gông-cùm được búng bỏ. Khi một người biết và thấy những hình-sắc là vô ngã ... [*tiếp tục như kinh 53, chỉ thay chữ “vô*

thường” bằng chữ “vô ngã”] ... Đây các Tỳ kheo, khi một người biết và thấy như vậy, thì các gông-cùm được bung bỏ.”

(SN 35:55)

56 (4) — 59 (7) Dẹp Bỏ Những Ô-Nhiễm...

... “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để có những ô-nhiễm được dẹp bỏ ?... để có những gông-cùm được bung bỏ?... để có những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) được dẹp bỏ?... để có những khuynh-hướng tiềm-ẩn được bung bỏ?”¹⁶

“Đây Tỳ kheo, khi một người biết và thấy mắt là vô ngã, thì những khuynh-hướng tiềm-ẩn được bung bỏ. Khi một người biết và thấy những hình-sắc là vô ngã ... [*tiếp tục lời như kinh 53 ở trên, chỉ thay chữ “vô thường” bằng chữ “vô ngã”*] ... Đây Tỳ kheo, khi một người biết và thấy như vậy, thì những khuynh-hướng tiềm-ẩn được bung bỏ.”

(SN 35:56—59)

60 (8) Hoàn-Toàn Hiểu Tất Cả Sự Dính-Chấp

“Đây các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn

tới sự) hoàn-toàn hiểu tất cả sự dính-chấp.¹⁷ Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để hoàn-toàn hiểu tất cả sự dính-chấp? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên thức-mắt khởi sinh. Sự gặp gỡ của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt, đối với cảm-giác. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm người đó] được giải thoát. Thông qua sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự dính-chấp đã được hoàn-toàn hiểu bởi ta.’¹⁸

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh ... Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên thức-tâm khởi sinh. Sự gặp gỡ của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có [sinh ra] cảm-giác. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với tâm, đối với những hình-sắc, đối với thức-tâm, đối với sự tiếp-xúc tâm, đối với cảm-giác. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm người đó] được giải thoát. Thông qua sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự dính-chấp đã được hoàn-toàn hiểu bởi ta.’

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp để (dẫn tới sự) hoàn-

toàn hiểu tất cả sự dính-chấp.”

(SN 35:60)

61 (9) *Sự Tiêu Cạn Tất Cả Sự Dính-Chấp (1)*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) làm tiêu cạn (tiêu hết, cạn hết) tất cả sự dính-chấp. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để làm tiêu cạn tất cả sự dính-chấp? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên thức-mắt khởi sinh [*tiếp tục như lời kinh 60 kể trên, cho tới...*] Với sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự dính-chấp đã được làm tiêu cạn bởi ta.’

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh ... Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên thức-tâm khởi sinh [*tiếp tục như lời kinh 60 kể trên, cho tới...*] Với sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự dính-chấp đã được làm tiêu cạn bởi ta.’

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp để (dẫn tới sự) làm tiêu cạn tất cả sự dính-chấp.”

(SN 35:61)

62 **(10) Sự Tiêu Cạn Tất Cả Sự Dính-Chấp (2)**

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) làm tiêu cạn tất cả sự dính-chấp. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để làm tiêu cạn tất cả sự dính-chấp? Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng?” ... [*Tiếp tục như kinh **SN 35:32** ...*]

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp để (dẫn tới sự) làm tiêu cạn tất cả sự dính-chấp.”

(SN 35:61)

NHÓM 2

NHÓM ‘MIGAJĀLA’

(Migajāla-vagga)

63 (1) *Migajāla* (1)

Ở Sāvattthī. Lúc đó có Ngài Migajāla đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: ¹⁹

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người ở một mình, người ở một mình.’ Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người là người ở (sống, trú) một mình, và theo cách nào một người là người ở với người-khác?” ([nghĩa đen: ‘người thứ hai’, thường chỉ vợ, chồng, hay bạn cặp kê])

“Này Migajāla, những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ kheo tìm kiếm khoái lạc (sự vui thú) trong chúng, chào đón chúng, ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc khởi sinh. Khi có khoái-lạc, thì có sự say-mê. Khi có sự say-mê, thì có sự ràng-buộc (dính mắc). Do bị trói buộc bởi công-cùm (là) khoái-lạc, này Migajāla, nên một Tỷ kheo được gọi là một người đang ở với người khác.

“Này Migajāla, những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái lạc (sự vui thú) trong chúng ... nên một Tỳ kheo được gọi là một người đang ở với người khác.

“Này Migajāla, một Tỳ kheo ở như vậy thì cho dù người đó có sống tận trong rừng núi hay các vườn rẫy, tận những chỗ ở xa xôi nơi có ít âm thanh và tiếng ồn, hoang vu, ẩn lánh khỏi con người, thích hợp cho sự sống độc cư, thì người đó vẫn được gọi là người sống với người thứ hai. Vì lý do gì? Vì có dục-vọng là bạn cặp kê của người đó, và người đó chưa dẹp bỏ được nó; do vậy người đó vẫn được gọi là người ở với người khác.

“Này Migajāla, những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái lạc (sự vui thú) trong chúng, không chào đón chúng, không ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc chấm dứt. Khi không có khoái-lạc, thì không có sự say-mê. Khi có sự say-mê, thì đâu có sự ràng-buộc (dính mắc). Do được thoát khỏi công-cùm (là) khoái-lạc, này Migajāla, nên một Tỳ kheo được gọi là một người ở một mình.

“Này Migajāla, những âm-thanh được nhận biết bởi tai ...

những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái lạc (sự vui thú) trong chúng ... nên một Tỳ kheo được gọi là một người ở một mình.

“Này Migajāla, một Tỳ kheo ở như vậy thì cho dù người đó có sống gần làng xóm, có giao kết với các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni khác, với những đệ tử tại gia nam và nữ, với vua chúa và các quan thần, với những sư thầy các giáo phái và các đệ tử của họ, thì người đó vẫn được gọi là một người ở một mình. Vì lý do gì? Vì dục-vọng là bạn cặp kê của người đó, nhưng người đó đã dẹp bỏ nó; do vậy người đó mới được gọi là một người ở một mình.”

(SN 35:63)

64 (2) Migajāla (2)

Lúc đó có Ngài Migajāla đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về, ẩn dật), chuyên cần,

niệt thành, và kiên định.”

- “Này Migajāla, có hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ kheo tìm kiếm khoái lạc (sự vui thú) trong chúng, chào đón chúng, ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc khởi sinh. Này Migajāla, khi có sự khởi sinh khoái-lạc, thì có sự khởi sinh khổ đau, ta nói vậy.

“Này Migajāla, những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ kheo tìm kiếm khoái lạc (sự vui thú) trong chúng ... thì khoái-lạc khởi sinh. Này Migajāla, khi có sự khởi sinh khoái-lạc, thì có sự khởi sinh khổ đau, ta nói vậy.

- “Này Migajāla, có hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ kheo *không* tìm kiếm khoái lạc (sự vui thú) trong chúng, không chào đón chúng, không ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc chấm dứt. Này Migajāla, khi có sự chấm dứt khoái-lạc, thì có sự chấm dứt khổ đau, ta nói vậy.

“Này Migajāla, những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được

nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ kheo *không* tìm kiếm khoái lạc (sự vui thú) trong chúng ... thì khoái-lạc chấm dứt. , Nay Migajāla, khi có sự chấm dứt khoái-lạc, thì có sự chấm dứt khổ đau, ta nói vậy.

Rồi thầy Migajāla, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và, sau khi cúi chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra. Rồi, sau khi sống (tu) một mình, thu mình (lui về, ẩn dật), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, thầy Migajāla, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu tối thượng của đời sống thánh thiện, mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn rời bỏ gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp hiểu-biết rằng: “Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

Và thầy Migajāla đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 35:64)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ được gọi là Chỗ Kiềm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có Ngài Samiddhi đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:²⁰

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Ma-vương, ma-vương’ [Māra], thưa Thế Tôn, theo cách nào là có Ma-vương ([nghĩa: cái chết]) hay sự mô tả ([danh nghĩa, tên gọi] là Ma-vương?”

“Này Samiddhi, ở đâu có mắt, ở đâu có những hình-sắc, thức-mắt, những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó có Ma-vương hay sự mô tả là Ma-vương.

“Ở đâu có tai ... có tâm, ở đâu có những hiện-tượng thuộc tâm, thức-tâm, những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó có Ma-vương hay sự mô tả là Ma-vương.

“Này Samiddhi, ở đâu không có mắt, ở đâu không có những hình-sắc, không có thức-mắt, không có những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó không có Ma-vương hay sự mô tả nào là Ma-vương.

“Ở đâu không có tai ... có tâm, ở đâu không có những hiện-tượng thuộc tâm, không có thức-tâm, không có những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó không có Ma-vương hay sự mô tả nào là Ma-vương.”

(SN 35:65)

66 (4) Samiddhi (2)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘một chúng sinh, một chúng sinh.’ Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có một chúng sinh hay sự mô tả là chúng sinh?”

[Phật trả lời như kinh kể trên, chỉ thay chữ những ‘Ma-vương’ thành chữ ‘chúng sinh.’]

(SN 35:66)

67 (5) Samiddhi (3)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘khổ, khổ.’ Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có khổ hay sự mô tả là khổ?”

[Phật trả lời như kinh kể trên, chỉ thay chữ những ‘chúng sinh’ thành chữ ‘khổ.’]

(SN 35:67)

68 (6) Samiddhi (4)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới, thế giới’, thưa

Thế Tôn, theo cách nào là có thể giới hay sự mô tả là thế giới?”

- “Này Samiddhi, ở đâu có mắt, ở đâu có những hình-sắc, thức-mắt, những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó có thể giới hay sự mô tả là thế giới.

“Ở đâu có tai ... có tâm, ở đâu có những hiện-tượng thuộc tâm, thức-tâm, những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó có thể giới hay sự mô tả là thế giới.

- “Này Samiddhi, ở đâu *không* có mắt, ở đâu không có những hình-sắc, không có thức-mắt, không có những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó không có thể giới hay sự mô tả nào là thế giới.

“Ở đâu *không* có tai ... có tâm, ở đâu không có những hiện-tượng thuộc tâm, không có thức-tâm, không có những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó không có thể giới hay sự mô tả nào là thế giới.”

(SN 35:68)

69 (7) Upasena

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Upasena đang sống ở Rājagaha (Vương-xá) trong khu Rừng Mát, trong Hang Động Đầu Rắn.²¹ Bấy giờ, vào lúc đó có một con rắn độc rơi xuống trên

người của thầy Upasena. Rồi thầy Upasena đã nói với các Tỷ kheo như vậy:

“Này các đạo hữu, hãy đến khiêng cái thân này của tôi lên giường và khiêng nó ra ngoài trước khi nó bị phân rã ngay tại đây như một nắm rạ.”²²

Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy Upasena: “Chúng tôi đâu thấy sự biến đổi (hư hại) nào trong thân thể của thầy Upasena hay sự thay đổi nào trong các giác quan của thầy; nhưng thầy Upasena vẫn nói: ‘Này các đạo hữu, hãy đến khiêng cái thân này của tôi lên giường và khiêng nó ra ngoài trước khi nó bị phân rã ngay tại đây như một nắm rạ.’”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, đối với ai còn nghĩ như vậy: ‘Ta là mắt’ hay ‘Mắt là của-ta’; ‘Ta là tai’ hay ‘Tai là của-ta’ ... ‘Ta là tâm’ hay ‘Tâm là của-ta’, thì mới có sự biến đổi của thân hay sự thay đổi của các giác-quan. Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, điều đó không xảy ra với tôi như vậy: ‘Ta là mắt’ hay ‘Mắt là của-ta’; ‘Ta là tai’ hay ‘Tai là của-ta’ ... ‘Ta là tâm’ hay ‘Tâm là của-ta’, cho nên tại sao phải có sự biến đổi trong thân hay sự thay đổi trong các giác-quan của tôi?”

“Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự tự-ta (tự ngã, ngã mạn) đã bị búng sạch bên trong thầy Upasena từ lâu cho nên điều đó không còn xảy ra với thầy ấy như vậy: ‘Ta là mắt’ hay ‘Mắt là của-ta’;

‘Ta là tai’ hay ‘Tai là của-ta’ ... ‘Ta là tâm’ hay ‘Tâm là của-ta’, cho nên tại sao phải có sự biến đổi trong thân hay sự thay đổi trong các giác-quan của tôi?”

Rồi các Tỳ kheo đã khiêng thân người của thầy Upasena lên giường và khiêng ra ngoài. Rồi thân của thầy Upasena đã phân rã ở đó như một nắm rạ.

(SN 35:69)

70 (8) *Upavāṇa*

Lúc đó có Ngài Upavāṇa đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Giáo Pháp có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp, Giáo Pháp có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp.’ Thưa Thế Tôn, theo cách nào là Giáo Pháp có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được chứng nghiệm bởi người hiền trí?”

23

(i) “Ở đây, này Upavāṇa, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo trải nghiệm cả hình-sắc đó và tham-dục đối với hình-sắc đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hình-sắc tồn tại bên-trong (tâm) như vậy: ‘Trong ta có tham-dục đối với những

hình-sắc ở bên-trong.’ Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được trải nghiệm bởi người hiền trí.

“Thêm nữa, này Upavāṇa, khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm (pháp), một Tỷ kheo trải nghiệm cả hiện-tượng thuộc tâm đó và tham-dục đối với hiện-tượng thuộc tâm đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm tồn tại bên-trong như vậy: ‘Trong ta có tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm ở bên-trong.’ Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được trải nghiệm bởi người hiền trí. ([Spk: phần (i) này nói về bậc học-nhân.])

(ii) “Nhưng ở đây, này Upavāṇa, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỷ kheo trải nghiệm hình-sắc đó nhưng *không* trải nghiệm tham-dục đối với hình-sắc đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hình-sắc không tồn tại bên-trong (tâm) như vậy: ‘Trong ta không có tham-dục đối với những hình-sắc.’ Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được trải nghiệm bởi người hiền trí.

“Thêm nữa, này Upavāṇa, khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, một Tỷ kheo trải

nghiệm hiện-tượng thuộc tâm đó nhưng *không* trải nghiệm tham-dục đối với hiện-tượng thuộc tâm đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm không tồn tại bên-trong như vậy: ‘Trong ta không có tham dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm.’ Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể nhìn thấy được một cách trực tiếp, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được trải nghiệm bởi người hiền trí.” ([Spk: phần (ii) nói về bậc A-la-hán])

(SN 35:70)

71 (9) Sáu Cơ Sở (để) Tiếp Xúc (1) [sáu giác-quan]

“Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo không hiểu được nguồn gốc và sự phai biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở (để) tiếp-xúc, đúng như chúng thực là, thì người đó chưa sống đời sống thánh thiện; người đó còn ở xa đối với Giáo Pháp và Giới Luật này.”

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: “Ồ đây, thưa Thế Tôn, con bị lạc lối, vì con không hiểu được nguồn gốc và sự phai biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở tiếp-xúc, đúng như chúng thực là.”

- “Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, thầy có coi mắt như vậy: ‘Đây

là của-ta, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’, hay không? –

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên rõ ràng nhìn thấy mắt đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta.’ Chỉ ngay điều này đã là sự chấm-dứt khổ.

- “Thầy có coi tai là như vậy...? Thầy có coi tâm là như vậy: ‘Đây là của-ta, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’, hay không?’”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên rõ ràng nhìn thấy tai ... tâm đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta.’ Chỉ ngay điều này đã là sự chấm-dứt khổ.”

(SN 35:71)

72 (10) Sáu Cơ Sở (để) Tiếp Xúc (2)

[Hai đoạn đầu giống như kinh kể trên]

- “Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, thầy có coi mắt như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản

thân ta’, hay không?

“Có, thưa Thế Tôn”

“Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên rõ ràng nhìn thấy mắt đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta.’ Như vậy cơ-sở (giác quan) *thứ nhất* sẽ được đẹp-bỏ bởi thầy để không còn tái sinh hiện hữu trong tương lai.” ([tức chứng Niết-bàn, không còn tái sinh])

- “Thầy có coi tai là như vậy ... Như vậy cơ-sở (giác quan) *thứ hai* sẽ được đẹp-bỏ bởi thầy để không còn tái sinh hiện hữu trong tương lai.”

“Thầy có coi tâm là như vậy ... ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta’ hay không?”

“Có, thưa Thế Tôn”

“Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên nhìn thấy rõ ràng tâm đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta.’ Như vậy cơ-sở (giác quan) *thứ sáu* sẽ được đẹp-bỏ bởi thầy để không còn tái sinh hiện hữu trong tương lai.”

(SN 35:72)

73 (11) Sáu Cơ Sở (để) Tiếp Xúc (3)

[Hai đoạn đầu cũng giống như kinh 71 ở trên]

“Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’, hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Tai ... Tâm là vô thường hay thường hằng? “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’, hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt ... sự ghê-sợ đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm người đó] được giải thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 35:73)

NHÓM 3

NHÓM ‘BỆNH’

(Gilāna-vagga)

74 (1) Bệnh (1)

Ở Sāvattthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở một chỗ như vậy và như vậy có một Tỳ kheo mới được thụ giới, ít được biết đến, người đó bị bệnh, đau đớn, bệnh như gần chết. Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn đến gặp Tỳ kheo đó vì lòng bi mẫn.”

Rồi, sau khi đức Thế Tôn nghe được mấy chữ “mới được thụ giới” và “bệnh”, và biết được đó là một Tỳ kheo ít ai biết đến, đức Thế Tôn đã đến gặp thầy ấy. Vị Tỳ kheo nhìn thấy đức Thế Tôn đi tới từ xa và cử động thân mình trên giường bệnh.²⁴ Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Đủ rồi, này Tỳ kheo, thầy đừng cử động trên giường nữa. Có sẵn mấy chỗ ngồi ở đây, ta sẽ ngồi xuống đây.”

Rồi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị, và nói với thầy Vakkali: “Này Vakkali, ta hy vọng thầy đang chịu

đựng tốt, ta hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Ta hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, sẽ được mau thấy.”

“Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng nổi, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong con, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, càng lúc càng thấy rõ.”

“Này Vakkali, ta hy vọng thầy không bị bận tâm bởi sự ân hận và hối tiếc nào.”

“Thưa Thế Tôn, thực đúng là, con có khá nhiều sự ân hận và hối tiếc.”

“Này Vakkali, ta hy vọng thầy không có gì để tự trách bản thân mình về mặt đức-hạnh (giới hạnh).”

“Thưa Thế Tôn, con không có gì để tự trách bản thân về mặt đức-hạnh.”

“Này Vakkali, nếu thầy không có gì để tự trách bản thân về mặt đức hạnh, vậy tại sao thầy bị bận tâm với sự ân hận và hối tiếc?”

“Thưa Thế Tôn, con hiểu được rằng không phải (chỉ) vì (mục đích là) sự thanh-lọc đức-hạnh (phần giới hạnh) mà Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn chỉ dạy.”

“Này Tỳ kheo, nếu thầy hiểu được Giáo Pháp đã không được

chỉ dạy bởi ta (chỉ) vì sự thanh-lộc của đức-hạnh (là mục tiêu rất ráo), vậy thầy hiểu được vì mục đích gì mà Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta?”

“Thưa Thế Tôn, con hiểu được Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn là vì sự phai biến của tham-dục.”²⁵

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Tốt thay thầy hiểu được Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta là vì (để đạt tới) sự phai biến của tham-dục.

“Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ... “Tai ... Tâm là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’ hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

“Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Vị Tỳ kheo đó hài lòng và vui mừng với lời tuyên tuyền của đức Thế Tôn. Và trong khi lời thuyết giảng đang được nói ra, trong vị Tỳ kheo đó đã khởi sinh một tâm-nhìn không còn dính-bụi và vô-nhiễm của Giáo Pháp như vậy: “Thứ gì khởi sinh đều phải chấm dứt.” (có sinh là có diệt)²⁶

(SN 35:74)

75 (2) Bệnh (2)

[Giống hết lời kinh **73** kể trên, cho đến:]

“Này Tỳ kheo, nếu thầy hiểu được Giáo Pháp đã không được chỉ dạy bởi ta (chỉ) vì sự thanh-lọc của đức-hạnh (là mục tiêu rốt ráo), vậy thầy hiểu được vì mục đích gì mà Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta?”

“Thưa Thế Tôn, con hiểu được Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn là vì (để đạt tới) Niết-bàn cuối cùng không còn sự dính-chấp.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Tốt thay thầy hiểu được Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta là vì Niết-bàn cuối cùng không còn sự dính-chấp.”²⁷

“Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ... “Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm Thức-tâm Sự tiếp-xúc tâm Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt ... tâm là điều kiện (duyên)—dù sừng hay khô hay trung tính—là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khô hay sừng?” – “Khô, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khô, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’, hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.””

“Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Vị Tỳ kheo đó hài lòng và vui mừng với lời tuyên tuyệt của đức Thế Tôn. Và trong khi lời thuyết giảng đang được nói ra, tâm của vị Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp.

(SN 35:75)

76 (3) *Rādha* (1)

Lúc đó có Ngài Rādha đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với mọi thứ là vô thường. Và thứ gì là vô thường? Mắt là vô thường; thầy nên dẹp bỏ nó. Những hình-sắc là vô thường ... Thức-mắt là vô thường ... Sự tiếp-xúc mắt là vô thường ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay

trung tính—cũng đều là vô thường; thầy nên dẹp bỏ nó.

“Tai ... Tâm là vô thường ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tai ... tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng đều là vô thường; thầy nên dẹp bỏ nó. Đây Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với mọi thứ là vô thường.”

(SN 35:76)

77 (4) Rādha (2)

... “Đây Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với mọi thứ là khổ.” ... [*Tiếp tục như kinh kể trên, chỉ thay ‘vô thường’ thành ‘khổ’.*]

(SN 35:77)

78 (4) Rādha (2)

... “Đây Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với mọi thứ là vô ngã.” ... [*tiếp tục như kinh kể trên, chỉ thay ‘khổ’ thành ‘vô ngã’.*]

(SN 35:78)

79 (6) Dẹp Bỏ Vô-Minh (1)

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có một thứ gì mà thông qua sự đẹp bỏ nó thì sự vô-minh được đẹp bỏ bởi một Tỳ kheo và sự hiểu-biết đích thực (hữu-minh) khởi sinh?”

“Này Tỳ kheo, có một thứ mà thông qua sự đẹp bỏ nó thì sự vô-minh được đẹp bỏ bởi một Tỳ kheo và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh.”

“Và cái gì là một thứ đó?”

“Này Tỳ kheo, vô-minh chính là một thứ đó mà thông qua sự đẹp bỏ nó thì sự vô-minh được đẹp bỏ bởi một Tỳ kheo và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh.”²⁸

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo biết, theo cách nào người đó thấy, để sự vô-minh được đẹp bỏ bởi người đó và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh?”

“Này Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo biết và thấy mắt là vô thường, thì sự vô-minh được đẹp bỏ bởi người đó và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh. Khi người đó biết và thấy những hình-sắc là vô thường ... Khi người đó biết và thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sừng hay khô hay trung tính—là vô thường, thì sự vô-minh được đẹp bỏ bởi người đó và sự hiểu-biết đích thực khởi.

“Này Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo biết và thấy như vậy, thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh.”

(SN 35:79)

80 (7) Dẹp Bỏ Vô-Minh (2)

[Giống hết lời kinh 79 kể trên, cho đến:]

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo biết, theo cách nào người đó thấy, để sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã nghe được điều: ‘Không có thứ gì đáng để chấp vào nó.’ Sau khi một Tỳ kheo đã nghe được ‘Không có thứ gì đáng để chấp vào nó’, thì người đó trực-tiếp biết mọi thứ. Sau khi đã trực-tiếp biết mọi thứ, người đó hoàn-toàn hiểu mọi thứ. Sau khi đã hoàn-toàn hiểu mọi thứ, người đó nhìn thấy tất cả mọi dấu hiệu (hình tướng) một cách khác đi.²⁹ Người đó nhìn thấy mắt một cách khác đi ... nhìn thấy những hình-sắc một cách khác đi ... mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sừng hay khô hay trung tính— người đó cũng nhìn thấy một cách khác đi.

“Này Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo biết và thấy như vậy, thì sự

vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và sự hiểu-biết đích thực khởi sinh.”

(SN 35:80)

81 (8) Một Số Tỳ Kheo

Lúc đó có một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Ở đây, thưa Thế Tôn, có những du sĩ giáo phái khác (ngoài đạo, ngoại đạo) hỏi chúng con: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống thánh thiện (đi tu) dưới (theo) sa-môn Cồ-đàm?’ Thưa Thế Tôn, khi được hỏi như vậy chúng con trả lời các du sĩ đó như vậy: ‘Này các bạn, mục đích sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.’ Thưa Thế Tôn, chúng con hy vọng rằng, khi trả lời như vậy là chúng con nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn, và không diễn dịch sai lời đức Thế Tôn bằng ý gì trái với điều (mà đức Thế Tôn đã nói) đó; là chúng con giải thích đúng theo Giáo Pháp, để cho lời nói của chúng con không tạo cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình.”³⁰

“Chắc chắn là vậy, này các Tỳ kheo, các thầy đã nói điều đã được nói bởi ta và không diễn dịch sai lời ta bằng ý gì trái với điều (đã được ta nói ra) đó; rằng các thầy giải thích đúng theo Giáo Pháp, và lời nói của các thầy không tạo cơ sở có lý nào để bị (họ)

phê bình. Bởi vì, này các Tỳ kheo, mục đích của sự sống đời sống thánh thiện dưới ta là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.

“Nhưng này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo hỏi các thầy: ‘Này các bạn, cái gì là sự khổ đó mà để hoàn-toàn hiểu nó phải đi sống đời sống thánh thiện dưới sa-môn Cồ-đàm?’— khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, mắt là khổ: mục đích của sự sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. Những hình-sắc là khổ ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là khổ.

“Tai là khổ ... Tâm là khổ ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tai ... tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là khổ: mục đích của sự sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. Này các bạn, mục đích của việc sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.”

“Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời theo cách như vậy.”

(SN 35:81)

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới, thế giới.’ Thưa Thế Tôn, theo cách nào nó được nói là ‘thế giới?’”

“Này Tỳ kheo, nó đang tan rã, do vậy nó được gọi là thế giới.³¹ Và cái gì đang tan rã? Này Tỳ kheo, mắt đang tan rã, những hình-sắc đang tan rã, thức-mắt đang tan rã, sự tiếp-xúc mắt đang tan rã, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sừng hay khô hay trung tính—cũng đang tan rã.

“Tai đang tan rã ... Tâm đang tan rã ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tai ... tâm là điều kiện—cũng đang tan rã. Này Tỳ kheo, nó đang tan rã, do vậy nó được gọi là thế giới.”

(SN 35:82)

83 (10) *Phagguna*

Lúc đó có Ngài Phagguna đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, giả sử có ai mô tả những vị Phật trong *quá khứ*—những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng (gia-tăng, phát triển, tăng mạnh [của dục-vọng]), đã cắt đứt vết-lún (đường mòn, vết xe đổ [của dục-vọng]), đã tiệt đứt vòng luân hồi,

và đã vượt qua tất cả sự khổ đau— thì có *mắt* nào tồn tại để dựa vào đó mô tả về họ hay không? ... Giả sử có ai mô tả những vị Phật trong quá khứ— những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng ([của dục-vọng]), đã cắt đứt vết-lún ([của dục-vọng]), đã tiệt đứt vòng luân hồi, và đã vượt qua tất cả sự khổ đau— thì có *tai* nào tồn tại ... có *tâm* nào tồn tại để dựa vào đó mô tả về họ hay không?”

“Này Phagguna, không có mắt nào tồn tại để dựa vào đó một người mô tả về những vị Phật trong quá khứ— những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng ([của dục-vọng]), đã cắt đứt vết-lún ([của dục-vọng]), đã tiệt đứt vòng luân hồi, và đã vượt qua tất cả sự khổ đau. Không có tai nào tồn tại ... Không có tâm nào tồn tại để dựa vào đó người đó mô tả về những vị Phật trong quá khứ— những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng ([của dục-vọng]), đã cắt đứt vết-lún ([của dục-vọng]), đã tiệt đứt vòng luân hồi, và đã vượt qua tất cả sự khổ đau.”

(SN 35:83)

NHÓM 4

NHÓM ‘CHANNA’

(Channa-vagga)

84 **(1) Phải Bị Tan Rã**

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới, thế giới.’ Thưa Thế Tôn, theo cách nào nó được nói là ‘thế giới’?”

“Này Ānanda, thứ gì (có bản chất) bị tan rã thì được gọi là thế giới theo Giới Luật của Thánh Nhân. Và thứ gì là phải bị tan rã? Này Ānanda, mắt là phải bị tan rã, những hình-sắc ... thức-mắt ... sự tiếp-xúc mắt ... mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng phải bị tan rã.

“Tai là phải bị tan rã ... Tâm là phải bị tan rã ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tai ... tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng phải bị tan rã. Này Ānanda, thứ gì phải bị tan rã thì được gọi là thế giới theo Giới Luật của

Thánh Nhân.”

(SN 35:84)

85 (2) Thế Giới Là Trống Không

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới là trống không, thế giới là trống không.’ Thưa Thế Tôn, theo cách nào mà nói ‘thế giới là trống không’?”

“Này Ānanda, đó là bởi vì nó không có tự-ngã (tự tính, bản ngã) và không có thứ gì thuộc về ngã, cho nên mới nói ‘Thế giới là trống không.’ Và cái gì không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã? Này Ānanda, mắt là không có tự ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Những hình-sắc là không có tự ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Thức-mắt là không có tự ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Sự tiếp-xúc mắt là không có tự ngã và không có thứ gì thuộc về tự ngã.... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng là không có tự ngã và không có thứ gì thuộc về ngã.

“Này Ānanda, đó là bởi vì nó không có tự ngã và không có thứ gì thuộc về ngã, cho nên mới nói ‘Thế giới là trống không.’”

(SN 35:85)

86 (3) Giáo Pháp Ngắn Gọn

Ngồi xuống một bên, Ngài Ānanda thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn, chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Ānanda, thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường thưa Thế Tôn.”

[*Tiếp tục như kinh SN 35:32 ở trên, cho đến “... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”*]

(SN 35:86)

87 (4) Ngài Channa

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ được gọi là Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.³² Bấy giờ, lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất, Ngài Đại Cunda, và Ngài Channa đang ở trên Đỉnh Núi Kền Kền, và thầy Channa đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi, vào

buổi chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi nơi ẩn tu , đến gặp thầy Đại Cunda, và nói với thầy ấy: “Này, đạo hữu Cunda, chúng ta hãy đến gặp thầy Channa và hỏi thăm thầy ấy về bệnh tình.”

“Được, đạo hữu”, thầy Đại Cunda đáp lại.

Rồi thầy Xá-lợi-phất và thầy Đại Cunda đã đến gặp thầy Channa và chào hỏi qua lại với thầy ấy, sau đó họ ngồi xuống mấy chỗ ngồi đã dọn sẵn. Thầy Xá-lợi-phất mới nói với thầy Channa: “Tôi hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, đạo hữu Channa, tôi hy vọng thầy đang đỡ (tốt hơn, khỏe lại). Tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, sẽ được mau thấy.”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, tôi đang không chịu đựng tốt, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong tôi, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, càng lúc càng thấy rõ. Giống như có một lực sĩ dùng kiếm bén chẻ cái đầu tôi ra vậy, như có những luồng gió bạo cát xuyên qua đầu tôi vậy. Tôi đang không chịu đựng nổi.... Giống như có một lực sĩ siết chặt đầu tôi bằng một đai da cứng, như có những cơn đau dữ dội trong đầu tôi. Tôi đang không chịu đựng nổi.... Giống như có người bán thịt rãnh nghề hay người phụ việc của ông ta dùng dao bén mổ thịt rọc đứt bụng con bò, như có những luồng gió bạo rọc đứt bụng tôi vậy. Tôi đang không chịu đựng nổi.... Giống như có hai lực sĩ dùng cả hai tay nắm chặt một người yếu ớt và nướng người đó trên hồ than đang cháy, như có sự

cháy thiêu trong bụng tôi vậy. Tôi đang không chịu đựng nổi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong tôi, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, càng lúc càng thấy rõ. Tôi sẽ dùng dao, (để kết liễu thân bệnh đau đớn) này đạo hữu Xá-lợi-phất, tôi không muốn sống nữa.”

“Mong thầy Channa đừng dùng dao. Thầy Channa hãy sống. Chúng tôi muốn thầy Channa sống. Nếu thầy Channa thiếu thức ăn phù hợp, chúng tôi sẽ đi tìm thức ăn phù hợp cho thầy; nếu thầy thiếu thuốc thang phù hợp, chúng tôi sẽ đi tìm thuốc thang phù hợp cho thầy; nếu thầy thiếu người phụ cận phù hợp, chúng tôi sẽ phụ cận cho thầy. Mong thầy Channa đừng dùng dao. Thầy Channa hãy sống. Chúng tôi muốn thầy Channa sống.”

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, không phải là tôi thiếu thức ăn phù hợp; tôi có thức ăn phù hợp. Không phải tôi thiếu thuốc thang phù hợp; tôi có thuốc thang phù hợp. Không phải tôi thiếu những người phụ cận phù hợp; tôi có những người phụ cận phù hợp. Hơn nữa, này đạo hữu, từ lâu giờ tôi đã hầu cận Sư Thầy (tức Phật?) một cách vui thích, không phải một cách không vui thích; vì điều đó là đúng đắn khi một đệ tử phục vụ vị Sư Thầy một cách vui thích, không phải một cách không vui thích. Hãy nhớ điều này, này đạo hữu Xá-lợi-phất: Tỳ kheo Channa này sẽ dùng dao mà không bị tội lỗi.”³³

“Chúng tôi muốn hỏi thầy Channa về một điều, mong thầy

cho chúng tôi đặc ơn bằng cách trả lời câu hỏi của chúng tôi.”

“Cứ hỏi đi, này đạo hữu Xá-lợi-phát. Sau khi tôi nghe (câu hỏi) tôi sẽ biết.”

“Này đạo hữu Channa, thầy có coi mắt, thức-mắt, và những thứ được nhận biết bởi thức-mắt là như vậy: ‘Đây là của-ta, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’ hay không? Thầy có coi tai, thức-tai, và những thứ được nhận biết bởi thức-tai là như vậy: ... hay không? Thầy có coi tâm, thức-tâm, và những thứ được nhận biết bởi thức-tâm là như vậy: ‘Đây là của-ta, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’, hay không?

“Này đạo hữu Xá-lợi-phát, tôi coi mắt, thức-mắt, và những thứ được nhận biết bởi thức mắt như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta.’ Tôi coi tai, thức-tai, và những thứ được nhận biết bằng thức-tai như vậy: ... Tôi coi tâm, thức-tâm, và những thứ được nhận biết bởi thức tâm như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta.’”

“Đạo hữu Channa, thầy đã nhìn thấy gì và đã trực-tiếp biết gì trong mắt, thức-mắt, và những thứ được nhận biết bởi thức mắt, để thầy coi chúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta’? Thầy đã nhìn thấy gì và đã trực-tiếp biết gì trong tai, thức-tai, và những thứ được nhận biết bởi thức tai ... Thầy đã nhìn thấy gì và đã trực-tiếp biết gì trong tâm,

thức-tâm, và những thứ được nhận biết bởi thức tâm, để thầy coi chúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta’?

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, đó là bởi vì tôi đã nhìn thấy và trực-tiếp biết sự chấm-dứt (diệt vong) trong mắt, trong thức-mắt, và trong những thứ được nhận biết bởi thức mắt, nên tôi mới coi chúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta.’ Đó là bởi vì tôi đã nhìn thấy và trực-tiếp biết sự chấm-dứt trong tai ... trong tâm, trong thức-tâm, và trong những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, nên tôi mới coi chúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta.’” (a)

Khi điều này được nói ra, thầy Đại Cunda đã nói với thầy Channa: “Vì vậy, này đạo hữu Channa, giáo lý này của đức Thế Tôn nên được thường xuyên chú-tâm một cách kỹ-càng: ‘Đối với ai còn phụ-thuộc thì còn dao-động (chao đảo); đối với ai không còn phụ-thuộc thì không còn dao-động. Khi không còn dao-động, thì có sự tĩnh-lặng; khi có sự tĩnh-lặng, thì không còn thiên-hướng; khi không còn thiên-hướng, thì không còn sự-đến và sự-đi; khi không còn sự đến-đi, thì không sự chết và tái sinh; khi không còn sự chết và tái sinh, thì không còn sự ở bên-này hay bên-kia hay ở giữa hai bên. Chỉ điều này đã là sự chấm-dứt khổ đau.’”

([‘Giáo lý này của đức Thế Tôn’: là ở **Ud 81, 6-10**. Spk: ‘không còn phụ thuộc’: vào dục-vọng, tự ngã, và những quan điểm

này nọ; ‘*dao động*’: tức còn thấy ‘ta’ đau, còn cho là sự đau đớn của-ta, điều này cho thấy thầy ấy vẫn còn là người phàm chấp; ‘*không còn thiên hướng*’: theo dục vọng; ‘*không còn đến*’: không còn tái sinh; ‘*không còn đi*’: không còn chết; ‘*không còn ở bên này, bên kia, hay ở giữa hai bên*’: đơn giản là không phải ba chỗ đó—mà là khác; chứ không phải dạng ‘*ở giữa hai bên*’: không phải dạng thân trung ấm (*antarābhava*) vì trong Vi Diệu Pháp Tạng Pali đã bác bỏ khái niệm thân trung ấm.]).

Rồi, sau khi thầy Xá-lợi-phất và thầy Đại Cunda đã nói lời khởi xướng (giáo huấn) này cho thầy Channa, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về. Rồi, không lâu sau khi họ đi về, thầy Channa đã dùng con dao. **(b)** Sau đó thầy Xá-lợi-phất đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thầy Channa đã dùng dao... Vậy nơi đến (tái sinh) của thầy ấy là gì, cõi sống tiếp theo của thầy ấy là gì?”

“Này Xá-lợi-phất, bộ Tỳ kheo Channa không tuyên bố về sự không bị tội-lỗi của thầy ấy trước mặt các thầy hay sao?”

“Thưa Thế Tôn, có một ngôi làng của người Vajji (Bạt-kỳ) tên là làng Pubbavijjhana. Ở đó thầy Channa có những gia quyến thân hữu, những gia quyến thân thích, những gia quyến luôn đón chào (mến khách, chu cấp, chăm sóc).”

“Này Xá-lợi-phất, thầy Channa đã thực sự có những gia

quyến thân hữu, những gia quyến thân thích, những gia quyến luôn đón chào; nhưng ta không nói tới mức độ đó thì một người tu là dính tội lỗi. Nay Xá-lợi-phất, khi một người đặt xuống thân này và chấp lấy thân khác, thì ta nói người đó là còn dính tội lỗi. (nhưng) Điều này không xảy ra trong trường hợp Tỳ kheo Channa. Tỳ kheo Channa đã dùng dao một cách không dính tội lỗi. Như vậy đó, nay Xá-lợi-phất, thầy nên nhớ điều đó.” (c)³⁴

(SN 35:87)

88 (5) Ngài Puṇṇa

Lúc đó có Ngài Puṇṇa đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, dễ mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Puṇṇa, có những *hình-sắc* được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái lạc (sự vui thú) trong chúng, chào đón chúng, ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc khởi sinh bên trong người đó. Này Puṇṇa, khi có sự khởi sinh khoái-lạc, thì có sự khởi sinh khổ-đau, ta nói vậy. Này Puṇṇa có những âm-

thanh được nhận biết bởi tai ... những *hiện-tượng thuộc tâm* (pháp) được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái lạc trong chúng, chào đón chúng, ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc khởi sinh. Nay Puṇṇa, khi có sự khởi sinh khoái-lạc, thì có sự khởi sinh khổ-đau, ta nói vậy.

“Nay Puṇṇa, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt ... những *hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. . Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái lạc trong chúng, không chào đón chúng, không ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc chấm dứt bên trong người đó. Nay Puṇṇa, khi có sự chấm dứt khoái-lạc, thì có sự chấm dứt khổ đau, ta nói vậy.

“Giờ thầy đã nhận được sự khởi xướng (giáo huấn) từ ta, nay Puṇṇa, thầy định đi sống ở xứ nào?”

“Thưa Thế Tôn, có một xứ tên là Sunāparanta. Con sẽ đến sống ở đó.”

“Nay Puṇṇa, người dân ở xứ Sunāparanta là thô lỗ và hung bạo. Nếu họ chửi bới và sỉ nhục thầy, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có chửi bới và sỉ nhục con, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đánh con bằng nắm đấm.’ Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

“Nhưng, này Punṇa, nếu người xứ Sunāparanta đánh thầy bằng nắm đấm, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đánh con bằng nắm đấm, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đánh con bằng đá cục.’ Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

“Nhưng, này Punṇa, nếu người xứ Sunāparanta đánh thầy bằng đá cục, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đánh con bằng đá cục, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đánh con bằng gậy gộc.’ Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

“Nhưng, này Punṇa, nếu người xứ Sunāparanta đánh thầy bằng gậy gộc, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đánh con bằng gậy gộc, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đâm con bằng dao.’ Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

“Nhưng, này Punṇa, nếu người xứ Sunāparanta đâm thầy bằng dao, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đâm con bằng dao, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ

không lấy mạng con bằng dao bén.’ Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

“Nhưng, này Punṇa, nếu người xứ Sunāparanta lấy mạng thầy bằng dao bén, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có lấy mạng con bằng dao bén, thì con sẽ nghĩ: ‘Đã từng có những đệ tử của đức Thế Tôn, họ thấy khiếp sợ, thấy nhục nhã, thấy ghê tởm với thân và kiếp sống, họ đã đi tìm (nhờ) người giết mình.³⁵ Nhưng con thì gặp ngay người giết mình chứ không cần đi tìm kiếm.’ Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

“Tốt, tốt, này Punṇa! Nếu đã có đủ [được phú cho] sự tự-chủ và sự bình-an như vậy, thầy sẽ sống được ở xứ Sunāparanta. Này Punṇa, giờ thì khi nào thấy tiện thầy cứ đi.”

Rồi, sau khi thấy hân hoan và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, thầy Punṇa đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào đức Thế Tôn, và đi ra, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình. Sau đó thầy ấy thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, chuẩn bị lên đường đi du hành theo hướng tới xứ Sunāparanta. Sau khi đi qua nhiều chặng đường, cuối cùng thầy ấy tới xứ Sunāparanta, và lưu trú ở đó. Sau đó, trong mùa mưa năm đó, thầy Punṇa đã thiết lập được năm trăm đệ tử tại gia nam và năm trăm đệ tử tại gia nữ theo tu tập, và bản thân thầy ấy, cũng trong mùa mưa đó, đã chứng

ngộ ba sự hiểu-biết đích-thực. Và cũng trong mùa mưa đó, thầy ấy chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (Bát-niết-bàn, tức qua đời luôn).³⁶

Rồi một số Tỷ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, người họ tộc tên Punṇa, người đã được ban cho bài khởi xướng (giáo huấn) ngắn gọn bởi đức Thế Tôn, đã chết rồi. Nơi đến của thầy ấy là gì? Cảnh giới sau này của thầy ấy là gì?”

“Này các Tỷ kheo, người họ tộc Punṇa là khôn trí. Thầy ấy đã tu tập đúng theo Giáo Pháp và đã không làm phiền lòng ta về vấn đề Giáo Pháp. Người họ tộc Punṇa đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng.”

(SN 35:88)

89 (6) Ngài Bāhiya

Lúc đó có Ngài Bāhiya đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Bāhiya, mắt là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ... [Tiếp tục như kinh 32 ở trên cho tới:] ... “Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

Rồi thầy Bāhiya, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi cúi chào đức Thế Tôn, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình, thầy ấy đi ra. Sau đó, sau khi sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, thầy Bāhiya, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu tối thượng của đời sống thánh thiện, mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy trực tiếp biết rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

Và thầy Bāhiya đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 35:89)

90 (7) Bị Quấy Động (1)

“Này các Tỳ kheo, sự bị quấy động là một căn bệnh, sự bị quấy động là một ung nhọt, sự bị quấy động là một mũi tên. ([‘sự

quấy động’: tức dục vọng; ‘*bị quấy động*’: còn dính dục; ‘*không bị quấy động*’ tức: không còn dính dục, vô dục, tức thành A-la-hán.)).³⁷ Do vậy, này các Tỳ kheo, Như Lai sống không bị quấy động, với mũi tên đã được nhổ bỏ. Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo cầu mong: ‘Cầu cho tôi sống không còn bị quấy động, với mũi tên đã được nhổ bỏ!’, thì người đó không nên nhìn nhận mắt, không nên nhìn nhận trong mắt, không nên nhìn nhận từ mắt, không nên nhìn nhận ‘Mắt là của-ta.’³⁸

“Người đó không nên nhìn nhận những hình-sắc ... thức-mắt ... sự tiếp-xúc mắt ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’

“Người đó không nên nhìn nhận tai ... Người đó không nên nhìn nhận tâm ... thức-tâm ... sự tiếp-xúc tâm ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận chúng ‘Đó là của-ta.’

“Người đó không nên nhìn nhận tất-cả, không nên nhìn nhận từ tất-cả, không nên nhìn nhận ‘Tất-cả là của-ta.’

“Do người đó không nhìn nhận thứ gì như vậy, nên người đó

không dính chấp vào thứ gì trong thế giới. Do không còn dính chấp, nên người đó không bị kích động (sợ hãi, bận tâm). Do không còn bị kích động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.””

(SN 35:90)

91 (8) Bị Quấy Động (2)

“Này các Tỳ kheo, sự bị quấy động là một căn bệnh, bị quấy động là một ung nhọt, sự bị quấy động là một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, Như Lai sống không bị quấy động, với mũi tên đã được nhổ bỏ. Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo cầu mong: ‘Cầu cho tôi sống không còn bị quấy động, với mũi tên đã được nhổ bỏ!’, thì người đó không nên nhìn nhận mắt ... những hình-sắc ... thức-mắt ... sự tiếp-xúc mắt ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận ‘Đó là của-ta. Bởi vì, này các Tỳ kheo, thứ gì người đó nhìn nhận, thứ gì người đó nhìn nhận trong nó, thứ gì người đó nhìn nhận từ nó, thứ gì người đó nhìn nhận là ‘của-ta’— thì thứ đó là khác (tức: không phải vậy; là nhận

lầm). Thế giới, đang trở thành khác (luôn đang khác đi, luôn đang biến đổi), bị trói buộc vào sự hiện-hữu, tìm kiếm khoái-lạc (vui thích) chỉ trong sự hiện-hữu mà thôi (không thoát khỏi hay vượt trên sự hiện-hữu sinh diệt).³⁹

“Người đó không nên nhìn nhận tai ... Người đó không nên nhìn nhận tâm ... những hiện-tượng thuộc tâm ... không nên nhìn nhận thức-tâm ... không nên nhìn nhận sự tiếp-xúc tâm ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính— người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận ‘Đó là của-ta. Bởi vì, này các Tỷ kheo, thứ gì người đó nhìn nhận, thứ gì người đó nhìn nhận trong nó, thứ gì người đó nhìn nhận từ nó, thứ gì người đó nhìn nhận là ‘của-ta’—thì thứ đó là khác. Thế giới, đang trở thành khác, bị trói buộc vào sự hiện-hữu, tìm kiếm khoái-lạc chỉ trong sự hiện-hữu.

“Bất luận các uẩn, các yếu-tố (giới), và các cơ-sở giác-quan (xứ) có là [vươn, với] tới đâu, người đó không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’

“Do người đó không nhìn nhận bất cứ thứ gì như vậy, nên người đó không dính chấp gì trong thế giới. Do không còn dính chấp, nên người đó không bị kích động (âu lo, bận tâm). Do không còn bị kích động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn.

Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 35:91)

92 (9) *Cặp Đôi (1)*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về cặp đôi. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cặp đôi? Mắt và những hình-sắc, tai và những âm-thanh, mũi và những mùi-hương, lưỡi và những mùi-vị, thân và những đối-tượng chạm xúc, tâm và những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là cặp đôi.

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vậy: ‘Sau khi dẹp bỏ cặp đôi này, tôi sẽ mô tả (cho thấy) cặp đôi khác’— thì điều đó chỉ là lời sáo rỗng của người đó mà thôi. ([Nếu bỏ qua mười hai cơ-sở giác quan thì người đó không thể chỉ ra một hiện-tượng (pháp) thực nào.]) Nếu người đó được hỏi thì người đó không thể trả lời, và thêm nữa, người đó sẽ gặp phải sự ưu phiền. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, điều đó không nằm trong trú xứ (lãnh vực, lãnh địa, khu vực) của người đó.” ([tức, nếu ra ngoài trú xứ của mình thì sẽ bị phiền bức, khổ não]⁴⁰

(SN 35:92)

93 (10) Cặp Đôi (2)

“Này các Tỳ kheo, thức sinh ra là tùy thuộc vào một cặp đôi. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là thức sinh ra tùy thuộc vào một cặp đôi? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc nên khởi sinh thức-mắt. Mắt là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác (đang khác đi); những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Như vậy cặp đôi này là đang chuyển động và đang lung lay ([lảo đảo, này nọ, sắp rớt: vì bản chất nó là bất ổn, không gì chắc chắn.]), là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác.

“Thức-mắt là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên nhân và điều kiện (nhân duyên) làm khởi sinh thức-mắt cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Này các Tỳ kheo, khi thức-mắt đã khởi sinh tùy thuộc vào một điều kiện (duyên) là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Sự gặp gỡ, sự gặp nhau, sự cùng gặp của ba thứ này (*mắt+những hình-sắc+thức mắt*) được gọi là sự tiếp-xúc mắt. Sự tiếp-xúc mắt cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên nhân và điều kiện làm khởi sinh thức-mắt cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Này các Tỳ kheo, khi thức-mắt khởi sinh tùy thuộc vào một điều kiện là vô thường,

thì làm sao nó không là vô thường?

“Này các Tỷ kheo, khi có tiếp-xúc, người ta cảm-nhận, có tiếp-xúc người ta ý-định, có tiếp-xúc người ta nhận-thức.⁴¹ Như vậy những thứ này cũng là đang chuyển động và lung lay, là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác.

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh nên khởi sinh thức-tai ... Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi thức-tâm. Tâm là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác; những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Như vậy cặp đôi này là đang chuyển động và đang lung lay, là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác.

“Thức-tâm là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên nhân và điều kiện làm khởi sinh thức-tâm cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Này các Tỷ kheo, khi thức-tâm đã khởi sinh tùy thuộc vào một điều kiện là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Sự gặp gỡ, sự gặp nhau, sự cùng gặp của ba thứ này (*tâm+những hiện-tượng thuộc tâm+thức tâm*) được gọi là sự tiếp-xúc tâm. Sự tiếp-xúc tâm cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên nhân và điều kiện làm khởi sinh thức-tâm cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Này các Tỷ kheo, khi thức-tâm khởi sinh tùy thuộc vào một điều kiện là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Này các Tỳ kheo, khi có tiếp-xúc, người ta cảm-nhận, có tiếp-xúc người ta ý-định, có tiếp-xúc người ta nhận-thức. Như vậy những thứ này cũng là đang chuyển động và lung lay, là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là thức sinh ra tùy thuộc vào một cặp đôi.”

(SN 35:93)

NHÓM 5

NHÓM ‘NHÓM SÁU’

(Saḷa-vagga)

94 (1) *Không Thuần Phục, Không Phòng Hộ*

Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, sáu cơ-sở (đề) tiếp-xúc (sáu giác-quan) này—nếu không được thuần phục, không được phòng hộ, không được bảo vệ, không được kiểm chế— thì chúng thành những thứ mang lại khổ đau cực kỳ ([như địa ngục...]).⁴² Sáu đó là gì?

“Này các Tỳ kheo, mắt là một cơ-sở tiếp xúc—nếu không được thuần phục, không được phòng hộ, không được bảo vệ, không được kiểm chế— thì nó thành thứ mang lại khổ đau cực kỳ. Tai là một cơ-sở tiếp xúc ... Tâm là một cơ-sở tiếp xúc—nếu không được thuần phục, không được phòng hộ, không được bảo vệ, không được kiểm chế— thì nó thành thứ mang lại khổ đau cực kỳ.

“Này các Tỳ kheo, sáu cơ-sở đề tiếp xúc—nếu được thuần phục, được phòng hộ, được bảo vệ, được kiểm chế— thì chúng thành những thứ mang lại an lạc hạnh phúc cực kỳ ([như trạng thái

tàng thiên định, thánh đạo, thánh quả)).⁴³ Sáu đó là gì?

“Này các Tỳ kheo, mắt là một cơ-sở tiếp xúc—nếu được thuần phục, được phòng hộ, được bảo vệ, được kiểm chế— thì nó thành thứ mang lại hạnh phúc cực kỳ. Tai là một cơ-sở tiếp xúc ... Tâm là một cơ-sở tiếp xúc—nếu được thuần phục, được phòng hộ, được bảo vệ, được kiểm chế— thì nó thành thứ mang lại hạnh phúc cực kỳ.

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, đức Thế Tôn bậc Phúc lành đã nói thêm như vậy:

“Này các Tỳ kheo, chỉ có sáu giác-quan,
Ngay đó kẻ không kiểm chế gặp phải khổ đau.
Người biết cách kiểm chế chúng
Thì sống không suy đồi, với niềm-tin là bạn đường.

“Những hình-sắc làm tâm khoái thích,
Và sau khi nhìn thấy chúng (người tu) không khoái thích,
Dẹp bỏ đường tham-dục đối với thứ vui thích,
Và không ‘vun bón’ cái tâm bằng suy nghĩ sân bực như:
‘[Thứ này, thứ kia] nó làm ta khó chịu.’

“Nghe thấy những âm-thanh,
Dễ chịu và gắt gỏng,
Không mê thích đối với tiếng dễ nghe,
Dẹp bỏ đường sân bực đối với tiếng gắt gỏng.
Và không ‘vun bón’ cái tâm bằng suy nghĩ sân bực như:

‘[Tiếng này, tiếng kia] nó làm ta khó chịu.’

“Ngửi mùi hương thơm thích,
Và ngửi mùi tanh hôi,
Dẹp bỏ sân bực đối với mùi tanh hôi
Cũng không tham mê đối với mùi thơm tho.

“Thưởng thức vị ngon ngọt,
Và có lúc nếm đắng cay,
Không tham thích vị ngon ngọt,
Không sân bực vị đắng cay.

“Vội chạm xúc khoái sướng,
Không để bị say mê.
Không giựt mình giãy nảy,
Vội chạm xúc đón đau.
Nhìn một cách bình-tâm,
Đối với mọi thứ sướng và khổ,
Không trốn tránh, cũng không chống cự.

“Khi người phạm tăng phóng nhận-thức,
Nhận thức và phóng tâm làm họ bị dính líu.
Sau khi dẹp bỏ mọi trạng thái tâm
Hướng về đời sống tại gia phạm tục,
Là người tu đang trên đường xuất-gia, từ-bỏ.

“Khi tâm đã được tu tập thiện khéo như vậy
Trong sáu (cơ-sở tiếp xúc) như vậy,

Thì khi có tiếp-xúc, tâm người tu không bao giờ
Bị phát phơ, động chuyển này nọ.
Sau khi đã chinh phục tham và sân,
Này các Tỳ kheo,
Hãy vượt qua bờ bên kia, thoát khỏi sinh và tử!”

(SN 35:94)

95 (2) Ngài Mālunkyaputta

Lúc đó có Ngài Mālunkyaputta đến gặp đức Thế Tôn ... và
thưa với đức Thế Tôn:⁴⁴

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con
Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo
Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về),
chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Ở đây, này Mālunkyaputta, ta nên nói gì với các Tỳ kheo trẻ
khi một Tỳ kheo như thầy—đã già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm
tháng, đã trong tuổi xế chiều của cuộc đời, đã tới giai đoạn cuối—
đi thỉnh cầu ta một sự khởi xướng (giáo huấn) ngắn gọn, như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, mặc dù con đã già, nhiều tuổi, đã gánh nặng
năm tháng, đã trong tuổi xế chiều của cuộc đời, đã tới giai đoạn
cuối, mong Thế Tôn, chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn

gọn, mong bậc Phúc Lành chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn. Có lẽ con hiểu được ý nghĩa lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, có lẽ con trở thành một người thừa hưởng lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.”

“Thầy nghĩ sao, này Mālunkyaputta, thầy có còn tham muốn, nhục dục, hay cảm tình (luyến ái) đối với *những hình-sắc* được nhận biết bởi mắt mà thầy chưa từng thấy và chưa bao giờ thấy trước đó, mà thầy không thấy và không nghĩ tới việc nhìn thấy, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Thầy có còn tham muốn, nhục dục, và cảm tình đối với *những âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... đối với *những mùi-hương* được nhận biết bởi mũi ... *những mùi-vị* được nhận biết bởi lưỡi ... *những đối-tượng chạm xúc* được nhận biết bởi thân ... *những hiện-tượng thuộc tâm* (pháp) được nhận biết bởi tâm mà thầy chưa từng thấy và chưa bao giờ thấy trước đó, mà thầy không thấy và không nghĩ tới việc nhìn thấy, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

“Ở đây, này Mālunkyaputta, đối với những thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận, và được nhận biết bởi thầy: trong cái được nhìn thấy sẽ chỉ có cái được nhìn thấy; trong cái được nghe thấy chỉ có cái được nghe thấy, trong cái được cảm nhận chỉ có cái được cảm nhận, trong cái được nhận biết, chỉ có cái

được nhận biết.

“Này Mālunkyaputta, đối với những thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận, và được nhận biết bởi thầy: trong cái được nhìn thấy sẽ chỉ có cái được nhìn thấy; trong cái được nghe thấy chỉ có cái được nghe thấy, trong cái được cảm nhận chỉ có cái được cảm nhận, trong cái được nhận biết, chỉ có cái được nhận biết, vậy thì, này Mālunkyaputta, thầy sẽ không bị (tác động) ‘bởi-đó.’ Này Mālunkyaputta, khi thầy không bị (tác động) ‘bởi-đó’ thì thầy sẽ không ‘ở-trong-đó.’ Này Mālunkyaputta, khi thầy không ‘ở-trong-đó’ thì thầy sẽ không ở bên-này hay bên-kia hay ở giữa hai bên ([tức: khác với ba chỗ đó]). Chính điều này (đã) là sự chấm dứt khổ.”⁴⁵

“Thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều mới được Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn, như vậy:

“Khi nhìn thấy một hình-sắc
với sự chánh-niệm bị lãng xãng,
Chú tâm vào dấu-hiệu (hình tướng) dễ chịu,
Thì người đó trải nghiệm nó
với một cái tâm bị mê đắm,
Và bám chặt theo nó.

“Nhiều cảm-giác phát sinh bên trong,
Bắt nguồn từ những hình-sắc nhìn thấy được,
Có (cảm-giác) thêm muốn, có (cảm-giác) phiền bức.

Vì đó mà tâm người bị quấy nhiễu.
Đối với ai tích tạo khổ như vậy,
Thì Niết-bàn còn ở xa lắm.

“Khi nghe thấy một âm-thanh,
với sự chánh-niệm bị lãng xãng ...

“Khi ngửi thấy một mùi-hương,
với sự chánh niệm bị lãng xãng ...

“Khi nếm thấy một mùi-vị,
với sự chánh niệm bị lãng xãng ...

“Khi cảm nhận một chạm-xúc,
với sự chánh niệm bị lãng xãng ...

“Khi nhận biết một đối-tượng
với sự chánh niệm bị lãng xãng ...
Đối với ai tích tạo khổ như vậy,
Thì Niết-bàn còn ở xa.

“Khi chánh-niệm vững chắc,
người nhìn thấy một hình-sắc
mà không bị đốt cháy bởi tham-dục đối với hình-sắc;
Người trải nghiệm nó với cái tâm chán-bỏ
Và không còn bám chặt theo nó.

“Người sống một cách chánh-niệm như vậy,

Thì ngay cả nhìn thấy những hình-sắc,
Và khi đang cảm nhận một cảm-giác,
Thì [sự khổ] được tiêu sạch, thay vì tích tạo.
Đối với ai phá giải sự khổ như vậy,
Thì Niết-bàn đang ở gần kề.

“Khi chánh-niệm vững chắc,
người nghe thấy một âm-thanh
mà không bị đốt cháy bởi tham-dục đối với âm-thanh ...

“Khi chánh-niệm vững chắc,
người ngửi thấy một mùi-hương
mà không bị đốt cháy bởi tham-dục đối với mùi-hương...

“Khi chánh-niệm vững chắc,
người nếm thấy một mùi-vị
mà không bị đốt cháy bởi tham-dục đối với mùi-vị ...

“Khi chánh-niệm vững chắc,
người cảm nhận một chạm-xúc
mà không bị đốt cháy bởi tham-dục đối với sự chạm-xúc ...

“Khi chánh-niệm vững chắc,
người nhận biết một đối-tượng
mà không bị đốt cháy
bởi tham-dục đối với những đối-tượng ...
Đối với ai giảm thiểu sự khổ như vậy,
Thì Niết-bàn đang ở gần kề.

- “Thưa Thế Tôn, theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn.”

- “Tốt, tốt, này Mālunkyaputta! Tốt thay thầy hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được ta nói ra một cách ngắn gọn.

[Và Đức Phật lặp lại toàn bộ phần thi kệ trên, và nói tiếp:]

“Này Mālunkyaputta, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy.”

Rồi thầy Mālunkyaputta, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi cúi chào đức Thế Tôn, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình, thầy ấy đi ra.

Rồi sau đó, sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, thầy Mālunkyaputta, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống thánh thiện, mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy trực tiếp hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

Và thầy Mālunkyaputta đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 35:95)

96 (3) Sự Sa Sút

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người phải bị sa sút, về người không bị sa sút, và về sáu giác-quan được chế ngự (kiểm soát, làm chủ, quản trị, phòng hộ). Hãy lắng nghe điều đó....

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người phải bị sa sút? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, ngay đó khởi sinh trong tâm người đó những trạng-thái, những sự-nhớ ([bao hàm cả hai nghĩa là: sự-nhớ và chánh-niệm]) và những ý-định xấu ác bất thiện có nối kết với những *gông-cùm*.⁴⁶ Nếu một Tỳ kheo dung dưỡng chúng, và không dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, chấm dứt chúng và xóa sổ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì điều này được đức Thế Tôn gọi là sự sa sút.’

“Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* (pháp) bằng *tâm*, ngay đó khởi sinh trong tâm người đó những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định xấu ác bất thiện nối kết với những *gông-cùm*. Nếu một Tỳ kheo dung dưỡng chúng, và không dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, chấm dứt chúng và xóa sổ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì điều này được đức Thế Tôn gọi là sự sa sút.’

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một người phải bị sa

sút.

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người không bị sa sút? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một người nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, ngay đó khởi sinh trong tâm người đó những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định xấu ác bất thiện nối kết với những công-cù. Nếu một Tỳ kheo *không* dung dưỡng chúng nhưng dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, chấm dứt chúng và xóa sổ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang *không* sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì điều này được đức Thế Tôn gọi là sự không sa sút.’

“Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, ngay đó khởi sinh trong tâm người đó những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định xấu ác bất thiện nối kết với những công-cù. Nếu một Tỳ kheo *không* dung dưỡng chúng nhưng dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, chấm dứt chúng và xóa bỏ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang *không* sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì điều này được đức Thế Tôn gọi là sự không sa sút.’

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một người không bị sa sút.”

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sáu giác-quan [cơ-sở cảm nhận] được chế ngự? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo

nhìn thấy một *hình-sắc*, ngay đó *không* khởi sinh trong tâm người đó những trạng-thái, hay những sự-nhớ, hay những ý-định xấu ác bất thiện nối kết với những gông-cùm. Tỳ kheo đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Giác-quan này đã được chế ngự. Vì điều này được đức Thế Tôn gọi là một giác-quan đã được chế ngự.’

“Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nghe thấy một *âm-thanh* ... nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm*, ngay đó *không* khởi sinh trong tâm người đó những trạng-thái, hay những sự-nhớ, hay những ý-định xấu ác bất thiện nối kết với những gông-cùm. Tỳ kheo đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Giác-quan này đã được chế ngự. Vì điều này được đức Thế Tôn gọi là một giác-quan đã được chế ngự.’

“Này các Tỳ kheo, đó được gọi là sáu giác-quan đã được chế ngự.”

(SN 35:96)

97 (4) *Sống Lơ Tâm*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người sống một cách lơ-tâm phóng dật (lơ đãng, xao lãng), và về người sống một cách chuyên-chú (chuyên cần, tinh tấn). Hãy lắng nghe điều đó....

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là *người sống một*

cách lơ-tâm? Nếu người sống *không có sự kiểm-chế phần mắt* (nhãn căn), thì tâm bị chôn lấp [lấp đất]⁴⁷ trong những hình-sắc được nhận biết bởi mắt. Nếu tâm bị chôn lấp như vậy, thì không có sự vui-vẻ. Không có sự hoan-hỷ, thì không có sự khoan-khoái. Không có sự khoan-khoái, thì không có sự tĩnh-lặng. Không có sự tĩnh-lặng, thì người đó sống trong khổ-đau. Tâm của người sống trong sự khổ-đau thì không đặt-định được. Khi tâm không đặt-định, thì các hiện-tượng không thể-hiện (hiển lộ, hiện thị... đúng như chúng thực là). Bởi do các hiện-tượng không thể-hiện, nên người đó được quy là ‘người sống một cách lơ tâm phóng dật.’⁴⁸

“Nếu một người sống *không có sự kiểm-chế phần tai* (nhĩ căn), thì tâm bị chôn lấp trong những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... Nếu một người sống *không có sự kiểm-chế phần tâm* (tâm căn), thì tâm bị chôn lấp trong những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.... Bởi vì các hiện-tượng không thể-hiện, nên người đó được quy là ‘người sống một cách lơ tâm phóng dật.’

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một người sống một cách lơ tâm phóng dật.”

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một *người sống một cách chuyên-chú?* Nếu một người sống *với sự-kiểm chế phần mắt* (nhãn căn), thì tâm không bị chôn lấp trong những hình-sắc được nhận biết bởi mắt. Nếu tâm không bị chôn lấp như vậy, thì sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan-hỷ, thì sinh ra sự khoan-khoái. Khi tâm được nâng lên bởi sự khoan-khoái, thì

thân được tĩnh-lặng. Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc). Tâm của một người hạnh phúc sẽ đạt-định được. Khi tâm đạt-định, các hiện-tượng sẽ thể-hiện. Bởi vì các hiện-tượng thể-hiện ra, nên người đó được quy là ‘người sống một cách chuyên chú.’

“Nếu một người sống với *sự kiểm-chế phần tai* (nhĩ căn), thì tâm *không* bị chôn lấp trong những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... Nếu một người sống với *sự kiểm-chế phần tâm* (tâm căn), thì tâm *không* bị chôn lấp trong những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.... Bởi vì các hiện-tượng thể-hiện ra, nên người đó được quy là ‘người sống một cách chuyên chú.’

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một người sống một cách chuyên chú.”

(SN 35:97)

98 (5) *Sự Kiểm-Chế*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự kiểm-chế và sự không kiểm-chế. Hãy lắng nghe điều đó....

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có sự không kiểm-chế? Này các Tỳ kheo, có những *hình-sắc* được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục

dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Tôi đang sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Bởi vì điều này được đức Thế Tôn gọi là sự sa sút.’

“Này các Tỳ kheo, có những *âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... những *hiện-tượng thuộc tâm* (pháp) được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Tôi đang sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Bởi vì điều này được đức Thế Tôn gọi là sự sa sút.’

“Này các Tỳ kheo, như vậy là sự không kiềm-chế.

- “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Tôi đang không sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Bởi vì điều này được đức Thế Tôn gọi là sự không sa sút.’

“Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái lạc trong chúng,

không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Tôi đang không sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Bởi vì điều này được đức Thế Tôn gọi là sự không sa sút.’

“Này các Tỳ kheo, như vậy là sự kiềm-chế.”

(SN 35:98)

99 (6) *Sự Định-Tâm*

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt-định thì hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.

“Và cái gì mà người đó hiểu được đúng như chúng thực là? Người đó hiểu đúng như nó thực là như vậy: ‘Mắt là vô thường.’ Người đó hiểu đúng như nó thực là như vậy: ‘Những hình-sắc là vô thường.’ Người đó hiểu đúng như nó thực là như vậy: ‘Thức-mắt là vô thường. Người đó hiểu đúng như nó thực là như vậy: ‘Sự tiếp-xúc mắt là vô thường.’ Người đó hiểu đúng như nó thực là như vậy: ‘Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường.’

“Người đó hiểu đúng như nó thực là như vậy: ‘Tâm là vô thường’ ... Người đó hiểu đúng như nó thực là như vậy: ‘Mọi thứ

cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường.’

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt-định thì hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.”

(SN 35:99)

[Kinh 99 này và kinh 100 kế tiếp là các mẫu-kinh song hành với kinh SN 22:05 và 06.]

100 (7) Sự Ẩn Dật

“Này các Tỳ kheo, hãy nỗ lực (tu tập) trong sự ẩn dật (sống tách ly, ẩn cư). Một Tỳ kheo sống tu ẩn dật thì hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.”

[Phần còn lại giống hết bài kinh kế trên.]

(SN 35:100)

101 (8) Không Phải Của-Ta (1)

“Này các Tỳ kheo, thứ gì không phải của-ta [không phải của các thầy], hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy. Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ không phải của-ta? Mất không phải là của-ta: hãy dẹp

bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy. Những hình-sắc không phải là của-ta ... Thức-mắt không phải là của-ta ... Sự tiếp-xúc mắt không phải là của-ta ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy.

“Tai không phải là của-ta ... Tâm không phải là của-ta ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng không phải là của-ta. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy.

“Này các Tỳ kheo, giả sử người ta dọn hết cỏ, cây, cành, lá trong cả Khu Vườn này của thái tử Jeta, hoặc đốt chúng đi, hoặc xử lý chúng theo ý họ. Vậy các thầy có nghĩ (điều đó đồng nghĩa rằng): ‘Người ta đang dọn chúng ta đi, hoặc đang đốt hết chúng ta, hoặc đang xử lý chúng ta theo ý họ’ hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì, thưa Thế Tôn, (cỏ, cây, cành, lá) đó đâu phải là chúng ta hay thuộc về chúng ta.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mắt không phải là của-ta ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)— cũng không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc

cho các thầy.”

(SN 35:101)

[Hai kinh **101** này và **102** kế tiếp là các mẫu-kinh song hành với kinh **SN 22:33** và **34**.]

102 (9) *Không Phải Của-Ta* (2)

[Giống hết kinh kể trên, ngoại trừ không có phần ví dụ.]

(SN 35:102)

103 (10) *Uddaka*

“Này các Tỳ kheo, Uddaka Rāmaputta đã từng tuyên bố như vậy:

“‘Đây, chắc chắn là một bậc thầy hiểu-biết—

Đây, chắc chắn là một bậc chinh phục vũ trụ—

Đây, chắc chắn là người đã cắt bỏ

Gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đây!’⁴⁹

“Này các Tỳ kheo, mặc dù bản thân Uddaka Rāmaputta không phải là một bậc thầy hiểu-biết (bậc trí sư), nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta là một bậc thầy hiểu-biết.’ Mặc dù bản thân ông không phải là một bậc chinh phục vũ trụ (bậc chinh phục tất cả),

nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta là một bậc chinh phục vũ trụ.’ Mặc dù bản thân ông chưa cắt bỏ gốc ung nhọt, nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta đã cắt bỏ gốc ung nhọt.’ Nhưng ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nói một cách đúng đắn có thể nói như vậy:

“‘Đây, chắc chắn là một bậc thầy hiểu-biết—
Đây, chắc chắn là một bậc chinh phục vũ trụ—
Đây, chắc chắn là người đã cắt bỏ
Gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đây!’

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là một bậc thầy hiểu-biết? Khi một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc, sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với sáu cơ-sở (để) tiếp xúc [cả bên trong và bên ngoài] đúng như chúng thực là, thì vị Tỳ kheo đó là một bậc-thầy hiểu-biết.

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là một bậc chinh phục vũ trụ? Khi, sau khi hiểu được nguồn-gốc, sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với sáu cơ-sở tiếp xúc đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp, thì vị Tỳ kheo đó là một bậc chinh phục vũ trụ.

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo đã cắt bỏ hết gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đó? Này các Tỳ kheo, ‘ung nhọt’: đây là một cách để chỉ thân này gồm bốn yếu tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang

bản chất) vô thường, phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã.⁵⁰ Và ‘gốc ung nhọt’ là một cách để chỉ dục-vọng. Khi dục-vọng đã được dẹp bỏ bởi một Tỳ kheo, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai, thì theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã cắt bỏ gốc ung nhọt chưa bị cắt bỏ trước đó.

“Này các Tỳ kheo, mặc dù bản thân Uddaka Rāmaputta không phải là một bậc-thầy hiểu-biết, nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta là một bậc-thầy hiểu-biết’... Nhưng ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nói một cách đúng đắn có thể nói như vậy:

“‘Đây, chắc chắn là một bậc thầy hiểu-biết—
Đây, chắc chắn là một bậc chinh phục vũ trụ—
Đây, chắc chắn là người đã cắt bỏ,
Gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đây!’

(SN 35:103)

PHẦN III

‘NĂM MƯƠI KINH THỨ BA’

NHÓM 1

NHÓM ‘AN TOÀN KHỎI SỰ TRÓI BUỘC’ (Yogakkhemi-vagga)

104 (1) *An Toàn khỏi sự Trói-Buộc*

Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài thuyết giảng Giáo Pháp về chủ đề người tuyên bố sự nỗ-lực để đạt tới sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói buộc.⁵¹ Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bài thuyết giảng Giáo Pháp về chủ đề người tuyên bố sự nỗ-lực để đạt tới sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói buộc? Này các Tỳ kheo, có những *hình-sắc* được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên

hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Những thứ đó đã bị dẹp bỏ bởi Như Lai, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Bậc ấy tuyên bố một sự nỗ-lực [nên được làm] để dẹp bỏ được chúng. Do vậy, Như Lai được gọi là người tuyên bố sự nỗ-lực để trở thành an-toàn thoát khỏi mọi sự trói buộc.

“Này các Tỳ kheo, có những *âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... những *hiện-tượng thuộc tâm* (pháp) được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Những thứ đó đã bị dẹp bỏ bởi Như Lai, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Bậc ấy tuyên bố một sự nỗ-lực [nên được làm] để dẹp bỏ được chúng. Do vậy, Như Lai được gọi là người tuyên bố sự nỗ-lực để trở thành an-toàn thoát khỏi mọi sự trói buộc.

“Này các Tỳ kheo, đây là bài thuyết giảng Giáo Pháp về chủ đề người tuyên bố sự nỗ-lực để đạt tới sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói buộc.”

(SN 35:104)

105 (2) Do Dính Chấp

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt, tồn tại), do dính-

chấp vào cái gì, nên có sự sướng và khổ khởi sinh ở bên-trong?”⁵²

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

“Này các Tỳ kheo, khi có mắt, do dính-chấp vào mắt, nên có sướng và khổ sinh ở bên-trong. Khi có tai ... tâm, do dính-chấp vào tai ... tâm, nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên-trong.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn.”

“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”

“Khổ, thưa Thế Tôn”

“Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu sướng và khổ có khởi sinh ở bên-trong, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm là thường hằng hay vô thường?

Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu sướng và khổ có khởi sinh ở bên trong, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt ... tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm người đó] được giải thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 35:105)

106 (3) Nguồn Gốc Khổ

[Giống hết kinh **SN 12:43.**]

(SN 35:106)

107 (4) Nguồn Gốc Thế Giới

[Giống hết kinh **SN 12:44.**]

(SN 35:107)

108 (5) Ta Tốt Hơn, Ta Kém Hơn...

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt, tồn tại), do dính-

chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh ý nghĩ: ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’?”⁵³

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

“Này các Tỳ kheo, khi có *mắt*, do dính-chấp vào mắt, do cố-chấp vào mắt, nên khởi sinh ý nghĩ: ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn.’ Khi có *tai ... tâm*, do dính-chấp vào *tai ... tâm*, do cố-chấp vào *tai ... tâm*, nên khởi sinh ý nghĩ: ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn.’

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, *mắt ... tâm* là vô thường hay thường hằng?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”...

“Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh ý nghĩ: ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.””

(SN 35:108)

109 (6) Những Thứ Gong Cùm

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ gông cùm (trói buộc mình) và sự gông cùm. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ gông cùm, và cái gì là những gông cùm? Này các Tỳ kheo, *mắt* là một thứ gông cùm (trói buộc mình); sự tham muốn và nhục dục đối với mắt chính là sự gông cùm ở đó. *Tai* là một thứ gông cùm (trói buộc mình) ... *Tâm* là một thứ gông cùm (trói buộc mình); sự tham muốn và nhục dục đối với tâm chính là sự gông cùm ở đó. Những thứ này được gọi là những thứ gông cùm, và đây chính là sự gông cùm.”

(SN 35:109)

[Kinh 109 này và 110 kế tiếp là các mẫu-kinh song hành với kinh SN 22:120 và 121.]

110 (7) Những Thứ Có Thể Bị Dính-Chấp

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ (mình) có thể bị dính-chấp, và sự dính-chấp. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ (mình) có thể bị dính-chấp, và cái gì là sự dính-chấp. Này các Tỳ kheo, *mắt* là một thứ (mình) có thể bị dính chấp (vào nó); sự tham muốn và nhục dục đối với nó chính là sự dính-chấp ở đó. *Tai* là một thứ (mình)

có thể bị dính chấp (vào nó) ... *Tâm* là một thứ (mình) có thể bị dính chấp (vào nó), sự tham muốn và nhục dục đối với nó chính là sự dính-chấp ở đó. Những thứ này được gọi là những thứ (mình) có thể bị dính chấp, và đây chính là sự dính-chấp.”

(SN 35:110)

111 (8) *Hiếu Hoàn-Toàn (1)*

“Này các Tỷ kheo, nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu *mắt*, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt sự khổ đau. Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu *tai ... tâm*, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt sự khổ đau. Nhưng, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu *mắt ... tâm*, bằng cách tu tập sự chán-bỏ và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu có thể tiêu diệt được sự khổ đau.”

(SN 35:111)

112 (9) *Hiếu Hoàn-Toàn (2)*

[Giống hết kinh **111** kể trên, nhưng nói về sáu đối-tương giác quan (bên ngoài).]

(SN 35:112)

[Kinh **111** và **112** này là gần giống với kinh **SN 35:26** trong
Chương này.]

113 (10) *Lén Lăng Nghe*

[Giống hết kinh **SN 12:45**.]

(SN 35:113)

NHÓM 2

NHÓM ‘THẾ GIỚI & NĂM DÂY DỤC LẠC’

(Lokakāmaguṇa-vagga)

114 (1) *Cạm Bẫy của Ma-Vương (1)*

- “Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã bước vào hang ổ của Ma-vương, là người đã ở dưới sự kiểm soát của Ma-vương; cạm bẫy của Ma-vương đã được xiết chặt đối với người đó cho nên người đó bị dính buộc trong sự trói buộc của Ma-vương, và Ác Ma có thể làm gì người đó cũng được.”⁵⁴

“Này các Tỳ kheo, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... có *những hiện-tượng thuộc tâm* (pháp) được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái lạc trong chúng ... Ác Ma có thể làm gì người đó cũng được.

- “Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến

nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã *không* bước vào hang ổ của Ma-vương, là người đã không ở dưới sự kiểm soát của Ma-vương; cạm bẫy của Ma-vương đã được tháo gỡ đối với người đó cho nên người đó không bị dính buộc trong sự trói buộc của Ma-vương, và Ác Ma không thể làm gì được người đó.

“Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái lạc trong chúng ... Ác Ma không thể làm gì được người đó.

(SN 35:114)

115 (2) *Cạm Bẫy của Ma-Vương (2)*

“Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo *bị dính buộc* trong những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, là người đã bước vào hang ổ của Ma-vương, người đã ở dưới sự kiểm soát của Ma-vương; [cạm bẫy của Ma-vương đã được xiết

chặt đối với người đó cho nên người đó bị dính buộc trong sự trói buộc của Ma-vương] (*[lời kinh trong ngoặc này chỉ có trong phiên bản Be.]*)⁵⁵ và Ác Ma có thể làm gì người đó cũng được.

“Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái lạc trong chúng ... Ác Ma có thể làm gì người đó cũng được.

“Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo *được tự do* khỏi những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, đã *không* bước vào hang ổ của Ma-vương, là người đã không ở dưới sự kiểm soát của Ma-vương; [cạm bẫy của Ma-vương đã được tháo gỡ đối với người đó cho nên người đó không bị dính buộc trong sự trói buộc của Ma-vương] (*[lời trong ngoặc này chỉ có trong Be.]*), và Ác Ma không thể làm gì được người đó.

“Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái lạc trong chúng ... Ác Ma không thể làm gì được người đó.

(SN 35:115)

116 (3) Đi Tới Sự Chấm Dứt Thế Giới

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự chấm-dứt [tận cùng] của thế giới không thể nào được biết, được thấy, hay đạt tới được bằng cách bước đi. Nhưng, này các Tỳ kheo, ta cũng nói rằng nếu không đạt tới sự chấm-dứt của thế giới thì cũng không làm được sự chấm-dứt đối với khổ đau.”⁵⁶

Sau khi nói như vậy, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ ở của mình.⁵⁷

Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo đã suy xét: “Này các đạo hữu, giờ đức Thế Tôn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ ở của mình sau khi đã đọc một câu vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết. Giờ ai sẽ giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của điều mới được đức Thế Tôn mới đọc một cách vắn tắt?” Rồi họ suy xét: “Ngài Ānanda được khen ngợi bởi Sư Thầy và được tôn trọng bởi những huynh đệ hiền trí của thầy ấy trong đời sống thánh thiện; thầy Ānanda có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của điều mới được đức Thế Tôn mới đọc một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết. Chúng ta hãy đến gặp thầy ấy và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này.”

Rồi các Tỳ kheo đó đã đến gặp thầy Ānanda, và sau khi xong phần chào hỏi qua lại, họ ngồi xuống một bên, và kể lại cho thầy ấy điều mới xảy ra, và nói thêm: “Mong thầy Ānanda giảng giải điều đó cho chúng tôi.”

[Thầy Ānanda trả lời:] “Này các đạo hữu, điều này giống như một người đang cần gỗ lỗi, đang kiếm gỗ lỗi, đang đi tìm gỗ lỗi, nhưng lại bỏ đi phần thân và gốc của một cây lớn đang đứng có chứa gỗ lỗi, bỏ người đó nghĩ nên tìm kiếm gỗ lỗi trong nhánh và lá cây hay sao! Và điều này cũng giống như quý vị ở đây: khi quý vị đã được trực diện gặp vị Sư Thầy nhưng quý vị lại bỏ qua đức Thế Tôn, bỏ quý vị nghĩ nên đi hỏi tôi về ý nghĩa của điều đó hay sao! Bởi vì, này các đạo hữu, về sự biết, đức Thế Tôn biết; về sự thấy, đức Thế Tôn thấy; đức Thế Tôn đã trở thành tầm-nhìn, Người đã trở thành sự hiểu-biết, Người đã trở thành Giáo Pháp, Người đã trở thành bậc thánh thiên; là người thuyết giảng, người tuyên bố, người làm sáng tỏ [của] ý nghĩa, là người ban tặng [của] sự Bất-tử, bậc chúa tể [của] Giáo Pháp, bậc Như Lai. Đó là lúc quý vị nên hỏi đức Thế Tôn ý nghĩa của điều đó. Khi có đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho quý vị, quý vị sẽ ghi nhớ nó.”

“Chắc chắn là vậy, này đạo hữu Ānanda, về sự biết, đức Thế Tôn biết; về sự thấy, đức Thế Tôn thấy; đức Thế Tôn đã trở thành tầm-nhìn ... Như Lai. Đó là lúc chúng tôi nên hỏi đức Thế Tôn ý nghĩa của điều đó. Khi có đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho chúng tôi, chúng tôi sẽ ghi nhớ điều đó. Nhưng thầy Ānanda được

khen ngợi bởi đức Thế Tôn và được tôn trọng bởi những huynh đệ hiền trí của thầy trong đời sống thánh thiện; thầy Ānanda có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được đức Thế Tôn nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải một cách chi tiết. Mong thầy Ānanda giảng giải điều đó mà không thấy phiền phức.”

“Vậy thì, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói.”

“Được, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ ở của mình sau khi đã đọc một câu vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng: ‘Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự chấm-dứt của thế giới không thể nào được biết, được thấy, hay đạt tới được bằng cách bước đi. Nhưng, này các Tỳ kheo, ta cũng nói rằng nếu không đạt tới sự chấm-dứt của thế giới thì cũng không làm được sự chấm-dứt đối với khổ đau.’ Tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của câu vắn tắt đó như sau: rằng trong thế giới qua đó con người là một người nhận-thức thế giới, một người tưởng-ra (hình dung, nghĩ ra) thế giới— đây được gọi là thế giới theo Giới Luật của Thánh Nhân.⁵⁸

“Và, này các đạo hữu, cái gì trong thế giới mà qua đó con người là một người nhận-thức thế giới, một người tưởng-ra thế giới? Mất là thứ trong thế giới qua đó con người là một người

nhận-thức thể giới, một người tưởng-ra thể giới. Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm là thứ trong thể giới thông qua đó con người là một người nhận-thức thể giới, một người tưởng-ra thể giới. Thứ trong thể giới qua đó con người là một người nhận-thức thể giới, một người tưởng-ra thể giới— thứ này được gọi là thể giới theo Giới Luật của Thánh Nhân.

“Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ ở của mình sau khi đã đọc một câu vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng: ‘Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự chấm-dứt của thể giới không thể nào được biết, được thấy, hay đạt tới được bằng cách bước đi. Nhưng, này các Tỳ kheo, ta cũng nói rằng nếu không đạt tới sự chấm-dứt của thể giới thì cũng không làm được sự chấm-dứt đối với khổ đau.’ Tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của câu vắn tắt đó là như vậy. Giờ, này các đạo hữu, nếu các thầy muốn, đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của điều này. Khi có đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho các thầy, các thầy nên ghi nhớ nó.”

“Được, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, họ đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn tất cả điều đã xảy ra từ sau lúc đức Thế Tôn đã đi trước đó, và nói thêm: “Sau đó, thưa đức Thế Tôn, chúng con đã đến gặp thầy Ānanda và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều đó. Thầy Ānanda đã giảng giải ý nghĩa cho chúng con theo cách như vậy, với những từ

ngữ như vậy, với những câu chữ như vậy.”

“Này các Tỳ kheo, Ānanda là người khôn trí, Ānanda là người đại trí. Nếu các thầy đã hỏi ta về ý nghĩa của điều đó, thì ta cũng giải thích nó cho các thầy giống như cách thầy Ānanda đã giải thích. Ý nghĩa của điều đó là như vậy, và vì vậy các thầy nên ghi nhớ nó.”

(SN 35:116)

117 (4) Năm Dây Khoái-Lạc Giác-Quan

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ, khi ta còn là một bò-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, ý nghĩ này đã xảy đến với ta: ‘Tâm của ta thường đi lạc theo năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc; ngũ dục) vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm (tức: tâm đã từng trải nghiệm chúng) nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi; hoặc thường đi lạc theo năm dây khoái-lạc giác-quan hiện tại; hoặc hơi chạy theo năm dây khoái-lạc giác-quan trong tương lai.’ Rồi ý nghĩ này xảy đến với ta: ‘Sau khi đã quyết tâm vì phúc lợi của bản thân mình, ta nên tu tập sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ cái tâm đối với năm dây khoái-lạc giác-quan vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi.’”

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, trong trường hợp tâm của các thầy

cũng thường đi lạc theo năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc) vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi; hoặc thường đi lạc theo năm dây khoái-lạc giác-quan hiện tại; hoặc hơi chạy theo năm dây khoái-lạc giác-quan trong tương lai. Do vậy, này các Tỳ kheo, sau khi đã quyết tâm vì phúc lợi của bản thân mình, các thầy nên tu tập sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ cái tâm đối với năm dây khoái-lạc giác-quan vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi.

“Nhu vậy, này các Tỳ kheo, cơ-sở (cảm nhận) đó nên được hiểu, ([tức *nguyên-nhân* đó nên được hiểu biết]),⁵⁹ thì ngay đó mất chấm dứt và nhận-thức về những hình-sắc cũng biến mất. Cơ-sở đó nên được hiểu, thì ngay đó tai chấm dứt và nhận-thức về những âm-thanh cũng biến mất.... Cơ-sở đó nên được hiểu, thì ngay đó tâm chấm dứt và nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm cũng biến mất. Cơ-sở đó nên được hiểu.”

Sau khi nói điều này, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của mình. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo đã suy xét ... [*Tiếp tục lời kinh như đoạn này trong bài kinh kể trên, cho tới chỗ:*] ... Thầy Ānanda đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của mình sau khi đọc một câu văn tắt mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng: ‘Nhu vậy, này các Tỳ kheo, cơ-sở (cảm nhận) đó nên được hiểu, thì ngay đó mất chấm

dứt và nhận-thức về những hình-sắc cũng biến mất ... Cơ-sở đó nên được hiểu, thì ngay đó tâm chấm dứt và nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm cũng biến mất. Cơ-sở đó nên được hiểu.’— thì tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa câu vấn tắt này là như sau: Nay các đạo hữu, câu này được đức Thế Tôn nói ra liên quan tới sự chấm-dứt của sáu cơ-sở cảm-nhận. ([chấm dứt sáu giác-quan là đồng nghĩa Niết-bàn])⁶⁰

“Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ ở của mình sau khi đọc một câu vấn tắt mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng ... — thì tôi hiểu ý nghĩa một cách chi tiết ý nghĩa câu vấn tắt này là như vậy. Giờ, này các đạo hữu, nếu các thầy muốn, hãy đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của điều này. Khi có đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho các thầy, các thầy nên ghi nhớ nó.”

“Được, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, họ đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên và kể lại cho đức Thế Tôn tất cả điều đã xảy ra từ sau lúc đức Thế Tôn đã đi trước đó, và nói thêm: “Sau đó, thưa đức Thế Tôn, chúng con đã đến gặp thầy Ānanda và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều đó. Thầy Ānanda đã giảng giải ý nghĩa cho chúng con theo cách như vậy, với những từ ngữ như vậy, với những câu chữ như vậy.”

“Này các Tỳ kheo, Ānanda là người khôn trí, Ānanda là người đại trí. Nếu các thầy đã hỏi ta về ý nghĩa của điều đó, thì ta

cũng giải thích nó cho các thầy giống như cách thầy Ānanda đã giải thích. Ý nghĩa của điều đó là như vậy, và vì vậy các thầy nên ghi nhớ nó.”

(SN 35:117)

118 (5) Câu Hỏi của Vua Trời Đế-Thích

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó có vua trời Đế-thích [Sakka], vua của các thiên thần, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh ở đây không đạt tới (chúng ngộ) Niết-bàn trong kiếp này? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh (khác) ở đây đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này?”

- “Này vua của các thiên thần, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì thức của người đó trở thành (bị) phụ thuộc theo chúng và dính-chấp vào chúng. Một Tỳ kheo còn dính-chấp thì không đạt tới Niết-bàn.

“Này vua của các thiên thần, có những âm-thanh được nhận

biết bởi tai ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì thức của người đó trở thành (bị) phụ thuộc theo chúng và dính-chấp vào chúng. Một Tỳ kheo còn dính-chấp thì không đạt tới Niết-bàn.

“Đây là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh ở đây không đạt tới Niết-bàn trong kiếp này.

- “Này vua của các thiên thần, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì thức của người đó *không* trở thành (bị) phụ thuộc theo chúng hay dính-chấp vào chúng. Một Tỳ kheo không-còn dính-chấp thì đạt tới Niết-bàn.

“Đây là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh (khác) ở đây đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này.”

(SN 35:118)

[Giống hệt kinh kể trên, ngoại trừ người hỏi đổi thành *Pañcasikha*, con của một thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà (*gandhabba*). Để ý: *Pañcasikha* cũng xuất hiện trong kinh **DN 21** là một nhạc sĩ và thi sĩ trên cõi trời.]⁶¹

(SN 35:119)

120 (7) Xá-Lợi-Phất và Học Trò

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn của thái tử Jeta trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp thầy Xá-lợi-phất và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy đó ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, có một Tỳ kheo là người ở chung chỗ với tôi vừa mới bỏ tu và đã quay lại đời sống thấp tục.”

“Đúng là như vậy, này đạo hữu, khi một người *không phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận* (các giác quan), ăn uống quá độ, và không hết mình vì sự tỉnh-giác (tỉnh thức). Rằng một người không phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, ăn uống quá độ, và không hết mình vì sự tỉnh-giác sẽ duy trì được toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt đời được hay sao— điều đó là không thể được! Nhưng, này đạo hữu, nếu một người *biết phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận*, là người *tiết độ trong ăn uống* (chừng

mục, đủ cho mục đích chân chính, nuôi thân để tu), và là người *sống hết mình vì sự tỉnh-giác* thì sẽ duy trì được toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt đời—điều này là có thể được!

1- “Và, này đạo hữu, theo cách nào một người *phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận* (các phần giác quan)? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo *không* nắm giữ những dấu hiệu và đường nét (hình tướng và đặc tính) của nó.⁶² Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-mắt (nhãn căn) không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm người đó; người đó tu tập phương pháp kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-mắt.

“Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi chạm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo *không* nắm giữ những dấu hiệu và đường nét của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-tai (nhĩ căn) ... căn-tâm (tâm căn) không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm người đó; người đó tu tập phương pháp kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-tai ... căn-tâm. Này đạo hữu, chính theo cách như vậy là người đó phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận.

2- “Và, này đạo hữu, theo cách nào một người là *tiết độ trong ăn uống*? Ở đây, sau khi suy xét một cách khôn khéo, một Tỳ kheo

ăn uống không phải để giải trí (thích thú), không phải để chuốc độc, không phải để cho thân thể đẹp đẽ và hấp dẫn, nhưng chỉ để nuôi sống và duy trì thân này, để khỏi bị khó-ở (vì yếu, đau, bệnh tật), và để hỗ trợ đời sống thánh thiện (nuôi thân để tu), nghĩ rằng: ‘Làm vậy ta trừ diệt cảm-giác cũ (như đói, khát, thèm) và không phát khởi một cảm-giác mới (thấy thích, thấy khoái, thấy mê thèm thức ăn ngon...), và ta được khỏe mạnh, và không bị tội lỗi, và sống được thoải-mái.’⁶³ Đây đạo hữu, chính theo cách như vậy là người đó tiết độ trong ăn uống.

3- “Và, này đạo hữu, theo cách nào là một người *sống hết mình vì sự tỉnh-giác*? Ở đây, suốt ngày, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại (năm chướng-ngại). Trong canh một ban đêm, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh giữa, người đó nằm nghiêng bên phải như tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và có sự rõ-biết, lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ dậy. Rồi đến canh ba, sau khi đã dậy, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Đây đạo hữu, chính theo cách như vậy là một người sống hết mình vì sự tỉnh-giác.

“Vì vậy, này đạo hữu, thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận; chúng ta sẽ

tiết độ trong ăn uống; chúng ta sẽ sống hết mình vì sự tỉnh-giác.’
 Đây đạo hữu, thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 35:120)

121 (8) *Sự Khởi Xướng cho Rāhula*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī, trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc.⁶⁴ Lúc đó, trong khi đức Thế Tôn đang ở một mình trong nơi ẩn cư, một sự suy xét (quán chiếu) đã khởi lên trong tâm đức Thế Tôn như vậy: “Những trạng thái chín muồi trong sự giải-thoát đã dẫn tới sự chín-chắn trong thầy Rāhula (sự chín-chắn: đã trưởng thành trong sự nghiệp tu hành, đã sắp tu thành). Vậy ta hãy dẫn dắt thầy ấy thêm bước nữa để đi tới sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm.”

Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa, đi khát thực trong thành Sāvathī. Sau khi đức Thế Tôn trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đã nói với thầy Rāhula như vậy: “Này Rāhula, lấy theo tám lót ngồi. Chúng ta hãy đến (chỗ được gọi là) Khu Vườn Người Mù để an trú ban ngày.”

“Dạ, thưa đức Thế Tôn”, thầy Rāhula đáp lại, và sau khi lấy theo tám lót chỗ ngồi, thầy ấy đi theo sát đức Thế Tôn.

Bấy giờ, vào lúc đó có nhiều ngàn thiên thần cũng đang theo đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng: “Hôm nay đức Thế Tôn sẽ dẫn dắt Ngài Rāhula thêm bước nữa để đạt tới sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm.” Rồi đức Thế Tôn đi sâu vô Khu Vườn Người Mù và ngồi xuống chỗ một gốc cây đã được dọn sẵn cho đức Thế Tôn. Thầy Rāhula cúi chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn nói với thầy ấy:

“Này Rāhula, thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng? – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’ hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Những hình-sắc là vô thường hay thường hằng? ... Thức-mắt ... Sự tiếp-xúc mắt ... Mọi thứ có trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức đã khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên): là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’ hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Tai ... Tâm là vô thường hay thường hằng? ... Những hiện-tượng thuộc tâm ... Thức-tâm ... Sự tiếp-xúc tâm ... Mọi thứ có trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức đã khởi

sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện: là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta’ hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Rāhula, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, sự ghê-sợ đối với những hình-sắc, sự ghê-sợ đối với thức-mắt, sự ghê-sợ đối với sự tiếp-xúc mắt; sự ghê-sợ đối với mọi thứ có trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức đã khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện. Người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với tai ... tâm ... đối với mọi thứ có trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức đã khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện.

“Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm người đó] được giải thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Rāhula hoan hỷ và hài lòng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài thuyết giảng này đang được nói ra, tâm của thầy Rāhula đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp, và trong

nhiều ngàn thiên thần đó cũng khởi sinh một tầm-nhìn của Giáo Pháp không còn dính bụi, không còn dính nhiễm, như vậy: “Mọi thứ khởi sinh thì đều phải bị chấm dứt.” (có sinh là có diệt)⁶⁵

(SN 35:121)

122 (9) Những Thứ Gông Cùm

[Giống hết kinh **109** ở trên, nhưng nói về sáu đối-tượng giác quan (bên ngoài).] (SN 35:122)

123 (10) Những Thứ Có Thể Bị Dính Chấp

[Giống hết kinh **110** ở trên, nhưng nói về sáu đối-tượng giác quan (bên ngoài).]

(SN 35:123)

NHÓM 3 NHÓM ‘GIA CHỦ’ (Gahapati-vagga)

124 (1) Ở Vesālī

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), trong Sảnh Đường Mái Nhọn. Lúc đó có gia chủ Ugga của thành Vesālī đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn....⁶⁶

[Phần còn lại là hỏi và trả lời giống hệt như kinh **118** ở trên.]

(SN 35:124)

125 (2) Giữa Những Người Vajji

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Vajji (Bạt-kỳ) ở vùng Hatthigāma. Lúc đó có gia chủ Ugga của vùng Hatthigāma đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn....⁶⁷

[Phần còn lại là hỏi và trả lời giống hệt như kinh **118** ở trên]

(SN 35:125)

126 (3) Ở Nālandā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Lúc đó có gia chủ tên Upāli đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn....⁶⁸

[Phần còn lại là hỏi và trả lời giống hệt như kinh 118 ở trên.]

(SN 35:126)

127 (4) Ngài Bhāradvāja

Trong một lần có Ngài Piṇḍola Bhāradvāja đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá Ghosita.⁶⁹ Lúc đó có Vua Udena đến gặp thầy Piṇḍola Bhāradvāja và chào hỏi với thầy ấy.⁷⁰ Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy:

“Thầy Bhāradvāja, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao những Tỳ kheo trẻ, là những người trẻ với tóc đen, được phú cho phúc phần tuổi trẻ, đang trong tuổi thanh xuân của cuộc đời, chưa chơi bời với các khoái-lạc giác-quan, lại đi sống toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?”

“Này đại vương, điều này được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Này các Tỷ kheo, đối với những phụ nữ đủ già để làm mẹ của mình, hãy thiết lập ý tưởng (tâm ý) họ là mẹ của mình; đối với những người đáng tuổi là chị mình, hãy thiết lập ý tưởng họ là chị mình; đối với người trẻ đáng tuổi là em gái mình, hãy thiết lập ý tưởng họ là em gái của mình.’ Này đại vương, đây là một nguyên nhân và lý do tại sao các Tỷ kheo trẻ ... đi sống toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy.”

“Thầy Bhāradvāja, cái tâm là đầy ham muốn (hám dục). Có khi những trạng thái nhục dục cũng khởi sinh đối với cả những người đủ già là mẹ mình; có khi những trạng thái nhục dục cũng khởi sinh đối với người đáng tuổi là chị mình; có khi những trạng thái nhục dục cũng khởi sinh đối với người trẻ đáng tuổi là em gái mình. Vậy còn nguyên nhân và lý do nào khác tại sao những Tỷ kheo trẻ ... lại đi sống toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?”

“Này đại vương, điều này được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Này các Tỷ kheo, hãy coi lại chính thân này từ gót chân trở lên, từ đỉnh đầu trở xuống, được bọc trong da, chứa đầy những thứ ô-úế:⁷¹ “Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, màng treo ruột, bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mũi, nước bọt, nhớt các

khớp xương, và nước tiểu.” Nay đại vương, đây là một nguyên nhân và lý do tại sao các Tỳ kheo trẻ ... đi sống toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy.”

“Thầy Bhāradvāja, điều đó là dễ làm đối với những Tỳ kheo đã tu thân (kiềm chế các cửa giác quan), đã tu giới-hạnh, đã tu tâm, đã tu trí-tuệ. Nhưng điều đó là khó làm đối với những Tỳ kheo không tu thân (không kiềm chế các cửa giác quan), không tu giới-hạnh, không tu tâm, không tu trí-tuệ.⁷² Có khi, mặc dù người đó nghĩ ‘Ta sẽ chú-tâm tới thân là ô-úế’, nhưng người đó cứ chấp nó là đẹp đẽ... Vậy có nguyên nhân và lý do nào khác tại sao những Tỳ kheo trẻ ... lại đi sống toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?”

“Nay đại vương, điều này được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Nay các Tỳ kheo, hãy sống phòng-hộ các cửa của các căn cảm nhận. Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, đừng nắm giữ những dấu hiệu và đường nét (hình tướng và đặc tính) của nó. Bởi vì, nếu các thầy để lơ căn-mắt (nhãn căn) không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm các thầy; các thầy hãy tu tập phương pháp kiềm chế nó, phòng hộ căn-mắt, đảm trách việc kiềm chế căn-mắt.

“Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ...

Khi chạm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỷ kheo không nắm giữ những dấu hiệu và đường nét của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-tai (nhĩ căn) ... căn-tâm (tâm căn) không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm các thầy; các thầy hãy tu tập phương pháp kiềm chế nó, phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, đảm trách việc kiềm chế căn-tai ... căn-tâm. Đây đại vương, đây là một nguyên nhân và lý do tại sao các Tỷ kheo trẻ ... đi sống toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy.”

“Thật kỳ diệu, Thầy Bhāradvāja! Thật tuyệt vời, Thầy Bhāradvāja! Thật khéo hay điều này đã được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Vậy đây là nguyên nhân và lý do tại sao những Tỷ kheo trẻ, là những người trẻ với tóc đen, được phú cho phúc phần tuổi trẻ, đang trong tuổi thanh xuân của cuộc đời, chưa chơi bời với các khoái-lạc giác-quan, lại đi sống toàn bộ đời sống thánh thiện trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy. Cũng như trường hợp của tôi, mỗi khi tôi bước vào khu cung nữ mà không phòng hộ về thân, lời nói, tâm ý, không thiết lập sự chánh-niệm, không kiềm chế các căn cảm-nhận (giác quan), thì lúc đó những trạng thái nhục dục tấn công tôi một cách dữ dội. Nhưng khi nào tôi bước vào khu cung nữ mà có phòng hộ về thân, lời nói, tâm ý, có thiết lập sự chánh-niệm, kiềm chế các căn cảm-nhận, thì lúc đó những trạng thái nhục dục không tấn công tôi một cách như vậy.

“Thật kỳ diệu, Thầy Bhāradvāja! Thật tuyệt vời, Thầy Bhāradvāja! Thầy Bhāradvāja đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, giống như thầy đang dựng đứng lại thứ đã bị quăng đổ, mở ra điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được mọi thứ. Thầy Bhāradvāja, nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn các Tỳ kheo. Kể từ hôm nay mong Thầy Bhāradvāja ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 35:127)

128 (5) Soṇa

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ được gọi là Chỗ Kiềm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có anh Soṇa, con của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn.....

[Phần còn lại giống hệt như kinh 118 ở trên]

(SN 35:128)

129 (6) Gia Chủ Ghosita

Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (của ông) Ghosita (Tịnh Xá Ghosita). Lúc đó gia chủ Ghosita⁷³ đã đến gặp thầy Ānanda ... và thưa với thầy ấy:

“Thưa thầy Ānanda, thường nghe nói ‘nhiều loại yếu-tố, nhiều loại yếu-tố.’⁷⁴ Thưa thầy, theo cách nào mà có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?”

- “Này gia chủ, hiện có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là dễ ưa (dễ chịu, sướng), và có thức-mắt: tùy thuộc vào một sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng, (do có tiếp-xúc nên có [sinh ra] cảm-giác).⁷⁵ Hiện có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là khó ưa (khó chịu, khổ), và có thức-mắt: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. Có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là một căn bản cho sự buông-xả, và có thức-mắt: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính [không sướng không khổ], nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

- “Này gia chủ, hiện có yếu-tố tai ... yếu-tố mũi ... yếu-tố lưỡi ... yếu-tố thân ... yếu-tố tâm, và có những hiện-tượng thuộc tâm là dễ ưa (dễ chịu, sướng), và có thức-tâm: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng. Hiện có yếu-tố tâm, và có những hiện-tượng thuộc tâm là khó ưa (khó chịu, khổ), và có thức-tâm: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. Hiện có yếu-tố tâm, và có những hiện-tượng thuộc tâm là một căn bản cho

sự buông-xả, và có thức-tâm: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính [không sướng không khổ], nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy nên có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn.”

(SN 35:129)

130 (7) Gia Chủ Hāliddakāni

Tôi nghe như vậy. Trong một lần có Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahākaccāna] đang sống giữa những người xứ Avantī, trên Đỉnh Núi Papāta ở Kuraraghara. Lúc đó có gia chủ tên là Hāliddakāni đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên ... và thưa với thầy ấy:⁷⁶

“Thưa thầy, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn: ‘Chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác.’⁷⁷ Thưa thầy, theo cách nào có điều này?”

- “Ở đây, này gia chủ, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỷ kheo hiểu một hình-sắc là dễ ưa (dễ chịu, sướng) như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’⁷⁸ Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng. Rồi, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỷ kheo hiểu một

hình-sắc là khó ưa (khó chịu, khổ) như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’ Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. Rồi, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỷ kheo hiểu một hình-sắc là một căn bản cho sự buông-xả như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’ Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính [không sướng không khổ], nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

- “Thêm nữa, này gia chủ, khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi chạm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỷ kheo hiểu một âm-thanh ... một hiện-tượng thuộc tâm là dễ ưa (dễ chịu, sướng) ... là khó ưa (khó chịu, khổ) ... là một căn bản cho sự buông-xả như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’ Có thức-tâm, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính [không sướng không khổ], nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy nên tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác.”

(SN 35:130)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Bhagga ở xứ Sumsumāragira, trong khu rừng Bhesakaḷā, trong khu Vườn Nai. Lúc đó có gia chủ tên Nakulapitā đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn....⁷⁹

[Phần còn lại giống như kinh 118 ở trên.]

(SN 35:131)

132 (9) Gia Chủ Lohicca

Trong một lần có Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahākaccāna] đang sống giữa những người xứ Avantī ở vùng Makkarakaṭṭa, trong một căn chòi trong rừng. Lúc đó có một số thiếu niên bà-la-môn, là môn sinh của bà-la-môn Lohicca, chúng đang đi lượm củi, chúng đến ngang căn chòi của thầy Đại Ca-chiên-diên. Sau khi đến gần, chúng quậy phá xung quanh chòi, và chơi mấy trò nghịch ngợm và ồn ào, và nói lời trêu chọc: “Mấy ông đầu trọc, tu sĩ giả hiệu, những kẻ đê hèn, giống nòi đen đui được sinh ra từ bàn chân của Thượng Đế, chỉ được tôn vinh, được tôn trọng, được kính trọng, được cung kính, và được tôn kính bởi những tín đồ hèn mọn của họ.” (Bản dịch của Sujato dịch luôn là: ‘*bởi những kẻ giả vờ để thừa hưởng văn minh Vệ-đà*’.)

Rồi thầy Đại Ca-chiên-diên bước ra và nói với những thiếu niên bà-la-môn đó: “Đừng làm ồn ào nữa, các cậu. Ta sẽ nói về

Giáo Pháp cho các cậu nghe.” Khi câu này được nói ra, những thiếu niên bà-la-môn đó im lặng. Rồi thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói với họ bằng những lời thi kệ như vậy:

“Những bà-la-môn thời xưa xuất sắc về đức-hạnh,
Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới-luật cổ xưa,
Các cửa giác-quan được phòng hộ, được khéo bảo vệ,
Và họ sống quản chế được sân-giận bên trong.
Họ vui thích trong Giáo Pháp và thiền định,⁸⁰
Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới-luật cổ xưa.

“Còn những bà-la-môn thời này thì đã sa sút,
Chỉ nói lời ‘tụng lại’
Chỉ hô hào về họ tộc, hành xử không đúng đắn,
Bị sân-giận quản chế, dùng gậy gộc vũ khí,
Tấn công kẻ mạnh lẫn kẻ yếu.

“Đối với ai có ‘các cửa giác quan không phòng hộ’,
[Mọi điều thệ nguyện, tụng, cúng] thì đều là vô ích.
Chỉ giống như tài sản có trong giấc mơ:
Nào là cách: nhịn đói nằm ngủ trên nền đất,
Tắm khi mặt trời mọc, [học thuộc] ba kinh Vệ-đà,
Mặc da thú thô cứng, tóc bện, và bụi đất;
Thần chú, tục lệ và thệ nguyện (giới cấm thủ, mê tín), và khổ hạnh hành xác,
Nhân nghĩa bề ngoài, nhân sự suy đồi,
và cả nghi thức tắm gội:

Đây là những biểu-hiệu của các bà-la-môn,
Được dùng để gia tăng của cải vật chất.

“Một cái tâm kéo đạt định,
Minh-mẫn và không-còn dính nhiễm,
Hiền-từ với mọi chúng sinh hữu tình—
Đó mới thực là con đường đạt tới cõi trời Brahmā.”

Rồi các thiếu niên bà-la-môn, tức giận và bất đồng, đã về gặp bà-la-môn tên Lohicca và nói với ông: “Thưa đức ngài, ngài nên biết có sa-môn Đại Ca-chiên-diên đã thắng thừng chề bai và chỉ trích những thần chú của các bà-la-môn.”

Khi câu này được nói ra, bà-la-môn Lohicca tức giận và bất đồng. Nhưng ý nghĩ này đã xảy đến với ông: “Sẽ không hay đối với ta nếu ta quay lại trấn áp và chửi bới sa-môn Đại Ca-chiên-diên chỉ dựa theo điều ta mới nghe từ mấy thiếu niên. Để ta đến gặp ông ấy và tra hỏi.”

Rồi bà-la-môn Lohicca, cùng với mấy thiếu niên bà-la-môn đó, đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên. Ông ta chào hỏi với thầy Đại Ca-chiên-diên, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy: “Này Thầy Ca-chiên-diên, có phải mấy thiếu niên bà-la-môn, là các môn sinh của tôi, đã đi qua đây khi chúng đi lượm củi?”

“Đúng vậy, bà-la-môn”

“Có phải Thầy Ca-chiên-diên có cuộc nói chuyện với chúng không?”

“Tôi có cuộc nói chuyện với chúng, này bà-la-môn”

“Cuộc nói chuyện gì thầy đã nói với chúng, Thầy Ca-chiên-diên?”

“Cuộc nói chuyện tôi nói cho các thiếu niên đó là như vậy:

‘Những bà-la-môn thời xưa xuất sắc về đức-hạnh,
Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới luật cổ xưa
Hiền từ với mọi chúng sinh hữu tình—
Đó mới thực là con đường đạt tới cõi trời Brahmā.’

Đó là cuộc nói chuyện tôi đã nói cho các thiếu niên đó.”

“Thầy Ca-chiên-diên đã nói ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ.’ Này Thầy Ca-chiên-diên, theo cách nào là một người có ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ’?”

- “Ở đây, này bà-la-môn, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng mắt, người ta thường ý thích (tham) một hình-sắc dễ chịu và từ chối (sân) một hình-sắc khó chịu.⁸¹ Người đó sống không thiết lập sự chánh-niệm về thân, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu được, đúng như nó thực là, về sự giải thoát của-tâm, về sự giải thoát nhờ-trí-tuệ trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ (không còn tàn dư).

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng tai ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* (pháp) bằng tâm, người ta thường ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và từ chối (sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống không thiết lập sự chánh-niệm về thân ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chắm dứt sạch sẽ (không còn tàn dư). Đây bà-la-môn, chính theo cách như vậy là một người có ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ.’”

“Thật kỳ diệu, Thầy Ca-chiên-diên! Thật tuyệt vời, Thầy Ca-chiên-diên! Nhưng Thầy Ca-chiên-diên cũng nói ‘các cửa giác-quan được phòng hộ’. Thầy Ca-chiên-diên, theo cách nào là một người có ‘các cửa giác-quan được phòng hộ’?”

- “Ở đây, này bà-la-môn, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng mắt, người tu *không* có ý thích (không tham) một hình-sắc dễ chịu, cũng *không* từ chối (không sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống thiết lập sự chánh-niệm về thân, với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được, đúng như nó thực là, về sự giải thoát của-tâm, về sự giải thoát nhờ-trí-tuệ trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chắm dứt sạch sẽ.

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng tai ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* (pháp) bằng tâm, người tu *không* ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu, cũng *không* từ chối (không sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống thiết lập sự chánh-niệm về thân ... trong đó những trạng thái

xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Nay bà-la-môn, chính theo cách như vậy là một người có ‘các cửa giác-quan được phòng hộ.’”

“Thật kỳ diệu,! Thật tuyệt vời,! Giáo Pháp đã được làm rõ theo nhiều cách bởi Thầy Ca-chiên-diên ... [*tiếp tục giống đoạn này trong kinh 127 ở trên*] ... Kể từ hôm nay mong Thầy Ca-chiên-diên ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.

“Mong Thầy Ca-chiên-diên ghé tới gia đình Lohicca cũng giống như thầy ghé tới các gia đình của các đệ tử tại gia khác ở vùng Makkarakata này. Những thiếu niên và thiếu nữ bà-la-môn ở đó sẽ kính lễ Thầy Ca-chiên-diên, họ sẽ đứng dậy vì sự kính trọng đối với thầy, họ sẽ mời thầy chỗ ngồi và nước uống, và điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”

(SN 35:132)

133 (10) Gia Chủ Verahaccāni

Trong một lần có Ngài Udāyī đang sống ở Kāmaṇḍā trong khu Vườn Xoài của bà-la-môn tên Todeyya. Lúc đó có một thiếu niên bà-la-môn, là một môn sinh của nữ bà-la-môn thuộc họ tộc Verahaccāni, đã đến gặp thầy Udāyī và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên, và thầy Udāyī đã chỉ dạy, đã khởi xướng (giáo huấn), đã truyền

cảm hứng, và làm hoan hỷ anh ta bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp. Sau khi đã được chỉ dạy, được khởi xướng, được truyền cảm hứng, và được làm hoan hỷ, anh ta đã đến gặp nữ bà-la-môn họ Verahaccāni, và nói với bà ta rằng:

“Thưa phu nhân, phu nhân nên biết rằng sa-môn Udāyī chỉ dạy một Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, bằng ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; và thầy ấy cho thấy một đời sống thánh thiện toàn thiện và tinh khiết.”

“Trong trường hợp đó, này cậu trẻ, hãy nhân danh ta mời sa-môn Udāyī dùng cơm trưa ngày mai.”

“Dạ, thưa phu nhân”, thiếu niên đó đáp lại. Rồi anh ta đến chỗ thầy Udāyī và nói lại với thầy ấy: “Mong Thầy Udāyī đồng ý lời mời tới dùng cơm trưa từ vị thầy đáng kính của tôi, nữ bà-la-môn của họ tộc Verahaccāni.”

Thầy Udāyī đồng ý trong im lặng. Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, thầy Udāyī mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa đi tới cư gia của nữ bà-la-môn họ tộc Verahaccāni. Tới đó thầy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi, bằng chính tay mình, nữ bà-la-môn đã chiêu đãi và làm vui lòng thầy Udāyī bằng nhiều món ăn ngon lành. Sau khi thầy Udāyī đã ăn xong, và dẹp bình bát đi⁸², lúc đó nữ bà-la-môn mang dép vào, ngồi xuống chỗ ngồi cao hơn, khăn trùm đầu, và nói với thầy ấy: “Này vị sa-môn, hãy chỉ dạy Giáo Pháp.” Thầy ấy nói: “Thưa chị, xin hãy để dịp sau”, sau

đó thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về.⁸³

Lần thứ hai thiếu niên bà-la-môn đó đến gặp thầy Udāyī ...
[mọi sự diễn ra như đoạn kinh trên, và anh ta cũng về thừa lại với
nữ bà-la-môn, và bà đã nói:]

“Theo cách như vậy, này cậu trẻ, cậu cứ tiếp tục ca ngợi sa-môn Udāyī đó đi, chứ khi ta nói với ông ta: ‘Thưa sa-môn, hãy chỉ dạy Giáo Pháp’, thì ông nói: ‘Thưa chị, xin hãy để dịp khác’, rồi ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về.”

“Thưa phu nhân, đó là bởi vì phu nhân đã mang dép, ngồi ở chỗ ngồi cao hơn, trùm che đầu tóc, và yêu cầu sa-môn chỉ dạy Giáo Pháp. Bởi những sư thầy đó rất tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp.”

“Trong trường hợp đó, này cậu trẻ, hãy nhân danh ta mời sa-môn Udāyī đến dùng cơm trưa ngày mai.”

“Dạ, thưa phu nhân”, thiếu niên đó đáp lại. Rồi anh ta đi đến chỗ thầy Udāyī ... [và mọi sự tiếp tục như lần đầu, cho đến lúc:] ... Sau khi thầy Udāyī đã ăn xong và dẹp bình bát đi, nữ bà-la-môn đã cởi dép ra, ngồi xuống chỗ ngồi thấp hơn, cởi bỏ khăn trùm đầu, và nói với thầy ấy: “Thưa Ngài, khi cái gì có mặt (hiện hữu, tồn tại) thì bậc A-la-hán tuyên bố có sừng và khở? Và khi cái gì không có mặt thì bậc A-la-hán không tuyên bố có sừng và khở?”

“Này chị, những A-la-hán tuyên bố khi có *mất* là có sừng và

khổ, và khi không có mắt thì không có sướng và khổ. Những A-la-hán tuyên bố rằng khi có *tai* ... có *tâm* là có sướng và khổ, và khi không có tai ... không có tâm thì không có sướng và khổ.”

Khi điều này được nói ra, nữ bà-la-môn của họ tộc Verahaccāni đã nói với thầy Udāyī: “Thật kỳ diệu, Thầy Udāyī! Thật tuyệt vời, Thầy Udāyī! Giáo Pháp đã được làm rõ theo nhiều cách bởi Thầy Udāyī ... [*tiếp tục giống đoạn này trong kinh 127 ở trên*] ... Kể từ hôm nay mong Thầy Udāyī ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 35:133)

NHÓM 4

NHÓM ‘DEVADAHĀ’

(Devadaha-vagga)

134 (1) Ở *Devadaha*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người họ tộc Thích-Ca [Sakya]⁸⁴ ở đó có một thị trấn tên là Devadaha. (Devadaha là quê mẹ của Đức Phật). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

- “Này các Tỳ kheo, ta không nói về tất cả các Tỳ kheo rằng họ còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu giác-quan [sáu cơ-sở (đề) tiếp xúc], ta cũng không nói về tất cả các Tỳ kheo rằng họ không còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu giác-quan.

- “Ta không nói về những Tỳ kheo là A-la-hán—là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống thánh thiện, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu của họ, đã hoàn toàn tiêu diệt các gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, và đã hoàn toàn giải-thoát thông qua sự hiểu-biết cuối-cùng—rằng họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu giác-quan. Vì sao vậy? Vì họ đã làm xong công việc của họ với

sự chuyên-chú; vì họ không còn khả năng lơ tâm phóng dật nữa.

- “Nhưng ta nói về những Tỳ kheo còn là người tu tập (học nhân)—là những người chưa đạt tới lý tưởng của tâm mình, những người đang sống (với) tâm nguyện đạt tới sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói-buộc—rằng họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu giác-quan. Vì sao vậy? (bởi vì) Đây các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi mắt là dễ thích và ... là khó ưa. [Người tu nên tu tập để cho:] những thứ này không còn tồn-tại và ám-muội trong tâm người đó ngay cả khi người đó có nếm trải [trải nghiệm] chúng hoài hoài. Khi tâm không bị ám muội, nguồn năng lượng mạnh mẽ [không ngại, không đui] sẽ được phát khởi, sự chánh-niệm không lăng xăng (không tạp, sáng rõ) được thiết lập, thân trở nên tĩnh lặng và không bị quấy động, tâm trở nên đạt-định và đạt tới nhất-điểm (hợp nhất). Đây các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy đạo quả của sự chuyên-chú, ta nói rằng những Tỳ kheo đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu giác-quan.

“Đây các Tỳ kheo, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi tâm là dễ thích và ... là khó ưa. [Người tu nên tu tập để cho:] những thứ này không còn tồn-tại và ám-muội trong tâm người đó ngay cả khi người đó có nếm trải chúng hoài hoài. Khi tâm không bị ám muội, nguồn năng lượng mạnh mẽ sẽ được phát khởi, sự chánh-niệm không lăng xăng được thiết lập, thân trở nên tĩnh lặng và không bị quấy động, tâm trở nên đạt-định và đạt tới nhất-điểm. Đây các Tỳ

kheo, sau khi đã nhìn thấy đạo quả của sự chuyên-chú, ta nói rằng những Tỷ kheo đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu giác-quan.

(SN 35:134)

135 (2) Cơ Hội

“Này các Tỷ kheo, điều đó là lợi ích cho các thầy, điều đó là các thầy khéo được nhiều lợi ích, rằng các thầy đã có-được cơ hội để sống đời sống (tu hành) thánh thiện.

“Này các Tỷ kheo, ta đã nhìn thấy cái địa-ngục tên là ‘Sáu Cơ-sở Tiếp-xúc’ (tức: sáu giác-quan)⁸⁵ Ở đó, *mọi hình-sắc* người ta nhìn thấy bằng mắt đều là: không đáng ước, không bao giờ đáng ước, không đáng yêu, không bao giờ đáng yêu, không dễ chịu, không bao giờ dễ chịu; (tức: đau khổ, kinh khủng). *Mọi âm-thanh* người ta nghe ... *Mọi mùi-hương* người ta ngửi... *Mọi mùi-vị* người ta nếm ... *Mọi đối-tượng chạm xúc* người ta cảm nhận ... *Mọi hiện-tượng thuộc tâm* người ta nhận biết bằng tâm đều là: không đáng ước, không bao giờ đáng ước, không đáng yêu, không bao giờ đáng yêu, không dễ chịu, không bao giờ dễ chịu.

“Này các Tỷ kheo, điều đó là lợi ích cho các thầy, điều đó là các thầy khéo được nhiều lợi ích, rằng các thầy đã có-được cơ hội để sống đời sống thánh thiện. Này các Tỷ kheo, ta đã nhìn thấy cái

thiên-đường tên là ‘Sáu Cơ-sở Tiếp-xúc’⁸⁶ Ở đó, *mọi hình-sắc* người ta nhìn thấy bằng mắt là: đáng ước, không bao giờ không đáng ước, đáng yêu, không bao giờ không đáng yêu, dễ chịu, không bao giờ không dễ chịu; (tức: sung sướng, tuyệt vời). Mọi âm-thanh người ta nghe ... *Mọi mùi-hương* người ta ngửi... *Mọi mùi-vị* người ta nếm ... *Mọi đối-tượng chạm xúc* người ta cảm nhận ... *Mọi hiện-tượng thuộc tâm* người ta nhận biết bằng tâm đều là: đáng ước, không bao giờ không đáng ước, đáng yêu, không bao giờ không đáng yêu, dễ chịu, không bao giờ không dễ chịu.

“Này các Tỳ kheo, điều đó là lợi ích cho các thầy, điều đó là các thầy khéo được nhiều lợi ích, rằng các thầy đã có-được cơ hội để sống đời sống (tu hành) thánh thiện.”

(SN 35:135)

136 (3) Thích Thú Những Hình-Sắc ... (1)

- “Này các Tỳ kheo, những thiên thần và loài người *thích thú* những hình-sắc (cảnh, vật, kể cả thân sắc...), khoái thích những hình-sắc, vui thích những hình-sắc. Khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hình-sắc, thì những thiên thần và người sống trong khổ đau.

“Những thiên thần và loài người thích thú những âm-thanh ... thích thú những mùi-hương ... thích thú những mùi-vị ... thích

thú những đối-tượng chạm xúc ... thích thú những hiện-tượng thuộc tâm, khoái thích những hiện-tượng thuộc tâm, vui thích những hiện-tượng thuộc tâm. Khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hiện-tượng thuộc tâm, thì những thiên thần và người sống trong khổ đau.

- “Nhưng, này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp của] những hình-sắc. Bậc ấy *không thích thú* những hình-sắc, không khoái thích những hình-sắc, không vui thích những hình-sắc. Nên khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hình-sắc, Như Lai vẫn sống an lạc.

“Bậc ấy đã hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp của] những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi-vị ... những đối-tượng chạm xúc ... những hiện-tượng thuộc tâm. Bậc ấy không thích thú những hiện-tượng thuộc tâm, không khoái thích những hiện-tượng thuộc tâm, không vui thích những hiện-tượng thuộc tâm. Nên khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hiện-tượng thuộc tâm, Như Lai vẫn sống an lạc.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Những hình sắc, mùi hương, mùi vị,
Những chạm-xúc và những đối tượng của tâm—
Là đáng ước, đáng yêu, dễ chịu,
Tới khi nào chúng được cho: ‘Đúng là như vậy.’

“Thì chúng được coi là hạnh phúc,
Bởi thế giới có những thiên thần;
Nhưng tới khi: ‘chúng chấm dứt’,
Thì họ coi là khổ đau.

“Bậc thánh nhân đã nhìn thấy:
Sự chấm dứt ‘danh-tính’ mới đích thực là hạnh phúc.
Cách-nhìn này của những bậc rõ-thấy,
Thì ngược dòng với toàn bộ thế gian.⁸⁷

“Những gì người ta gọi là hạnh phúc,
Thánh nhân nói là khổ;
Những gì người ta gọi là khổ,
Thánh nhân biết đó là hạnh phúc.

“Đó, giáo lý này thật khó hiểu:
Nó làm những kẻ ngu hoang mang,
Những người có tâm bị đóng chặt thì thật là chướng ngại,
Những người không nhìn thấy thì tất cả chỉ là bầu tối đen.

“Với người tốt có tâm khai mở,
Thì giáo lý đó là ánh sáng cho người nhìn thấy.
Người ngu si không thiện khéo trong Giáo Pháp

Thì không hiểu được nó cho dù nó hiện diện trước mặt.

“Giáo Pháp này là không dễ hiểu được,
Bởi những người với tham-dục được hiện-hữu,
Những người đang trôi theo dòng chảy hiện-hữu,
Đã lún sâu vào cõi của Ma-vương.

“Còn ai ngoài những bậc thánh nhân,
Có thể hiểu được trạng thái này?
Khi họ đã đúng đắn hiểu-biết trạng thái đó (Niết-bàn),
Bậc vô-nhiễm đã hoàn toàn dập tắt.”⁸⁸

(SN 35:136)

137 (4) Thích Thú Những Hình-Sắc (2)

[Giống hệt kinh kể trên, nhưng không có phần thi kệ.]

(SN 35:137)

138 (5) Không Phải Cửa-Ta (1) (cỏ, cây, cành, lá)

“Này các Tỳ kheo, thứ gì không phải là cửa-ta [của các thầy],
hãy dẹp bỏ nó. Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc
lợi và hạnh phúc dài lâu cho các thầy. Và, này các Tỳ kheo, cái gì

không phải là của-ta? *Mắt* không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy. *Tai* không phải là của-ta ... *Tâm* không phải là của-ta. Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn đến phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy.

“Này các Tỳ kheo, giả sử người ta dọn hết cỏ, cây, cành, lá trong cả Khu Vườn này của thái tử Jeta, hoặc đốt chúng đi, hoặc xử lý chúng theo ý họ. Vậy các thầy có nghĩ (điều đó đồng nghĩa rằng): ‘Người ta đang dọn chúng ta đi, hoặc đang đốt hết chúng ta, hoặc đang xử lý chúng ta theo ý họ’ hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì, thưa Thế Tôn, (cỏ, cây, cành, lá) đó đâu phải là chúng ta hay thuộc về chúng ta.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mắt không phải là của-ta ... Tai ... Mũi ... Lưỡi không phải là của-ta ... Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho các thầy.”

(SN 35:138)

[Kinh **138** này và kinh **139** kế tiếp là các mẫu-kinh song hành với các kinh **SN 22:33** và **34**, và cũng được coi là hai phiên bản rút-gọn của các kinh **SN 35:101** và **102**.]⁸⁹

139 (6) *Không Phải Của-Ta (2)* (cỏ, cây, cành, lá)

[Giống hệt kinh kể trên, nhưng nói về sáu đối-tượng giác quan (bên ngoài).]

(SN 35:139)

140 (7) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân [Bên-Trong]

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường.⁹⁰ Nguyên nhân và điều kiện (nhân-duyên) làm khởi sinh mắt cũng là vô thường. Khi mắt bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Tai là vô thường ... Tâm là vô thường. Nguyên nhân và điều kiện làm khởi sinh tai ... tâm cũng là vô thường. Khi tai ... tâm bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt ... đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm người đó] được giải thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 35:140)

141 (8) Khô Là Có Nguyên Nhân [Bên-Trong]

“Này các Tỳ kheo, mắt là khô. Nguyên nhân và điều kiện (nhân-duyên) làm khởi sinh mắt cũng là khô. Khi mắt bắt nguồn từ thứ khô, thì làm sao nó không là khô?

“Tai là khô ... Tâm là khô. Nguyên nhân và điều kiện làm khởi sinh tai ... tâm cũng là khô. Khi tai ... tâm bắt nguồn từ thứ khô, thì làm sao nó không là khô?

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.””

(SN 35:141)

142 (9) Vô-Ngã Là Có Nguyên Nhân [Bên-Trong]

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô ngã. Nguyên nhân và điều kiện (nhân-duyên) làm khởi sinh mắt cũng là vô ngã. Khi mắt bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó không là vô ngã?

“Tai là vô ngã ... Tâm là vô ngã. Nguyên nhân và điều kiện làm khởi sinh tai ... tâm cũng là vô ngã. Khi tai ... tâm bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó không là vô ngã?

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã

được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:142)

143 (10) — 145 (12) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân...

[Bên-Ngoài]

[Giống hết kinh **140—142** kể trên, chỉ khác là thay bằng sáu loại đối-tượng giác quan: những hình-sắc, những âm-thanh...]

(SN 35:143—45)

NHÓM 5 NHÓM ‘MỚI VÀ CŨ’ (Navapurāṇa-vagga)

146 (1) *Nghiệp*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về nghiệp [kamma] mới và nghiệp cũ, sự chấm-dứt nghiệp, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nghiệp. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói....

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp cũ? *Mắt* là nghiệp cũ, nên được nhìn thấy là đã được tạo ra và được chế tác bởi sự chọn-lựa và cố-ý, là thứ để được cảm nhận.⁹¹ *Tai* là nghiệp cũ ... *Tâm* là nghiệp cũ, nên được nhìn thấy là đã được tạo ra và tác thành bởi sự chọn-lựa và cố-ý, là thứ để cảm nhận. Đây được gọi là nghiệp cũ.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp mới? Đó là *mọi hành-vi* người ta làm trong hiện tại bằng thân, lời nói, tâm ý. Đây được gọi là nghiệp mới.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chấm-dứt nghiệp? Khi người tu đạt tới sự giải-thoát thông qua sự chấm dứt những hành-vi (ba nghiệp) của thân, lời nói, tâm ý, thì đây được gọi là sự chấm-dứt nghiệp.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt nghiệp? Là con đường Bát Thánh Đạo; đó gồm: cách nhìn đúng đắn (chân chính), ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, nghề nghiệp mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, định tâm đúng đắn; (chánh kiến ... chánh định)

“Nhu vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy về nghiệp cũ, ta đã dạy về nghiệp mới, ta đã dạy về sự chấm dứt nghiệp, ta đã dạy về con đường dẫn tới sự chấm dứt nghiệp. Này các Tỳ kheo, những gì cần phải làm bởi một người thầy bi mẫn với lòng bi mẫn dành cho những học trò của mình, vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có những gốc cây, kia có những chòi trống. Hãy thiền tập, này các Tỳ kheo, đừng lơ tâm xao lãng, chớ để hối tiếc về sau! Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

(SN 35:146)

147 (2) Thích Hợp để Chứng Ngộ Niết-Bàn (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường lối (cách tu) thích-hợp để chứng ngộ Niết-bàn. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường lối thích hợp để chứng ngộ Niết-bàn? Ở đây, một Tỳ kheo nhìn thấy mắt là vô thường, người đó nhìn thấy những hình-sắc là vô thường, người đó nhìn

thấy thức-mắt là vô thường, người đó nhìn thấy sự tiếp-xúc mắt là vô thường, người đó nhìn thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường.

“Người đó nhìn thấy tai là vô thường ... Người đó nhìn thấy tâm là vô thường, người đó nhìn thấy những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, người đó nhìn thấy thức-tâm là vô thường, người đó nhìn thấy sự tiếp-xúc tâm là vô thường, người đó nhìn thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường.

“Này các Tỳ kheo, đây chính là đường lối thích hợp để chứng ngộ Niết-bàn.”

(SN 35:147)

148 (3) — 149 (4) Thích Hợp để Chứng Ngộ Niết-Bàn...
(2-3)

[Giống hệt kinh kể trên, chỉ thay chữ ‘vô thường’ lần lượt bằng ‘là khổ’ và ‘là vô-ngã’.]

(SN 35:48—149)

150 (5) Thích Hợp để Chứng Ngộ Niết-Bàn (4)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy cách thích-hợp để chúng ngộ Niết-bàn. Hãy lắng nghe điều đó....

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là vô thường hay thường hằng?”... [*Tiếp tục như toàn bộ nội dung kinh 32 ở trên ...*]

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.””

(SN 35:150)

151 (6) Một Học Trò

“Này các Tỳ kheo, đời sống thánh thiện này được sống mà không-có các học trò và không-có thầy.⁹² Một Tỳ kheo có các học trò và có sư thầy là sống trong khổ đau, không được thư thả. Một Tỳ kheo không-có các học trò và không-có sư thầy thì sống hạnh phúc, được thư thả (khinh an).

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo có các học trò và có sư thầy là sống trong khổ đau, không được thư thả? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, thì ở đó khởi sinh trong người đó những trạng thái xấu ác bất thiện, những sự-nhớ (cả ký ức, và niệm) và những ý-định xấu ác bất thiện có nối kết với những gông-cùm.⁹³ Chúng trú-ở bên trong người đó. Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện trú-ở bên

trong người đó, nên người đó được gọi là ‘*người có các học trò.*’ Chúng tấn công người đó. Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện tấn công người đó, nên người đó được gọi là ‘*người có sư thầy.*’

“Thêm nữa, khi một Tỳ kheo nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm ... nên người đó được gọi là ‘*người có sư thầy.*’

“Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có các học trò và có sư thầy là sống trong khổ đau, không được thư thả.

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo không-có các học trò và không-có sư thầy thì sống hạnh phúc, được thư thả? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, ở đó *không* khởi sinh trong người đó những trạng thái xấu ác bất thiện, những sự-nhớ (cả ký ức, và niệm) và những ý-định xấu ác bất thiện có nối kết với những gông-cùm. Chúng không trú-ở bên trong người đó. Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện không trú-ở bên trong người đó, nên người đó được gọi là ‘*người không-có các học trò.*’ Chúng không tấn công người đó. Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện không tấn công người đó, nên người đó được gọi là ‘*người không-có sư thầy.*’

“Thêm nữa, khi một Tỳ kheo nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm ... nên người đó được gọi là ‘*người không-có sư thầy.*’

“Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo không-có các học

trò và không-có sư thầy thì sống hạnh phúc, được thư thả.

“Này các Tỳ kheo, đời sống thánh thiện này được sống mà không-có các học trò và không-có thầy. Một Tỳ kheo có các học trò và có sư thầy là sống trong khổ đau, không được thư thả. Một Tỳ kheo không-có các học trò và không-có sư thầy thì sống hạnh phúc, được thư thả.”

(SN 35:151)

152 (7) Mục Đích Của Đời Sống Thánh Thiện?

“Này các Tỳ kheo, nếu các du sĩ giáo phái khác có hỏi các thầy: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống thánh thiện (đi tu) dưới (theo) sa-môn Cồ-đàm?’— khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời các du sĩ đó như vậy: ‘Này các bạn, mục đích sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.’

“Rồi, này các Tỳ kheo, nếu các du sĩ đó hỏi các thầy: ‘Này các bạn, cái gì là sự khổ đó mà để hoàn-toàn hiểu nó phải đi sống đời sống thánh thiện dưới sa-môn Cồ-đàm?’— khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, *mất* là khổ: mục đích của sự sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. Những hình-sắc là khổ ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mất là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là khổ: mục đích của sự

sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này.

“Tai là khổ ... Tâm là khổ Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là khổ: mục đích của sự sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. Nay các bạn, mục đích của việc sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.’

“Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời các du sĩ đó theo cách như vậy.”

(SN 35:152)

153 (8) Có Phương Pháp Nào?

“Này các Tỳ kheo, có phương pháp (cách tu, pháp môn) nào mà nhờ đó một Tỳ kheo— không phải do (dựa vào) lòng tin, không phải do thiên kiến cá nhân, không phải do lời truyền thừa bằng miệng, không phải do sự suy xét lý giải, không phải do chấp nhận một quan điểm sau khi cân nhắc suy xét nó⁹⁴— có thể tuyên bố sự hiểu-biết cuối cùng như vậy: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa?’” (tức Tỳ kheo đó niết-bàn)

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được dẫn dắt bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vâng hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, này các Tỳ kheo, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Đây là một phương pháp nhờ đó một Tỳ kheo— không phải do lòng tin ... không phải do chấp nhận một quan điểm sau khi cân nhắc suy xét nó— có thể tuyên bố sự hiểu-biết cuối cùng như vậy: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’ Và cái gì là phương pháp đó? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, nếu có tham, sân, hay si ở bên-trong, người đó hiểu rằng: ‘Có tham, sân, hoặc si ở bên-trong’; hoặc, nếu không-có tham, sân, hay si ở bên-trong, người đó hiểu rằng: ‘Không-có tham, sân, hay si ở bên-trong.’⁹⁵ Từ sự việc (nhìn thấy) như vậy, thì có phải những điều trên được hiểu là do [dựa vào] lòng tin, do thiên kiến cá nhân, do lời truyền thừa bằng miệng, do sự suy xét lý giải, do chấp nhận một quan điểm sau khi cân nhắc suy xét nó, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Có phải những điều này được hiểu là do nhìn thấy chúng

bằng trí-tuệ?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, đây là phương pháp nhờ đó một Tỳ kheo có thể tuyên bố sự hiểu-biết cuối cùng như vậy: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’

“Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, nếu có tham, sân, hay si ở bên-trong, người đó hiểu rằng: ‘Có tham, sân, hoặc si ở bên-trong’; hoặc, nếu không-có tham, sân, hay si ở bên-trong, người đó hiểu rằng: ‘Không-có tham, sân, hay si ở bên-trong.’ Từ sự việc (nhìn thấy) như vậy, thì có phải những điều trên được hiểu là do [dựa vào] lòng tin, do thiên kiến cá nhân, do lời truyền thừa bằng miệng, do sự suy xét lý giải, do chấp nhận một quan điểm sau khi cân nhắc suy xét nó, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Có phải những điều này được hiểu là do nhìn thấy chúng bằng trí-tuệ?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, đây là phương pháp nhờ đó một Tỳ kheo— không phải do lòng tin, không phải do thiên kiến cá nhân, không phải do lời truyền thừa bằng miệng, không phải do sự suy xét lý giải, không phải do chấp nhận một quan điểm sau khi cân

nhắc suy xét nó— có thể tuyên bố sự hiểu-biết cuối cùng như vậy: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 35:153)

154 (9) *Được Trang Bị Các Căn*

Lúc đó có một Tỷ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘được trang bị [được phú] các căn, được trang bị các căn.’⁹⁶ Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người được trang bị các căn?”

“Này Tỷ kheo, nếu trong khi một người sống quán sát (quán niệm, quán xét) sự lên và xuống của căn-mắt, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với căn-mắt; nếu trong khi người đó quán sát sự lên và xuống của căn-tai, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với căn-tai ... nếu trong khi người đó quán sát sự lên và xuống của căn-tâm, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với căn-tâm, thì sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó sẽ trở nên chán-bỏ; sau khi chán-bỏ [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu biết ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’ Này Tỷ kheo,

chính theo cách như vậy là người đó được trang bị các căn.”

(SN 35:154)

155 (10) Người Thuyết Pháp

[Kinh này là mẫu-kinh song hành với các kinh **SN 12:16** và **SN 22:115.**]⁹⁷

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người thuyết Pháp, người thuyết Pháp.’ Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người thuyết Pháp?”

“Này Tỳ kheo, nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *mắt*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. Nếu ai tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *mắt*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với *mắt*, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

“Này các Tỳ kheo, nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *tai ... tâm* vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *tâm*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. Nếu ai tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *tai ... tâm*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với *tai ... tâm*, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

(SN 35:155)

PHẦN IV

‘NĂM MƯƠI KINH THỨ THƯ’

NHÓM 1

NHÓM ‘TIÊU DIỆT SỰ THÍCH-THÚ’ (Nadikkhaya-vagga)

156 (1) *Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (1)* (bên-trong)

[Kinh **156** này và kinh **157** kế tiếp là mẫu-kinh song hành với **SN 22:51**.]

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nhìn thấy *mất* vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng-đắn (chánh kiến) của người đó. Sau khi nhìn thấy một cách đúng đắn như vậy, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ. Nhờ tiêu diệt sự thích-thú [vui thú, khoái thích] nên có sự tiêu diệt nhục-dục; nhờ tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt sự thích-thú. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và nhục-dục nên tâm được giải thoát và được cho là được

giải thoát một cách khéo léo.

“Một Tỷ kheo nhìn thấy *tai* vô thường đúng như nó thực chất là vô thường ... *tâm* vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng-đắn của người đó. Sau khi nhìn thấy một cách đúng đắn như vậy, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú nên có sự tiêu diệt nhục-dục; nhờ sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt sự thích-thú. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và nhục-dục nên tâm được giải thoát và được cho là được giải thoát một cách khéo léo.

(SN 35:156)

157 (2) Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (2) (bên-ngoài)

[Giống hệt kinh kể trên, nhưng nói về sáu đối-tượng giác quan (bên-ngoài).]

(SN 35:157)

158 (3) Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (3) (bên trong)

[Kinh 158 này và kinh 159 kế tiếp là mẫu-kinh song hành với SN 22:52.]

“Này các Tỷ kheo, hãy chú-tâm một cách kỹ-càng (như lý tác

ý) tới *mắt*. Hãy nhận thấy tính vô thường của mắt đúng như nó thực là. Khi một Tỳ kheo chú-tâm một cách kỹ-càng tới mắt và nhận thấy tính vô thường của mắt đúng như nó thực là, thì người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú [vui thú, khoái thích] nên có sự tiêu diệt nhục-dục; nhờ sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt sự thích-thú. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách khéo léo. “Này các Tỳ kheo, hãy chú tâm kỹ càng tới *tai ... tâm*. Hãy nhận thấy tính vô thường của tai ... tâm đúng như nó thực là Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách khéo léo.”

(SN 35:158)

159 (4) Tiêu Diệt Sự thích-thú (4) (bên ngoài)

[Giống hết kinh kể trên, nhưng nói về sáu đối-tượng giác quan (bên-ngoài).]

(SN 35:159)

160 (5) Vườn Xoài của Jīvaka (1)

[Kinh 160 này và kinh 161 kế tiếp là mẫu-kinh song hành với

SN 22:05 và 06.]

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá) trong khu Vườn Xoài của (lương y) Jīvaka. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Khi một Tỳ kheo đạt định, thì mọi thứ sẽ thể hiện (hiện thị, hiển lộ, trở nên rõ ràng) đối với người đó đúng như chúng thực là, ([tức: người đó thấy được mọi thứ đúng như chúng thực là]). Và cái gì sẽ thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là? *Mất* sẽ thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là—là vô thường. Những hình-sắc thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là—là vô thường. Thức-mất ... Sự tiếp-xúc mất ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mất là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là—đều là vô thường.

“*Tai* thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là ... *Tâm* thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mất là điều kiện ... cũng thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là—đều là vô thường.

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Khi một Tỳ kheo đạt định, thì mọi thứ sẽ thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là.”

(SN 35:160)

161 (6) *Vườn Xoài của Jīvaka* (2)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá) trong khu Vườn Xoài của (lương y) Jīvaka. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo như vậy:

“Này các Tỷ kheo, hãy nỗ lực ở nơi ẩn dật (sống tách ly để thiền tập). Khi một Tỷ kheo sống ẩn dật, thì mọi thứ sẽ thể hiện (hiện thị, hiển lộ, trở nên rõ ràng) đối với người đó đúng như chúng thực là.

[Phần còn lại giống như kinh kể trên.]

(SN 35:161)

162 (7) *Ngài Đại Câu-hi-la (Koṭṭhita)* (1)

[Kinh **162** này và kinh **163** kế tiếp là tương ứng với các kinh **SN 22:137, 140, và 143.**]

Lúc đó có Ngài Đại Câu-hi-la [Mahākotṭhita] đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống tu một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Câu-hi-la, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô-thường. Và cái gì là vô thường? Mắt là vô thường; thầy nên dẹp bỏ tham muốn đối với nó. Những hình-sắc là vô thường ... Thức-mắt là vô thường ... Sự tiếp-xúc mắt là vô thường ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường; thầy nên dẹp bỏ tham muốn đối với chúng.

“*Tai* là vô thường ... *Tâm* là vô thường ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện ... cũng đều là vô thường; thầy nên dẹp bỏ tham muốn đối với chúng.

“Này Câu-hi-la, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:162)

163 (8) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (2)

... “Này Câu-hi-la, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là *khổ*.” ... [*Tiếp tục như kinh kể trên, chỉ thay chữ ‘vô-thường’ thành chữ ‘khổ’.*]

(SN 35:163)

164 (9) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (3)

... “Này Câu-hi-la, thầy nên dẹp bỏ tham muốn đối với bất cứ thứ gì là vô-ngã.” ... [Tiếp tục như kinh kể trên, chỉ thay chữ ‘khổ’ thành chữ ‘vô-ngã’]

(SN 35:164)

165 (10) Dẹp Bỏ Cách Nhìn Sai-Lạc (tà kiến)

[Kinh **165** này và kinh **166** kế tiếp là tương ứng với các kinh **SN 22:154** và **156**.]

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người nên biết, theo cách nào một người nên thấy, để cách-nhìn sai-lạc (tà kiến) bị dẹp bỏ?”

“Này Tỳ kheo, khi một người biết và thấy *mắt ... tâm* là vô thường, thì cách-nhìn sai-lạc bị dẹp bỏ. Khi một người biết và thấy *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm* là vô thường.... *thức-mắt ... thức-tâm* là vô thường.... *sự tiếp-xúc mắt ... sự tiếp-xúc tâm* là vô thường.... *mọi thứ cảm-giác khởi sinh* do có sự tiếp-xúc *mắt... tâm* là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường, thì cách-nhìn sai-lạc sẽ bị dẹp bỏ. Đó là, khi một người biết và thấy như vậy thì cách nhìn sai-lạc bị dẹp bỏ.”

(SN 35:165)

166 (11) *Dẹp Bỏ Cách Nhìn Danh-Tính* (thân kiến)

[Y hết kinh kể trên, chỉ thay chỉ thay “cách-nhìn sai lạc” (tà kiến) thành “cách-nhìn danh-tính” (thân kiến).]

(SN 35:166)

167 (12) *Dẹp Bỏ Cách Nhìn Cái-Ta* (ngã kiến)

[Y hết kinh kể trên, chỉ thay chỉ thay “cách-nhìn danh-tính” (thân kiến) thành “cách-nhìn cái-ta” (ngã kiến).]

(SN 35:167)

NHÓM 2

NHÓM ‘SÁU MƯƠI KINH TÓM LƯỢC & LẶP LẠI’

(Satṭhi-Peyyāla-vagga)⁹⁸

168 (1) *Tham Muốn đối với thứ Vô-Thường [Bên Trong]*

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? *Mắt* là vô thường ... *Tâm* là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:168)

169 (2) *Nhục Dục đối với thứ Vô-Thường [Bên Trong]*

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? *Mắt* là vô thường ... *Tâm* là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:169)

170 (3) Tham Muốn & Nhục Dục đối với thứ Vô-Thường
[Bên Trong]

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? *Mất* là vô thường ... *Tâm* là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:170)

171 (4) — 173 (6) Tham Muốn... đối với thứ Khổ [Bên Trong]...

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là khổ.... Các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ.... Các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ. Và cái gì là khổ? *Mất* là khổ ... *Tâm* là khổ; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ.”

(SN 35:171—173)

174 (7) — 176 (9) Tham Muốn... đối với thứ Vô-Ngã [Bên Trong]

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô-ngã.... Các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.... Các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã. Và cái gì là vô ngã? *Mất* là vô-ngã.... *Tâm* là vô ngã; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.”

(SN 35:174—176)

177 (10) — 179 (12) Tham Muốn... đối với thứ Vô-Thường [Bên Ngoài]...

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô-thường.... Các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.... Các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? *Những hình-sắc* là vô thường ... *Những hiện-tượng thuộc tâm* là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-

dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:177—179)

180 (13) — 182 (15) Tham Muốn đối với thứ Khổ [Bên Ngoài]...

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là khổ.... Các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ.... Các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ. Và cái gì là khổ? *Những hình-sắc* là khổ ... *Những hiện-tượng thuộc tâm* là khổ; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ.”

(SN 35:180—182)

183 (16) — 185 (18) Tham Muốn đối với thứ Vô-Ngã [Bên Ngoài]...

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô-ngã.... Các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.... Các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã. Và cái gì là vô-ngã?

Những hình-sắc là vô ngã ... Những hiện-tượng thuộc tâm là vô ngã; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với nó. Nay các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.”

(SN 35:183—185)

186 (19) Quá Khứ là Vô-Thường [Bên Trong]

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm* thuộc *quá-khứ* là vô-thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với *mắt ... đối với tâm*. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 35: 186)

187 (20) Tương Lai là Vô-Thường [Bên Trong]

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm* thuộc *tương-lai* là vô-thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã

được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35: 187)

188 (21) *Hiện-Tại là Vô Thường [Bên Trong]*

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm* thuộc hiện-tại là vô-thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35: 188)

189 (22) — 191 (24) *Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là Khổ [Bên Trong]*

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm* thuộc *quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:189—191)

**192 (22) — 194 (24) Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là
Vô-Ngã [Bên Trong]**

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là vô-ngã.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.””

(SN 35:192—194)

**195 (28) — 197 (30) Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là
Vô-Thường [Bên Ngoài]**

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là vô-thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.””

(SN 35:195—197)

**198 (31) — 200 (33) Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là
Khổ [Bên Ngoài]**

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “*Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.*”

(SN 35:198—200)

**199 (34) — 203 (36) Quá Khứ... Tương Lai ... Hiện Tại là
Vô-Ngã [Bên Ngoài]**

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là vô-ngã.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “*Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.*”

(SN 35:201—203)

204 (37) Cái Gì là Vô Thường thuộc Quá Khứ [Bên Trong]

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm* thuộc *quá-khứ* đã là vô-thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.””

(SN 35:204)

205 (38) Cái Gì là Vô Thường thuộc Tương Lai [Bên Trong]

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm* thuộc *tương-lai* sẽ là vô-thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.””

(SN 35:205)

206 (39) *Cái Gì là Vô Thường thuộc Hiện Tại [Bên Trong]*

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm* thuộc *hiện-tại* là vô-thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.””

(SN 35:206)

**207 (40) — 209 (42) *Cái Gì là Khổ thuộc Quá Khứ ...
Tương Lai ... Hiện Tại [Bên Trong]***

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm* thuộc *quá-khứ ... tương-lai ...* thuộc *hiện-tại* là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.””

(SN 35:207—209)

210 (43) — 212 (45) *Cái Gì là Vô Ngã thuộc Quá Khứ ...*

Tương Lai ... Hiện Tại [Bên Trong]

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là vô-ngã. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:210—212)

213 (46) — 215 (48) *Cái Gì là Vô Thường thuộc Quá Khứ*

... Tương Lai ... Hiện Tại [Bên Trong]

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là vô-thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự

ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:213—215)

216 (49) — 218 (51) Cái Gì là Khổ thuộc Quá Khứ ...

Tương Lai ... Hiện Tại [Bên Ngoài]

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:216—218)

219 (52) — 221 (54) Cái Gì là Vô Ngã thuộc Quá Khứ ...

Tương Lai ... Hiện Tại [Bên Ngoài]

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá-khứ ... thuộc tương-lai ... thuộc hiện-tại* là

vô-ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:219—221)

222 (55) Các Giác-Quan là Vô Thường [Bên Trong]

“Này các Tỳ kheo, *mắt* là vô-thường ... *tâm* là vô-thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:222)

223 (56) Các Giác-Quan là Khổ [Bên Trong]

“Này các Tỳ kheo, *mắt* là khổ ... *tâm* là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại

trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:223)

224 (57) Các Giác-Quan là Vô Ngã [Bên Trong]

“Này các Tỳ kheo, *mắt* là vô-ngã ... *tâm* là vô-ngã. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:224)

225 (58) Các Đối-Tượng Giác Quan là Vô Thường [Bên Ngoài]

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc* ... *những hiện-tượng thuộc tâm* là vô-thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:225)

226 (59) Các Đối-Tượng Giác Quan là Khổ [Bên Ngoài]

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm là khổ.*

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.””

(SN 35:226)

227 (60) Các Đối Tượng Giác Quan là Vô Ngã [Bên Ngoài]

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm là vô-ngã.*

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu được: “Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.””

(SN 35:227)

NHÓM 3

NHÓM ‘ĐẠI DƯƠNG’

(Samudda-vagga)

228 (1) *Đại Dương (1)*

“Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy thường nói về ‘đại dương, đại dương’. Nhưng đó không phải là đại dương theo Giới Luật của Thánh Nhân; đó chỉ là một biển nước lớn, một biển nước bao la.

“Mắt, này các Tỳ kheo, *mắt* là đại dương đối với một người; dòng chảy của nó gồm có những hình-sắc.⁹⁹ Ai chống cự được dòng chảy những hình-sắc đó thì được cho là đã vượt qua đại dương (của) mắt đầy sóng dữ, lốc xoáy, cá mập, và quỷ dữ. Vượt qua nó, vượt qua bờ bên kia (đảo bỉ ngạn), bậc bà-la-môn đứng trên đất cao (sự an toàn).¹⁰⁰

“Này các Tỳ kheo, *tai* là đại dương đối với một người.... *Tâm* là đại dương đối với một người; dòng chảy của nó gồm có những hình-sắc. Ai chống cự được dòng chảy những âm-thanh ... những hiện tượng thuộc tâm đó thì được cho là đã vượt qua đại dương (của) tai ... tâm đầy sóng dữ, lốc xoáy, cá mập, và quỷ dữ. Vượt qua nó, vượt qua bờ bên kia (đảo bỉ ngạn), bậc bà-la-môn

đứng trên đất cao (an toàn).”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Ai đã vượt qua đại dương này vốn khó vượt qua,
Bởi đây hiểm nguy sóng dữ, cá mập, quỷ dữ.
Bậc thầy hiểu-biết đã sống được đời sống thánh thiện,
Đã đạt tới sự chấm-dứt thế giới,
Nên được gọi là người đã vượt qua bờ bên kia.”

(SN 35:228)

229 (2) Đại Dương (2)

“Này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy thường nói về ‘đại dương, đại dương’. Nhưng đó không phải là đại dương theo Giới Luật của Thánh Nhân; đó chỉ là một biển nước lớn, một biển nước bao la.

“Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Đây được gọi là đại dương theo Giới Luật của Thánh Nhân. Ở đây, thế giới này có các thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người, hầu hết đã bị chìm ngấm, đã thành như một cuộn chỉ

rối, như một trái sợi thắt rối, như một mớ bụi nhùi đan rối, và không thể vượt qua cảnh giới khổ đau, những nơi đến thấp xấu, cõi địa ngục, vòng luân hồi sinh tử [saṃsāra].

“Có *những âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Ở đây thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có các thiên thần và loài người, hầu hết đã bị chìm ngìm, đã thành như một cuộn chỉ rối, như một trái sợi thắt rối, như một mớ bụi nhùi đan rối, và không thể vượt qua cảnh giới khổ đau, những nơi đến thấp xấu, cõi địa ngục, vòng luân hồi sinh tử.

“Người đã xóa sạch tham-dục và sân-hận,
Cùng với [ô nhiễm] vô-minh,
Thì đã vượt qua đại dương này vốn khó vượt,
Với đầy hiểm nguy sóng dữ, cá mập, quỷ dữ.

“Người đã vượt khỏi sự trôi buộc,
Người đã loại bỏ cái chết, không còn thứ chấp-giữ,
Đã dẹp bỏ sự khổ, không còn tái hiện-hữu.
Đã đi mất rồi, không còn có thể đo lường được,
Ta nói: Người đó đã làm Thần Chết chung hững.”

(SN 35:229)

230 (3) Ví Dụ Ngư Dân

“Này các Tỳ kheo, ví như có một ngư dân thả một lưỡi câu có mồi xuống một hồ sâu, và một con cá đang đi tìm thức ăn nước trúng nó. Con cá đó, sau khi đã nuốt lưỡi câu của ngư dân, coi như đã gặp tai nạn và thảm họa, và ngư dân đó muốn làm gì nó cũng được. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có sáu lưỡi câu trong thế gian là thảm họa của chúng sinh, là sự tàn sát chúng sinh.

- “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái lạc (sự thích thú, vui thú) trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã nuốt lưỡi câu của Ma-vương. Người đó coi như đã gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma muốn làm gì người đó cũng được.

“Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã nuốt lưỡi câu của Ma-vương. Người đó coi như đã gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma muốn làm gì người đó cũng được.

- “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi

mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ kheo *không* tìm kiếm khoái lạc (sự thích thú, vui thú) trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỷ kheo *không* nuốt lưỡi câu của Ma-vương. Người đó *không* gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma không làm gì được người đó.

“Này các Tỷ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ kheo *không* tìm kiếm khoái lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỷ kheo *không* nuốt lưỡi câu của Ma-vương. Người đó *không* gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma không làm gì được người đó.

(SN 35:230)

231 (4) Cây Có Mủ

- “Này các Tỷ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong Tỷ kheo nào hay Tỷ kheo ni nào vẫn còn *tham*-dục và chưa được dẹp bỏ, nếu vẫn còn *sân*-giận và chưa được dẹp bỏ, nếu vẫn còn *si*-mê và chưa được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc tầm thường lọt vào [đi vào] tầm-mắt cũng ám muội cái tâm, nói chi tới những hình-sắc nổi bật. Vì lý do gì? Bởi vì

tham-dục vẫn còn và và chưa được dẹp bỏ, sân-giận vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, si-mê vẫn còn và chưa được dẹp bỏ.

“Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.

“Này các Tỳ kheo, ví như có một cây có mủ (nhựa cây)—như cây *assattha* (cây bồ-đề) hoặc cây *banyan* (cây đa, *nigrodha*) hoặc cây *pilakkha* (cây vả) hoặc cây *udumbara* (cây sung)¹⁰¹—còn tươi, non, mềm. Nếu một người chặt khúc nó bằng cây rìu bén, thì mủ có ứa ra không?”

“Có, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì (trong đó) vẫn còn có mủ cây.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào vẫn còn *tham-dục* và chưa được dẹp bỏ, nếu vẫn còn *sân-giận* và chưa được dẹp bỏ, nếu vẫn còn *si-mê* và chưa được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc tầm thường lọt vào tầm-mắt cũng ám muội cái tâm, nói chi tới những hình-sắc nổi bật. Vì lý do gì? Bởi vì *tham-dục* vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, *sân-giận* vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, *si-mê* vẫn còn và chưa được dẹp bỏ.

“Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.”

- “Này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết

bởi mắt, nếu bên trong Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào *không* còn *tham-dục* và *đã* được dẹp bỏ, nếu không còn *sân-giận* và *đã* được dẹp bỏ, nếu không còn *si-mê* và *đã* được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc nổi bật lọt vào [đi vào] tầm-mắt cũng *không* ám muội cái tâm, nói chi tới những hình-sắc tầm thường. Vì lý do gì? Bởi vì *tham-dục* không còn và *đã* được dẹp bỏ, *sân-giận* không còn và *đã* được dẹp bỏ, *si-mê* không còn và *đã* được dẹp bỏ.

“Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.

“Này các Tỳ kheo, ví như có một cây có mủ (nhựa)—như cây *assattha* (cây bồ-đề) hoặc cây *banyan* (cây đa lớn, *nigrodha*) hoặc cây *pilakkha* (cây vả) hoặc cây *udumbara* (cây sung)—đã khô, đã khô cứng, đã qua thời xanh tươi. Nếu một người chặt khúc nó bằng cây rìu bén, thì mủ có ứa ra không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì (trong đó) *không* còn mủ cây.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào *không* còn *tham-dục* và *đã* được dẹp bỏ, nếu không còn *sân-giận* và *đã* được dẹp bỏ, nếu không còn *si-mê* và *đã* được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc nổi bật lọt vào tầm-mắt cũng *không* ám muội cái tâm, nói chi tới những hình-sắc tầm thường. Vì lý do gì? Bởi vì *tham-dục* không còn và *đã* được dẹp bỏ, *sân-giận* không

còn và đã được dẹp bỏ, si-mê không còn và đã được dẹp bỏ.

“Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.”

(SN 35:231)

232 (5) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita)

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la [Mahākottṭhita] đang sống ở Bārāṇasī trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Xá-lợi-phất. Thầy chào hỏi với thầy Xá-lợi-phất, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào mắt là gông cùm của những hình-sắc và những hình-sắc là gông-cùm của mắt? Tai là gông cùm của những âm-thanh và những âm-thanh là gông cùm của tai? ... Tâm là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm là gông cùm của tâm?”

“Này đạo hữu Câu-hi-la, mắt không phải là gông cùm của những hình-sắc và những hình-sắc cũng không phải là gông cùm của mắt, mà chính là tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc

vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm. Tai không phải là gông cùm của những âm-thanh và những âm-thanh cũng không phải là gông cùm của tai, mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm ... Tâm không phải là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, mà chính là tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm.

“Này đạo hữu, giả sử có một con bò đen và một con bò trắng bị gông vào với nhau bởi một cái gông hay cái ách. Nếu ai là người nói một cách đúng đắn có thể nói như vậy không: ‘Con bò đen là gông cùm của con bò trắng; con bò trắng là gông cùm của con bò đen’?”

“Không, thưa đạo hữu. Con bò đen không phải là gông cùm của con bò trắng và con bò trắng cũng không phải là gông cùm của con bò đen, mà chính là cái gông hay cái ách đã gông chúng lại với nhau: đó mới chính là gông cùm.”

“Cũng giống như vậy, này đạo hữu, mắt không phải là gông cùm của những hình-sắc ... và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, mà chính là tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm.

“Này đạo hữu, nếu mà mắt là gông cùm của những hình-sắc

hay những hình-sắc là gông cùm của mắt, thì đâu có [đâu thấy] sự sống của đời sống (tu hành) thánh thiện này để tiêu diệt sự khổ đau.¹⁰² Nhưng vì mắt không phải là gông cùm của những hình-sắc và những hình-sắc không phải là gông cùm của mắt—mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó—cho nên mới có sự sống của đời sống (tu hành) thánh thiện này để tiêu diệt sự khổ đau.

“Này đạo hữu, nếu mà tai là gông cùm của những âm-thanh ... Nếu mà tâm là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm hay những hiện-tượng thuộc tâm là gông cùm của tâm, thì đâu có [đâu thấy] sự sống của đời sống (tu hành) thánh thiện này để tiêu diệt sự khổ đau. Nhưng vì tâm không phải là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, cho nên mới có sự sống của đời sống (tu hành) thánh thiện này để tiêu diệt sự khổ đau.

“Này đạo hữu, cũng theo cách này có thể hiểu được điều như vậy: Trong đức Thế Tôn có mắt, đức Thế Tôn nhìn thấy những hình-sắc bằng mắt, nhưng không có tham-muốn và nhục-dục trong đức Thế Tôn; đức Thế Tôn đã khéo được giải thoát trong tâm. Trong đức Thế Tôn có tai, đức Thế Tôn nghe thấy âm-thanh bằng tai ... Trong đức Thế Tôn có mũi, đức Thế Tôn ngửi thấy mùi-hương bằng mũi ... Trong đức Thế Tôn có lưỡi ... đức Thế Tôn nếm thấy mùi-vị bằng lưỡi ... Trong đức Thế Tôn có thân, đức Thế Tôn cảm nhận đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Trong đức Thế

Tôn có tâm, đức Thế Tôn nhận biết hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, nhưng không có tham-muốn và nhục-dục trong đức Thế Tôn; đức Thế Tôn đã khéo được giải thoát trong tâm.

“Này đạo hữu, theo cách như vậy có thể hiểu được cách mắt không phải là gông cùm của những hình-sắc và những hình-sắc cũng không phải là gông cùm của mắt, mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó mới là gông cùm ở đó; cách tai không phải là gông cùm của những âm-thanh ... cách tâm không phải là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, mà chính tham muốn và nhục dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó mới là gông cùm ở đó.”

(SN 35:232)

233 (6) Ngài Kāmabhū

Trong một lần có Ngài Ānanda và Ngài Kāmabhū đang sống trong Tịnh Xá Ghosita. Lúc đó, vào buổi chiều, thầy Kāmabhū ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Ānanda. Thầy ấy chào hỏi với thầy Ānanda, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, theo cách nào mắt là gông cùm của những hình-sắc hay những hình-sắc là gông cùm của mắt? ... Tâm

là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm hay những hiện-tượng thuộc tâm là gông cùm của tâm?”

“Này đạo hữu Kāmabhū, mắt không phải là gông cùm của mắt ... Tâm không phải là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới là gông cùm ở đó.

“Này đạo hữu, giả sử có một con bò đen và một con bò trắng bị ách cổ vào với nhau bởi một cái gông hay cái ách. Nếu ai là người nói một cách đúng đắn có thể nói như vậy không: ‘Con bò đen là gông cùm của con bò trắng; con bò trắng là gông cùm của con bò đen’?”

“Không, thưa đạo hữu. Con bò đen không phải là gông cùm của con bò trắng và con bò trắng cũng không phải là gông cùm của con bò đen, mà chính là cái gông hay cái ách gông chúng lại với nhau: đó mới chính là gông cùm.”

“Cũng giống như vậy, này đạo hữu, mắt không phải là gông cùm của những hình-sắc ... và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, mà chính là tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm.”

(SN 35:233)

234 (7) Ngài Udāyī

Trong một lần có Ngài Ānanda và Ngài Udāyī đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita. Lúc đó, vào buổi chiều, thầy Udāyī ra khỏi nơi ẩn tu và đến gặp thầy Ānanda. Thầy ấy chào hỏi với thầy Ānanda, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, đức Thế Tôn đã tuyên bố, đã khai mở, và đã làm cho thấy (công khai, làm hiển lộ) [bản chất của] thân này theo nhiều cách, như vậy: ‘Vì lý do như vậy nên thân này là vô ngã.’ Vậy có thể giải thích [bản chất của] thức theo cách tương tự như vậy hay không? Có thể chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ điều đó như vậy: ‘Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã’?”

“Có thể được, này đạo hữu Udāyī. Có phải thức-mắt khởi sinh tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc?”

“Đúng, thưa đạo hữu.”

“Nếu nguyên nhân và điều kiện (nhân duyên) làm khởi sinh thức-mắt chấm dứt hoàn toàn và sạch sẽ (không còn tàn dư), thì liệu thức-mắt có còn [được thấy] hay không?”

“Không, thưa đạo hữu.”

“Này đạo hữu, theo cách như vậy đức Thế Tôn đã tuyên bố, đã khai mở, đã công khai như vậy: ‘Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã.’”

“Có phải thức-tai khởi sinh tùy thuộc vào tai và những âm-thanh hay không? ... Có phải thức-tâm khởi sinh tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm hay không?”

“Đúng, thưa đạo hữu.”

“Nếu nguyên nhân và điều kiện làm khởi sinh thức-tâm chấm dứt hoàn toàn và sạch sẽ (không còn tàn dư), thì liệu thức-tâm có còn [được thấy] hay không?”

“Không, thưa đạo hữu.”

“Này đạo hữu, cũng theo cách như vậy đức Thế Tôn đã được tuyên bố, đã khai mở, và đã làm cho thấy điều này như vậy: ‘Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã.’”

“Này đạo hữu, giả sử có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó lấy rìu bén và đi vào rừng.¹⁰³ Người đó nhìn thấy một cây chuối lớn, thẳng, tươi, không có cùi buồng chuối. Người đó đốn gốc hạ cây xuống, chặt bỏ phần lá, và lột bẹ chuối. Khi người đó lột bẹ chuối, người đó không tìm thấy thậm chí một chút phần gỗ mềm, nói chi tới phần gỗ lõi.

“Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo không nhận thấy trong sáu cơ-sở (đề) tiếp xúc (sáu giác-quan) này có một bản ngã nào

hay có thứ gì thuộc về một bản ngã. Bởi vì người đó không nhận thấy có thứ gì như vậy, nên người đó không còn dính chấp thứ gì trong thế giới. Do không còn dính chấp, nên người đó không còn bị kích động. Do không còn bị kích động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

(SN 35:234)

235 (8) Bài Giảng về sự Bốc Cháy

“Này các Tỷ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bài giảng Giáo Pháp về chủ đề bốc-cháy. Hãy lắng nghe điều đó....

1- “Và, này các Tỷ kheo, cái gì là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề bốc-cháy? Này các Tỷ kheo, thà *căn-mắt* bị hủy hoại bởi một cây kim sắt đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ dấu-hiệu (hình tướng) thông qua những đặc-điểm (đường nét, chi tiết, đặc tính) trong một hình-sắc được nhận biết bởi mắt. Bởi nếu khi chết mà thức đang hiện hành (tồn tại, hiện có) bị dính theo sự thỏa-thích trong dấu-hiệu hay những đặc-điểm đó, thì có thể người đó sẽ tới (tái sinh vào) một trong hai nơi-đến: địa ngục hoặc cõi súc sinh. Sau khi đã nhìn thấy mối nguy-hại này, ta mới nói như vậy.

2- “Này các Tỳ kheo, tà *căn-tai* bị hủy hoại bởi một cọng sắt đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ dấu-hiệu thông qua những đặc-điểm trong một âm-thanh được nhận biết bởi tai. Bởi nếu khi chết mà thức hiện hành bị dính theo sự thỏa-thích trong dấu-hiệu hay những đặc-điểm đó, thì có thể người đó sẽ tới một trong hai nơi-đến: địa ngục hoặc cõi súc sinh. Sau khi đã nhìn thấy mối nguy-hại này, ta mới nói như vậy.

3- “Này các Tỳ kheo, tà *căn-mũi* bị hủy hoại bởi một cái kiềm bén đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ dấu-hiệu thông qua những đặc-điểm trong một mùi-hương được nhận biết bởi mũi. Bởi nếu khi chết....

4- “Này các Tỳ kheo, tà *căn-lưỡi* bị hủy hoại bởi một lưỡi dao bén đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ dấu-hiệu thông qua những đặc-điểm trong một mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi. Bởi nếu khi chết....

5. “Này các Tỳ kheo, tà *căn-thân* bị hủy hoại bởi một ngọn giáo bén đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ dấu-hiệu thông qua những đặc-điểm trong một đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân. Bởi nếu khi chết mà thức hiện hành bị dính theo sự thỏa-thích trong dấu-hiệu hay những đặc-điểm, thì có thể người đó sẽ tới một trong hai nơi-đến: địa ngục hoặc cõi súc sinh. Sau khi đã nhìn thấy mối nguy-hại này, ta mới nói như vậy.

- “Này các Tỳ kheo, thà ngủ đi— cho dù chỉ ngủ thì vô dụng đối với sự sống, chỉ ngủ thì vô ích-quả cho sự sống, chỉ ngủ thì vô ý-thức đối với sự sống— nhưng vậy vẫn còn tốt hơn cứ nghĩ những ý nghĩ có thể xui khiến mình tạo ra sự chia rẽ trong Tăng đoàn. Sau khi đã nhìn thấy mối nguy-hại này, ta nói như vậy.”¹⁰⁴

“Đối với vấn đề này, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy biết suy xét (quán chiếu) như vậy:

1- ‘Dẹp luôn cái vụ ‘thà để căn-mắt bị hủy hoại bởi một cây kim sắt đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực’. Ta chỉ cần chú-tâm vào điều này: “Mắt là vô thường, những hình-sắc là vô thường, thức-mắt là vô thường, sự tiếp-xúc mắt là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường.”

2- ‘Dẹp luôn cái vụ ‘thà để căn-tai bị hủy hoại bởi một cọng sắt đang bốc cháy ...’. Ta chỉ cần chú-tâm vào điều này: “Tai là vô thường, những âm-thanh là vô thường, thức-tai là vô thường, sự tiếp-xúc tai là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tai là điều kiện ... cũng đều là vô thường.”

3- “‘Dẹp luôn cái vụ thà để căn-mũi bị hủy hoại bởi một cái kiềm đang bốc cháy ...’. Ta chỉ cần chú-tâm vào điều này: “Mũi là vô thường, những mùi-hương là vô thường, thức-mũi là vô thường, sự tiếp-xúc mũi là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự

tiếp-xúc mũi là điều kiện ... cũng đều là vô thường.”

4- “‘Dẹp luôn cái vụ ‘thà để căn-lưỡi bị hủy hoại bởi một lưỡi dao đang bốc cháy ...’. Ta chỉ cần chú-tâm vào điều này: ‘Lưỡi là vô thường, những mùi-vị là vô thường, thức-lưỡi là vô thường, sự tiếp-xúc lưỡi là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc lưỡi là điều kiện ... cũng đều là vô thường.’”

‘Dẹp luôn cái vụ ‘thà để căn-thân bị hủy hoại bởi một ngọn giáo đang bốc cháy ...’. Ta chỉ cần chú-tâm vào điều này: “Thân là vô thường, những đối-tượng chạm xúc là vô thường, thức-thân là vô thường, sự tiếp-xúc thân là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc thân là điều kiện ... cũng đều là vô thường.”

‘Dẹp luôn cái vụ ‘thà ngủ đi’. Ta chỉ cần chú-tâm vào điều này: “Tâm là vô thường, những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, thức-tâm là vô thường, sự tiếp-xúc tâm là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện ... cũng là vô thường.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, những hình-sắc, thức-mắt, sự tiếp-xúc mắt, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện ... Người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với tai ... đối với lưỡi ... đối với thân ... đối với tâm, những hiện-tượng thuộc tâm, thức-tâm, sự tiếp-xúc tâm, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện... Sau khi trải nghiệm

sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’

“Này các Tỳ kheo, đây là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề bốc-cháy.”

(SN 35:235)

236 (9) Ví Dụ Bàn Tay Bàn Chân... (1)

- “Này các Tỳ kheo, khi có hai bàn tay, thì thấy có sự cầm lên sự đặt xuống. Khi có hai bàn chân, thì thấy có sự đến sự đi. Khi có tứ chi, thì thấy có sự duỗi ra sự co vào. Khi có bụng, thì thấy có sự đói sự khát.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi có mắt là có sự sừng sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có thức-mắt là điều kiện (duyên). Khi có tai, là có sự sừng sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có sự tiếp-xúc tai là điều kiện ... Khi có tâm, là có sự sừng sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện.

- “Này các Tỳ kheo, khi *không* có hai bàn tay, thì đâu thấy có sự cầm lên sự đặt xuống. Khi không có hai bàn chân, thì đâu thấy

có sự đến sự đi. Khi không có tứ chi, thì đâu thấy có sự duỗi ra sự co vào. Khi không có bụng, thì đâu thấy có sự đói sự khát.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi không có mắt là không có sự sướng sự khổ khởi sinh ở bên-trong với thức-mắt là điều kiện. Khi không có tai, là không có sự sướng sự khổ khởi sinh ở bên-trong với sự tiếp-xúc tai là điều kiện ... Khi không có tâm, là không có sự sướng sự khổ khởi sinh ở bên-trong với sự tiếp-xúc tâm là điều kiện.”

(SN 35:236)

237 (10) Ví Dụ Bàn Tay Bàn Chân... (2)

- “Này các Tỳ kheo, khi có hai bàn tay, thì có sự cầm lên sự đặt xuống

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi có mắt là có sự sướng sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có sự tiếp-xúc mắt là điều kiện (duyen) Khi có tâm là có sự sướng sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có sự tiếp-xúc tam là điều kiện.

- “Này các Tỳ kheo, khi không có hai bàn tay, thì không có sự cầm lên sự đặt xuống

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi không có mắt là không có sự sướng sự khổ khởi sinh ở bên-trong với sự tiếp-xúc

mất là điều kiện Khi không có tâm là không có sự sợ hãi sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có sự tiếp-xúc tâm là điều kiện.”

(SN 35:237)

NHÓM 4

NHÓM ‘RẮN ĐỘC’

(Āsīvisa-vagga)

238 (1) Ví Dụ Rắn Độc

“Này các Tỳ kheo, ví như có bốn con rắn độc có tính nóng nảy [nhiệt nóng] dữ tợn và có nọc độc chết người.¹⁰⁵ Rồi có một người tới là người muốn sống, không muốn chết, ham sống, ghét khổ. Họ nói với anh ta: ‘Này bạn hiền, đây là bốn con rắn độc có tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người. Có lúc chúng phải được bắt lên; có lúc chúng phải được tắm rửa; có lúc chúng phải được cho ăn; có lúc chúng phải được đặt xuống nằm nghỉ. Nhưng nếu có con nào nổi tức với anh, thì, này bạn tốt, coi như anh gặp cái chết hay đau khổ như chết. Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’

“Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc có tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người, người đó kiếm đường trốn chạy. Họ nói với anh ta: ‘Này người bạn tốt, còn có năm kẻ thù sát hại đang đuổi theo anh, trong đầu chúng nghĩ: “Hễ gặp hấn ở đâu, chúng ta sẽ lấy mạng hấn ngay.”’ Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’

“Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc có tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người, và năm kẻ thù sát hại, người đó kiếm đường trốn chạy. Họ nói với anh ta: ‘Này người bạn tốt, còn có một kẻ thù sát hại thứ sáu, đó là một người bạn thân, đang đuổi theo anh với kiếm đã tuốt ra sẵn, trong đầu kẻ đó nghĩ: ‘Hễ gặp hấn ở đâu, ta chặt đầu hấn ngay.’’ Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’

“Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc có tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người, và năm kẻ thù sát thủ, và kẻ sát thủ thứ sáu là người bạn thân với kiếm đã tuốt ra sẵn, người đó kiếm đường trốn chạy. Anh ta tới một ngôi làng trống không. Mọi căn nhà anh ta bước vào đều trống không, chẳng có gì, trống rỗng. Họ nói với anh ta: ‘Này người bạn tốt, bọn cướp làng đang sắp tấn công ngôi làng trống không này. Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’

“Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc có tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người, và năm kẻ thù sát thủ, và kẻ sát thủ thứ sáu là người bạn thân với kiếm đã tuốt ra sẵn, và bọn cướp làng, người đó kiếm đường trốn chạy. Người đó tới một biển nước lớn, với bờ bên này đầy hiểm nguy và đáng sợ, và bờ bên kia thì an toàn và không còn hiểm nguy, nhưng không có thuyền phà hay cầu kiều để vượt qua bên đó.

“Rồi người đó nghĩ: ‘Có biển nước lớn, với bờ bên này đầy hiểm nguy và đáng sợ, và bờ bên kia thì an toàn và không còn

hiểm nguy, nhưng không có thuyền phà hay cầu kiều để vượt qua bên đó. Vậy ta hãy thu lượm cỏ, cây, cành, lá và đan cột chúng lại thành một cái bè, rồi bằng phương tiện cái bè và bằng sự nỗ lực bằng tay chân của chính mình, ta có thể an toàn vượt qua tới bờ bên kia.’¹⁰⁶

“Rồi người đó thu lượm cỏ, cây, cành, lá và đan cột chúng lại thành một cái bè, rồi bằng phương tiện cái bè và bằng sự nỗ lực bằng tay chân của chính mình, anh ta an toàn vượt qua tới bờ bên kia. Sau khi đã vượt qua, sau khi đã vượt qua bờ bên kia, vị bà-la-môn đó đứng trên vùng đất cao (an toàn).¹⁰⁷

“Này các Tỳ kheo, ta đã làm ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa:

- ‘Bốn con rắn độc có tính nóng dữ tợn và có nọc độc chết người’: đây là một cách để chỉ bốn yếu tố lớn (tứ đại)—yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, yếu tố khí.¹⁰⁸

- ‘Năm kẻ thù sát hại’: đây là một cách để chỉ năm uẩn bị đánh chấp; đó là, uẩn thân-sắc bị đánh chấp, uẩn cảm-giác bị đánh chấp, uẩn nhận-thức bị đánh chấp, uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị đánh chấp, uẩn thức bị đánh chấp.

- ‘Kẻ thù sát hại thứ sáu, là một người bạn thân với kiếm đã tuốt ra sẵn’: đây là một cách để chỉ khoái-lạc và nhục-dục (luôn có mặt bên mình, luôn ở bên cạnh mình).¹⁰⁹

- ‘Ngôi làng trống không’: đây là một cách để chỉ sáu cơ-sở cảm-nhận bên-trong (*sáu giác-quan*). Nay các Tỷ kheo, nếu một người khôn ngoan, giỏi giảo, thông minh xem xét chúng thông qua mắt, chúng sẽ thể hiện là trống rỗng, chẳng có gì, trống không. Nếu người đó xem xét chúng thông qua tai ... thông qua tâm, chúng sẽ thể hiện là trống rỗng, chẳng có gì, trống không.

- ‘Bọn cướp làng’: đây là một cách để chỉ sáu cơ-sở cảm-nhận bên-ngoài (*sáu đối-tượng giác quan*). Nay các Tỷ kheo, mắt bị tấn công bởi những hình-sắc dễ chịu và khó chịu. Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm bị tấn công bởi những hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và khó chịu.

- ‘Biển nước lớn’: đây là một cách để chỉ bốn dòng lũ: dòng lũ (dục vọng) khoái-lạc giác quan, dòng lũ (dục vọng được) hiện-hữu, dòng lũ những quan-điểm này nọ (tà kiến), và dòng lũ vô-minh.

- ‘Bờ nên này, đầy hiểm nguy và đáng sợ’: đây là một cách để chỉ cách nhìn danh-tính (thân kiến).

- ‘Bờ bên kia, an toàn và không còn hiểm nguy’: đây là một cách để chỉ Niết-bàn.

- ‘Cái bè’: đây là một cách để chỉ con đường Bát Thánh Đạo; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... định-tâm đúng đắn.

- ‘Nỗ lực bằng tay chân của chính mình’: đây là một cách để

chỉ sự phát-khởi năng-lượng tinh tấn (nỗ lực tu tập).

- ‘Sau khi đã vượt qua, sau khi đã vượt qua bờ bên kia, vị bà-la-môn đó đứng trên vùng đất cao’: đây là một cách để chỉ bậc A-la-hán.”

(SN 35:238)

239 (2) Ví Dụ Người Lái Xe Ngựa

“Này các Tỳ kheo, nhờ có-được năm phẩm chất, một Tỳ kheo sống đầy hạnh-phúc và hoan-hỷ ngay trong kiếp này, và người đó đã đặt xong nền tảng để tiêu diệt những ô-nhiễm. Ba đó là gì? Người đó là một người phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (*các giác-quan*), là người tiết độ trong ăn uống (chừng mực, đủ cho mục đích chân chính nuôi thân để tu hành), và là người sống hết mình cho sự tỉnh-giác (tỉnh thức).¹¹⁰

1- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là người phòng hộ các cửa của các căn cảm nhận? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo *không* nắm giữ những dấu-hiệu (hình tướng, nét chung) và những đặc-điểm (đường nét, nét riêng) của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-mắt không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền bức (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiềm

ché căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh ... Khi ngửi thấy một mùi-hương ... Khi nếm thấy một mùi-vị ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, một Tỳ kheo *không* nắm giữ những dấu-hiệu và những đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-tâm không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thêm-muốn (tham) và phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-tâm, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-tâm.

“Này các Tỳ kheo, ví như có một chiếc xe ngựa được kéo bởi mấy con ngựa thuần chủng đang đậu sẵn trên đất bằng ở ngã tư đường, với roi ngựa sẵn trong tay. Rồi một người huấn luyện ngựa, một người điều khiển những con ngựa sẽ được huấn luyện, trèo lên xe, tay trái cầm dây cương, tay phải cầm roi, sẽ lái đi và lái về theo bất cứ đường nào ông ta muốn, bất cứ khi nào ông ta muốn. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo luyện tập trong việc phòng hộ sáu căn cảm nhận, tập luyện trong việc kiểm soát chúng, tập luyện trong việc huấn luyện chúng, tập luyện trong việc làm tĩnh lặng chúng. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo phòng hộ các cửa của các căn cảm nhận.

2- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo tiết độ trong ăn uống? Ở đây, sau khi suy xét kỹ càng, một Tỳ kheo ăn uống không phải để giải trí (vì thích thú), không phải để chuốc độc vào thân, không phải để làm cho thân thể đẹp đẽ và hấp dẫn, nhưng

chỉ để nuôi sống và duy trì thân này, để khỏi bị khó-ở (do đói, yếu, đau, bệnh tật), và để hỗ trợ đời sống thánh thiện (nuôi thân để tu); người đó nghĩ rằng: ‘Làm vậy là ta trừ diệt cảm-giác cũ (như đói, khát, thèm) và không phát khởi một cảm-giác mới (thấy thích, thấy thèm, mê khoái thức ăn ngon...), và ta được khỏe mạnh, và không bị tội lỗi, và sống được thư thả.’¹¹¹

“Giống như một người xúc thuốc vết thương chỉ vì mục đích giúp làm nó lành, hoặc giống như một người bơi nhót vào trục bánh xe chỉ để giúp chở được đồ nặng; giống như vậy, một Tỳ kheo, sau khi suy xét một cách khôn khéo, ăn uống không phải để giải trí (vì thích thú) ... để hỗ trợ đời sống thánh thiện (nuôi thân để tu). Nay các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tiết độ trong ăn uống.

3- “Và, này đạo hữu, theo cách nào là một người sống hết mình cho sự tỉnh-giác? Ở đây, suốt ngày, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại (nắm chướng-ngại). Trong canh một ban đêm, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh giữa, người đó nằm nghiêng bên phải như tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và thường rõ-biết, lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ dậy. Rồi đến canh ba, sau khi đã dậy, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái

chương ngại. Nay đạo hữu, chính theo cách như vậy là một người sống hết mình vì sự tỉnh-giác.

“Này các Tỳ kheo, nhờ có-được ba phẩm chất này nên một Tỳ kheo sống đầy hạnh-phúc và hoan-hỷ ngay trong kiếp này, và người đó đã đặt xong nền móng để tiêu diệt những ô-nhiễm.”

(SN 35:239)

240 (3) Ví Dụ Con Rùa

“Này các Tỳ kheo, ngày xưa có một con rùa đang đi tìm thức ăn dọc bờ sông vào buổi chiều. Cũng vào buổi chiều đó có một con chó rừng (linh cẩu, giả can) cũng đang đi tìm thức ăn dọc bờ sông đó. Khi con rùa từ xa nhìn thấy con chó rừng đang đi tìm thức ăn, nó liền rút các chân và cổ vào bên trong mu rùa và nằm yên và im thít ngay đó.

“Con chó rừng từ xa cũng đã nhìn thấy con rùa đang đi tìm thức ăn, nên nó đã đến gần và rình sát bên, trong đầu nghĩ: ‘Hễ khi con rùa thò chân hay cổ ra ngoài, ta sẽ chụp nó ngay, kéo thân thịt nó ra để ăn.’ Nhưng bởi vì con rùa không thò chân hay cổ ra ngoài, nên con chó rừng đã thất bại, không chụp được rùa, nó chán nản và bỏ đi.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, Ma-vương Ác Ma

thường xuyên và liên tục rình sát các thầy, trong đầu nghĩ rằng: ‘Có lẽ ta sẽ chụp được người đó thông qua mắt, hoặc thông qua tai ... hoặc thông qua tâm.’ Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy phải sống phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (*sáu giác-quan*). Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, *đừng nắm giữ* những dấu-hiệu (hình tướng, nét chung) và những đặc-điểm (đường nét, nét riêng) của nó. Bởi vì, nếu các thầy để lơ căn-mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm các thầy, các thầy hãy tập luyện cách kiềm chế nó, phòng hộ căn-mắt, đảm trách việc phòng hộ căn-mắt.

“Khi nghe thấy một âm-thanh ... Khi ngửi thấy một mùi-hương ... Khi nếm thấy một mùi-vị ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, *đừng nắm giữ* những dấu-hiệu và những đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu các thầy để lơ căn-tâm không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm các thầy, các thầy hãy tu tập cách kiềm chế nó, phòng hộ căn-tâm, đảm trách việc kiềm chế căn-tâm.

“Này các Tỳ kheo, khi các thầy sống phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (*sáu giác-quan*), thì Ma-vương Ác Ma sẽ thất bại, không chụp được các thầy, hấn sẽ chán nản và bỏ đi, giống như con chó rừng bỏ đi khỏi con rùa.”

Hãy thu rút những ý nghĩ của tâm,

Như một con rùa thu rút chân vào vỏ mu của nó,

Không tùy thuộc, không quấy nhiễu người khác,
Đã hoàn toàn tắt ngấm (tham, sân),
Một Tỳ kheo không còn phiền trách ai nữa.

(SN 35:240)

([Không như các kinh khác đều ghi rõ câu: “Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy nói thêm (bằng thi kệ) như vậy: ...” ở trước phần thi kệ. Vì vậy có thể mấy dòng kệ này là do những người biên tập gán thêm, dựa theo ví dụ con rùa.])¹¹²

241 (4) Ví Dụ Gỗ Súc Lớn (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī bên bờ sông Hằng. Đức Thế Tôn nhìn thấy một thân gỗ súc lớn đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy thân gỗ súc lớn đó đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng?

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Này các Tỳ kheo, nếu thân gỗ súc đó không dạt theo bờ bên này, không dạt theo bờ bên kia, không chìm xuống giữa dòng, không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, không bị vớt lấy bởi người ta, không bị vớt lấy (bị bắt) bởi chúng sinh khác-người, không bị mắc

kẹt trong hụp nước xoáy, và cũng không bị mục nát (suy đồi) bên trong, thì nó sẽ hướng về, đổ về, và trôi về phía biển. Vì lý do gì? Bởi vì dòng chảy của sông Hằng là hướng về, đổ về, và chảy về phía biển.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu các thầy không dạt theo bờ bên này, không dạt theo bờ bên kia, không chìm ngấm giữa dòng, không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, không bị bắt bởi người ta, không bị bắt bởi chúng sinh khác người, không bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy, và cũng không bị suy đồi bên trong, thì các thầy sẽ hướng về, đổ về, và ngã về phía Niết-bàn. Vì lý do gì? Bởi vì cách-nhìn đúng-đắn (chánh kiến) là hướng về, nghiêng về, và ngã về phía Niết-bàn.”

Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cái gì là bờ bên này [bờ gần]? Cái gì là bờ bên kia [bờ xa]? Cái gì là chìm ngấm giữa dòng? Cái gì là bị mắc cạn trên cồn đất nổi? Cái gì là bị bắt bởi người ta? cái gì là bị bắt bởi chúng sinh khác người? Cái gì là bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy? Cái gì là bị suy đồi ở bên trong?”

- “Này Tỳ kheo: ‘bờ bên này’: đây là một cách để chỉ sáu cơ-sở cảm-nhận bên-trong (*sáu giác-quan*). Còn ‘bờ bên kia’: đây là một cách để chỉ sáu cơ-sở cảm-nhận bên-ngoài (*sáu đối-tượng giác quan*). ‘Chìm ngấm giữa dòng’: đây là một cách để chỉ khoái-lạc và nhục-dục. ‘Bị mắc cạn trên cồn đất nổi’: đây là một cách để chỉ sự tự-ta’ (ta-là, tự ngã, ngã mạn).

- “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị bắt bởi người ta’? Ở đây, có người sống có liên hệ với những người tại gia: người đó vui chung với họ và sầu chung với họ, người đó vui khi họ vui và buồn khi họ buồn, và người đó dính líu vào những chuyện riêng và phận sự của họ.¹¹³ Đây được gọi là bị bắt bởi người ta.

- “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị bắt bởi chúng sinh khác-người’? Ở đây, có người sống đời sống (tu hành) thánh thiện với khát nguyện [được tái sinh] vào chỗ các thiên-thần (trên cõi trời), trong đầu nghĩ: ‘Với sự giới-hạnh này, hay với sự thệ-nguyện và lễ-nghi cúng tụng này (giới cấm thủ), hay với sự khổ-hạnh này, ta sẽ trở thành một thiên thần hay một trong số những thiên thần.’ Đây được gọi là bị bắt bởi chúng sinh khác-người.

- “Cái gì là ‘bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy’: này Tỳ kheo, đây là một cách để chỉ năm dây khoái-lạc giác-quan.

- “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị suy đồi bên-trong’? Ở đây có người bất lương, người có tâm tính xấu ác, có hành vi không sạch và đáng ngờ, hành động bí mật lén lút, không phải bậc tu sĩ [sa-môn] mà tự xưng là tu sĩ, không phải người sống độc thân mà tự xưng là người độc thân, đã suy đồi ở bên trong, hư hỏng, đồi bại.¹¹⁴ Đây được gọi là sự suy đồi bên trong.”

Bấy giờ, vào lúc đó có một người chăn bò tên là Nanda đang đứng gần đức Thế Tôn. Anh ta mới thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con sẽ không dạt theo bờ bên này, con sẽ

không dạt theo bờ bên kia, con sẽ không bị chìm nghỉm giữa dòng, con sẽ không bị mắc kẹt trên cồn đất nổi, con sẽ không bị bắt bởi người ta, con sẽ không bị bắt bởi chúng sinh khác-người, con sẽ không bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy, con sẽ không bị suy đồi ở bên trong. Con xin được xuất gia dưới đức Thế Tôn (thành sa-di), cho phép được thụ giới cao hơn (đại thọ giới, thành Tỳ kheo), như vậy có được không?”

“Này Nanda, trong trường hợp này, hãy trả đàn bò lại cho chủ bò.”

“Thưa Thế Tôn, các con bò sẽ tự chúng quay về vì chúng còn ràng buộc (thương yêu) những con bò con ở đó.”

“Hãy trả đàn bò lại cho chủ bò, này Nanda.”

Rồi người chăn bò Nanda đã trả lại đàn bò cho chủ bò, rồi quay trở lại gặp đức Thế Tôn, và thưa: “Các con bò đã được trả về cho các chủ bò, thưa Thế Tôn. Con xin được xuất gia dưới đức Thế Tôn, cho phép được thụ giới cao hơn, như vậy có được không?”

Và không lâu sau đó, sau khi thụ giới cao hơn (thành một Tỳ kheo), rồi sống (tu) một mình, thu mình (lui về, ẩn dật), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định....

Và thầy Nanda đã trở thành một trong những vị A-la-hán.”

242 (5) Ví Dụ Súc Gỗ To (2)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī bên bờ sông Hằng. Đức Thế Tôn nhìn thấy một thân gỗ súc lớn đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng, và nói với các Tỷ kheo như vậy:

“Này các Tỷ kheo, các thầy có nhìn thấy thân gỗ súc lớn đó đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng?

“Dạ có, thưa Thế Tôn.” ... *[tiếp tục như kinh kể trên]* ...

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Kimbila đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cái gì là bờ bên này ... cái gì là bị suy đồi ở bên trong?”

[Phật tiếp tục trả lời y hệt như kinh kể trên, cho tới:]

“Và, này Kimbila, cái gì là sự suy đồi ở bên trong? Ở đây, này Kimbila, một Tỷ kheo phạm vào một tội ô-nhiễm, một tội thuộc loại (nghiêm trọng) không cho phép phục hồi (tư cách Tỷ kheo). Đây được gọi là bị suy đồi bên trong.”

(SN 35:242)

243 (6) Bài Giảng về sự Suy Đồi

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người xứ

Thích-Ca [Sakya] ở Kapilavatthu [Ca-tỳ-la-vệ] trong Tịnh xá Cây Banyan [nigrodha, cây đa]. Lúc bấy giờ, vào lúc đó có một hội đường mới được xây dựng cho những người Thích-Ca ở Kapilavatthu, và nó chưa được trú ở bởi một tu sĩ [sa-môn] hay bà-la-môn hay một người nào. Rồi những người xứ Thích-Ca ở Kapilavatthu đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, một hội đường mới được xây dựng cho những người xứ Thích-Ca và chưa được trú ở bởi một tu sĩ hay bà-la-môn hay một người nào. Thưa Thế Tôn, kính mong Thế Tôn là người đầu tiên sử dụng nó. Sau khi Đức Thế Tôn đã sử dụng trước, những người xứ Thích-Ca ở Kapilavatthu sẽ sử dụng nó sau đó. Điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”

Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi, khi những người xứ Thích-Ca ở hiểu được đức Thế Tôn đã đồng ý, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi cúi chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải của họ, họ đi ra và đi tới hội đường mới. Ở đó họ trải thảm hết hội đường, chuẩn bị các chỗ ngồi, đặt một bình nước lớn, và treo một đèn dầu lớn. Rồi họ quay lại gặp đức Thế Tôn để báo cho đức Thế Tôn về sự chuẩn bị, và nói thêm: “Mong Thế Tôn cứ tùy tiện ghé đến lúc nào cũng được.”

Rồi đức Thế Tôn mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa, đi cùng với Tăng đoàn đến chỗ hội đường mới. Sau khi rửa chân, đức Thế Tôn bước vào và ngồi xuống, lưng tựa hướng cột nhà

chính sảnh, mặt hướng phía đông. Các Tỳ kheo cũng vậy, sau khi rửa chân, bước vào hội đường, và ngồi xuống, lưng hướng bức tường phía tây (ở sau), mặt hướng phía đông, với đức Thế Tôn ở trước mặt họ. Những người xứ Thích-Ca ở Kapilavatthu cũng vậy, sau khi rửa chân, họ bước vào hội đường và ngồi xuống, lưng hướng bức tường phía đông, mặt hướng phía tây, với đức Thế Tôn ở trước mặt.

Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng (giáo huấn), truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ những người xứ Thích-Ca ở đó bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp gần hết đêm, sau đó đức Thế Tôn đã giải tán họ, và nói:

“Đêm đã qua, này những người Cồ-đàm. Các người có thể tùy tiện ra về.”¹¹⁵

“Dạ, thưa Thế Tôn”, họ đáp lại. Rồi họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, sau khi cúi chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn hướng bên phải họ và đi ra. Rồi, không lâu sau khi những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu đã đi khỏi, đức Thế Tôn mới nói với Ngài Đại Mục-kiền-liên như vậy:

“Này Mục-kiền-liên, Tăng đoàn các Tỳ kheo không bị đờ dãn và buồn ngủ (hôn trầm). Thầy hãy nói một bài Giáo Pháp cho các Tỳ kheo. Lưng của ta đang đau, nên ta sẽ nằm giãn nó ra một chút.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Mục-kiền-liên đáp lại.

Rồi đức Thế Tôn gấp tư cà sa (làm gối) và nằm nghiêng bên phải như tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết, lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ dậy. Lúc đó thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói với các Tỷ kheo như vậy: “Này các đạo hữu, các Tỷ kheo!”

“Được, thưa đạo hữu!”, các Tỷ kheo đáp lại. Thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, tôi sẽ dạy cho các thầy bài giảng về người bị suy đồi (bị ô-nhiễm),¹¹⁶ và người không bị suy đồi (không bị ô nhiễm). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói.”

“Được, thưa đạo hữu”, các Tỷ kheo đáp lại. Thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói điều này:

(i) “Này các đạo hữu, theo cách nào một người là bị suy đồi? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỷ kheo có ý thích (tham) một hình-sắc dễ chịu và từ chối (sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống không thiết lập sự chánh-niệm về thân, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu được, đúng như nó thực là, về sự giải thoát của-tâm, về sự giải thoát nhờ-trí-tuệ trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ (không còn tàn dư).

“Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỷ kheo ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và từ chối (sân) một hiện-tượng

thuộc tâm khó chịu. Người đó sống không thiết lập sự chánh-niệm về thân ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chắm dứt sạch sẽ.¹¹⁷

“Này các đạo hữu, đây được gọi là một Tỳ kheo bị suy đồi giữa những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, bị suy đồi giữa những âm-thanh được nhận biết bởi tai, bị suy đồi giữa những mùi-hương được nhận biết bởi mũi, bị suy đồi giữa những mùi-hương được nhận biết bởi lưỡi, bị suy đồi giữa những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân, bị suy đồi giữa những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm. Khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma-vương tiếp cận người đó thông qua mắt, thì Ma-vương sẽ chụp được người đó, Ma-vương sẽ bắt được (xử được, kiểm soát) người đó. Nếu Ma-vương tiếp cận người đó thông qua tai ... thông qua tâm, thì Ma-vương sẽ chụp được người đó, Ma-vương sẽ bắt được người đó.

- “Này các đạo hữu, giả sử có một mái lều được làm từ rạ hay cỏ, đã khô héo, đã khô cứng, đã qua thời xanh tươi của nó. Nếu một người tới từ phía đông với một ngọn đuốc có đang cháy, hoặc tới từ phía tây, từ phía bắc, từ phía nam, từ phía dưới, từ phía trên, từ bất cứ phía nào anh ta tiếp cận được để lửa chụp vô đó, lửa bắt vô đó. Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma-vương tiếp cận người đó thông qua mắt ... thông qua tâm, thì Ma-vương sẽ chụp được người đó, Ma-vương sẽ bắt được người đó.

“Khi một Tỳ kheo sống như vậy thì những hình-sắc áp đảo người đó; người đó không áp đảo những hình-sắc. Những âm-thanh áp đảo người đó; người đó không áp đảo những âm-thanh. Những mùi-vị áp đảo người đó; người đó không áp đảo những mùi-vị. Những đối-tượng chạm xúc áp đảo người đó; người đó không áp đảo những đối-tượng chạm xúc. Những hiện-tượng thuộc tâm áp đảo người đó; người đó không áp đảo những hiện-tượng thuộc tâm. Đây các đạo hữu, đây được gọi là một Tỳ kheo bị áp đảo bởi những hình-sắc, bị áp đảo bởi những âm-thanh, bị áp đảo bởi những mùi-hương, bị áp đảo bởi những mùi-vị, bị áp đảo bởi những đối-tượng chạm xúc, bị áp đảo bởi những hiện-tượng thuộc tâm— là người bị áp đảo, chứ không phải người áp đảo. Những trạng thái xấu ác bất thiện đã áp đảo người đó; những trạng thái đó làm ô-nhiễm; chúng dẫn đến sự tái hiện-hữu, chúng đưa đến khổ nạn, chúng gây ra (hậu quả) khổ đau, và chúng dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai.

“Đây các đạo hữu, chính theo cách như vậy là một người bị suy đồi.

(ii) “Đây các đạo hữu, theo cách nào một người là *không* bị suy đồi? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hình-sắc dễ chịu và không từ chối (không sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống có thiết lập sự chánh-niệm về thân, với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được, đúng như nó thực là, về sự giải thoát của-tâm, về sự giải

thoát nhờ-trí-tuệ trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ (không còn tàn dư).

“Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và không từ chối (không sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống có thiết lập sự chánh-niệm về thân ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ.

“Này các đạo hữu, đây được gọi là một Tỳ kheo không bị suy đồi giữa những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, không bị suy đồi giữa những âm-thanh được nhận biết bởi tai, không bị suy đồi giữa những mùi-hương được nhận biết bởi mũi, không bị suy đồi giữa những mùi-hương được nhận biết bởi lưỡi, không bị suy đồi giữa những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân, không bị suy đồi giữa những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm. Khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma-vương có tiếp cận người đó thông qua mắt, thì Ma-vương sẽ không chụp được người đó, Ma-vương sẽ không bắt được người đó. Nếu Ma-vương tiếp cận người đó thông qua tai ... thông qua tâm, thì Ma-vương sẽ *không* chụp được người đó, Ma-vương sẽ không bắt được người đó.

- “Này các đạo hữu, giả sử có một căn nhà có mái nhọn hay một hội đường mới được xây dựng từ đất sét nén chặt và mới được trét vữa. Nếu một người có tới từ phía đông với một ngọn đuốc có đang cháy, hoặc tới từ phía tây, từ phía bắc, từ phía nam,

từ phía dưới, từ phía trên, hay dù người đó có tiếp cận từ phía nào, thì lửa cũng không chụp vô đó được, lửa không bắt vô đó được. Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma-vương có tiếp cận người đó thông qua mắt ... thông qua tâm, thì Ma-vương sẽ *không* chụp được người đó, Ma-vương sẽ không bắt được người đó.

“Khi một Tỳ kheo sống như vậy thì người đó áp đảo những hình-sắc; những hình-sắc không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những âm-thanh; những âm-thanh không áp đảo người. Người đó áp đảo những mùi-vị; những mùi-vị không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những mùi-hương; những mùi-hương không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những đối-tượng chạm xúc; những đối-tượng chạm xúc không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những hiện-tượng thuộc tâm; những hiện-tượng thuộc tâm không áp đảo người đó. Này các đạo hữu, đây được gọi là một Tỳ kheo không bị áp đảo bởi những hình-sắc, không bị áp đảo bởi những âm-thanh, không bị áp đảo bởi những mùi-hương, không bị áp đảo bởi những mùi-vị, không bị áp đảo bởi những đối-tượng chạm xúc, không bị áp đảo bởi những hiện-tượng thuộc tâm— là người áp đảo, chứ không phải người bị áp đảo. Những trạng thái xấu ác bất thiện không áp đảo người đó; những trạng thái đó không làm ô nhiễm; chúng không dẫn đến sự tái hiện-hữu, chúng không đưa đến khổ nạn, chúng không gây ra (hậu quả) khổ đau, và chúng không dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai.

“Này các đạo hữu, chính theo cách như vậy là một người không bị suy đồi.”

Rồi đức Thế Tôn ngồi dậy và nói với thầy Đại Mục-kiền-liên như vậy: “Tốt, tốt, này Mục-kiền-liên! Thầy đã nói một cách khéo léo bài giảng về người bị suy đồi và người không bị suy đồi.”

Đây là lời của thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói. Vị Sư Thầy đã chấp thuận. Các Tỷ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của thầy Đại Mục-kiền-liên.

(SN 35:243)

244 (7) Những Trạng Thái kéo theo Khổ Đau

“Này các Tỷ kheo, khi (i) một Tỷ kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến của tất cả những trạng thái xấu ác bất thiện kéo theo khổ đau, đúng như chúng thực là, thì (ii) người đó đã nhìn thấy những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) theo một cách [người đó] không còn khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham-muốn về dục, luyện-ái về dục, sự mê-thích về dục, sự mê-đắm về dục đối với những khoái-lạc giác-quan; rồi (iii) người đó đã nắm rõ một cách dẫn dắt và cách sống để khi người đó dẫn dắt bản thân như vậy và khi người đó sống như vậy, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) không chảy-vào bên trong người đó; (‘dòng chảy-vào’: chỉ những ô-nhiễm từ bên

ngoài vào tâm).¹¹⁸

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến của tất cả những trạng thái xấu ác bất thiện kéo theo khổ đau (những pháp khổ), đúng như chúng thực là?¹¹⁹ (Người đó hiểu được:) ‘Này là thân-sắc, này là nguồn gốc của nó, này là sự chấm dứt của nó; này là cảm-giác ... này là nhận-thức ... này là những sự tạo-tác cố-ý ... này là thức, này là nguồn gốc của nó, này là sự chấm dứt của nó’: theo cách như vậy là một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến của tất cả những trạng thái xấu ác bất thiện kéo theo khổ đau, đúng như chúng thực là.

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo nhìn thấy những khoái-lạc giác-quan theo một cách [người đó] không còn khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham-muốn về dục, luyến-ái về dục, sự mê-thích về dục, sự mê-đắm về dục đối với những khoái-lạc giác-quan? Giả sử có một hố than sâu hơn chiều cao một người, chứa đầy than đang cháy rực nhưng không khói, không có lửa ngọn. Một người đến đó, người đó đang muốn sống, không muốn chết, thích sướng và ghét khổ. Rồi có hai người lực sĩ nắm hai tay người đó và kéo người đó tới chỗ hố than. Người đó sẽ có vùng vẫy đủ cách (để thoát thân). Vì lý do gì? Vì người đó biết: ‘Ta sẽ rớt xuống hố than và do vậy ta sẽ bị chết hoặc đau đớn như chết.’¹²⁰ Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy những khoái-lạc giác-quan cũng giống như hố than lửa,

thì người đó không còn khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham-muốn về dục, luyện-ái về dục, sự mê-thích về dục, sự mê-đắm về dục đối với những khoái-lạc giác-quan.

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo đã nắm rõ một cách dẫn dắt và cách sống để khi người đó dẫn dắt bản thân như vậy và khi người đó sống như vậy, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) không chảy-vào bên trong người đó? Giả sử một người đi vào một khu rừng đầy gai nhọn. Gai có đầy trước mặt, gai đầy sau lưng, gai đầy bên trái, gai đầy bên phải, gai đầy bên dưới, gai đầy bên trên người đó. Người đó phải bước tới một cách chú-tâm (chánh niệm), người đó bước lùi một cách chú-tâm, trong đầu nghĩ: ‘Đừng để gai đâm ta!’ Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, thứ gì trong thế giới có tính chất dễ-chịu (sướng) và khó-chịu (khổ) thì được gọi là một cái gai theo Giới Luật Thánh Nhân. Sau khi hiểu được những thứ như vậy như một cái ‘gai’, thì một người hiểu được sự kiểm-chế và sự không kiểm-chế là gì.

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có sự không kiểm-chế? Ở đây, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng mắt, một Tỳ kheo có ý thích (tham) một hình-sắc dễ chịu và từ chối (sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống không thiết lập sự chánh-niệm về thân, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu được, đúng như nó thực là, về sự giải thoát của-tâm, về sự giải thoát nhờ-trí-tuệ trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ

(không còn tàn dư). Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và từ chối (sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống không thiết lập sự chánh-niệm về thân ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Chính theo cách như vậy là có sự không kiềm-chế.

- “Và này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự kiềm-chế? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không ý thích (không tham) một hình-sắc dễ chịu và không từ chối (không sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống có thiết lập sự chánh-niệm về thân, với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được, đúng như nó thực là, về sự giải thoát của-tâm, về sự giải thoát nhờ-trí-tuệ trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và không từ chối (không sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống có thiết lập sự chánh-niệm về thân ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Chính theo cách như vậy là có sự kiềm-chế.

- “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang dẫn dắt bản thân như vậy và đang sống theo cách như vậy, nhiều lúc sự chánh-niệm bị rớt (yêu, mất, lạc, lảng xãng, thất niệm), thì những sự-nhớ (ký

ức, niệm, tà niệm) và những ý-định nối kết với những gông-cùm sẽ khởi sinh trong người đó. Nếu điều này xảy ra thì sự chánh-niệm chậm khởi sinh, nhưng ngay lúc đó người tu liền nhanh chóng dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết thúc chúng, và xóa sổ chúng. Giả sử có một người nhiều hai hay ba giọt nước lên một đĩa sắt đã được đun nóng cả ngày. Dù những giọt nước có rơi xuống chậm nhưng ngay lúc chúng chạm xuống đĩa, chúng sẽ lập tức bốc hơi và biến mất.¹²¹ Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang dẫn dắt bản thân như vậy và đang sống theo cách như vậy ... sự chánh-niệm chậm khởi sinh, nhưng ngay lúc đó người đó liền nhanh chóng dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết thúc chúng, và xóa sổ chúng.

“Như vậy một Tỳ kheo đã nắm rõ một cách dẫn dắt bản thân và cách sống để khi người đó dẫn dắt bản thân như vậy và khi người đó sống như vậy, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) không chảy-vào bên trong người đó.

- “Khi một Tỳ kheo đang dẫn dắt bản thân như vậy và đang sống như vậy, nếu các vua chúa hay các quan thần, bạn bè hay đồng sự, bà con hay họ hàng có thỉnh dụ người đó về nhận lấy tài sản bổng lộc, họ nói: ‘Này, người bạn tốt, sao phải để mấy chiếc áo cà sa này làm khổ cực mình vậy? Tại sao phải đi lang thang với cái đầu trọc và bình bát xin ăn như vậy? Này, thà quay lại sống đời thấp tục, lo thụ hưởng của cải và làm những việc công đức.’

Nhưng này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang dẫn dắt bản thân như vậy và đang sống như vậy thì không thể nào người đó từ bỏ sự tu tập để quay lại đời sống thấp tục.

“Này các Tỳ kheo, giả sử khi sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, một đám người tới mang theo cuốc và giỏ đựng, trong đầu nghĩ: ‘Chúng ta sẽ làm (đào) cho sông Hằng này đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây.’ Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, liệu đám người đó có thể làm cho sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì sông Hằng (tự hỏi nào giờ) là đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, và không dễ gì làm cho nó đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây cho được. Đám người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và bực tức mà thôi.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang dẫn dắt bản thân như vậy và đang sống như vậy, nếu các vua chúa hay các quan thần, bạn bè hay đồng sự, bà con hay họ hàng có thỉnh dụ người đó về nhận lấy tài sản bổng lộc ... thì không thể nào người đó từ bỏ sự tu tập để quay lại đời sống thấp tục. Vì lý do gì? Bởi vì từ lâu giờ tâm của người đó đã đổ về, nghiêng về, và hướng về sự sống tách ly ẩn dật. Như vậy thì không thể nào người đó bỏ tu để quay lại đời sống thấp tục.”

(SN 35:244)

245 (8) *Cây Kimśuka*

- Một Tỳ kheo đến gặp một Tỳ kheo khác và hỏi: “Này đạo hữu, theo cách nào tâm-nhìn của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách khéo léo?”¹²²

“Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến của *sáu cơ-sở tiếp-xúc* (sáu giác-quan), thì theo cách như vậy là tâm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách khéo léo.”

- Rồi Tỳ kheo đầu (tức người hỏi) không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp một Tỳ kheo khác để hỏi lại: “Này đạo hữu, theo cách nào tâm-nhìn của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách khéo léo?”

“Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến của *năm-uẩn bị dính chấp*, thì theo cách như vậy là tâm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách khéo léo.”

- Lần nữa, Tỳ kheo đầu không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp một Tỳ kheo khác nữa để hỏi lại: “Này đạo hữu, theo cách nào tâm-nhìn của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách khéo léo?”

“Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến của *bốn yếu-tố lớn* (tứ đại), thì

theo cách như vậy là tầm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách khéo léo.”

- Lần nữa, Tỳ kheo đầu không hài lòng với câu trả lời của người đó, nên đến gặp tiếp một Tỳ kheo khác để hỏi lại: “Này đạo hữu, theo cách nào tầm-nhìn của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách khéo léo?”

“Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là: ‘*Thứ gì thuộc tính khởi-sinh thì đều thuộc tính chấm-dứt*’ (có sinh là có diệt), thì theo cách như vậy là tầm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách khéo léo.”

- Rồi, Tỳ kheo đó không hài lòng với câu trả lời của người đó, nên đến gặp đức Thế Tôn, kể lại những điều các thầy kia đã nói), và hỏi lại: “Thưa Thế Tôn, theo cách nào tầm-nhìn của một được thanh lọc một cách khéo léo?”

- “Này Tỳ kheo, giả sử có một người trước giờ chưa từng nhìn thấy cây *kiṃsuka*.¹²³ Người đó đến gặp một người đã từng nhìn thấy cây *kiṃsuka* để hỏi: ‘Thưa ông, cây *kiṃsuka* nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây *kiṃsuka* có màu đen đen, giống một gốc cây bị đốt thành than.’ Trong lần đó, có thể cây *kiṃsuka* đúng là giống như người kia đã nhìn thấy.

- “Rồi người đó không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp một người khác đã từng nhìn thấy cây *kiṃsuka* để hỏi lại: ‘Thưa ông, cây *kiṃsuka* nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời:

‘Này bạn hiền, cây *kiṃsuka* có màu đỏ đỏ, giống một miếng thịt.’ Trong lần đó, có thể cây *kiṃsuka* đúng là giống như người kia đã nhìn thấy.

- “Rồi người đó không hài lòng với câu trả lời của người đó, nên đến gặp một người khác nữa đã từng nhìn thấy cây *kiṃsuka* để hỏi lại: ‘Thưa ông, cây *kiṃsuka* nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây *kiṃsuka* có vỏ bị tuột xuống và tróc ra, giống một cây acacia [*sirīsa*].¹²⁴ Trong lần đó, có thể cây *kiṃsuka* đúng là giống như người kia đã nhìn thấy.

- “Rồi người đó không hài lòng với câu trả lời của người đó, nên đến gặp tiếp một người khác đã từng nhìn thấy cây *kiṃsuka* để hỏi lại: ‘Thưa ông, cây *kiṃsuka* nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây *kiṃsuka* có lá và tàn lá che phủ bóng mát, giống một cây banyan (cây đa).’ Trong lần đó, có thể cây *kiṃsuka* đúng là giống như người kia đã nhìn thấy.

- “Cũng giống như vậy, này Tỳ kheo, những bậc thượng nhân đó đã trả lời đúng như chúng hiện thị theo cách mỗi tầm-nhìn của mỗi vị đó đã được thanh lọc một cách khéo léo. (Tức: mỗi người chứng ngộ theo mỗi cách khác nhau.)

“Này Tỳ kheo, giả sử một ông vua có một đô thành ở gần biên giới có những hào lũy, tường thành, và tháp canh kiên cố, và có sáu cổng ra vào. Người gác cổng ở đó khôn khéo, giỏi việc, và thông minh; người đó chặn đuổi những người lạ mặt, và cho phép

những người quen mặt đi vào đi ra. Có hai người đưa tin hỏa tốc đến từ phía đông và hỏi người gác cổng: ‘Này bạn hiền, vị chủ thành đang ở đâu?’ Người gác cổng có thể trả lời: ‘Ông ta đang ngồi ở khu vuông trung tâm.’ Rồi hai người đưa tin hỏa tốc đi vào báo tin hiện-thực cho vị chủ thành, và đi ra khỏi thành theo đường đã đi vào. Tương tự, những người đưa tin đến từ phía tây, từ phía bắc, từ phía nam, đi vào báo tin của họ, và đi ra khỏi thành theo đường đã đi vào.

“Này Tỳ kheo, ta đã làm ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa đó:

- ‘Thành đô’: đây là một cách để chỉ thân này gồm bốn yếu tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang bản chất) bị vô thường, phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã.¹²⁵

- ‘Sáu cổng’: đây là một cách để chỉ sáu cơ-sở cảm nhận bên-trong (sáu giác-quan).

- ‘Người gác cổng’: đây là một cách để chỉ sự chánh-niệm.

- ‘Hai người đưa tin hỏa tốc’: đây là một cách để chỉ sự tĩnh-lặng (định) và minh-sát (tuệ).

- ‘Người chủ thành’: đây là một cách để chỉ thức.¹²⁶

- ‘Khu vuông trung tâm’: đây là một cách để chỉ bốn yếu-tố lớn—yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, yếu tố khí.

- ‘Tin hiện-thực’: đây là một cách để chỉ Niết-bàn.

- ‘Theo đường đã đi vào’: đây là một cách để chỉ con đường Bát Thánh Đạo; đó là: cách nhìn đúng đắn ... định tâm đúng đắn.”

(SN 35:245)

246 (9) Ví Dụ Đòn Tỳ Bà

“Này các Tỳ kheo, nếu bên trong Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào có nhục dục, hay tham, hay sân, hay si khởi sinh đối với *những hình-sắc được nhận biết bởi mắt*, thì người đó nên chế ngự tâm mình khỏi chúng như vậy:¹²⁷ ‘Con đường này là đáng sợ, hiểm nguy, đầy gai gổc, đầy rừng rậm, con đường tà ác, con đường xấu ác, con đường cản cản khan hiếm.’¹²⁸ Đây là con đường được bước đi bởi những người thấp tục; đó không phải là con đường được bước đi bởi những bậc thượng nhân. (Này tâm:) *đây không phải là (con đường) dành cho mi!.*’ Theo cách như vậy tâm nên được chế ngự khỏi những trạng thái liên quan những hình-sắc được nhận biết bởi mắt. Cũng làm tương tự đối với những trạng thái liên quan *những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.*

“Này các Tỳ kheo, giả sử đồng lúa [lúa mì] đã chín và người canh gác thì lơ lãng. Con bò nào thích đi vào đồng lúa đó thì nó cứ thỏa thích ăn theo ý mình. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo,

người phàm phu không được chỉ dạy không tập luyện sự kiểm-chế sáu cơ-sở tiếp xúc (sáu giác-quan) thì người đó cứ thỏa thích thả mình trong năm dây khoái-lạc giác-quan.

“Này các Tỳ kheo, giả sử đồng lúa đã chín và người canh gác thì canh phòng cẩn thận. Nếu con bò nào thích đi vô đồng lúa đó, thì người canh gác sẽ nắm chặt ngay mõm nó (chỗ có dây xỏ mũi). Trong khi nắm chặt mõm nó, người đó ghì chặt dây khóa giữa hai sừng, rồi nện mạnh nó bằng gậy. Sau khi nện mạnh con bò, người đó đánh đuổi nó đi ... Lần thứ hai cũng vậy ... Lần thứ ba cũng vậy. Như vậy sau đó, con bò thích ăn lúa dù đã chạy về làng hay chạy vô rừng hay dù nó còn đang đứng hay đang ngồi đâu đó, khi nhớ tới trận đòn bị nện bằng cây trước đó thì nó sẽ không dám đi vô đồng lúa nữa.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi tâm một Tỳ kheo đã được chinh phục, đã được chinh phục một cách khéo léo đối với sáu cơ-sở tiếp xúc, thì nó sẽ trở nên ổn định ở bên trong, được lắng lặn, được hợp nhất, và được định.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một ông vua [hay quan đại thần của ông] chưa bao giờ nghe tiếng đồn tỳ bà. Rồi, nếu nghe tiếng đồn đâu đó, ông có thể hỏi: ‘Ê anh kia, cái gì làm ra thứ âm thanh đó vậy— nó thật dễ chịu, thật gọi cảm, thật say sưa, thật đáng mê, thật mê hoặc, như vậy?’ Người ta có thể trả lời ông: ‘Thưa đức ngài, đó là đồn tỳ bà làm ra âm thanh đó— thật dễ chịu, thật gọi cảm, thật say sưa, thật đáng mê, thật mê hoặc, như vậy.’ Ông sẽ

nói: ‘Này anh kia, hãy mang đờn đó tới đây cho ta coi.’

“Rồi người ta phải đem cây đờn tỳ bà tới cho ông và thưa: ‘Thưa đức vua, đây là đờn tỳ bà, âm thanh của nó là thật dễ chịu, thật gọi cảm, thật say sưa, thật đáng mê, thật mê hoặc.’ Nhà vua mới nói: ‘Ta đã có cả đồng đờn sáo ở đây rồi. Người chỉ cần mang thứ âm thanh đó tới đây cho ta.’ Chắc người ta phải trả lời ông như vậy: ‘Thưa đức vua, cây đờn tỳ bà này gồm nhiều bộ phận, gồm rất nhiều bộ phận, và nó sẽ làm ra thứ âm thanh khi nó được chơi trên nhiều bộ phận của nó; đó là: tùy thuộc vào nhiều thứ như thành đờn làm bằng da, bụng đờn, cần đờn, đầu đờn, các dây đờn, phím để đờn, và sự nỗ lực khéo léo của người nhạc công. Như vậy đó, thưa đức vua, rằng cây đờn tỳ bà này gồm nhiều bộ phận, gồm rất nhiều bộ phận, và nó sẽ làm ra thứ âm thanh khi nó được chơi trên nhiều bộ phận của nó.’

“Nhà vua bèn đập nát cây đờn ra thành mười mảnh hay trăm mảnh, rồi nghiền nát thành vụn. Sau khi nghiền nát hết thành vụn, ông đem đốt chúng cháy nát thành tro, rồi ông đem rải tro trong gió mạnh hoặc rải xuống sông chảy xiết. Rồi ông nói: ‘Cái được gọi là cây-đờn đích thực chỉ là ‘tào lao’, cũng chẳng có cái gì được gọi là cây-đờn cả. Sao mọi người quá lơ tâm nghĩ nó là vậy, sao mọi người cứ nhận lầm nó là vậy!’

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo điều tra *thể-sắc* khắp mọi chỗ nó có mặt, người đó điều tra *cảm-giác* khắp mọi chỗ nó có mặt, người đó điều tra *nhận-thức* khắp mọi chỗ nó

có mặt, người đó điều tra *những sự tạo-tác cố-ý* khắp mọi chỗ chúng có mặt, người đó điều tra *thức* khắp mọi chỗ nó có mặt. Khi người đó điều tra thể-sắc khắp mọi chỗ nó có mặt ... điều tra thức khắp mọi chỗ nó có mặt, (và người đó đâu thấy cái nào có tự-tính như một cái ‘ta’ hay ‘tự-ngã’) thì mọi quan niệm như cái ‘ta’, cái ‘của-ta’ hay cái sự ‘ta là’ đều không-còn trong người đó nữa.” ([ba cái này lần lượt là: *thân kiến, dục-vọng, tự-ngã*])¹²⁹

(SN 35:246)

247 (10) Ví Dụ Sáu Con Vật

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người với tay chân bị thương và đang mừng mủ mà đang đi vô khu rừng đầy cây gai nhọn, và gai cỏ *kusa* có thể đâm bàn chân và lá lau sậy có thể cào xước tay chân của anh ta. Như vậy người đó càng thêm bị đau đớn và khổ sở. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có mấy Tỳ kheo đi vô làng hay vô rừng gặp người ta chửi chê mình như vậy: ‘Quý thầy đây, hành động như vậy, hành vi như vậy, chẳng khác gì cái gai thúi trong làng.’ (tức: không phải bậc chân tu hay đại đức; ‘đại đức thúi’). Sau khi hiểu được mình chỉ là cái ‘gai’, thì người đó nên hiểu biết sự kiềm-chế và sự không kiềm-chế là gì.”¹³⁰

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có *sự không kiềm-chế*? Ở đây, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng mắt, một Tỳ kheo có ý

thích (tham) một hình-sắc dễ chịu và từ chối (sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống không thiết lập sự chánh-niệm về thân, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu được, đúng như nó thực là, về sự giải thoát của-tâm, về sự giải thoát nhờ-trí-tuệ trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ (không còn tàn dư). Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng tai ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm* (pháp), người đó ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và từ chối (sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống *không* thiết lập sự chánh-niệm về thân ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Chính theo cách như vậy là có sự không kiềm-chế.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người bắt được sáu con vật—ở những địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau—và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Ví dụ người đó bắt được rắn, cá sấu, chim, chó, chó rừng, và khỉ, và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Sau khi cột xong, ông cột thắt các đầu dây thừng lại với nhau thành một mối thắt chung, và thả chúng ta. Sáu con vật thuộc sáu địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau sẽ kéo chạy về hướng địa bàn sống và vùng kiếm ăn của mình. Rắn kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy lên ụ gò mối.’ Cá sấu kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy xuống nước.’ Chim kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Bay lên trời.’ Chó kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy về làng.’ Chó rừng kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy vô nghĩa địa.’ Khỉ kéo đi

đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy vô rừng.’

“Tới lúc sáu con vật đều mệt mỏi và đuổi sức, chúng bắt đầu bị lấn áp bởi một con còn mạnh nhất trong đó; giờ chúng phải bị lụy theo nó và bị nó điều khiển. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo *không* tu tập và phát triển sự chánh-niệm hướng vào thân, thì mắt kéo (tâm) theo hướng (tham, thích, nắm giữ) những hình-sắc dễ chịu và bất đồng (sân, ghét, từ chối) với những hình-sắc khó chịu; tai kéo theo hướng những âm-thanh dễ chịu và bất đồng với những âm-thanh khó chịu; mũi kéo theo hướng những mùi-hương dễ chịu và bất đồng với những mùi-hương khó chịu; lưỡi kéo theo hướng những mùi-vị dễ chịu và bất đồng với những mùi-vị dễ chịu; thân kéo theo hướng những đối-tượng chạm xúc dễ chịu và bất đồng với những đối-tượng chạm xúc khó chịu; tâm kéo theo hướng những hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và bất đồng với những hiện-tượng thuộc tâm khó chịu.

“Chính theo cách như vậy là có sự không kiểm-chế.

- “Và này các Tỳ kheo, theo cách nào là *có sự kiểm-chế*? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo *không* có ý thích (không tham) một hình-sắc dễ chịu và *không* từ chối (không sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống có thiết lập sự chánh-niệm về thân, với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được, đúng như nó thực là, về sự giải thoát của-tâm, về sự giải thoát nhờ-trí-tuệ trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ (không còn tàn dư). Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ...

Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và *không* từ chối (không sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống có thiết lập sự chánh-niệm về thân ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Chính theo cách như vậy là có sự kiểm-chế.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người bắt được sáu con vật—ở các địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau—và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Ví dụ người đó bắt được rắn, cá sấu, chim, chó, chó rừng, và khỉ, và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Sau khi cột xong, ông cột tất cả các đầu dây thừng đó vào một cây cột hay trụ chắc chắn. Rồi sáu con vật thuộc sáu địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau sẽ kéo chạy về hướng địa bàn sống và vùng kiếm ăn của mình. Rắn kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy lên ụ gò mối.’ ... Khỉ kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy vô rừng.’

“Tới lúc sáu con vật đều mệt mỏi và đuối sức, chúng chỉ đứng gần cây cột hay trụ đó, chúng chỉ có thể ngồi gần đó, chúng chỉ có thể nằm gần đó. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã tu tập và phát triển sự chánh-niệm hướng vào thân, thì mắt *không* kéo (tâm) theo hướng những hình-sắc dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những hình-sắc khó chịu; tai *không* kéo theo hướng những âm-thanh dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những âm-thanh khó chịu; mũi *không* kéo theo hướng những mùi-hương

dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những mùi-hương khó chịu; lưỡi *không* kéo theo hướng những mùi-vị dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những mùi-vị dễ chịu; thân *không* kéo theo hướng những đối-tượng chạm xúc dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những đối-tượng chạm xúc khó chịu; tâm *không* kéo theo hướng những hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những hiện-tượng thuộc tâm khó chịu.

“Chính theo cách như vậy là có sự kiềm-chế.

“Này các Tỳ kheo, ‘cây cột hay trụ chắc chắn’: đây là một cách chỉ ‘sự chánh-niệm hướng vào thân.’ Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và phát triển ‘*sự chánh-niệm hướng vào thân*’, làm cho nó thành một cỗ-xe (tu thừa) của chúng ta, làm cho nó thành căn-bản của chúng ta, ổn định nó, thực hành bản thân mình trong nó, và hoàn thiện nó.’ Các thầy nên tu tập bản thân mình như vậy.”

(SN 35:247)

248 (11) Bó Lúa

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một bó lúa [lúa mì] được để ở ngã tư đường. Rồi có sáu người tới tay cầm cây đập lúa, và họ đập bó lúa với sáu cây đập lúa đó. Như vậy bó lúa bị đập toi tả, đã bị đập bởi sáu cây đập lúa. Rồi một người thứ bảy tới tay cầm cây

đập lúa, và người đó cũng đập bó lúa với cây đập lúa thứ bảy đó. Như vậy bó lúa thậm chí càng bị đập toi tả hơn nữa, đã bị đập thêm bởi cây đập lúa thứ bảy.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy bị đập đánh trong *mắt* bởi *những hình-sắc* dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong *tai* bởi *những âm-thanh* dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong *mũi* bởi *những mùi-hương* dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong *lưỡi* bởi *những mùi-vị* dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong *thân* bởi *những đối-tượng chạm xúc* dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong *tâm* bởi *những hiện-tượng thuộc tâm* (pháp) dễ chịu và khó chịu. Nếu người phạm phu không được chỉ dạy đã thiết lập cái tâm theo hướng tái hiện-hữu (tái sinh) trong tương lai (với dục vọng được tái hiện-hữu ở cõi này cõi nọ; như mong muốn tái sinh lại làm người hay thành tiên ...), thì kẻ ngu dại đó thậm chí còn bị đập đánh toi tả hơn nữa, giống như bó lúa càng bị đập toi tả hơn nữa bởi cây đập lúa thứ bảy.

“Này các Tỳ kheo, một thời trong quá khứ có các thiên thần [deva] và các quỷ thần [asura, a-tu-la] dàn trận đánh nhau. Rồi Vepacitti, vua của các quỷ thần đã nói với các quỷ thần như vậy: ‘Này các chư thần, trong trận chiến sắp xảy ra, nếu bên các quỷ thần thắng và bên các thiên thần bị thua, hãy bắt trói tay chân và gông cổ Sakka (Đế-thích), vua của các thiên thần, và mang ông ta về cho ta trong kinh thành này của các quỷ thần.’ Và Sakka, vua của các thiên thần, thì nói với các thiên thần như vậy: ‘Này các chư thần, trong

trận chiến sắp xảy ra, nếu bên các thiên thần thắng và bên các quỷ thần bị thua, hãy bắt trói tay chân và gông cổ Vepacitti, vua của các quỷ thần, và mang ông ta về cho ta trong hội sảnh đường Sudhamma (Thiện Pháp) này.’

“Này các Tỳ kheo, trong trận chiến đó, các thiên thần thắng và các quỷ thần bị thua. Rồi các thiên thần đã trói tay chân và gông cổ Vepacitti và mang ông ta về cho vua Sakka trong sảnh đường Sudhamma đó của các thiên thần.’

“Khi Vepacitti có ý nghĩ như vậy: ‘Các thiên thần là chánh đúng, các quỷ thần là bất chánh; ngay đây bây giờ ta *đã* tới kinh thành của các thiên thần’, thì ông ta thấy mình vừa được thoát khỏi gông-cùm quanh cổ và tay chân, và thụ hưởng bản thân mình được phú cho và được cấp cho năm dây dục-lạc thuộc cõi trời; (phân biệt với ‘năm dây dục lạc ở cõi trần’!). Nhưng khi Vepacitti có ý nghĩ như vậy: ‘Các quỷ thần là chánh đúng, các thiên thần là bất chánh; giờ ta *sẽ* đi tới kinh thành của các thiên thần’, thì ông lại thấy mình vừa bị gông-cùm quanh cổ và tay chân, và ông ta bị tước mất năm dây dục-lạc thuộc cõi trời.

“Này các Tỳ kheo, Vepacitti bị trói buộc một cách thật tinh vi như vậy; nhưng sự trói buộc của Ma-vương còn tinh vi hơn nhiều; chỉ có bằng cách không nhìn-nhận này nọ thì người tu mới được tự do khỏi Ma-vương.¹³¹

- “Này các Tỳ kheo, tất cả mỗi cái (ý niệm) này đều chỉ là

một sự nhìn-nhận (sự nhận lầm, sự suy tưởng): ‘Ta-là’; ‘Ta là này’; ‘Ta sẽ là’; ‘Ta sẽ không là’; ‘Ta sẽ gồm có thân-sắc’; ‘Ta sẽ không có thân-sắc (vô sắc)’; ‘Ta sẽ có nhận-thức’; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’— đều chỉ là sự nhìn-nhận.¹³² Sự nhìn-nhận này nọ là một căn bệnh, sự nhìn-nhận là một ung nhọt, sự nhìn-nhận là một mũi tên. Do vậy, này các Tỷ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự nhìn-nhận này nọ.’

- “Tất cả mỗi cái (ý niệm) này đều chỉ là một *sự nhiễu-loạn* ([bởi dục-vọng]): ‘Ta-là’; ‘Ta là này’; ‘Ta sẽ là’; ‘Ta sẽ không là’; ‘Ta sẽ gồm có thân-sắc’; ‘Ta sẽ không có thân-sắc’; ‘Ta sẽ có nhận-thức’; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’— đều chỉ là sự nhiễu-loạn. Sự nhiễu-loạn này nọ là như một căn-bệnh, sự nhiễu-loạn như một ung-nhọt, sự nhiễu-loạn như một mũi tên. Do vậy, này các Tỷ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự nhiễu-loạn này nọ.’

- “Tất cả mỗi cái (ý niệm) này đều chỉ là một *sự rung-động* (phát phơ, rung lắc này nọ): ‘Ta-là’; ‘Ta là này’; ‘Ta sẽ là’; ‘Ta sẽ không là’; ‘Ta sẽ gồm có thân-sắc’; ‘Ta sẽ không có thân-sắc’; ‘Ta sẽ có nhận-thức’; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’— đều chỉ là sự rung-động. Sự rung-động này nọ là như một căn bệnh, sự rung-động như một ung nhọt, sự rung-động như một mũi tên. Do vậy, này các Tỷ kheo, các thầy

nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự rung-động này nọ.’

- “Tất cả mỗi cái (ý niệm) này đều chỉ là một *sự phóng-tâm*: ‘Ta-là’; ‘Ta là này’; ‘Ta sẽ là’; ‘Ta sẽ không là’; ‘Ta sẽ gồm có thân-sắc’; ‘Ta sẽ không có thân-sắc’; ‘Ta sẽ có nhận-thức’; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’— đều chỉ là sự phóng-tâm. Sự phóng-tâm này nọ như là một căn bệnh, sự phóng-tâm như một ung nhọt, sự phóng-tâm như một mũi tên. Do vậy, này các Tỷ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự phóng-tâm này nọ.’

- “Tất cả mỗi cái (ý niệm) này đều chỉ là một *sự dính-líu với sự ‘tự-ta’* (dính ngã): ‘Ta-là’; ‘Ta là này’; ‘Ta sẽ là’; ‘Ta sẽ không là’; ‘Ta sẽ gồm có thân-sắc’; ‘Ta sẽ không có thân-sắc’; ‘Ta sẽ có nhận-thức’; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’— đều chỉ là sự dính-líu với sự ‘tự-ta.’ Sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ là như một căn bệnh, sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ như một ung nhọt, sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ như một mũi tên. Do vậy, này các Tỷ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm trong đó sự ‘tự-ta’ đã bị đánh bại.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 35:248)

Chương 36

Liên Kết CẢM-GIÁC

(*36 Vedanā—saṃyutta*)

(*36 Tương Ứng Thọ*)

NHÓM 1

NHÓM ‘CÓ THI KỆ’

(Sagāthā-vagga)

1 (1) Định Tâm

“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác dễ chịu (sướng), cảm-giác khó chịu (khổ), và cảm-giác trung tính [không khổ không sướng]. Đây là ba cảm-giác.”

Một đệ tử của Phật, có chánh-niệm,
Có đạt-định, và luôn rõ-biết,
Hiểu được các cảm-giác,
Và nguồn gốc cảm-giác,
Và chỗ chúng chấm dứt,
Và con đường dẫn tới sự chấm dứt của chúng.
Khi đã tiêu diệt mọi cảm-giác (diệt thọ)
Một Tỳ kheo hết đối, và đã hoàn toàn dập tắt.¹³³

(SN 36:01)

2 (2) Sướng

“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-

giác dễ chịu (sướng), cảm-giác khó chịu (khổ), và cảm-giác trung tính [không khổ không sướng]. Đây là ba cảm-giác.”

Dù đó là sướng hay khổ
 Hay không sướng không khổ,
 Bên trong hay bên ngoài,
 Dù là loại cảm-giác gì:
 Đã biết rõ: “Đó là khổ,
 Sẽ bị hoại diệt, sẽ bị tan rã.”
 Sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc chúng hoài hoài,
 Sau khi đã nhìn thấy sự phai biến của chúng,
 Thì người tu không-còn mê thích chúng nữa.

(SN 36:02)

3 (3) *Đẹp Bỏ*

“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khó chịu, và cảm-giác trung tính [không dễ chịu không khó chịu]. Hãy đẹp bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham-dục đối với cảm-giác dễ chịu (sướng; lạc thọ). Đẹp bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân-ghét đối với cảm-giác khó chịu (khổ; khổ thọ). Đẹp bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra si-mờ đối với cảm-giác trung tính (vô ký thọ).¹³⁴

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã đẹp bỏ khuynh-hướng

tiềm-ẩn tạo ra tham đối với cảm-giác dễ chịu, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân đối với cảm-giác khó chịu, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra si đối với cảm-giác trung tính, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo không còn khuynh-hướng tiềm-ẩn, là người nhìn thấy một cách đúng đắn. Người đó đã cắt bỏ dục-vọng, đã chặt đứt những gông-cùm, và bằng cách phá tan sự ‘tự-ta’ (tự ngã),¹³⁵ thì người đó đã kết thúc khổ đau.”

Khi người trải nghiệm sướng,
Nếu người không hiểu cảm-giác đó là gì,
Thì có khuynh-hướng tạo ra tham,
Bởi người không nhìn thấy sự giải-thoát khỏi nó.

Khi người trải nghiệm khổ,
Nếu người không hiểu cảm-giác đó là gì,
Thì có khuynh-hướng tạo ra sân,
Bởi người không nhìn thấy sự giải-thoát khỏi nó.

Bậc Đại Trí cũng đã dạy:
Còn đối với loại cảm-giác bình an vô sự,
Tức không khổ không sướng:
Nếu người cũng tìm sự khoái lạc trong nó,
Thì người vẫn không thoát khỏi sự khổ đau.
Khi một Tỳ kheo nhiệt thành,
Không lơ tâm, luôn rõ-biết,
Thì người có trí đó hoàn-toàn hiểu

Những cảm-giác đúng thực là gì.
Sau khi đã hoàn-toàn hiểu những cảm-giác,
Người đó hết ô-nhiễm ngay trong kiếp sống này.
Đã có chỗ đứng trong Giáo Pháp,
Nên khi thân tan rã,
Bậc-thầy hiểu-biết đó không còn tìm thấy được.
(Tức: niết-bàn, không còn hiện hữu ở đâu nữa)

(SN 36:03)

4 **(4) Vực Sâu Không Đáy**

“Này các Tỳ kheo, khi người phàm phu không được chỉ dạy tuyên bố điều này: ‘Trong đại dương có một vực sâu không đáy’ thì người đó tuyên bố về một cái không tồn tại và không có thực. Này các Tỳ kheo, thà lấy điều đó để chỉ những cảm-giác khổ đau còn đúng hơn; những cảm-giác khổ đau thiệt đúng như ‘một vực sâu không đáy.’

“Khi người phàm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ thân, người đó sầu, buồn, và ai oán; người đó khóc than và dầm ngực và trở nên quẫn trí. Đây được gọi là một người phàm phu không được chỉ dạy là người chưa lên khỏi cái vực sâu không đáy, người chưa có-được một chỗ đứng.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, khi người đệ tử thánh thiện đã

được chỉ dạy bị tiếp xúc với một cảm-giác khổ thân như vậy, người đó không sầu, buồn, hay ai oán; người đó không khóc than và đấm ngực, hay trở nên quẫn trí. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy là người đã lên khỏi vực sâu không đáy, người đã có-được một chỗ đứng.”

Người không thể chịu đựng
Những cảm-giác khổ đau đã khởi sinh,
Những cảm giác khổ thân phá hoại đời người,
Người run sợ khi chúng tiếp xúc mình,
Là người yếu đuối, kém dũng khí,
Người khóc rống và than oan:
Đó là người chưa lên khỏi vực sâu không đáy.
Cũng chưa có-được một chỗ đứng.

Nhưng, ai là người có thể chịu đựng chúng—
Là những cảm-giác khổ đau,
Những cảm-giác khổ thân phá hoại đời người—
Người đó không run sợ khi chúng tiếp xúc mình:
Người đó đã lên khỏi vực sâu không đáy,
Và người đó đã có-được một chỗ đứng.

(SN 36:04)

“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, và cảm-giác trung tính [không khổ không sướng]. Này các Tỳ kheo, cảm-giác dễ chịu nên được nhìn thấy là khổ ([vì nó luôn biến đổi]); cảm-giác khổ đau nên được nhìn thấy như mũi tên; cảm-giác trung tính nên được nhìn thấy là vô thường.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã nhìn thấy cảm-giác dễ chịu là khổ, cảm-giác khổ đau như mũi tên, cảm-giác trung tính là vô thường, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo nhìn thấy một cách đúng đắn. Người đó đã cắt bỏ dục-vọng, đã chặt đứt những công-cùm, và bằng cách hoàn toàn phá bỏ sự ‘tự-ta’ (tự ngã), người đó đã kết thúc khổ đau.”

Người đã nhìn thấy cảm-giác dễ chịu là khổ,
 Và cảm-giác khổ đau như là mũi tên,
 Cảm-giác bình an vô sự là vô thường:
 Thì đó là một Tỳ kheo nhìn thấy đúng đắn,
 Người hoàn-toàn hiểu những cảm-giác.
 Sau khi đã hoàn-toàn hiểu những cảm-giác,
 Người đó hết ô-nhiễm ngay trong kiếp sống này.
 Đã có chỗ đứng trong Giáo Pháp,
 Nên khi thân tan rã,
 Bạc thầy hiểu-biết đó không còn tìm thấy được.
 (Tức: niết-bàn, không còn hiện hữu ở đâu nữa)

(SN 36:05)

6 (6) Mũi Tên

“Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy cảm nhận một cảm-giác dễ chịu, một cảm-giác khổ đau, và một cảm-giác trung tính [không dễ chịu không khó chịu]. Người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy cũng cảm nhận một cảm-giác dễ chịu, một cảm-giác khổ đau, và một cảm-giác trung tính. Nhưng trong đó, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và người phàm phu không được chỉ dạy?”

“Thưa Thế Tôn, giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nương nhờ vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn, làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói, này các Tỳ kheo.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

1- “Này các Tỳ kheo, khi người phàm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó buồn, sầu, và ai oán; người đó khóc than, đấm ngực và trở nên quẫn trí. Người đó cảm nhận như hai cảm-giác—cảm-giác ở thân và cảm-giác ở tâm. Giống như người ta bắn một người bằng một mũi tên, rồi lập tức bắn thêm một mũi vào chỗ đó nữa, do vậy người đó cảm giác

một cảm-giác (đau đớn) gây ra bởi hai mũi tên. Cũng giống như vậy, khi người phạm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau ... người đó cảm nhận như hai cảm-giác—một cảm-giác ở thân và một cảm-giác ở tâm.

- “Khi bị tiếp xúc bởi cảm-giác khổ đau đó, người đó chấp chứa sân hận đối với nó. Khi có chấp chứa sân hận đối với cảm-giác khổ đau là có “khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra *sân* đối với cảm-giác khổ đau” nằm bên dưới đó. Khi bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan (dục lạc). Bởi vì sao, vì người phạm phu không được chỉ dạy không biết được sự giải-thoát nào khỏi cảm-giác khổ đau, họ chỉ biết tìm đến các khoái-lạc giác quan mà thôi. (Tức: vì họ không biết có con đường tu tập để giải thoát khỏi chúng).¹³⁶

Khi họ tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan là có “khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra *tham* đối với cảm-giác dễ chịu” nằm bên dưới đó.

Người đó không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát trong [trong trường hợp] những cảm-giác đó, đúng như chúng thực là. Khi không-hiểu được những điều đó là có “khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra *si* đối với cảm-giác trung tính” nằm bên dưới đó. (Tức: khi có *sân* là có tùy miên (tạo ra) *sân* nằm bên dưới sự *sân* đó; khi có *tham* là có tùy miên *tham* nằm bên dưới sự *tham* đó; khi không-có hiểu-biết hay ngu

ngơ là có tùy miên si nằm bên dưới sự ngu ngơ đó).

- “Khi cảm nhận một cảm-giác dễ chịu, người đó cảm thấy dính theo nó. Khi cảm nhận một cảm-giác khổ đau, người đó cảm thấy dính theo nó. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm thấy dính theo nó. Đây các Tỳ kheo, đây được gọi là người phàm phu không được chỉ dạy là người bị dính theo sự sinh, già, và chết; là người dính theo sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; là người dính theo khổ đau, ta nói vậy.

2- “Đây các Tỳ kheo, (ngược lại) khi người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó *không* buồn, sầu, và ai oán; người đó không khóc than và đắm ngực, và không trở nên quẫn trí. Người đó cảm nhận chỉ một cảm giác—đó là một cảm giác ở thân, không có một cảm giác ở tâm. Giống như người ta bắn một người bằng một mũi tên, nhưng sau đó không bắn thêm mũi nào vào chỗ đó nữa, như vậy người đó cảm nhận chỉ một cảm-giác gây nên bởi một mũi tên. Cũng giống như vậy, khi người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau ... người đó cảm nhận chỉ một cảm-giác—đó là một cảm-giác ở thân, không có một cảm-giác ở tâm.

- “Khi bị tiếp xúc bởi cảm-giác khổ đau đó, người đó *không* chấp chứa sân hận đối với nó. Khi người đó không chấp chứa sân hận đối với cảm-giác khổ đau là *không* có “khuy-nh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra sân đối với cảm-giác khổ đau” nằm bên dưới đó.

Khi bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó *không* tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan (dục lạc). Bởi vì sao, vì người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu biết được sự giải-thoát khỏi cảm-giác khổ đau ngoài khoái-lạc giác quan. (Tức: nhờ họ có hiểu biết con-đường tu tập và đạo quả).

Khi người đó *không* tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan là *không có* “khuy-nh-hướng tiềm-ẩn tạo ra *tham* đối với cảm-giác dễ chịu” nằm bên dưới đó.

Người đó hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] những cảm giác đó, đúng như chúng thực là. Khi người đó hiểu được những điều đó là *không có* “khuy-nh-hướng tiềm-ẩn tạo ra *si*” đối với cảm-giác trung tính nằm bên dưới đó. (Tức: không sân nghĩa là không còn tùy miên (tạo ra) sân nằm bên dưới đó; không tham nghĩa là không còn tùy miên tham nằm bên dưới đó; khi đã hiểu-biết rõ ràng như vậy nghĩa là không còn tùy miên *si* nằm bên dưới đó).

- “Khi cảm nhận một cảm-giác dễ chịu, người đó thấy tách ly khỏi nó. Khi cảm nhận một cảm-giác khổ đau, người đó thấy tách ly khỏi nó. Khi cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó thấy tách ly khỏi nó. Nay các Tỳ kheo, đây được gọi là người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy là người đã tách ly khỏi sự sinh, già, và chết; là người đã tách ly khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; là người đã tách ly khỏi khổ đau, ta nói

vậy.

“Này các Tỷ kheo, đây chính là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và người phàm phu không được chỉ dạy.”

Người trí hiền, có tu học, thì không cảm nhận
Cảm-giác dễ chịu hay khổ đau [ở tâm].
Đây là sự khác biệt lớn
Giữa người có trí và người phàm phu.
Bởi có tu học thì hiểu rõ Giáo Pháp,
Người nhìn thấy rõ thế giới này và thế giới sau,
Những thứ sướng, ngon, đẹp, đáng ước...
Không kích động được người đó.
Còn đối với thứ khổ, đau, dở, xấu, đáng chê...
Người đó không sân bực, kháng cự.
Đối với người đó không còn sự ôm-dính hay từ-đẩy;
Cả tham và sân đều đã bị dập tắt, đã bị dứt sạch.
Sau khi biết được trạng thái “không-còn dính bụi đất,
không-còn phiền não”; và đã thành tựu chánh-kiến,
Người đó vượt ra khỏi sự hiện-hữu (tức thành A-la-hán).

(SN 36:06)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn, trong Hội Đường Mái Nhọn. Rồi, vào buổi chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi tới khu bệnh xá, ở đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên chờ tới lúc (chết) của mình một cách có chánh-niệm và thường rõ-biết (tỉnh giác). Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.”¹³⁷

1- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo có *chánh-niệm*? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát (quán niệm) thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và phiền bức (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán niệm các cảm-giác trong những cảm giác ... tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn và phiền bức đối với thế giới. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo có chánh-niệm.

2- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo *thực hành sự rõ-biết* (tỉnh giác)? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là người hành động với sự rõ-biết khi đang đi tới, đang đi lui; đang nhìn thẳng, đang nhìn ngang; đang duỗi tay chân, đang co tay chân; đang mặc y phục, đang mang bình bát và cà sa; đang ăn, đang uống, đang nhai, đang nếm; đang đại tiện, đang tiểu tiện; đang đi, đang đứng, đang nằm, đang ngồi, đang ngủ xuống ngủ, đang thức dậy, đang nói, đang im lặng. Theo cách như vậy là một

Tỳ kheo luôn thực hành sự rõ-biết (tức: luôn sống tỉnh giác).

[+] “Một Tỳ kheo nên chờ tới lúc (chết) của mình một cách có chánh-niệm và thường rõ-biết. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.

(a) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó *cảm-giác dễ chịu* (lạc thọ), người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác dễ chịu. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào chính thân này. Nhưng thân này là vô thường, có điều kiện (hữu vi), khởi sinh tùy thuộc (duyên khởi). Vậy khi cái cảm-giác dễ chịu khởi sinh là tùy thuộc vào thân là thứ vô thường, có điều kiện, khởi sinh tùy thuộc, thì làm sao nó là thường hằng cho được?’ (nhân vô thường thì quả cũng vô thường). Người đó sống quán sát sự vô thường trong thân và cảm-giác dễ chịu đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác dễ chịu đó). Khi người đó sống như vậy, thì khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) (tạo ra) **tham** đối với thân và đối với cảm-giác dễ chịu được loại bỏ bởi người đó.

(b) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó một *cảm-giác khổ đau* (khổ thọ), người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác khổ đau. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc

vào thân này. Nhưng thân này là vô thường, có điều kiện, và khởi sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác khổ đau khởi sinh là tùy thuộc vào thân là thứ vô thường, có điều kiện, và khởi sinh tùy thuộc, thì làm sao nó lại là thường hằng cho được?’ Người đó sống quán sát sự vô-thường trong thân và cảm-giác khổ đau đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác khổ đau đó). Khi người đó sống như vậy, thì khuynh-hướng tiềm-ẩn (tạo ra) **sân đối** với thân và đối với cảm-giác khổ đau được loại bỏ bởi người đó.

(c) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó một cảm-giác trung tính (vô ký thọ), người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác trung tính. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào thân này. Nhưng thân này là vô thường, có điều kiện, và khởi sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác trung tính khởi sinh là tùy thuộc vào thân là thứ vô thường, có điều kiện, và khởi sinh tùy thuộc, thì làm sao nó lại là thường hằng cho được?’ Người đó sống quán sát sự vô-thường trong thân và cảm-giác trung tính; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác trung tính đó). Khi người đó sống như vậy, thì khuynh-hướng tiềm-ẩn (tạo ra) **si** [vô minh] đối với thân và đối với cảm-giác trung tính được loại bỏ bởi người đó.

- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác dễ chịu, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; ‘Không nên nắm giữ (dính theo) nó’; ‘Không nên thích thú nó.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác khổ đau, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; ‘Không nên nắm giữ nó’; ‘Không nên thích thú nó.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; ‘Không nên nắm giữ nó’; ‘Không nên thích thú nó.’

- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác dễ chịu, người đó cảm thấy tách ly với nó (không dính); khi người đó cảm nhận một cảm-giác khổ đau, người đó cảm thấy tách ly với nó; khi người đó cảm-giác trung tính, người đó cảm thấy tách ly với nó.

- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân, người đó hiểu rõ: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống, người đó hiểu rõ: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống.’ Người đó hiểu rõ: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự hết mạng (thân hoại, mạng chung), thì mọi thứ được cảm nhận, nhưng không còn được thích thú, sẽ trở thành nguội-tắt ngay tại đây (không còn đi đâu tái sinh nữa).’

“Này các Tỳ kheo, cũng giống như một ngọn đèn dầu cháy tùy thuộc vào dầu và tim đèn, và khi dầu cạn tim hết thì nó tắt ngấm do không còn nhiên liệu để cháy; cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân ... đang kết liễu cùng với mạng sống, thì mọi

thứ được cảm nhận, nhưng không còn được thích thú, sẽ trở thành nguội-tắt ngay tại đây.”

(SN 36:07)

8 (8) Khu Bệnh (2)

[Giống kinh kể trên cho tới:]

[+] “Một Tỳ kheo nên chờ tới lúc của mình một cách có chánh-niệm và thường rõ-biết. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.

(a) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó *cảm-giác dễ chịu*, người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác dễ chịu. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nhưng sự tiếp-xúc này là vô thường, có điều kiện (hữu vi), khởi sinh tùy thuộc (duyên khởi). Vậy khi cái cảm-giác dễ chịu khởi sinh là tùy thuộc vào sự tiếp-xúc là thứ vô thường, có điều kiện, khởi sinh tùy thuộc, thì làm sao nó là thường hằng cho được?’ Người đó sống quán sát sự vô-thường trong thân và cảm-giác dễ chịu đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ (đối với thân và cảm-giác dễ chịu đó). Khi người đó sống như vậy, thì khuynh-hướng tiềm-ẩn

(tùy miên) (tạo ra) **tham** đối với sự tiếp-xúc và đối với cảm-giác để chịu được loại bỏ bởi người đó.

(b) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó một cảm-giác khổ đau, người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác khổ đau. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nhưng sự tiếp-xúc này là vô thường, có điều kiện, và khởi sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác khổ đau khởi sinh là tùy thuộc vào sự tiếp-xúc là thứ vô thường, có điều kiện, và khởi sinh tùy thuộc, thì làm sao nó lại là thường hằng cho được?’ Người đó sống quán sát sự vô-thường trong thân và cảm-giác khổ đau đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác khổ đau đó). Khi người đó sống như vậy, thì khuynh-hướng tiềm-ẩn (tạo ra) **sân** đối với sự tiếp-xúc và đối với cảm-giác khổ đau được dẹp bỏ bởi người đó.

(c) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó một cảm-giác trung tính, người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác trung tính. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nhưng sự tiếp-xúc này là vô thường, có điều kiện, và khởi sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác trung tính khởi sinh là

tùy thuộc vào sự tiếp-xúc là thứ vô thường, có điều kiện, và khởi sinh tùy thuộc, thì làm sao nó lại là thường hằng cho được?’ Người đó sống quán sát sự vô-thường trong thân và cảm-giác trung tính đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác trung tính đó). Khi người đó sống như vậy, thì khuynh-hướng tiềm-ẩn (tạo ra) *si* [vô minh] đối với sự tiếp-xúc và đối với cảm-giác trung tính được dẹp bỏ bởi người đó.

“Khi người đó cảm nhận một cảm-giác dễ chịu, người đó cảm thấy tách ly với nó [*y hết đoạn này trong kinh kể trên, cho tới:*] ... Người đó hiểu rõ: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự hết mạng, thì mọi thứ được cảm nhận, nhưng không còn được thích thú, sẽ trở thành nguội-tắt ngay tại đây (không còn đi đâu tái sinh nữa).’

(SN 36:08)

9 (9) Vô Thường

“Này các Tỳ kheo, ba cảm-giác này là vô thường, có điều kiện (hữu vi), và khởi sinh tùy thuộc (duyên khởi), sẽ bị tiêu diệt, sẽ bị biến mất, sẽ bị phai biến, sẽ bị chấm dứt. Ba đó là gì? Cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính [không dễ chịu không khổ đau]. Ba cảm-giác này là vô thường, có điều kiện, và

khởi sinh tùy thuộc, sẽ bị tiêu diệt, sẽ bị biến mất, sẽ bị phá vỡ, sẽ bị chấm dứt.”

(SN 36:09)

10 (10) Từ Sự Tiếp-Xúc

“Này các Tỳ kheo, ba cảm-giác này được sinh ra từ sự tiếp-xúc, bắt rễ từ sự tiếp-xúc, có sự tiếp-xúc là nguồn-gốc và điều-kiện (nhân và duyên). Ba đó là gì? Cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính.

- “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là dễ chịu nên khởi sinh một cảm-giác dễ chịu. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là dễ chịu đó thì cảm-giác tương ứng—cảm-giác dễ chịu khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là dễ chịu đó—cũng chấm dứt và lắng lặng.

- “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ đau, nên khởi sinh một cảm-giác khổ đau. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ đau đó thì cảm-giác tương ứng—cảm-giác khổ đau khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ đau đó—cũng chấm dứt và lắng lặng.

- “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính [không sướng không khổ], nên khởi sinh một

cảm-giác trung tính. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính đó thì cảm-giác tương ứng—cảm-giác trung tính khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính đó—cũng chấm dứt và lắng lặn.

“Này các Tỷ kheo, giống như nhiệt nóng được tạo ra và lửa được sinh ra từ sự tiếp-xúc và cọ-sát của hai cây môi lửa, nhưng khi tách rời hai cây đó thì nhiệt nóng cũng chấm dứt và lắng lặn;¹³⁸ cũng giống như vậy, ba cảm-giác này được sinh ra từ sự tiếp-xúc, bắt rễ từ sự tiếp-xúc, với sự tiếp-xúc là nguồn gốc và điều kiện của chúng. Tùy thuộc vào sự những tiếp-xúc, nên khởi sinh những cảm-giác tương ứng; khi chấm dứt những tiếp-xúc đó thì chấm dứt những cảm-giác tương ứng.”

(SN 36:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘MỘT MÌNH’

(Rahogata-vagga)

11 (1) Một Mình

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây khi con đang sống một-mình, sự suy xét (quán chiếu) này đã khởi sinh trong con như vậy: ‘Ba cảm-giác đã được nói bởi đức Thế Tôn: cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính. Ba cảm-giác này đã được nói bởi đức Thế Tôn. Nhưng đức Thế Tôn đã nói: “Mọi thứ được cảm nhận đều nằm trong sự khổ.” Bây giờ, chiếu theo cái gì mà có điều này được nói bởi đức Thế Tôn?’”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Ba cảm-giác này đã được nói bởi ta: cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính. Ba cảm-giác này đã được nói bởi ta. Và ta đã nói rằng: ‘Mọi thứ được cảm nhận đều nằm trong sự khổ.’ Điều đó được nói bởi ta là chiếu theo (bản chất): những sự tạo-tác sẽ bị tiêu diệt ... những sự tạo tác sẽ bị biến mất ... những sự tạo tác sẽ bị phai biến ... những sự tạo tác sẽ bị chấm dứt... những sự tạo tác sẽ bị biến đổi.

- “Rồi, này Tỳ kheo, ta cũng dạy về *sự chấm-dứt liên tiếp* của những sự tạo-tác (các hành). Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất, thì lời-nói đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ hai, thì ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ) đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ ba, thì sự hoan-hỷ (hỷ) đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư, thì sự thở-vào và thở-ra đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc cảnh xứ [cơ sở] vô biên của không-gian (không vô biên xứ), thì nhận-thức về thể-sắc (sắc giới) đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ), thì nhận-thức thuộc cảnh xứ vô biên của không-gian đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ), thì nhận-thức thuộc cảnh xứ vô biên của thức đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc cảnh xứ không có nhận thức cũng phải không còn nhận thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ), thì nhận thức thuộc cảnh xứ không-có-gì đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức (diệt thọ tưởng), thì cảm-giác và nhận-thức đã chấm dứt. Với một Tỳ kheo đã tiêu diệt các ô-nhiễm, thì tham đã chấm dứt, sân đã chấm dứt, si đã chấm dứt.

- “Rồi, này Tỳ kheo, ta cũng dạy về *sự lắng-lặng liên tiếp* của những sự tạo-tác. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất, thì lời-nói đã lắng lặng ... Với người đã chứng đắc sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức (diệt thọ tưởng), thì cảm-giác và nhận-thức đã chấm dứt. Với một Tỳ kheo đã tiêu diệt các ô-nhiễm, thì tham đã lắng lặng, sân đã lắng lặng, si đã lắng lặng.

- “Này Tỳ kheo, có sáu sự làm vắng-lặng này. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất, thì lời-nói đã được làm vắng lặng. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ hai, thì ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ) đã được làm vắng lặng. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ ba, thì sự hoan-hỷ (hỷ) đã được làm vắng lặng. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư, thì sự thở-vào và sự thở-ra đã được làm vắng lặng. Với người đã chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng), thì nhận-thức và cảm-giác đã được làm vắng lặng. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt các ô-nhiễm, thì tham đã được làm vắng lặng, sân đã được làm vắng lặng, si đã được làm vắng lặng.”

(SN 36:11)

12 (2) Trong Bầu Trời (1)

“Này các Tỳ kheo, như nhiều thứ gió thổi trong bầu trời: gió từ phía nam, gió từ phía bắc, gió từ phía tây, gió từ phía nam, gió bụi và gió không bụi, gió lạnh và gió nóng, gió nhẹ và gió mạnh; cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nhiều thứ cảm-giác khởi sinh trong thân này: cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính khởi sinh.”

Giống như nhiều loại gió

Thổi xuôi thổi ngược trên trời,

Gió đông và gió tây,
Gió nam và gió bắc,
Gió bụi và gió sạch,
Lúc lạnh và lúc nóng,
Lúc mạnh và lúc nhẹ—
Nhiều loại gió thổi khác nhau;

Cũng vậy trong thân này
Nhiều thứ cảm-giác khởi sinh,
Dễ chịu có, khổ đau có,
Trung tính có.

Nhưng khi một Tỳ kheo (tu) nhiệt thành,
Không lơ tâm, luôn rõ-biết,
Thì người có trí hoàn-toàn hiểu
Những cảm-giác đúng như chúng là.

Sau khi đã hoàn-toàn hiểu những cảm-giác,
Người đó hết ô-nhiễm ngay trong kiếp sống này.
Đã có chỗ đứng trong Giáo Pháp,
Nên khi thân tan rã,
Bậc thầy hiểu-biết đó không còn tìm thấy được.

*[Hai đoạn cuối này giống hệt hai đoạn cuối trong kinh **36:03** ở trên.]*

(SN 36:12)

13 (3) Trong Bầu Trời (2)

[Giống hết kinh kể trên, nhưng không có phần thi kệ.]

(SN 36:13)

14 (4) Nhà Khách

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một nhà khách. Có những người từ phía đông, tây, nam, bắc đến và trọ ở đó; những người hạng chiến-sĩ, những người hạng bà-la-môn, những người hạng nông-thương, những người hạng bần-lao đến và trọ ở đó. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nhiều thứ cảm-giác khởi sinh trong thân này: cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính khởi sinh; cảm-giác dễ chịu về thể xác, cảm-giác khổ đau về thể xác, cảm-giác trung tính về thể xác; cảm-giác dễ chịu về tinh thần [tâm linh]; cảm-giác khổ đau về tinh thần; cảm-giác trung tính về tinh thần khởi sinh.”¹³⁹

15 (5) Với Ānanda (1)

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn gốc

của cảm-giác? Cái gì là sự chấm dứt của cảm-giác? Cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là ự nguy-hại? Cái gì là sự giải-thoát?”

- “Này Ānanda, có ba loại cảm-giác này—cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính—được gọi là cảm-giác. Do có [khởi sinh] tiếp-xúc nên có [khởi sinh] cảm-giác. Khi chấm dứt tiếp-xúc thì chấm dứt cảm-giác. Con đường Bát Thánh Đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm: cách nhìn đúng đắn ... định tâm đúng đắn.

- “Sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác: đây chính là sự thỏa-thích trong cảm-giác. Nhưng cảm-giác đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong cảm-giác. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với cảm-giác: đây chính là sự giải-thoát khỏi cảm-giác.

- “Rồi, này Ānanda, ta cũng dạy về *sự chấm-dứt liên tiếp* của những sự tạo-tác (các hành) ... [*giống đoạn này trong kinh 36:11 ở trên*] ... Với một Tỳ kheo đã tiêu diệt các ô-nhiễm, thì tham đã được làm vắng lặng, sân đã được làm vắng lặng, si đã được làm vắng lặng.”

(SN 36:15)

16 (6) Với Ānanda (2)

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức

Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda khi thầy đang ngồi một bên:

“Này Ānanda, giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn gốc của cảm-giác? Cái gì là sự chấm dứt của cảm-giác? Cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự giải-thoát?”

“Thưa Thế Tôn, giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nương nhờ vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vây hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói, này Ānanda.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này Ānanda, này là ba cảm-giác—cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính—được gọi là ba cảm-giác”

[Phần còn lại giống hết kinh kể trên.]

(SN 36:16)

[Hai kinh này giống hệt hai kinh **36:15** và **36:15** kể trên, chỉ khác trong mỗi kinh người nghe là “một số Tỷ kheo” thay vì thầy “Ānanda”.]

(SN 36:17–18)

19 (9) *Pañcakaṅga*

Lúc đó có người thợ mộc tên Pañcakaṅga đến gặp Ngài Udāyī, kính chào thầy ấy, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy:

“Thưa thầy Udāyī, có bao nhiêu loại cảm-giác được nói bởi đức Thế Tôn?”¹⁴⁰

“Này anh thợ mộc, có ba loại cảm-giác được nói bởi đức Thế Tôn: cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính [không dễ chịu, không khổ đau]. Đây là ba loại cảm-giác đã được nói bởi đức Thế Tôn.”

Khi điều này được nói ra, người thợ mộc nói với thầy Udāyī: “Đức Thế Tôn đã không nói về ba loại cảm-giác, thưa thầy Udāyī. Đức Thế Tôn chỉ nói về hai loại cảm-giác: cảm-giác dễ chịu và cảm-giác khổ đau. Còn đối với loại cảm-giác trung tính, thưa thầy, đức Thế Tôn nói nó nằm trong dạng khoái-lạc bình an và siêu phàm.” (Nghĩa của câu cuối này: coi chỗ giải thích ở cuối đoạn ‘tăng thiên thứ tư’ ở bên dưới kinh này.)

Lần thứ hai và lần thứ ba thầy Udāyī vẫn ngồi yên; và lần thứ hai, và lần thứ ba người thợ mộc Pañcakaṅga nói lại câu này, nhưng thầy Udāyī không thể thuyết phục Pañcakaṅga, và Pañcakaṅga cũng không thể thuyết phục thầy Udāyī.

Ngài Ānanda nghe được lời đối thoại của thầy Udāyī và người thợ mộc Pañcakaṅga. Rồi thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và kể lại cho đức Thế Tôn toàn bộ cuộc đối thoại đó. [Đức Thế Tôn đã nói:]

- “Này Ānanda, lời giảng giải của Tỳ kheo Udāyī là đúng, tuy không được người thợ mộc Pañcakaṅga đồng ý, và lời giải thích của Pañcakaṅga cũng đúng, tuy không được Tỳ kheo Udāyī đồng ý. (Tùy theo phương pháp thuyết giảng). Theo cách giảng giải này, ta đã nói về hai loại cảm-giác; theo cách giảng giải kia, ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác; ta đã nói về năm loại cảm-giác ... sáu loại cảm-giác ... mười tám loại cảm-giác ... ba mươi sáu loại cảm-giác; và theo cách giảng giải khác, ta đã nói về một trăm lẻ tám loại cảm-giác. Như vậy, này Ānanda, Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy bằng nhiều phương pháp giảng giải [khác nhau]. ¹⁴¹

“Như vậy đó, khi Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy bằng những phương pháp [khác nhau] thì có thể thấy trước rằng: có những người không thừa nhận, tán thành, hay đồng ý với những điều đã được khéo giảng bằng nhiều cách như vậy thì họ sẽ tranh luận, cãi vã, và dính vào tranh chấp, và sẽ liên tục đâm chọt nhau bằng

những lời lẽ xiên xỏ. Nhưng mặt khác, khi Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy bằng những phương pháp [khác nhau] thì có thể thấy trước rằng: cũng có những người sẽ thừa nhận, tán thành, và đồng ý với những điều đã được khéo giảng bằng nhiều cách như vậy thì họ sẽ sống hòa đồng, hòa thuận, không tranh cãi, và chan hòa với nhau như sữa và nước, và nhìn nhau bằng ánh mắt hiền từ.

- “Này Ānanda, có năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc). Năm đó là gì? *Những hình-sắc* được nhận biết bởi mắt như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. *Những âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... *Những mùi-hương* được nhận biết bởi mũi ... *những mùi-vị* được nhận biết bởi lưỡi ... *những đối-tượng chạm xúc* được nhận biết bởi thân như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Đó là năm dây khoái-lạc giác-quan. Sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác-quan: đây được gọi là khoái-lạc giác-quan.

1- “Cho dù ai nói ‘Đây là sự khoái lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-

phúc (lạc) được sinh ra *từ sự tách ly*. Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc (khoái lạc) trước.

2- “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự khoái lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda, với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có niềm tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra *từ sự định tâm*. Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc (khoái lạc) trước.

3- “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự khoái lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda, với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỷ kheo an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết, người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc (lạc) cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: ‘Người đó buông-xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc.’ Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc (khoái lạc) trước.

4- “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự khoái lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda, với sự dẹp bỏ sự sừng và khổ, và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sừng hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả. Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc (khoái lạc) trước.”¹⁴²

5- “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự khoái lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda, với sự hoàn toàn vượt trên những thể-sắc (tức: vượt trên cảnh giới vật chất hay sắc giới; nên từ đây trở lên cũng được gọi là những tầng thiền vô-sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về thể-sắc, với sự phai biến những nhận-thức về chạm xúc giác quan, với sự không-còn chú tâm những nhận-thức về sự khác-biệt này nọ, chỉ ý thức rõ ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ [cơ sở] vô biên của không-gian (không vô biên xứ). Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc (khoái lạc) trước.

6- “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự khoái lạc (hỷ lạc) cao nhất

mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của không-gian, ý thức rõ ‘thức là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ). Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc (khoái lạc) trước.

7- “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự khoái lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, ý thức rõ ‘sự không-có-gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ). Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc (khoái lạc) trước.

8- “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự khoái lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không-có-gì, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi

phi tưởng xứ). Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc (khoái lạc) trước.

9- “Cho dù có ai nói ‘Đây là sự khoái lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc đó. Và cái gì là loại hạnh phúc khác? Ở đây, này Ānanda, bằng cách vượt trên cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng). Đây là loại hạnh phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh phúc (khoái lạc) trước.”¹⁴³

- “Này Ānanda, giờ các du sĩ khác đạo có thể nói như vậy: ‘Tu sĩ Cồ-đàm nói về sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng) và ông ta khẳng khẳng nó nằm trong sự hạnh-phúc. Như vậy là gì? Như vậy là sao?’. Này Ānanda, nếu các du sĩ đó có hỏi như vậy, các thầy nên nói với họ rằng: ‘Này các bạn, đức Thế Tôn mô tả những trạng thái nằm trong sự hạnh-phúc (lạc) đâu chỉ dựa theo cảm-giác dễ chịu hay sướng (lạc thọ) mà thôi. Này các bạn, hễ đâu có sự hạnh-phúc, dù theo bất cứ cách nào, thì Như Lai mô tả nó nằm trong sự hạnh-phúc.’”¹⁴⁴ (tức, hễ không còn khổ hay dấu vết sự khổ thì đó là hạnh phúc).

(SN 36:19)

20 (10) Các Tỳ kheo

“Này các Tỳ kheo, theo cách giảng giải này, ta đã nói về hai loại cảm-giác; theo cách giảng giải kia, ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác; ta đã nói về năm loại cảm-giác ... Như vậy, này Ānanda, Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy bằng nhiều phương pháp giảng giải [khác nhau]....”

[Phần còn lại giống y kinh kể trên; và trong kinh này người nghe là “các Tỳ kheo”.]

(SN 36:20)

NHÓM 3

NHÓM ‘CHỦ ĐỀ MỘT TRĂM LẺ TÁM’

(Aṭṭhasatapariyāya-vagga)

21 (1) *Sīvaka*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ được gọi là Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có một du sĩ tên Moliya-Sīvaka đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn.¹⁴⁵ Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, có mấy tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: ‘Người ta trải nghiệm gì, dù là dễ chịu hay khổ đau hay trung tính, tất cả đều do nghiệp quá khứ.’¹⁴⁶ Thầy Cồ-đàm nói sao về điều này?”

- “Này Sīvaka, ở đây một số cảm-giác khởi sinh từ những rối loạn từ túi mật (trong bụng): đó là những cảm-giác khởi sinh từ rối loạn túi mật, một người có thể tự mình biết, và ở đời điều đó thường được cho là đúng. Giờ các tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy ‘Người ta trải nghiệm gì, dù là dễ chịu hay khổ đau hay trung tính, tất cả đều do nghiệp quá khứ’ là

coi như họ đã bỏ qua cái người ta tự mình biết và họ bỏ qua những điều đã thường được coi là đúng ở trong đời. Do đó ta nói như vậy các tu sĩ và bà-la-môn là sai chỗ này.¹⁴⁷

- “Này Sīvaka, một số cảm-giác khởi sinh ở đây từ rối loạn đờm ... từ rối loạn gió ... từ sự mất cân bằng [của ba thứ đó] ... do thay đổi thời tiết ... do hành vi bất cẩn ... do bị tấn công ... do nghiệp-quả: rằng một số cảm-giác khởi sinh ở đây từ rối loạn đờm ... do nghiệp-quả một người có thể tự mình biết, và ở đời điều đó thường được cho là đúng. Giờ các tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy ‘Người ta trải nghiệm gì, dù là dễ chịu hay khổ đau hay trung tính, tất cả đều do nghiệp quá khứ’ là coi như họ đã bỏ qua cái người ta tự mình biết và họ bỏ qua những điều đã thường được coi là đúng ở trong đời.”

Khi điều này được nói ra, du sĩ Moliyasīvaka đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! ... Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

Do mật, đờm, và gió,
Do mất cân bằng và do thời tiết thay đổi,
Do hành vi bất cẩn và do bị tấn công,
Do nghiệp quả là nguyên nhân thứ tám.

(SN 36:21)

22 (2) Chủ Đề ‘Một Trăm Lẻ Tám’

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘một trăm lẻ tám’. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘một trăm lẻ tám’? Theo cách giảng giải này, ta đã nói về hai loại cảm-giác; theo cách giảng giải kia, ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác; ta đã nói về năm loại cảm-giác ... sáu loại cảm-giác ... mười tám loại cảm-giác ... ba mươi sáu loại cảm-giác; và theo cách giảng giải khác, ta đã nói về một trăm lẻ tám (108) loại cảm-giác. Như vậy, này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy bằng nhiều phương pháp giảng giải [khác nhau].

1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là hai (2) loại cảm-giác? Cảm-giác ở thân và cảm-giác ở tâm. Đây được gọi là hai loại cảm-giác.

2- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba (3) loại cảm-giác? Cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính. Đây được gọi là ba loại cảm-giác.

3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năm (5) loại cảm-giác? Căn dễ chịu, căn khổ đau, căn vui (hỷ), căn buồn (ưu), căn buông-xả. Đây được gọi là năm loại cảm-giác.¹⁴⁸

4- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sáu (6) loại cảm-giác? Cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc mắt ... cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc

tâm. Đây được gọi là sáu loại cảm-giác.

5- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là mười tám (18) loại cảm-giác? Sáu sự soi-xét (tứ, tư duy) có kèm theo bởi sự hoan-hỷ (hỷ), sáu sự soi-xét có kèm theo sự buồn phiền (ưu), sáu sự soi-xét có kèm theo sự buông-xả (xả). Đây được gọi là mười tám cảm-giác.”¹⁴⁹

6- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba mươi sáu (36) loại cảm-giác? Sáu loại cảm-giác hoan-hỷ (hỷ) thuộc đời sống tại gia, sáu loại cảm-giác hoan-hỷ thuộc đời sống xuất gia; sáu loại cảm-giác buồn-phiền (ưu) thuộc đời sống tại gia, sáu loại cảm-giác buồn-phiền thuộc đời sống xuất gia; sáu loại cảm-giác buông-xả (xả) thuộc đời sống tại gia, sáu loại cảm-giác buông-xả thuộc đời sống xuất gia. Đây được gọi là ba mươi sáu loại cảm-giác.”¹⁵⁰

7. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một trăm lẻ tám (108) loại cảm-giác? Ba mươi sáu loại cảm-giác như vậy [như kể trên] trong thời quá khứ, trong thời tương lai, và trong thời hiện tại. Đây được gọi là một trăm lẻ tám loại cảm-giác.

“Này các Tỳ kheo, đây là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘một trăm lẻ tám’.”

(SN 36:22)

23 (3) Một Tỳ kheo

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn gốc của cảm-giác? Cái gì là sự chấm dứt của cảm-giác? Cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự giải-thoát?”

“Này Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác này—cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính—được gọi là cảm-giác. Do có [khởi sinh] tiếp-xúc nên có [khởi sinh] cảm-giác. Khi chấm dứt tiếp-xúc thì chấm dứt cảm-giác. Con đường Bát Thánh Đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm: cách nhìn đúng đắn ... định tâm đúng đắn.

“Sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác: đây chính là sự thỏa-thích trong cảm-giác. Nhưng cảm-giác đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong cảm-giác. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với cảm-giác: đây chính là sự giải-thoát khỏi cảm-giác.

(SN 36:23)

24 (4) Trước Khi...

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ [trước khi sự giác

ngộ của ta], khi ta còn là một bò-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, điều này (ý nghĩ) đã xảy đến với ta: “Giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn gốc của cảm-giác? Cái gì là sự chấm dứt của cảm-giác? Cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự giải-thoát?”

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Có ba loại cảm-giác này: ... [*Tiếp tục như kinh kể trên*] ... đây chính là sự giải-thoát khỏi khỏi cảm-giác.’”

(SN 36:24)

25 (5) *Sự Hiểu-Biết* (minh)

[*Kinh này giống như và được coi là phần tiếp tục của kinh kể trên, nhưng nó được kết tập như một kinh riêng.*]¹⁵¹

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là những cảm-giác’: như vậy, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh một tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự hiểu-biết đích thực, và ánh sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là nguồn-gốc của cảm-giác’: như vậy, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh một tâm-nhìn, sự hiểu-biết ... và ánh sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là con-đường dẫn đến sự khởi-sinh của cảm-giác’: như vậy, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh một tầm-nhìn, sự hiểu-biết ... và ánh sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là sự chấm-dứt cảm-giác’: như vậy, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh một tầm-nhìn, sự hiểu-biết ... và ánh sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt cảm-giác’: như vậy, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh một tầm-nhìn, sự hiểu-biết ... và ánh sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là sự thỏa-thích trong cảm-giác’ ... ‘Đây là sự nguy-hại trong cảm-giác’ ... ‘Đây là sự giải-thoát khỏi cảm-giác’: như vậy, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh một tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự hiểu-biết đích thực, và ánh sáng.

(SN 36:25)

26 (6) Một Số Tỳ Kheo

[Giống hết kinh 36:23 ở trên, chỉ khác là người nghe giờ là “một số Tỳ kheo” thay vì “một Tỳ kheo”.]

(SN 36:26)

27 (7) Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (1)

“Này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác này. Ba đó là gì? cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính.

- “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được *sự thỏa-thích*, *sự nguy-hại*, và *sự giải-thoát* đối với [trong trường hợp] ba loại cảm-giác này, đúng như chúng thực là, thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của tu sĩ hay mục tiêu của bà-la-môn.

- “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó, đúng như chúng thực là, thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do đã tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu của tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn.”

(SN 36:27)

28 (8) Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (2)

[Giống hết hai đoạn sau của kinh kể trên, chỉ khác là cụm chữ “sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát” được thay bằng “nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát”.]

(SN 36:28)

29 (9) Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (3)

[Giống như kinh kể trên, chỉ khác là cụm chữ “nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát” được thay bằng “cảm-giác, nguồn gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó”.]

(SN 36:29)

30 (10) Bản Kinh Ngắn Gọn (đơn giản)

“Này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác. Ba đó là gì? cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính.”

[Trong **Ee**, kinh ngắn củn này được tính như đoạn mở đầu cho kinh sau, nhưng trong **Be** và **Se** nó được tính là một kinh riêng

và TKBD cũng làm theo vậy.]¹⁵²

(SN 36:30)

31 (11) Thuộc Tâm Linh

“Này các Tỷ kheo, (a) có niềm hoan-hỷ (hỷ) về thể xác, có niềm hoan-hỷ về tâm linh, và có niềm hoan-hỷ siêu tâm linh hơn niềm hoan-hỷ về tâm linh đó. (b) Có niềm hạnh-phúc (lạc) về thể xác, có niềm hạnh-phúc về tâm linh, và có niềm hạnh-phúc siêu tâm linh hơn niềm hạnh-phúc về tâm linh đó. (c) Có sự buông-xả (xả) về thể xác, có sự buông-xả về tâm linh, và có sự buông-xả siêu tâm linh hơn sự buông-xả tâm linh đó. (d) Có sự giải-thoát về thể xác, có sự giải-thoát về tâm linh, và có sự giải-thoát siêu tâm linh hơn sự giải-thoát về tâm linh đó.

(a) 1- “Và, này các Tỷ kheo, cái gì là *sự hoan-hỷ về thể xác*? Này các Tỷ kheo, có năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Đây là năm dây khoái-lạc giác-quan. Sự hoan-hỷ khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác-quan: đây được gọi là *sự hoan-hỷ về thể xác*.

2- “Và, này các Tỷ kheo, cái gì là *sự hoan-hỷ về tâm linh*? Ở đây, (i) tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những

trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiên), trạng thái có đi kèm bởi ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly. Rồi, (ii) với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiên), trạng thái có sự tự-tin bên-trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), và có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm. Đây được gọi là sự hoan-hỷ về tâm linh. (hỷ lạc tâm linh cấp 1)

2- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hoan-hỷ siêu tâm linh hơn sự hoan-hỷ về tâm linh? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm xem xét lại (quán chiếu lại) cái tâm đã được giải-thoát khỏi tham, sân, si, thì niềm hoan-hỷ khởi sinh. Đây được gọi là niềm hoan-hỷ siêu tâm linh hơn cả sự hoan-hỷ về tâm linh kia; (tức, siêu hơn niềm hoan-hỷ trong Nhất-thiên và Nhị-thiên nói trên).¹⁵³

(b) 1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hạnh-phúc về thể xác? Này các Tỳ kheo, có năm dây khoái-lạc giác-quan. Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Đây là năm dây khoái-lạc giác-quan. Sự hạnh-phúc khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác-quan: đây được gọi là sự hạnh-phúc về thể xác.

2- “Và, này các Tỳ kheo cái gì là sự hạnh-phúc về tâm linh?

Ở đây, này các Tỳ kheo, **(i)** tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan ... một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) ... **(ii)** tầng thiền định thứ hai Nhị thiền) ... Rồi, **(iii)** với sự phai biến luôn (yếu tố) hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết, người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc (lạc) cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: ‘Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh phúc.’ Đây được gọi là sự hạnh-phúc về tâm linh.

3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự hạnh-phúc siêu tâm linh hơn sự hạnh-phúc về tâm linh*? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm xem xét lại (quán chiếu lại) cái tâm đã được giải thoát khỏi tham, sân, si, thì niềm hạnh-phúc khởi sinh. Đây được gọi là niềm hạnh-phúc siêu tâm linh hơn cả sự hạnh-phúc về tâm linh kia.

(c) 1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự buông-xả về thể xác*? Này các Tỳ kheo, có năm dây khoái-lạc giác-quan. Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Đây là năm dây khoái-lạc giác-quan. Sự buông-xả khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác-quan: đây được gọi là sự buông-xả về thể xác.

2- “Và, này các Tỳ kheo cái gì là *sự buông-xả về tâm linh*? **(iv)** Với sự dẹp bỏ sự sợ hãi và khổ, và với sự phai biến trước đó

của yếu tố vui và buồn, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sợ hãi và khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả. Đây là sự buông xả về tâm linh.

3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự buông-xả siêu tâm linh hơn sự buông-xả về tâm linh*? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm xem xét lại (quán chiếu lại) cái tâm đã được giải thoát khỏi tham, sân, si, thì niềm buông-xả khởi sinh. Đây được gọi là niềm buông xả siêu tâm linh hơn cả sự buông-xả về tâm linh kia.

(d) 1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự giải-thoát về thể xác*? Sự giải thoát liên quan cõi sắc-giới (vật chất, bốn tầng thiền định sắc giới) là sự giải-thoát về thể xác.

2- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự giải-thoát về tâm linh*? Sự giải thoát liên quan cõi vô-sắc-giới (phi vật chất, các tầng chứng đắc vô sắc giới) là sự giải thoát về tâm linh.

3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự giải-thoát siêu tâm linh hơn sự giải-thoát về tâm linh*? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm xem xét lại (quán chiếu lại) cái tâm đã được giải thoát khỏi tham, sân, si, thì sự giải-thoát khởi sinh. Đây được gọi là sự giải-thoát siêu tâm linh hơn cả sự giải-thoát về tâm linh kia.”

(SN 36:31)

Chương 37

Liên Kết PHỤ NỮ

(*37 Mātugāma*—*saṃyutta*)

(*37 Tương Ứng Nữ Nhân*)

NHÓM 1

NHÓM ‘KINH TÓM LƯỢC THỨ NHẤT’

(Paṭhama-Peyyāla-vagga)

1 (1) *Dễ Ua và Khó Ua (1)*

“Này các Tỳ kheo, khi một người phụ nữ có năm yếu-tố thì cô ta là cực kỳ khó-ua đối với một đàn ông. Năm đó là gì? Cô ta không đẹp, không giàu, không đức hạnh; cô ta lười biếng; và cô ta không sanh con cái. Khi một người phụ nữ có năm yếu tố này thì cô ta là cực kỳ khó ưa đối với một đàn ông.

“Này các Tỳ kheo, khi một người phụ nữ có năm yếu-tố thì cô ta là cực kỳ dễ-ưa đối với một đàn ông. Năm đó là gì? Cô ta đẹp, giàu, có đức hạnh; cô ta khôn khéo và siêng năng; và cô ta sanh con cái. Khi một người phụ nữ có năm yếu tố này thì cô ta là cực kỳ dễ ưa đối với một đàn ông.”

(SN 37:01)

2 (2) *Dễ Ua và Khó Ua (2)*

[Giống hết kinh trên, chỉ đổi “phụ nữ” thành “đàn ông.”]

(SN 37:02)

3 (3) Riêng Biệt

“Này các Tỳ kheo, có năm loại khổ riêng của phụ nữ, chỉ phụ nữ phải chịu, không phải đàn ông. Năm đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, ngay cả khi còn trẻ, một người phụ nữ về sống với gia đình nhà chồng và bị chia cách khỏi người thân gia đình của mình. Đây là loại khổ thứ nhất của riêng nữ giới....

“Thêm nữa, phụ nữ thì phải bị kinh nguyệt. Đây là loại khổ thứ hai của riêng nữ giới....

“Thêm nữa, phụ nữ thì phải mang thai. Đây là loại khổ thứ ba của riêng nữ giới....

“Thêm nữa, phụ nữ phải sinh đẻ. Đây là loại khổ thứ tư của riêng nữ giới....

“Thêm nữa, phụ nữ (như) được tạo ra để phục vụ đàn ông. Đây là loại khổ thứ năm của riêng nữ giới....

“Này các Tỳ kheo, đây là năm loại khổ riêng của phụ nữ, chỉ phụ nữ phải chịu, không phải đàn ông.”

(SN 37:03)

4 (4) Ba Phẩm Chất

“Này các Tỳ kheo, khi một phụ nữ có ba phẩm chất này, thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta hầu như bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Ba đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, buổi sáng cô ta ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi ô-nhiễm là tính ích-kỷ; buổi trưa cô ta ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi ô-nhiễm là tính ganh-tỵ; buổi tối cô ta ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi ô-nhiễm là tính nhục-dục. Khi một phụ nữ có ba phẩm chất đó ... hầu như sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa ... trong địa ngục.”

(SN 37:04)

[Anuruddha: (i) Mảng Tối]

5 (5) Tức Giận

Lúc đó có Ngài Anuruddha đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn: “Ở đây, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, con nhìn thấy những phụ nữ, khi thân tan rã, bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Thưa Thế Tôn, khi một người phụ nữ có mấy phẩm chất gì thì cô ta bị tái sinh như vậy?”¹⁵⁴

“Này Anuruddha, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Năm đó là gì?

“Cô ta không có lòng-tin, không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), không sợ-hãi việc làm tội lỗi, tức giận, không có trí. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa ... trong địa ngục.”

(SN 37:05)

6 (6) — 13 (13) *Hiểm Độc...*

“Này Anuruddha, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Năm đó là gì?

“Cô ta không có lòng-tin, cô ta không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), cô ta không sợ-hãi việc làm tội lỗi, cô ta hiểm độc, {ghen tỵ ... keo kiệt ... lẳng lơ ... thất đức ... thiếu học hiểu ... lười biếng ... tâm rối loạn}, không có trí. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đọa đầy ... trong địa ngục.”

[Từ kinh **37:07—13** là mỗi chữ trong ngoặc {...} lần lượt thay chữ “hiểm độc” của kinh **37:06.**](SN 37:06—13)

14 (14) Năm Mối Họa

“Này Anuruddha, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Năm đó là gì?

“Cô ta sát sinh, trộm cắp, tà dục tà dâm, nói dối nói láo, và mê thích rượu nhẹ, rượu nặng và các chất độc hại là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật. Khi một người phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa ... trong địa ngục.”

(SN 37:14)

NHÓM 2

NHÓM ‘KINH TÓM LƯỢC THỨ HAI’

(Dutiya Peyyāla-vagga)

[Anuruddha: (ii) Mảng Sáng]

15 (1) Không Tức Giận

Lúc đó có Ngài Anuruddha đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn: “Ở đây, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, con nhìn thấy những phụ nữ, khi thân tan rã, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Thưa Thế Tôn, khi một người phụ nữ có mấy phẩm chất gì thì có ta được tái sinh như vậy?”

“Này Anuruddha, khi một phụ nữ có năm phẩm chất, thì khi thân tan rã, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Năm đó là gì?

“Cô ta có lòng-tin, có ta biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), cô ta biết sợ-hãi việc làm tội lỗi, cô ta không tức giận, cô ta có trí khôn. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

(SN 37:15)

16 (2) — 23 (9) Không Hiểm Độc...

“Này Anuruddha, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Năm đó là gì?

“Cô ta có lòng-tin, cô ta biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), cô ta biết sợ-hãi việc làm tội lỗi, cô ta không hiểm độc, {không ghen tỵ ... không keo kiệt ... không tà dục tà dâm ... có đức hạnh ... có học hiểu ... siêng năng ... có chú tâm chánh niệm}, có trí khôn. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

[Từ kinh 37:17–23 là mỗi chữ trong ngoặc {...} lần lượt thay chữ “không hiểm độc” của kinh 37:15.]

(SN 37:16–23)

24 (10) Năm Giới Hạnh

“Này Anuruddha, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Năm đó là gì?

“Cô ta kiêng cử: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dục tà dâm, không nói dối nói láo, và không dùng rượu nhẹ, rượu nặng và các chất độc hại là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng

dật. Khi một người phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

(SN 37:24)

NHÓM 3

NHÓM ‘NHỮNG SỨC MẠNH’

(Bala-vagga)

25 (1) *Tự Tin*

“Này các Tỳ kheo, có năm sức-mạnh [năng lực] của một người phụ nữ. Năm đó là gì? Sức mạnh của sắc đẹp, sức mạnh của sự giàu có, sức mạnh của người thân thuộc, sức mạnh của các con [trai], sức mạnh của đức hạnh. Đây là năm sức mạnh của một người phụ nữ. Khi một người phụ nữ có năm sức mạnh này, cô ta sống ở nhà (một cách) tự-tin.”

(SN 37:25)

26 (2) *Thắng Thế Hơn*

“Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh của một người phụ nữ [tiếp tục như kinh kể trên] ... Khi một người phụ nữ có năm sức mạnh này, cô ta sống ở nhà thắng thế hơn chồng.”

(SN 37:26)

27 (3) Dưới Sự Kiểm Soát

“Này các Tỷ kheo, có năm sức mạnh của một người phụ nữ [*tiếp tục như kinh kể trên*] ... Khi một người phụ nữ có năm sức mạnh này, cô ta sống ở nhà với người chồng ở dưới sự kiểm soát của cô ta.”

(SN 37:27)

28 (4) Một

“Này các Tỷ kheo, khi một người đàn ông có một sức mạnh, thì anh ta sống với một người phụ nữ ở dưới sự kiểm soát của anh ta. Cái gì là một sức mạnh? Đó là sức mạnh của quyền hành. Khi một người phụ nữ bị khuất phục bởi sức mạnh của quyền hành, thì sức mạnh của sắc đẹp, sức mạnh của giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, sức mạnh các con [trai], hay sức mạnh của đức hạnh cũng không cứu giúp được cô ta.”

(SN 37:28)

29 (5) Về Mặt Đó

“Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh này của một người phụ nữ. Năm đó là gì? Sức mạnh của sắc đẹp, sức mạnh của giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, sức mạnh các con [trai], sức mạnh của đức hạnh.

- “Này các Tỳ kheo, nếu một người phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp nhưng không có sức mạnh giàu có, thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó (tức về mặt sức mạnh). Nhưng nếu một người phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp và cả sức mạnh giàu có, thì cô ta đầy đủ về mặt đó.

- “Này các Tỳ kheo, nếu một người phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp và giàu có nhưng không có sức mạnh của những người thân thuộc, thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó. Nhưng nếu một người phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp và giàu có, và cả sức mạnh của những người thân thuộc, thì cô ta đầy đủ về mặt đó.

- “Này các Tỳ kheo, nếu một người phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, và sức mạnh của những người thân thuộc nhưng không có sức mạnh của các con [trai], thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó. Nhưng nếu một người phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, và cả sức mạnh của các con [trai], thì cô ta đầy đủ về mặt đó.

- “Này các Tỳ kheo, nếu một người phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, và cả sức mạnh của những con [trai] nhưng không có sức mạnh của đức

hạnh, thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó. Nhưng nếu một người phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, sức mạnh của những con [trai], và cả sức mạnh của đức hạnh, thì cô ta đầy đủ về mặt đó.

“Đây là năm sức mạnh của một người phụ nữ.”

(SN 37:29)

30 (6) Họ Đuổi Đi

“Này các Tỷ kheo, có năm sức mạnh này của một người phụ nữ ... sức mạnh của đức hạnh.

- “Này các Tỷ kheo, nếu một người phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp, nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình.

“Này các Tỷ kheo, nếu một người phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp và giàu có, nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình.

“Này các Tỷ kheo, nếu một người phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp, giàu có, và sức mạnh của những người thân thuộc, nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình.

“Này các Tỳ kheo, nếu một người phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp, giàu có, và sức mạnh của những người thân thuộc, và sức mạnh của các con [trai], nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình.

- “Này các Tỳ kheo, nếu một người phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của sắc đẹp, họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.

“Này các Tỳ kheo, nếu một người phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của sự giàu có, họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.

“Này các Tỳ kheo, nếu một người phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của những người thân thuộc, họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.

“Này các Tỳ kheo, nếu một người phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của các con [trai], họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.

“Đây là năm sức mạnh của một người phụ nữ.”

(SN 37:30)

“Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh này của một người phụ nữ ... sức mạnh của đức hạnh.

“Này các Tỳ kheo, không phải do có sức mạnh sắc đẹp, hay sức mạnh giàu có, hay sức mạnh của những người thân thuộc, hay sức mạnh của các con [trai] nên khi thân tan rã, sau khi chết, một người phụ nữ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Do có sức mạnh của đức hạnh nên một người phụ nữ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

“Đây là năm sức mạnh của một người phụ nữ.”

(SN 37:31)

32 **(8) Những Hoàn Cảnh**

1- “Này các Tỳ kheo, có năm hoàn cảnh khó đạt được bởi một người phụ nữ không làm việc công đức?

“Cô ta cầu: ‘Cầu cho ta được sinh ra trong một gia đình phù hợp!’ Đây là hoàn cảnh thứ nhất khó đạt được bởi một người phụ nữ không làm việc công đức.

“Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp, cầu cho ta được gả cưới trong một gia đình phù hợp!’ Đây là hoàn cảnh thứ hai

“Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp, và sau khi được gả cưới trong một gia đình phù hợp, cầu cho ta sống trong nhà không có người đối nghịch!’ Đây là hoàn cảnh thứ ba ... ¹⁵⁵

“Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp ... không có người đối nghịch, cầu cho ta sinh được con trai!’ Đây là hoàn cảnh thứ tư

“Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp ... sinh được con trai, cầu cho ta sống ở nhà với người chồng ở dưới sự kiểm soát của ta!’ Đây là hoàn cảnh thứ năm

“Có năm hoàn cảnh khó đạt được bởi một người phụ nữ chưa làm việc công đức nào.

2- “Này các Tỳ kheo, có năm là hoàn cảnh dễ đạt được bởi một người phụ nữ đã làm việc công đức?

“Cô ta cầu: ‘Cầu cho ta được sinh ra trong một gia đình phù hợp!’ Đây là hoàn cảnh thứ nhất dễ đạt được

“Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp, cầu cho ta được gả cưới trong một gia đình phù hợp ... sinh được con trai ... sống trong nhà không có người đối nghịch ... sống ở nhà với người chồng ở dưới sự kiểm soát của ta!’ Đây là hoàn cảnh thứ năm

“Có năm hoàn cảnh khó dễ đạt được bởi một người phụ nữ

đã làm việc công đức.

(SN 37:32)

33 (9) Tự Tin

“Này các Tỳ kheo, khi một người phụ nữ có năm phẩm chất thì cô ta sống ở nhà (một cách) tự-tin. Năm đó là gì? Cô ta không cữ sát sinh; không cữ trộm cắp; không cữ tà dục tà dâm; không cữ nói dối nói láo; không cữ rượu nhẹ, rượu nặng và các chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật. Khi một người phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta sống ở nhà (một cách) tự tin.”

(SN 37:33)

34 (10) Tăng Trưởng

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã tăng trưởng trong năm phần tăng trưởng, thì một người nữ đệ tử thánh thiện tăng trưởng với một sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó nhận lấy được phần cốt lõi, nhận lấy được phần tốt nhất, của thân hiện-hữu này. Năm đó là gì? Cô ta tăng trưởng về niềm-tin, về giới-hạnh, về sự học-hiểu, về sự tâm bố-thí, và về trí-tuệ.

“Ở đây khi tăng trưởng về niềm-tin và giới-hạnh,

Về trí-tuệ, về tâm bố-thí, và về sự học-hiểu,
Nữ đệ tử thánh thiện đó,
Thụ lãnh được phần cốt lõi cho chính mình.”

(SN 37:34)

Chương 38

Liên Kết JAMBUKHĀDAKASA

(38 *Jambukhādakasa*—*saṃyutta*)

(38 *Tương Ứng Jambukhādakasa*)

1 Câu Hỏi về Niết-Bàn

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Magadha (Ma-kiệt-đà), ở làng Nālaka [Nālakagāma]. Lúc đó có một du sĩ tên là Jambukhādaka đến gặp thầy Xá-lợi-phất và chào hỏi với thầy ấy.¹⁵⁶ Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất:

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘Niết-bàn, Niết-bàn.’ Giờ cái gì là Niết-bàn?”

“Này thiện hữu, sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là Niết-bàn.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường [đạo] nào để chứng ngộ Niết-bàn?”

“Này thiện hữu, có một con đường, có một đường đi để chứng ngộ Niết-bàn.”

- “Và, này thiện hữu, cái gì là con đường (đạo), cái gì là đường đi để chứng ngộ Niết-bàn?”

“Này thiện hữu, đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn. Này thiện hữu, đây là con đường, đây là đường đi

để chứng ngộ Niết-bàn.”

- “Thật hay con đường này, này thiện hữu, thật hay đường đi để chứng ngộ Niết-bàn! Và bấy nhiêu (con đường) đó là đủ để chuyên cần (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phất.

(SN 38:01)

2 **Thánh Quả A-la-hán**

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘A-la-hán, A-la-hán.’ Giờ cái gì là thánh quả A-la-hán?”

“Này thiện hữu, sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là thánh quả A-la-hán.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường [đạo] nào để chứng ngộ thánh quả A-la-hán?”

“Này thiện hữu, có một con đường, có một đường đi để chứng ngộ thánh quả A-la-hán.”

- “Và, này thiện hữu, cái gì là con đường (đạo), cái gì là đường đi để chứng ngộ thánh quả A-la-hán?”

“Này thiện hữu, đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc

muru sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn. Đây thiện hữu, đây là con đường, đây là đường đi để chứng ngộ thánh quả A-la-hán.”

- “Thật hay con đường này, này thiện hữu, thật hay đường đi để chứng ngộ thánh quả A-la-hán! Và bấy nhiêu (con đường) đó là đủ để chuyên cần (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phát.

(SN 38:02)

3 Những Người Theo Giáo Pháp

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phát, ai là những người theo (ủng hộ, chủ trương, truyền bá) Giáo Pháp trong thế gian? Ai là những người đang tu tập tốt lành trong thế gian? Ai là những bậc phúc lành (bậc khéo đi, thiện thế) trong thế gian?”

“Này thiện hữu, những người chỉ dạy Giáo Pháp để dẹp bỏ tham, để dẹp bỏ sân, để dẹp bỏ si: họ là những người theo Giáo Pháp trong thế gian. Những người đang tu tập để dẹp bỏ tham, để dẹp bỏ sân, để dẹp bỏ si: họ đang tu tập một cách tốt lành trong thế gian. Những người đã dẹp bỏ tham, sân, si; đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc chết của cây cọ, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai: họ là những bậc phúc lành trong thế gian.”¹⁵⁷

- “Nhưng, này thiện hữu, có con đường nào để dẹp bỏ tham, sân, si?”

“Này thiện hữu, có một con đường, có một đường đi để dẹp bỏ tham, sân, si.”

- “Và, này thiện hữu, cái gì là con đường (đạo), cái gì là đường đi để dẹp bỏ tham, sân, si?”

“Này thiện hữu, đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm: cách nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn. Này bạn hữu, đây là con đường, đây là đường đi để dẹp bỏ tham, sân, si.”

- “Thật hay là con đường, này thiện hữu, thật hay là đường đi để dẹp bỏ tham, sân, si. Và (con đường) đó là đủ để chuyên cần (tu tập), thừa thầy Xá-lợi-phất.

(SN 38:03)

4 **Vì Mục Đích Gì?**

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, vì mục đích gì đi sống đời sống thánh thiện dưới (đi tu theo) tu sĩ [sa-môn] Cồ-đàm?”

“Này thiện hữu, đó là để hoàn-toàn hiểu sự khổ nên mới đi sống đời sống thánh thiện dưới đức Thế Tôn.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con đường nào, có đường đi nào để hoàn-toàn hiểu sự khổ?”

“Này thiện hữu, có một con đường, có một đường đi ... đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo)....” (*như các kinh kể trên*)

(SN 38:04)

5 **Sự Yên Ủi** (sự an ổn, sự an tâm)

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘người đã đạt được sự yên ủi, người đã đạt được sự yên ủi.’ Thưa thầy, theo cách nào một người đạt tới sự yên ủi?”¹⁵⁸

“Này thiện hữu, khi một Tỷ kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở tiếp xúc (sáu giác-quan), đúng như chúng thực là, thì theo cách này người đó đã đạt tới sự yên ủi.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con đường nào, có đường đi nào để chúng ngộ sự yên ủi này?”

“Này thiện hữu, có một con đường ... con đường Tám Phần

Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” (như các kinh kể trên)

(SN 38:05)

6 *Sự Yên Ủi Tối Thượng*

“Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘người đã đạt được sự yên ủi tối thượng, người đã đạt được sự yên ủi tối thượng.’ Thừa thầy, theo cách nào một người đạt tới sự yên ủi tối thượng?”

“Này thiện hữu, sau khi hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải-thoát đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở tiếp xúc (sáu giác-quan), đúng như chúng thực là, một Tỷ kheo được giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp, thì theo cách này người đó đã đạt tới sự yên ủi tối thượng.”

“Nhưng, này thiện hữu, có con đường nào, có đường đi nào để chúng ngộ sự yên ủi tối thượng này?”

“Này bạn hữu, có một con đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” (như các kinh kể trên)

(SN 38:06)

7 *Cảm Giác*

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘cảm-giác,

cảm-giác.’ Giờ cái gì là cảm-giác?”

“Này thiện hữu, có ba loại cảm-giác này: cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ đau, cảm-giác trung tính. Đây là ba loại cảm-giác.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con đường nào, có đường đi nào để hoàn-toàn hiểu ba loại cảm-giác này?

“Này bạn hữu, có một con đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)....” *(như các kinh kể trên)*

(SN 38:07)

8 Những Ô-Nhiễm

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘ô-nhiễm, ô-nhiễm.’ Giờ cái gì là ô-nhiễm?

“Này thiện hữu, có ba loại ô-nhiễm này: ô-nhiễm nhục dục, ô-nhiễm hiện hữu, ô-nhiễm vô minh. Đây là ba loại ô-nhiễm.”

- “Nhưng, thưa thầy, có con đường nào, có đường đi nào để dẹp bỏ ba loại ô-nhiễm này?

“Này bạn hữu, có một con đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)....” *(như các kinh kể trên)*

(SN 38:08)

9 Vô Minh

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh.’ Giờ cái gì là vô-minh?”

“Không hiểu biết khổ, không hiểu biết nguồn-gốc khổ, không hiểu biết sự chấm-dứt khổ, không hiểu biết con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. Đây được gọi là vô-minh.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con đường nào, có đường đi nào để dẹp bỏ sự vô-minh này?”

“Này thiện hữu, có một con đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” *(như các kinh kể trên)*

(SN 38:09)

10 Dục Vọng

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘dục-vọng, dục-vọng.’ Giờ cái gì là dục-vọng?”

“Này thiện hữu, có ba loại dục-vọng này: dục-vọng khoái-lạc giác-quan (nhục dục), dục-vọng được hiện hữu, dục-vọng chấm dứt hiện hữu. Có ba loại dục-vọng này.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con đường nào, có đường đi nào

để dẹp bỏ dục-vọng này?

“Này thiện hữu, có một con đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” *(như các kinh kể trên)*

(SN 38:10)

11 *Dòng Lũ*

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘dòng lũ, dòng lũ.’ Giờ cái gì là dòng lũ?”

“Này thiện hữu, có bốn dòng lũ này: dòng lũ nhục-dục, dòng lũ hiện-hữu, dòng lũ quan-điểm này nọ (tà kiến), dòng lũ vô-minh. Có bốn dòng lũ này.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con đường nào, có đường đi nào để dẹp bỏ những dòng lũ này?”

“Này bạn hữu, có một con đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” *(như các kinh kể trên)*

(SN 38:11)

12 *Sự Dính Chấp*

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự dính-chấp, sự dính-chấp.’ Giờ cái gì là sự dính-chấp?”

“Này thiện hữu, có bốn loại dính-chấp này: dính chấp vào khoái-lạc giác-quan (dục lạc), dính chấp vào các các quan điểm này nọ (tà kiến), dính chấp vào các lời thệ nguyện và tục lệ lễ nghi cúng tụng (giới cấm thủ), dính chấp vào thuyết có ‘cái-ta’ (ngã chấp). Có bốn loại dính chấp này.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con đường nào, có đường đi nào để dẹp bỏ sự dính-chấp này?”

“Này thiện hữu, có một con đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” (*như các kinh kể trên*)

(SN 38:12)

13 *Sự Hiện Hữu*

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự hiện-hữu, sự hiện-hữu.’ Giờ cái gì là sự hiện-hữu?”

“Này thiện hữu, có ba dạng hiện-hữu này: sự hiện hữu cõi dục giới, sự hiện hữu cõi sắc giới, sự hiện hữu cõi vô sắc giới. Có ba dạng hiện hữu này.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con đường nào, có đường đi nào để hoàn-toàn hiểu ba dạng hiện hữu này?”

“Này bạn hữu, có một con đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” (*như các kinh kể trên*)

(SN 38:13)

14 Khổ

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự khổ, sự khổ.’ Giờ cái gì là sự khổ?”

“Này thiện hữu, có ba loại khổ này: khổ do đau khổ (khổ khổ), khổ do những sự tạo-tác (hành khổ), khổ do thay đổi (vô thường khổ). Có ba loại khổ này.”¹⁵⁹

- “Nhưng, thưa thầy, có con đường nào, có đường đi nào để hoàn-toàn hiểu ba loại khổ này?”

“Này bạn hữu, có một con đường ... con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)...” (*như các kinh kể trên*)

(SN 38:14)

15 Danh Tính

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘danh tính, danh tính.’ Giờ cái gì là danh tính?”

“Này thiện hữu, năm-uẩn bị dính chấp này đã được đức Thế Tôn gọi là danh-tính; đó là: uẩn thân-sắc bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-

tác cố-ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp. Năm-uẩn bị dính chấp này được đức Thế Tôn gọi là danh-tính.” (sự nhìn nhận đó là cái ‘ta’)

- “Nhưng, này thiện hữu, có con đường nào, có đường đi nào để hoàn-toàn hiểu danh tính này?

“Này thiện hữu, có một con đường, có một đường đi để hoàn-toàn hiểu danh tính này.”

- “Và, này thiện hữu, cái gì là con đường (đạo), cái gì là đường đi để hoàn-toàn hiểu danh tính này?”

“Này bạn hữu, đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm: cách nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn. Này bạn hữu, đây là con đường, đây là đường đi để hoàn-toàn hiểu danh-tính này.”

- “Thật hay con đường này, này thiện hữu, thật hay đường đi để chứng ngộ Niết-bàn! Và bấy nhiêu (con đường) đó là đủ để chuyên cần (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phất.

(SN 38:15)

“Này thiện hữu Xá-lợi-phất, điều gì là khó làm trong Giáo Pháp và Giới Luật này?”

“Này thiện hữu, xuất-gia là điều khó làm trong Giáo Pháp và Giới Luật này.”

- “Này thiện hữu, rồi điều gì là khó làm đối với người đã xuất gia?”

“Này thiện hữu, tìm được sự vui-thích (vui lòng với đời sống tu hành, với Giáo Pháp) là điều khó làm đối với người đã xuất gia.”

- “Này thiện hữu, điều gì là khó làm đối với người đã tìm được sự vui-thích đó?”

“Này thiện hữu, tu tập đúng theo Giáo Pháp là điều khó làm đối với người đã tìm được sự vui thích đó.”

- “Nhưng, này thiện hữu, nếu một Tỷ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp, chắc phải còn lâu lắm người đó mới chứng thành A-la-hán?”

“Không lâu đâu, này thiện hữu.”¹⁶⁰

(SN 38:16)

Chương 39

Liên Kết SĀMAṆḌAKA

(39 *Sāmaṇḍaka*—*saṃyutta*)

(39 *Tương Ứng Sāmaṇḍaka*)

1 — 16 Câu Hỏi về Niết-Bàn...

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất đang sống giữa những người Vajji (Bạt-kỳ) ở vùng Ukkacelā. Lúc đó có một du sĩ tên là Sāmaṇḍaka đến gặp thầy Xá-lợi-phất và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘Niết-bàn, Niết-bàn.’ Giờ cái gì là Niết-bàn?”

... ..

*[Phần còn lại, và các kinh tiếp theo, lần lượt giống hệt **Chương 38** kể trên, chỉ khác là người hỏi được đổi thành du sĩ Sāmaṇḍaka.]*

... ..

- “Nhưng, này thiện hữu, nếu một Tỷ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp, chắc phải còn lâu lắm người đó mới chứng thành A-la-hán?”

“Không lâu đâu, này thiện hữu.”

(SN 39:01—16)

Chương 40

Liên Kết MỤC-KIỀN-LIÊN

(40 *Moggallāna*—*saṃyutta*)

(40 *Tương Ứng Mục-kiền-liên*)

*([Chín (9) bài kinh đầu tiên của Chương này kể lại những trải-nghệ
m của thầy Mục-kiền-liên trong cuộc phấn đấu trong suốt tuần đầu tiên
ngay sau khi thầy được thụ giáo thành Tỳ kheo.])*

1 *Tăng Thiền Định Thứ Nhất*

Trong một lần có Ngài Đại Mục-kiên-liên đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc. Ở đó thầy Đại Mục-kiên-liên đã nói với các Tỷ kheo như vậy: “Này các đạo hữu, này các Tỷ kheo!”¹⁶¹

“Được, thưa đạo hữu!”, các Tỷ kheo đó đáp lại. Thầy Mục-kiên-liên đã nói điều này:

“Ở đây, này các đạo hữu, khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “tăng thiền định thứ nhất, tăng thiền định thứ nhất.” Giờ cái gì là tăng thiền định thứ nhất?’

“Rồi, này các đạo hữu, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong tăng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly. Đây được gọi là tăng thiền định thứ nhất.’

“Rồi, này các đạo hữu, (*thực hiện*) tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi chứng nhập và an trú trong tăng thiền định thứ nhất.... Trong khi tôi an trú trong đó thì có những nhận-thức (tưởng) và những sự chú-tâm (sự tác-ý, sự chú-ý) còn *dính nhục-dục* đã tấn công tôi. ([tức có đi

kèm năm chương-ngai)]¹⁶²

“Lúc đó, này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông [năng lực tâm linh] và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lo-tâm xao lãng đối với tầng thiền định thứ nhất. Hãy ổn-định tâm trong tầng thiền định thứ nhất, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiền định thứ nhất, hãy định-tâm trong tầng thiền định thứ nhất.’ Rồi, này các đạo hữu, trong lần sau đó, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất, trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc).

“Này các đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của sự hiểu-biết trực-tiếp (đại diện trí)¹⁶³ với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:01)

2 Tầng Thiền Định Thứ Hai

... “Ở đây, này các đạo hữu, trong khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “tầng thiền định thứ hai, tầng thiền định thứ hai.” Giờ cái gì là tầng thiền định thứ hai?’¹⁶⁴

“Rồi, này các đạo hữu, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có đi kèm sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), và có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm. Đây là tầng thiền định thứ hai.’

“Rồi, này các đạo hữu, (*thực hiện*) với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai.... Khi tôi an trú trong trạng thái đó, thì có những nhận-thức và những sự chú-tâm (tác ý) còn dính ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ) đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiên-liên, Mục-kiên-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với tầng thiền định thứ hai. Hãy ổn-định tâm trong tầng thiền định thứ hai, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiền định thứ hai, hãy định-tâm trong tầng thiền định thứ hai.’ Rồi, này các đạo hữu, trong lần sau đó, với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai, trạng thái có đi kèm sự tự-tin bên-trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), và có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.

“Này các đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai

rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của sự hiểu-biết trực-tiếp (đại diện trí) với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đấng đó nói điều này.”

(SN 40:02)

3 *Tầng Thiền Định Thứ Ba*

... “Ở đây, này các đạo hữu, trong khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “tầng thiền định thứ ba, tầng thiền định thứ ba.” Giờ cái gì là tầng thiền định thứ ba?’

“Rồi, này các đạo hữu, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả (xả), có chánh-niệm và rõ-biết, người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc (lạc) cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: ‘Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh phúc.’ Đây được gọi là tầng thiền định thứ ba.’

“Rồi, này các đạo hữu, (*thực hiện*) với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) ... tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba ... Trong khi tôi an trú trong đó, thì những nhận-thức và những sự chú-tâm (tác ý) còn *dính sự hoan-hỷ (hỷ)* đã tấn công

tôi.

“Lúc đó, này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiên-liên, Mục-kiên-liên, này bà-la-môn, đừng lo-tâm xao lãng đối với tầng thiền định thứ ba. Hãy ổn-định tâm trong tầng thiền định thứ ba, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiền định thứ ba, hãy định-tâm trong tầng thiền định thứ ba.’ Rồi, này các đạo hữu, trong lần sau đó, với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ, tôi an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết, tôi trải nghiệm niềm hạnh-phúc cùng với thân; tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba, trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: ‘Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh phúc.’

“Này các đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của sự hiểu-biết trực-tiếp (đại diện trí) với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:03)

4 Tầng Thiền Định Thứ Tư

... “Ở đây, này các đạo hữu, trong khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “tầng thiền định thứ tư, tầng thiền

định thứ tư.” Giờ cái gì là tầng thiền định thứ tư?’

“Rồi, này các đạo hữu, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự dẹp bỏ sự sợ hãi và sự khổ và với sự phai biến trước đó của sự vui và sự buồn, một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn khổ hay sợ hãi, và có sự chánh-niệm đã được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả (xả). Đây là tầng thiền định thứ tư.’

“Rồi, này các đạo hữu, (*thực hiện*) với sự dẹp bỏ sự sợ hãi và khổ ... tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư ... Trong khi tôi an trú trong đó, thì những nhận-thức và những sự chú-tâm (tác ý) còn *dính yếu tố hạnh-phúc (lạc)* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lo-tâm xao lãng đối với tầng thiền định thứ tư. Hãy ổn-định tâm trong tầng thiền định thứ tư, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiền định thứ tư, hãy định-tâm trong tầng thiền định thứ tư.’ Rồi, này các đạo hữu, trong lần sau đó, với sự dẹp bỏ sự sợ hãi và khổ và với sự phai biến trước đó của sự vui và buồn, tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư, trạng thái không còn khổ hay sợ hãi, và có sự chánh-niệm đã được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả (xả).

“Này các đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của sự hiểu-biết

trực-tiếp (đại diện trí) với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng dẫn đó nói điều này.”

(SN 40:04)

5 Cảnh Xứ Vô-Biên của Không Gian

... “Ở đây, này các đạo hữu, trong khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “cảnh xứ vô biên của không gian, cảnh xứ vô biên của không gian.” Giờ cái gì là cảnh xứ vô biên của không gian?’

“Rồi, này các đạo hữu, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về những thể-sắc (vật chất, sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về chạm-xúc giác quan, với sự không-còn chú tâm tới những nhận-thức về sự khác-biệt, chỉ ý thức rằng “không gian là vô biên”, một Tỷ kheo chúng nhập và an trú trong cảnh xứ [cơ sở] vô biên của không-gian.’ (không vô biên xứ).

“Rồi, này các đạo hữu, (*thực hiện*) với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về những thể-sắc ... tôi chúng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của không-gian. Trong khi tôi an trú trong đó, thì có những nhận-thức và những sự chú-tâm (tác ý) còn *dính những thể-sắc* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với cảnh xứ vô biên của không-gian. Hãy ổn-định tâm trong cảnh xứ vô biên của không-gian, hãy hợp-nhất tâm trong cảnh xứ vô biên của không gian, hãy định tâm trong cảnh xứ vô biên của không-gian.’ Rồi, này các đạo hữu, trong lần sau đó, với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về những hình-sắc, với sự phai biến những nhận-thức về chạm-xúc giác quan, với sự không-còn chú tâm tới những nhận-thức về sự khác-biệt, chỉ ý thức rằng “không gian là vô biên”, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của không-gian.’

“Này các đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của sự hiểu-biết trực-tiếp (đại diện trí) với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:05)

6 Cảnh Xứ Vô-Biên của Thức

... “Ở đây, này các đạo hữu, trong khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*ván đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “cảnh xứ vô biên của thức, cảnh xứ vô biên của thức.” Giờ cái gì là cảnh xứ vô biên của thức?’

“Rồi, này các đạo hữu, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của không-gian, chỉ ý thức rằng “thức là vô biên”, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức.’ (thức vô biên xứ).

“Rồi, này các đạo hữu, (*thực hiện*) với sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của không-gian, chỉ ý thức rằng “thức là vô biên”, tôi chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức. Trong khi tôi an trú trong đó, thì có những nhận-thức và sự chú-tâm (tác ý) còn *dính cảnh xứ vô biên của không-gian* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với cảnh xứ vô biên của thức. Hãy ổn-định tâm trong cảnh xứ vô biên của thức, hãy hợp-nhất tâm trong cảnh xứ vô biên của thức, hãy định-tâm trong cảnh xứ vô biên của thức.’ Rồi, này các đạo hữu, trong lần sau đó, với sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của không gian, chỉ ý thức rằng “thức là vô biên”, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức.’

“Này các đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của sự hiểu-biết trực-tiếp (đại diện trí) với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:06)

7 Cảnh Xứ Không Có Gì

... “Ở đây, này các đạo hữu, trong khi tôi ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “cảnh xứ không-có-gì, cảnh xứ không-có-gì.” Giờ cái gì là cảnh xứ không-có-gì?’

“Rồi, này các đạo hữu, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, chỉ ý thức sự “không-có-gì”, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-gì.’ (cảnh xứ trống không, vô sở hữu xứ).

“Rồi, này các đạo hữu, (*thực hiện*) với sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, chỉ ý thức sự “không-có-gì”, tôi chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-gì. Trong khi tôi an trú trong đó, thì có những nhận-thức và những sự chú-tâm (tác ý) còn *dính cảnh xứ vô biên của thức* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lo-tâm xao lãng đối với cảnh xứ không-có-gì. Hãy ổn-định tâm trong cảnh xứ không-có-gì, hãy hợp-nhất tâm trong cảnh xứ không-có-gì, hãy định-tâm trong cảnh xứ không-có-gì.’ Rồi, này các đạo hữu, trong lần sau đó, với sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, chỉ ý thức sự

“không-có-gì”, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-gì.’

“Này các đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của sự hiểu-biết trực-tiếp (đại diệu trí) với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:07)

8 Cảnh Xứ Không Nhận Thức Cũng Không Phải Không Còn Nhận Thức

... “Ở đây, này các đạo hữu, trong khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức.” Giờ cái gì là cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức?’

“Rồi, này các đạo hữu, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không-có-gì, một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức.’ (phi tướng phi phi tướng xứ).

“Rồi, này các đạo hữu, (*thực hiện*) với sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không-có-gì, tôi chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức. Trong khi tôi an trú trong đó, thì có những nhận-thức và những sự chú-tâm (tác ý) còn *dính cảnh xứ không-có-gì* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức. Hãy ổn-định tâm trong cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, hãy hợp-nhất tâm trong cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, hãy định-tâm trong cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức.’ Rồi, này các đạo hữu, trong lần sau đó, với sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không-có-gì, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức.’

“Này các đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của sự hiểu-biết trực-tiếp (đại diện trí) với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:08)

9 Vô Dấu Hiệu

... “Ở đây, này các đạo hữu, trong khi tôi đang ở một mình trong nơi ẩn tu, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “sự định-tâm vô dấu hiệu, sự định-tâm vô dấu hiệu” [vô hình tướng, sự đạt định vô dấu hiệu của tâm]. Giờ cái gì là sự định-tâm vô dấu hiệu?’¹⁶⁵

“Rồi, này các đạo hữu, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, bằng cách không-còn chú tâm tới tất cả dấu hiệu, một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong sự định tâm vô dấu hiệu. Đây được gọi là sự định-tâm vô dấu hiệu.’

“Rồi, này các đạo hữu, (*thực hiện*) bằng sự không-còn chú tâm tới tất cả dấu-hiệu (hình tướng), tôi chứng nhập và an trú trong sự định tâm vô dấu hiệu. Trong khi tôi an trú trong đó, thức của tôi *vẫn còn đi kèm với những dấu hiệu* (hình tướng).

“Lúc đó, này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với sự định tâm vô dấu hiệu. Hãy ổn-định tâm trong sự định tâm vô dấu hiệu, hãy hợp-nhất tâm trong sự định tâm vô dấu hiệu, hãy định-tâm trong sự định tâm vô dấu hiệu.’ Rồi, này các đạo hữu, trong lần sau đó, bằng sự không-còn chú tâm tới tất cả dấu hiệu (hình tướng), tôi chứng nhập và an trú trong sự định tâm vô dấu hiệu.

“Này các đạo hữu, nếu ai nói một cách đúng đắn nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của sự hiểu-biết trực-tiếp (đại diệu trí) với sự trợ giúp của vị Sư Thầy’, thì đó chính là tôi người nói đúng đắn đó nói điều này.”

(SN 40:09)

10 Vua Trời Đế-Thích [Sakka]

[I]

Trong một lần có Ngài Đại Mục-kiền-liên đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc. Lúc đó, nhanh như một người khỏe mạnh đuổi hay co cánh tay, thầy Đại Mục-kiền-liên biến mất khỏi Khu Vườn Jeta và hiện ra giữa những thiên thần của cõi trời Tāvātimsa (cõi trời Dao-lợi, cõi trời Ba Mươi Ba).

Rồi có vua trời Đế-thích [Sakka], vua của các thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua kính chào thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với vị vua trời:

[1] “Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật. Bởi nhờ quy y nương tựa vào Phật, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong

một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Nay vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Giáo Pháp. Bởi nhờ quy y nương tựa vào Giáo Pháp, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Nay vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ quy y nương tựa vào Tăng Đoàn, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

- *(Đế-thích lặp lại)* “Thưa Ngài Mục-kiên-liên, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ quy y nương tựa ... nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

Sau đó, vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần ... bảy trăm thiên thần ... tám trăm thiên thần ... tám mươi ngàn thiên thần ([riêng **Ee**: ‘tám mươi trăm’]), đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính chào thầy Đại Mục-kiên-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với vị vua trời:

[Thầy Mục-kiên-liên lặp lại lời **[1]** ở trên ...]

[II]

Lúc đó, vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với năm trăm thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi

gặp mặt, vua trời kính chào thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với vị vua trời:

[2] “Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được (sở hữu) niềm-tin xác tín vào Đức Phật như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã thành tựu với sự hiểu biết và đức hạnh đích thực, là bậc Phúc Lành, người hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được chỉ dạy, bậc thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Bởi nhờ có-được niềm-tin xác tín vào Đức Phật như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”¹⁶⁶

“Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác tín vào Giáo Pháp như vậy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chúng nghiệm bởi những người trí hiền.’ Bởi nhờ có-được niềm-tin xác tín vào Giáo Pháp như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

“Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác tín vào Tăng Đoàn như vậy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh trực, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn này

của các đệ tử của Đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức (phước điền) cao nhất ở thế gian.’ Bởi nhờ có-được niềm-tin xác tín vào Tăng Đoàn như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

“Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được **những đức-hạnh** (giới hạnh, năm giới hạnh) mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sút mẻ, không bị đứt rách, không bị ô nhiễm, không bị vết chàm, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi người hiền trí, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Bởi nhờ có-được đức-hạnh như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

- (*Đế-thích lặp lại*) “Thưa Ngài Đại Mục-kiên-liên, lành thay sự có-được (sở hữu) niềm-tin xác tín vào Đức Phật như vậy ... sự có-được niềm-tin xác tín vào Giáo Pháp như vậy ... sự có-được niềm-tin xác tín vào Tăng Đoàn như vậy ... sự có-được **những đức-hạnh** mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sút mẻ, không bị đứt rách, không bị ô nhiễm, không bị vết chàm, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi người hiền trí, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Bởi nhờ có-được đức-hạnh như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

Sau đó vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với

sáu trăm thiên thần ... bảy trăm thiên thần ... tám trăm thiên thần ... tám mươi ngàn thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính chào thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với vị vua trời:

[Thầy Mục-kiền-liên lặp lại lời [2] ở trên ...]

[III]

Lúc đó, vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với năm trăm thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính chào thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với vị vua trời:

[3] “Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật. Bởi nhờ sự quy y nương tựa vào Phật, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Họ vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: về tuổi thọ trên cõi trời, về sắc đẹp cõi trời, về hạnh phúc cõi trời, về danh tiếng cõi trời, về quyền hạn cõi trời, và về những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.

“Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Giáo Pháp ... Tăng Đoàn. Bởi nhờ sự quy y nương tựa vào Giáo Pháp ... Tăng Đoàn ... vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: ... những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương,

những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.”

- (Đế-thích lặp lại) “Thưa Ngài Mục-kiên-liên, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ sự quy y nương tựa vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... vượt qua những thiên thần khác về mười mặt ... những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.”

Rồi vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần ... bảy trăm thiên thần ... tám trăm thiên thần ... tám mươi ngàn thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính chào thầy Đại Mục-kiên-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với vị vua trời:

[Thầy Mục-kiên-liên lặp lại lời [3] ở trên ...]

[IV]

Lúc đó, vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với năm trăm thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính chào thầy Đại Mục-kiên-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với vị vua trời:

[4] “Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác tín vào Đức Phật như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán ... bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Bởi nhờ có-được niềm-tin xác tín vào Đức Phật, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau

khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Họ vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: về tuổi thọ trên cõi trời, về sắc đẹp cõi trời, về hạnh phúc cõi trời, về danh tiếng cõi trời, về quyền hạn cõi trời, và về những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.

“Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác tín vào Giáo Pháp ... sự có-được niềm-tin xác tín vào Tăng Đoàn ... sự có-được **những đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.** Bởi nhờ có-được **những đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng ...** họ vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: ... những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.”

- (*Đế-thích lặp lại*) “Thưa Ngài Mục-kiền-liên, lành thay sự có-được niềm-tin xác tín vào Đức Phật ... sự có-được niềm-tin xác tín vào Giáo Pháp ... sự có-được niềm-tin xác tín vào Tăng Đoàn ... sự có-được **những đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.** Bởi nhờ có-được những đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Họ vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: về tuổi thọ trên cõi trời, về sắc đẹp cõi trời, về hạnh phúc cõi trời, về danh tiếng cõi trời, về quyền hạn cõi trời, và về

những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.”

Rồi vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần ... bảy trăm thiên thần ... tám trăm thiên thần ... tám mươi ngàn thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính chào thầy Đại Mục-kiên-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với vị vua trời:

[Thầy Mục-kiên-liên lặp lại lời **[4]** ở trên ...]

(SN 40:10)

11 Candana...

Rồi có Candana, một thiên thần trẻ....

Rồi có Suyāma, một thiên thần trẻ....

Rồi có Santusita, một thiên thần trẻ....

Rồi có Sunimmita, một thiên thần trẻ....

Rồi có Vasavatti, một thiên thần trẻ, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi gặp mặt, vị đó kính chào thầy Đại Mục-kiên-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với vị đó:

[Phần còn lại giống toàn bộ nội dung trong kinh **40:10** kể trên.]¹⁶⁷

(SN 40:11)

Chương 41

Liên Kết CITTA

(41 Citta—*saṃyutta*)

(41 *Tương Ứng Citta*)

1 *Gông Cùm*

Trong một lần có một số vị Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Macchikāsaṇḍa trong khu Rừng Xoài Hoang.

Bấy giờ, vào lúc đó, sau khi các Tỳ kheo trưởng lão trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ tụ họp trong khu hội họp và cùng ngồi với nhau và có sự đàm đạo này:

“Này các đạo hữu, ‘gông cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ (trói buộc mình): hai thứ này khác nhau về nghĩa và khác nhau về chữ, hay chúng chỉ là một và chỉ khác nhau về chữ?”

Có mấy Tỳ kheo trưởng lão trả lời như vậy: “Này đạo hữu, ‘gông cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ khác nhau về nghĩa và khác nhau về chữ.” Nhưng có mấy Tỳ kheo trưởng lão khác trả lời như vậy: “Này đạo hữu, ‘gông cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ là một về nghĩa và chỉ khác nhau về chữ.”

Lúc bấy giờ, vào dịp đó có gia chủ tên là Citta mới đến vùng Migapathaka vì một số công việc.¹⁶⁸ Rồi gia chủ Citta nghe được: “Có một số các Tỳ kheo trưởng lão trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ tụ họp trong khu hội họp và cùng ngồi với nhau và có sự đàm đạo này....” Rồi gia chủ Citta đã đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão đó, kính chào các vị Tỳ kheo, ngồi xuống một bên, và thưa với họ: “Thưa quý thầy, con đã nghe rằng khi các vị Tỳ kheo trưởng lão ngồi với nhau và có sự đàm đạo rằng: ‘Này các

đạo hữu, ‘gông cùm’ và ‘những thứ gông cùm’: hai thứ này khác nhau về nghĩa và cũng khác nhau về chữ, hay chúng là một về nghĩa và chỉ khác nhau về chữ?”

“Đúng vậy, này gia chủ.”

“Thưa quý thầy, ‘gông cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ là khác nhau về nghĩa và cũng khác nhau về chữ. Con xin đưa ra ví dụ về điều này, bởi những người có trí ở đây hiểu được một điều nhờ phương tiện ví dụ.

“Thưa quý thầy, giả sử có con bò đen và con bò trắng được gông với nhau bằng một cái gông hay cái ách.¹⁶⁹ Ai là người nói một cách đúng đắn có thể nói như vậy không: ‘Con bò đen là gông cùm của con bò trắng; con bò trắng là gông cùm của con bò đen’?”

“Không phải, này gia chủ. Con bò đen không phải là gông cùm của con bò trắng, và con bò trắng cũng không phải là gông cùm của con bò đen, mà chính là cái gông hay cái ách đã gông chúng lại với nhau: đó mới chính là gông cùm.”

“Cũng giống như vậy, thưa quý thầy, mắt không phải là gông cùm của những hình-sắc, và những hình-sắc cũng không phải là gông cùm của mắt, mà chính là tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm. Tai không phải là gông cùm của những âm-thanh ... Mũi không phải là gông cùm của những mùi-hương ... Lưỡi không phải là gông cùm của những mùi-vị ... Thân không phải là gông cùm của những đối-

tượng chạm xúc ... Tâm không phải là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm, và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, mà chính là tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm.”

“Đó là sự ích lợi cho chú, này gia chủ, đó thực là ích lợi cho chú, này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói thâm sâu của Đức Phật.”

(SN 41:01)

2 *Ngài Isidatta (1)*

Trong một lần có một số vị Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Macchikāsaṇḍa trong khu Rừng Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ tên Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính chào các vị, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa quý thầy, mong các bậc trưởng lão nhận lời mời tới dùng cơm trưa chỗ con ngày mai.”

Các Tỳ kheo trưởng lão đồng ý trong im lặng. Rồi gia chủ Citta, sau khi hiểu được các trưởng lão đã đồng ý, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào các vị, giữ họ ở hướng bên phải mình, và đi ra.

Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, các Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới chỗ ở của gia chủ Citta. Ở đó họ ngồi xuống các chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi gia chủ Citta đến gặp

các Tỳ kheo trưởng lão, kính chào các vị, ngồi xuống một bên, và thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

“Thưa Trưởng Lão, thường nghe nói ‘nhiều loại yếu-tố, nhiều loại yếu-tố.’ Thưa thầy, theo cách nào có nhiều loại [đa dạng] yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?”

Khi điều này được nói ra, vị trưởng lão đứng đầu chỉ im lặng. Lần thứ hai và lần thứ ba gia chủ Citta hỏi lại câu hỏi đó, vị trưởng lão đứng đầu vẫn im lặng.

Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Isidatta khi đó là Tỳ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó.¹⁷⁰ Rồi thầy Isidatta mới thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

“Thưa trưởng lão, cho phép con trả lời câu hỏi của gia chủ Citta.”

“Trả lời đi, đạo hữu Isidatta.”

“Giờ, này gia chủ, có phải anh đang hỏi như vậy: ‘Thưa Trưởng Lão, thường nghe nói ‘nhiều loại yếu-tố, nhiều loại yếu-tố.’ Thưa thầy, theo cách nào có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?’”

- “Đúng vậy, thưa thầy.”

“Này gia chủ, nhiều loại yếu-tố này đã được nói bởi đức Thế Tôn như vậy: yếu-tố mắt, yếu-tố hình sắc, yếu-tố thức-mắt ... yếu-

tổ tâm, yếu-tổ hiện-tượng thuộc tâm, yếu-tổ thức-tâm. Theo cách như vậy, này gia chủ, nhiều loại yếu-tổ đã được nói bởi đức Thế Tôn.”

Rồi gia chủ Citta, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Isidatta, bằng hai tay mình đã phục vụ và làm vui lòng các Tỷ kheo trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác nhau. Khi các Tỷ kheo trưởng lão đã ăn xong và đã dẹp bình bát,¹⁷¹ họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi, vị Tỷ kheo trưởng lão đứng đầu đã nói với thầy Isidatta: “Này đạo hữu Isidatta, thật tốt lành rằng câu trả lời cho câu hỏi đó đã xảy đến với thầy. Nó không xảy đến với tôi. Bởi vậy, này đạo hữu Isidatta, lúc khác có ai đặt câu hỏi tương tự như vậy, thầy cứ làm rõ nó như vậy.”

(SN 41:02)

3 Ngài Isidatta (2)

[*Mở đầu như kinh kể trên, cho tới:*]

Rồi gia chủ Citta đến gặp các Tỷ kheo trưởng lão, kính chào các vị, ngồi xuống một bên, và thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

“Thưa thầy, có nhiều quan điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới không phải bất diệt’;

hoặc ‘Thế giới là hữu hạn’ hay ‘Thế giới là vô hạn’; hoặc ‘Linh hồn và thể xác là một’ hay ‘Linh hồn một thứ và thể xác là hai thứ khác nhau’; hoặc ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’— những quan điểm này cũng như sáu mươi hai quan điểm được nói trong kinh Lưới Trời (*Brahmajāla*, kinh Phạm Võng).¹⁷² Giờ, khi có cái gì thì xảy ra những quan điểm này? Khi không-có cái gì thì không xảy ra những quan điểm này?”

Khi điều này được nói ra, vị trưởng lão đứng đầu chỉ im lặng. Lần thứ hai và lần thứ ba gia chủ Citta hỏi lại câu hỏi đó, vị trưởng lão đứng đầu vẫn im lặng.

Bấy giờ, trong lúc đó có Ngài Isidatta khi đó là Tỳ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó. Rồi thầy Isidatta mới thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

“Thưa trưởng lão, cho phép con trả lời câu hỏi của gia chủ Citta.”

“Trả lời đi, đạo hữu Isidatta.”

“Giờ, này gia chủ, có phải anh đang hỏi như vậy: ‘Thưa thầy, có nhiều quan điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới không phải bất diệt’ ... trong kinh Lưới Trời. Giờ, khi có cái gì thì xảy ra những quan điểm này? Khi

không-có cái gì thì không xảy ra những quan điểm này?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

“Này gia chủ, đối với những quan điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: ‘Thế giới là bất diệt ... cũng như sáu mươi hai quan điểm được nói trong kinh Lưới Trời thì: khi có quan điểm về danh-tính (thân kiến), thì có những quan điểm này xảy ra; khi không có quan điểm về danh-tính, thì không có những quan điểm này xảy ra.’”

- “Nhưng, thưa thầy, theo cách nào có quan điểm danh-tính xảy ra?”

“Ở đây, này gia chủ, người phàm phu không được chỉ dạy, là người không coi trọng những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của họ, là người không coi trọng những người tốt, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của họ, là người *cứ* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc thân-sắc nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ nằm trong thân-sắc. Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Theo cách như vậy là có quan điểm danh-tính khởi sinh.”

- “Nhưng, thưa thầy, theo cách nào không-có quan điểm danh-tính xảy ra?”

“Ở đây, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người coi trọng những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của họ, là người coi trọng những người tốt, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của họ, là người *không* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc thân-sắc nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ nằm trong thân-sắc. Người đó *không* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Theo cách như vậy là không-có quan điểm danh-tính khởi sinh.”

- “Dạ xin phép hỏi, Sư Thầy Isidatta đến từ đâu vậy?”

“Tôi đến từ vùng Avantī, này gia chủ.”

- “Thưa thầy, có một người họ tộc cũng đến từ vùng Avantī cũng tên là Isidatta, là một người bạn ‘chưa từng gặp’ của chúng con trước kia, người đó đã xuất gia. Thầy đã bao giờ gặp người đó chưa?”

“Đã gặp rồi, này gia chủ.”

- “Thầy ấy hiện đang ở đâu, thưa thầy?” Khi câu hỏi này được nói ra, thầy Isidatta chỉ im lặng.

- “Vậy đây chính là Sư Thầy Isidatta?”

“Đúng vậy, này gia chủ.”

- “Vậy mong Sư Thầy Isidatta hãy vui sống trong khu Rừng Xoài Hoang đáng thích ở vùng Macchikāsaṇḍa này. Con sẽ nhiệt tình chu cấp cho Thầy Isidatta y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang.”

“Lời nói thật hảo tâm, này gia chủ.”

Rồi gia chủ Citta, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Isidatta, bằng chính hai tay mình, đã phục vụ và làm vui lòng các Tỷ kheo trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác nhau. Khi các Tỷ kheo trưởng lão đã ăn xong và đã dẹp bình bát, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi, vị Tỷ kheo trưởng lão đứng đầu đã nói với thầy Isidatta: “Này đạo hữu Isidatta, thật tốt lành câu trả lời cho câu hỏi đó đã xảy đến với thầy. Nó không xảy đến với ta. Bởi vậy, này đạo hữu Isidatta, lúc khác có ai đặt câu hỏi tương tự như vậy, thầy cứ làm rõ nó như vậy.”

Rồi, thầy Isidatta đã thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, thầy ấy rời khỏi vùng Macchikāsaṇḍa. Sau khi đi khỏi Macchikāsaṇḍa, thầy ấy đã rời đi mãi mãi và chưa bao giờ quay lại nơi đó. ¹⁷³

(SN 41:03)

4 *Sự Biểu Diễn Thần Thông của Mahaka*

Trong một lần có một số vị Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Macchikāsaṇḍa trong khu Rừng Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính chào các vị, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa quý thầy, mong các bậc trưởng lão nhận lời mời tới dùng cơm trưa ở chỗ trại bò sữa của con ngày mai.”

Các Tỳ kheo trưởng lão đồng ý trong im lặng. Rồi gia chủ Citta, sau khi hiểu được các trưởng lão đã đồng ý, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào các vị, giữ họ ở hướng bên phải mình, và đi ra.

Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, các Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới chỗ ở của gia chủ Citta. Ở đó họ ngồi xuống các chỗ ngồi đã dọn sẵn.

Rồi gia chủ Citta, bằng chính hai tay mình, đã phục vụ và làm vui lòng các Tỳ kheo trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác nhau. Khi các Tỳ kheo trưởng lão đã ăn xong và đã dẹp bình bát, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi gia chủ Citta, sau khi nói với người của mình “Hãy đem phân phát hết chỗ thức ăn còn lại”, ông đi theo sát các Tỳ kheo trưởng lão. Lúc bấy giờ, lúc đó trời đang cực kỳ nóng bức,¹⁷⁴ và các trưởng lão bước đi giống như thân họ đang tan chảy với những thức ăn họ mới vừa ăn.

Bấy giờ, lúc đó có Ngài Mahaka là một Tỷ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó. Rồi thầy Mahaka đã thưa với vị Tỷ kheo trưởng lão đứng đầu: “Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu giờ có luồng gió mát thổi qua, một tán mây tụ thành, và trời mưa phùn.”

“Được vậy sẽ tốt, này đạo hữu.”

Rồi thầy Mahaka đã thực hiện một chiêu thức thần thông làm gió mát thổi qua, và một tán mây tụ thành, và trời mưa phùn.

Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với gia chủ Citta: “Sức mạnh và năng lực thần thông như vậy mà lại có-được bởi một Tỷ kheo trẻ nhất đoàn Tăng ở đây như vậy!”

Rồi, khi thầy Mahaka về đến tịnh xá, thầy ấy thưa với vị Tỷ kheo trưởng lão đứng đầu: “Như vậy có đủ không, thưa Trưởng Lão?”

“Như vậy là đủ rồi, này đạo hữu Mahaka. Vừa rồi là đủ đã đủ, này đạo hữu Mahaka, sự cúng dường như vậy là đủ rồi.”

Rồi các Tỷ kheo trưởng lão đi về chỗ ở và thầy Mahaka cũng đi về chỗ ở của mình.

Rồi gia chủ Citta đến gặp thầy Mahaka, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy: “Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu Thầy Mahaka cho con thấy một phép lạ siêu nhân thuộc năng lực thần thông.”

“Vậy thì, này gia chủ, hãy cởi áo choàng của chú phủ lên

hiên và rải một nắm cỏ lên đó.”

- “Dạ, thưa thầy”, gia chủ Citta đáp lại, và ông cỡi áo choàng của mình phủ lên hiên và rải một nắm cỏ lên đó.

Rồi, thầy Mahaka đi vào trong thất và khóa cửa lại, rồi thầy biểu diễn màn thần thông phun lửa ra lỗ khóa và khe cửa, đốt cháy hết cỏ, nhưng không cháy áo choàng.¹⁷⁵ Gia chủ Citta giữ giữ áo choàng và đứng sang một bên, như sừng sốt và hoảng sợ.

Rồi thầy Mahaka bước ra khỏi thất và nói với gia chủ Citta: “Nhu vậy đủ chưa, này gia chủ?”

- “Nhu vậy là đủ rồi, thầy Mahaka. Vừa rồi là đã đủ, thưa thầy, sự ban tặng như vậy là đủ rồi. Vây mong Sư Thầy Isidatta hãy vui sống trong khu Rừng Xoài Hoang đáng thích ở vùng Macchikāsaṇḍa này. Con sẽ nhiệt tình chu cấp cho Thầy Mahaka y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang.”

“Lời nói thật hảo tâm, này gia chủ.”

Rồi, thầy Mahaka đã thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, thầy ấy rời khỏi vùng Macchikāsaṇḍa. Sau khi đi khỏi Macchikāsaṇḍa, thầy ấy đã rời đi mãi mãi và chưa bao giờ quay lại nơi đó.

(SN 41:04)

5 Ngài Kāmabhū (1)

Trong một lần có Ngài Kāmabhū đang sống ở Macchikāsaṇḍa trong khu Rừng Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ tên Citta đến gặp thầy Kāmabhū, kính chào thầy ấy, và ngồi xuống một bên. Thầy Kāmabhū mới nói với ông rằng: “Này gia chủ, điều này đã được nói:

‘Vói bánh xe hoàn hảo và một mái che trắng,
Chiếc xe bánh một-cắm cứ lăn đi.
Nhìn xem người đang đến, không-còn rắc rối,
Dòng chảy đã cắt, không-còn sự trói buộc.’

Này gia chủ, theo cách nào ý nghĩa của lời ngắn gọn này được hiểu một cách chi tiết?”

- “Thưa thầy, đó là lời của đức Thế Tôn phải không?”

“Đúng vậy, này gia chủ.”

- “Thưa thầy, vậy hãy chờ con một chút trong khi tôi xem xét ý nghĩa của nó.”

Rồi sau một chút im lặng, gia chủ Citta đã nói với thầy Kāmabhū:

- “Thưa thầy, ‘Hoàn hảo’ [không vết lỗi]: đây là một cách để chỉ những đức-hạnh. ‘Mái che trắng’: đây là một cách để chỉ sự giải-thoát. ‘Một cắm’: đây là một cách để chỉ sự chánh-niệm.

‘Lăn’: đây là một cách để chỉ sự đi-tới và đi-lại. ‘Chiếc xe’: đây là một cách để chỉ thân này gồm có bốn yếu-tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang bản chất) bị vô thường, phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã.

- “Thưa thầy, những ‘sự rắc rối’ chính là tham, sân, và si. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm, thì chúng (tham, sân, si) đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “không-còn rắc rối.” ‘Người đang đến’ là một cách để chỉ bậc A-la-hán.

- “Thưa thầy, ‘Dòng chảy’: đây là một cách để chỉ dục-vọng. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì dục-vọng đó đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “người đã cắt đứt dòng chảy.”

- “Thưa thầy, ‘sự trói buộc’ cũng chính là tham, sân, si. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm, thì chúng (tham, sân, si) đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “không-còn bị trói buộc.”

“Thưa thầy, khi đức Thế Tôn nói như vậy:

‘Vội bánh xe hoàn hảo và một mái che trắng,

Chiếc xe bánh một-cắm cứ lăn đi.

Nhìn xem người đang đến, không-còn rắc rối,

Dòng chảy đã cắt, không-còn trôi buộc.’—

thì theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của lời được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn như vậy.”

“Đó là sự ích lợi cho chú, này gia chủ, đó là thực là ích lợi cho chú, này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói thâm sâu của Đức Phật.”

(SN 41:05)

6 *Ngài Kāmabhū (2)*

Trong một lần có Ngài Kāmabhū đang sống ở Macchikāsaṇḍa trong khu Rừng Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ tên Citta đến gặp thầy Kāmabhū, kính chào thầy ấy, ngồi xuống một bên, và thưa:

- “Thưa thầy, có bao nhiêu loại sự tạo-tác (hành)?”¹⁷⁶

“Này gia chủ, có ba loại sự tạo-tác: sự tạo-tác của thân (thân hành), sự tạo-tác của lời nói (ngữ hành), và sự tạo-tác của tâm (ý

hành).”¹⁷⁷

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói. Rồi sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Kāmabhū, ông ta hỏi thêm: “Nhưng, thưa thầy, cái gì là sự tạo-tác của thân? Cái gì là sự tạo-tác của lời nói? Cái gì là sự tạo-tác của tâm?”

“Này gia chủ, sự thở-vào và thở-ra là sự tạo-tác của thân; ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ) là sự tạo-tác của lời nói; nhận-thức và cảm-giác là sự tạo-tác của tâm.”

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: “Nhưng, thưa thầy, tại sao sự thở-vào và thở-ra là sự tạo-tác của thân? Tại sao ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ) là sự tạo-tác của lời nói? Tại sao nhận-thức và cảm-giác là sự tạo-tác của tâm ý?”

“Này gia chủ, sự thở-vào và thở-ra là thuộc thân, những sự này tùy thuộc vào thân (mà sinh và diệt); đó là lý do tại sao sự thở-vào và thở-ra là sự tạo-tác của thân. Trước tiên người ta nghĩ và xem xét, sau đó chuyển thành lời nói; đó là lý do tại sao ý-nghĩ và sự soi-xét là sự tạo-tác của lời nói. Nhận-thức và cảm-giác là thuộc tâm, những thứ này tùy thuộc vào tâm (mà sinh và diệt); đó là lý do tại sao nhận-thức và cảm-giác là sự tạo-tác của tâm.”

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: “Thưa thầy, theo cách nào thì có sự chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng)?”¹⁷⁸

“Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc (chứng nhập) trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, thì điều (ý nghĩ, niệm) như vậy: ‘Ta sẽ chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’, hay ‘Ta đang chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’, hay ‘Ta đã chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ không còn xảy đến với người đó; nhưng thay vì vậy, tâm của vị ấy đã được tu tập trước đó theo một cách dẫn vị ấy tới trạng thái như vậy.”¹⁷⁹

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: “Thưa thầy, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, thì sự tạo-tác nào trong ba sự tạo-tác đó chấm dứt trước bên trong vị ấy?”

“Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, thì sự tạo-tác của lời-nói chấm dứt trước, sau đó là sự tạo-tác của thân, và sau đó là sự tạo-tác của tâm.”¹⁸⁰

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: “Thưa thầy, cái gì là sự khác nhau của một người chết đi và một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (khi đang còn sống)?”

“Này gia chủ, trong trường hợp một người chết đi thì sự tạo-tác của thân đã chấm dứt và lặn mất, sự tạo-tác của lời nói đã chấm dứt và lặn mất; sức sống đã tắt lịm, thân nhiệt đã tiêu tán, và các

căn đã hoàn toàn tan rã. Còn trong trường hợp một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác thì sự tạo-tác của thân đã chấm dứt và lặn mất, sự tạo-tác của lời-nói đã chấm dứt và lặn mất, và sự tạo-tác của tâm cũng đã chấm dứt và lặn mất; chỉ còn sức sống chưa tắt lịm, thân nhiệt chưa tiêu tán, và các căn đều tĩnh lặng. Đây là sự khác nhau của một người chết đi và một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác.”

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: “Thưa thầy, theo cách nào có sự thoát-ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác?”

“Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác thì điều (ý nghĩ, niệm) như vậy: ‘Ta sẽ thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’, hay ‘Ta đang thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ không còn xảy đến với người đó; nhưng thay vì vậy, tâm của vị ấy đã được tu tập trước đó theo một cách dẫn vị ấy tới trạng thái như vậy.”¹⁸¹

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: “Thưa thầy, khi một Tỳ kheo đang thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác thì sự tạo-tác nào trong ba sự tạo-tác đó khởi sinh lại trước?”

“Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác thì sự tạo-tác của tâm khởi sinh trước, sau đó là sự tạo-tác của thân, và sau đó là sự tạo-tác của lời nói.”¹⁸²

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: “Thưa thầy, sau khi một Tỳ kheo đã thoát-ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, có bao nhiêu loại tiếp-xúc tiếp xúc người đó?”

“Này gia chủ, sau khi một Tỳ kheo đã thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, có ba loại tiếp-xúc tiếp xúc người đó: sự tiếp-xúc trống không, sự tiếp-xúc vô dấu hiệu, sự tiếp-xúc vô định hướng.”¹⁸³

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: “Thưa thầy, sau khi một Tỳ kheo đã thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, tâm vị đó nghiêng về, hướng về, và ngã về cái gì?”

“Này gia chủ, sau khi một Tỳ kheo đã thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, tâm vị đó nghiêng về, hướng về, và ngã về sự tách-ly.”¹⁸⁴

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói. Rồi sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Kāmabhū, ông ta hỏi thêm: “Thưa thầy, có bao nhiêu điều hữu ích đối với sự chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác?”

“Này gia chủ, thực ra chú đang hỏi câu hỏi lẽ ra nên được hỏi đầu tiên; nhưng dù vậy tôi vẫn trả lời luôn cho chú. Đối với sự chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, có hai điều hữu ích: sự tĩnh-lặng và sự minh-sát.”¹⁸⁵

(SN 41:06)

7 Ngài Godatta

Trong một lần có Ngài Godatta đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Rừng Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ tên Citta đến gặp thầy Godatta, kính chào thầy ấy, ngồi xuống một bên. Rồi thầy Godatta mới nói với ông ta khi ông ta đang ngồi một bên:¹⁸⁶

“Này gia chủ, ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’, ‘sự giải-thoát của tâm nhờ sự không-có-gì’, và ‘sự giải-thoát vô dấu hiệu của tâm’: ba điều đó là khác nhau về nghĩa và chữ, hay chúng là một về nghĩa và chỉ khác nhau về chữ?”

- “Thưa thầy, có một phương-pháp qua đó (cho thấy) ba điều đó là khác nhau về nghĩa và chữ, và có một phương-pháp khác qua đó (cho thấy) ba điều đó là một về nghĩa và chỉ khác nhau về chữ.

- “Và, thưa thầy, cái gì là phương-pháp qua đó (cho thấy) ba điều đó là khác nhau về nghĩa và chữ? Ở đây một Tỳ kheo sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *tì-ái*; và tương

tự với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy phương trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, lớn rộng, cao thượng, vô lượng, không-còn thù ghét, không-còn ác ý. Người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *bi-mẫn* ... với một cái tâm thấm đẫm sự *tùy-hỷ* vị tha ... với một cái tâm thấm đẫm sự *buông-xả*; và tương tự với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy phương trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự *bi-mẫn* ... *tùy-hỷ* vị tha ... *buông-xả*, lớn rộng, cao thượng, vô lượng, không-còn thù ghét, không-còn ác ý. Đây được gọi là ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm.’¹⁸⁷

- “Và, thưa thầy, cái gì là sự giải-thoát của tâm nhờ sự không-có-gì? Ở đây, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức (thứ vô biên xứ), chỉ ý thức sự ‘không có gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ). Đây được gọi là sự giải-thoát nhờ sự không-có-gì.”¹⁸⁸

- “Và, thưa thầy, cái gì là ‘sự giải-thoát của tâm nhờ sự trống-không (tính không)? Ở đây một Tỳ kheo đi vô rừng hay đến một gốc cây hay một chòi trống, quán chiếu y rằng: ‘Cái ‘ta’ là trống không; chẳng có gì thuộc về cái ‘ta.’” Đây được gọi là ‘sự giải-thoát của tâm nhờ sự trống-không.’¹⁸⁹

- “Và, thưa thầy, cái gì là ‘sự giải-thoát vô dấu hiệu của tâm’? Ở đây, bằng sự không-còn chú ý tới tất cả dấu hiệu (hình tướng), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu hiệu. Đây được gọi là ‘sự giải-thoát vô dấu hiệu của tâm.’¹⁹⁰

“Thưa thầy, đây là phương-pháp qua đó (cho thấy) ba điều đó là khác nhau về nghĩa và chữ.¹⁹¹

- “Và, thưa thầy, cái gì là phương-pháp khác qua đó (cho thấy) ba điều đó là một về nghĩa, và chỉ khác nhau về chữ?

- “Thưa thầy, tham, sân, si là những ‘cái tạo-nên’ sự đo lường (lượng). Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì những thứ này (tham, sân, si) đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Dù cho những ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’ có (siêu xuất) tới mức nào, thì chính “sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm” mới được tuyên bố là bậc nhất. ([‘bậc nhất, tốt nhất’ ở đây là do có luôn thánh quả A-la-hán]).¹⁹² Bây giờ, “sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm” là trống sạch tham, trống sạch sân, trống sạch si.

- “Thưa thầy, tham là một thứ (thứ có mặt), sân là một thứ, si là một thứ. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì những thứ đó đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Dù có những ‘sự giải-thoát tâm nhờ sự không-có-gì’ có (siêu

xuất) tới mức nào, thì chính “sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm” mới được tuyên bố là bậc nhất. Bây giờ, “sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm” trông sạch tham, trông sạch sân, trông sạch si.

- “Thưa thầy, tham, sân, si là những ‘cái tạo-nên’ những dấu hiệu (hình tướng này nọ).¹⁹³ Đối với một Tỷ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì những thứ đó đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Dù có những ‘*sự giải-thoát vô dấu hiệu của tâm*’ có (siêu xuất) tới mức nào, thì chính “sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm” mới được tuyên bố là bậc nhất. Bây giờ, “sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm” là trông sạch tham, trông sạch sân, trông sạch si.

- “Thưa thầy, đây là phương-pháp khác qua đó (cho thấy) ba điều đó là một về nghĩa, chỉ khác nhau về chữ.”[(vì cả ba giống nhau ở chỗ đều là sự trống-sạch của tâm).]¹⁹⁴

“Đó là ích lợi cho chú, này gia chủ, đó là ích lợi cho chú, này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói sâu xa của Đức Phật.”

(SN 41:07)

Bấy giờ, vào lúc đó có ông Nigaṇṭha Nātaputa (Ni-kiền-tử) đã đến vùng Macchikāsaṇḍa cùng với một đoàn lớn gồm những môn đệ theo giáo phái của Ni-kiền-tử.¹⁹⁵ Gia chủ Citta nghe được điều này, và đã cùng với một nhóm cư sĩ đến gặp ông Ni-kiền-tử.¹⁹⁶ Ông chào hỏi với ông Ni-kiền-tử, và sau khi xong phần chào hỏi qua lại, ông ngồi xuống một bên. Ông Ni-kiền-tử mới nói với gia chủ:

“Này gia chủ, ông có niềm tin vào tu sĩ [sa-môn] Cồ-đàm khi ông ta nói rằng: ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ); có sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi-xét’?” ([đây đang chỉ tầng thiền định thứ hai])

- “Thưa ngài, về vấn đề này tôi không có niềm tin vào đức Thế Tôn khi đức Thế Tôn nói rằng: ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ và sự soi-xét; có sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi-xét.’”

Khi điều này được nói ra, ông Ni-kiền-tử ngửa mặt lên một cách tự hào, nhìn các môn đệ của ông và nói: “Thấy chưa, quý ngài! Gia chủ Citta này thật thẳng thắn! Gia chủ Citta này thật trung thực và cởi mở! Ai cho rằng ý-nghĩ và sự soi-xét có thể bị chặn thì chẳng khác nào tưởng tượng mình có thể bắt được gió bằng lưới hay bắt giữ dòng nước sông Hằng bằng nắm tay của mình.”

- “Thưa ngài, ngài nghĩ sao, cái nào cao hơn: sự hiểu-biết (trí) hay niềm tin (tín)?”, gia chủ Citta hỏi.

“Này gia chủ, sự hiểu-biết là cao hơn niềm-tin.”

- “Đúng vậy, thưa ngài, tùy theo tôi muốn, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly. Rồi, tùy theo tôi muốn, với sự lặn mất của ý-nghĩ và sự soi-xét, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) Rồi, tùy theo tôi muốn, với sự phai biến luôn của yếu tố hoan-hỷ ... tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) Rồi, tùy theo tôi muốn, với sự dẹp bỏ sự sợ hãi và sự khổ ... tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền).

- “Thưa ngài, tôi đã tự biết và thấy như vậy, vậy tại sao tôi cần phải đặt niềm tin vào tu sĩ hay bà-la-môn khác nói rằng ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ và sự soi-xét; có sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi-xét’?”

Khi điều này được nói ra, ông Ni-kiền-tử với ánh mắt ngờ vực, nhìn qua các môn đệ của mình và nói: “Thấy chưa, các ngài! Gia chủ Citta này thật lươn lẹo! Gia chủ Citta này thật xảo trá và lừa lọc!”

- “Thưa ngài, mới đây chúng tôi hiểu ngài nói: ‘Thấy chưa, quý ngài! Gia chủ Citta này thật thẳng thắn! Gia chủ Citta này thật trung thực và cởi mở!’— giờ chúng tôi lại hiểu ngài nói: ‘Thấy

chưa, các ngài! Gia chủ Citta này thật lươn lẹo! Gia chủ Citta này thật xảo trá và lừa bịp!’ Thừa ngài, nếu câu nói đầu của ngài là đúng thì câu nói sau của ngài là sai; hoặc nếu câu nói đầu là sai thì câu nói sau là đúng.

- “Thêm nữa, thưa ngài, có mười câu hỏi hữu lý này được đưa ra. Khi ngài hiểu được ý nghĩa của chúng, thì ngài có thể trả lời lại cho tôi, cùng với đoàn môn đệ của ngài; (ở đây có thể có nghĩa là: ‘trả lời lại cho tôi trước mặt các môn đệ của ngài’, hoặc ‘ngài cùng các môn đệ của ngài có thể bác bỏ tôi’). Một câu hỏi, một tóm tắt, một trả lời. Hai câu hỏi, hai tóm tắt, hai trả lời. Ba ... bốn ... năm ... sáu ... bảy ... tám ... chín ... mười câu hỏi, mười tóm tắt, mười trả lời.”

Rồi gia chủ Citta đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi luôn chứ không hỏi ông Ni-kiền-tử mười câu hỏi hữu lý đó. ([Ở đây có lẽ ông Ni-kiền-tử làm ngơ không chấp nhận lời thách của Citta, nên gia chủ đã đứng dậy ra về.])¹⁹⁷

(SN 41:08)

9 *Tu Sĩ Lỏa Thể Tên Ca-Điếp*

Bấy giờ, vào lúc đó có tu sĩ lỏa thể tên Ca-diếp [Kassapa] mới đến vùng Macchikāsaṇḍa; thời ông còn tại gia ông từng là một người bạn của gia chủ Citta. Gia chủ Citta nghe được điều này và

đã đến gặp tu sĩ lửa thể Ca-diếp. Ông chào hỏi với tu sĩ đó, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với tu sĩ Ca-diếp:

- “Này ngài Ca-diếp, đã bao lâu rồi, kể từ lúc ngài xuất gia?”

“Đã ba mươi năm rồi, từ lúc tôi xuất gia.”

- “Thưa ngài, trong ba mươi năm đó, ngài có chứng đắc sự khác-biệt siêu phàm nào của sự hiểu-biết và tầm-nhìn của hàng thánh nhân không, có sống trong sự thư thái an nhiên hay không?”

“Này gia chủ, trong ba mươi năm rồi từ lúc tôi xuất gia, tôi không chứng đắc được sự khác-biệt siêu phàm nào của sự hiểu-biết và tầm-nhìn, cũng không sống trong sự thư thái an nhiên nào, ngoại trừ sự lửa thể, và cái đầu trọc, và cái bàn chải để phui quét cho chỗ ngồi của tôi”

Khi điều này được nói ra, gia chủ Citta đã nói với ông Ca-diếp:

- “Thật sự kỳ diệu, thưa ngài! Thật sự tuyệt vời! Giáo Pháp đã được giảng bày một cách hay khéo ([không hiểu chỗ này Citta đề cao Giáo Pháp hay chỉ mượn câu này để pha một ý nghĩa ngầm ngùi đối với người bạn cũ khác đạo])¹⁹⁸ trong đó, sau ba mươi năm, ngài không chứng đắc được sự khác-biệt siêu phàm nào của sự hiểu-biết và tầm-nhìn, cũng không sống trong sự thư thái an nhiên nào, ngoại trừ sự lửa thể, và cái đầu trọc, và cái bàn chải để

phủi quét cho chỗ ngồi của mình.”

“Nhưng, này gia chủ, đã bao lâu rồi, kể từ lúc ông trở thành một đệ tử tại gia?”

- “Thưa ngài, trường hợp tôi cũng giống vậy, cũng đã ba mươi năm rồi.”

“Này gia chủ, trong ba mươi năm đó, ông có chứng đắc sự khác-biệt siêu phàm nào của sự hiểu-biết và tầm-nhìn của hàng thánh nhân không, có sống trong sự thư thái an nhiên hay không?”

- “Sao lại không, thưa ngài? Bởi, bất cứ khi nào, tùy theo tôi muốn, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất ... [*như nguyên đoạn này trong kinh kể trên*] ... tầng thiền định thứ tư. Thêm nữa, nếu tôi có chết trước đức Thế Tôn, thì cũng không lấy gì ngạc nhiên nếu đức Thế Tôn tuyên bố về tôi rằng: ‘Không còn gông-cùm nào trói buộc gia chủ Citta quay lại thế gian này nữa.’” ([tức ông đã là bậc thánh Bất-lai, đã xóa bỏ năm gông cùm đầu tiên trói buộc chúng sinh trong cảnh dục-giới.])¹⁹⁹

Khi điều này được nói ra, tu sĩ lửa thể Ca-diếp đã nói với gia chủ Citta:

“Thật sự kỳ diệu, thưa ngài! Thật sự tuyệt vời, thưa ngài! Giáo Pháp đã được giảng bày một cách thật hay khéo, trong đó, một người tại gia mặc đồ trắng có thể chứng đắc một sự khác-biệt

siêu phàm của sự hiểu-biết và tầm-nhìn của hàng thánh nhân, một sự sống thư thái an nhiên. Tôi có thể xin được thụ giới xuất gia trong Giáo Pháp và Giới Luật này không; tôi có thể xin thụ giới cao hơn không?”

Rồi gia chủ Citta đã dẫn tu sĩ lửa thể Ca-diếp đến gặp các Tỷ kheo trưởng lão, và thưa với họ:

- “Thưa quý thầy, tu sĩ lửa thể Ca-diếp này là một người bạn cũ của con thời ông còn sống tại gia. Mong các vị trưởng lão cho ông ta xuất gia, mong các vị cho ông ta thụ giới cao hơn. Con sẽ nhiệt tình chu cấp cho ông ta y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men.”

Rồi tu sĩ lửa thể Ca-diếp đã thụ giới xuất gia trong Giáo Pháp và Giới Luật này (thành sa-di); rồi thụ giới cao hơn (đại thọ giới, thành Tỷ kheo). Và không lâu sau khi thầy ấy thụ giới cao hơn, thầy ấy sống một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định; rồi Thầy Ca-diếp, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục tiêu tối thượng của đời sống thánh thiện, mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

Và thầy Kassapa đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 41:09)

10 *Thăm Người Bệnh*

Bấy giờ, lúc đó gia chủ Citta bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Có một số thiên thần điền viên, thiên thần rừng, thiên thần cây, và thiên thần sống trong cây dược thảo và sống trong cây đại thụ trong rừng, họ đã tề tựu đến và nói với gia chủ Citta: “Này gia chủ, hãy ước nguyện như vậy: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe (Giáo Pháp)!’”

Khi điều này được nói ra, gia chủ Citta đã nói với các thiên thần: “Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.”

Khi điều này được nói ra, những bạn bè và đồng sự, những người thân và họ hàng của gia chủ Citta đã nói với ông rằng: “Này gia chủ, hãy thiết lập sự chánh-niệm. Đừng nói lầm nhảm gì nữa.”

- “Này, tôi đã nói gì khiến các người nói với tôi như vậy.”

“Ông mới nói với chúng tôi: ‘Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.’”

- “Tôi nói vậy là vì mới có các thiên thần điền viên, thiên thần rừng, thiên thần cây, và thiên thần sống trong cây dược thảo và sống trong cây đại thụ trong rừng, họ đã tề tựu ở đây, và nói với tôi: ‘Này gia chủ, hãy ước nguyện như vậy: ‘Cầu cho tôi sau này

trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe!.' Cho nên tôi mới nói với họ rằng: 'Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.'”

“Thưa gia chủ, do nhìn thấy lợi ích gì mà các thiên thần đã nói với thầy như vậy?”

- “Các thiên thần có ý nghĩ như vậy: ‘Gia chủ Citta này là đức hạnh, bản tính thiện lành. Nếu ông ấy ước: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe!’— thì nhờ ông ấy có đức hạnh, thì ước nguyện này sẽ thành nhờ sự trong sạch (thanh tịnh) của nó. Một vị vua chân chính của sự chân chính sẽ chu cấp những sự cúng dường chân chính.’ Do nhìn thấy sự lợi ích này nên các thiên thần đã tề tựu đến đây và nói với tôi: ‘Này gia chủ, hãy ước nguyện như vậy: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe!.’ Và tôi mới nói với họ rằng: ‘Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.’”

“Vậy gia chủ, hãy khởi xướng (giáo huấn) cho chúng tôi luôn.”

“Bởi vậy, các người nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác tín vào Đức Phật như vậy: “Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã thành tựu với sự hiểu biết và đức hạnh đích thực, là bậc Phúc Lành, người hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được chỉ

dạy, bậc thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.””

““Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác tín vào Giáo Pháp như vậy: “Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi những người trí hiền.””

““Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác tín vào Tăng Đoàn như vậy: “Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh trực, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của Đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức (phước điền) tốt nhất ở thế gian.””

““Trong gia đình chúng ta có bất cứ thứ gì có thể cho đi, chúng ta có thể chia sẻ tất cả những thứ đó với những người đức hạnh, có tính khí thiện lành.’ Chính theo cách như vậy các người nên tu tập bản thân.”

Rồi, sau khi đã khởi xướng niềm-tin vào Phật, Pháp, Tăng cho những người bạn bè và đồng sự, những người thân và họ hàng của mình, và sau khi đã khởi xướng cho họ về tâm rộng-lòng bố-thí, gia chủ Citta đã qua đời.

(SN 41:10)

Chương 42

Liên Kết TRƯỜNG THÔN

(*42 Gāmaṇisa—saṃyutta*)

(*42 Tương Ứng Thôn Trưởng*)

1 Trưởng Thôn Cạnḍa

Ở Sāvattḥī. Lúc đó có người được gọi là ông trưởng thôn Hung Dữ²⁰⁰ đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao một số người ở đây được quy là hung dữ? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hiền từ?”

“Ở đây, này trưởng thôn, có người chưa đẹp bỏ tham. Bởi vì người đó chưa đẹp bỏ tham, nên người khác kích chộc. Do bị người khác kích chộc, nên người đó thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hung dữ. Người đó chưa đẹp bỏ sân. Bởi vì người đó chưa đẹp bỏ sân, nên người khác kích chộc. Do bị người khác kích chộc, nên người đó thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hung dữ. Người đó chưa đẹp bỏ si. Bởi vì người đó chưa đẹp bỏ si, nên người khác kích chộc. Do bị người khác kích chộc, nên người đó thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hung dữ.

“Này trưởng thôn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hung dữ.

“Ở đây, này trưởng thôn, có người đã đẹp bỏ tham. Bởi vì người đó đã đẹp bỏ tham, nên người khác không kích chộc. Do không bị người khác kích chộc, nên người đó đâu lấy gì thể hiện sự

kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hiền từ. Người đó đã dẹp bỏ sân, nên người khác không kích chọc. Do không bị người khác kích chọc, nên người đó đâu lấy gì thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hiền từ. Người đã dẹp bỏ si, nên người khác không kích chọc. Do không bị người khác kích chọc, nên người đó đâu lấy gì thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hiền từ.

“Này trưởng thôn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hiền từ.

Khi điều này được nói ra, trưởng thôn Caṇḍa đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật khéo hay, thưa Thế Tôn! Thật khéo hay, thưa Thế Tôn! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đã dựng đứng lại những thứ đã bị chúi đầu, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn. Kể từ nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:01)

2 Trưởng Đoàn Talaputa

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-

xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ được gọi là Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có ông Talaputa là trưởng đoàn kịch²⁰¹ đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe những tổ sư kịch sư thời trước giờ nói rằng: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọi người bằng những diễn xuất (điệu bộ, biểu cảm, lời nói...) thật và giả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cười.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ để vậy! Đừng hỏi ta về điều đó!”

Lần thứ hai và lần thứ ba ông trưởng đoàn Talaputa lại thưa: “Thưa đức Thế Tôn, con nghe ... Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Này ông trưởng đoàn, chắc ta vẫn chưa làm ông hiểu được khi ta nói ‘Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ để vậy! Đừng hỏi ta về điều đó!’ Nhưng dù vậy ta vẫn trả lời cho ông. Trong nhà hát hay hội hát, giữa những chúng sinh chưa hết tham, sân, si, là những người bị trói buộc bởi tham, sân, si, một diễn viên làm vui họ bằng những diễn xuất khích giục (cảm xúc) thì càng kích thích họ thêm tham, sân, và si.

“Như vậy, tự mình bị say sưa (thắm lậm, chuốc độc) và lời

tâm buông thả theo đó, còn làm cho người khác say sưa và lơi tâm buông thả theo đó, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong ‘Địa ngục Cười’.²⁰² Nhưng nếu ai cứ chấp tin quan điểm rằng: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọi người bằng những diễn xuất thật và giả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cười’, thì đó là một quan điểm sai lầm của người đó. Đối với một người có quan điểm sai lầm (tà kiến), ta nói, thì chỉ có một trong hai nơi đến, đó là: địa ngục hoặc cõi súc sinh.”²⁰³

Khi điều này được nói ra, ông trưởng đoàn kịch Talaputa đã khóc òa với nước mắt hai hàng. [đức Thế Tôn đã nói:] “Chính vậy ta đã không nói thẳng với ông khi ta nói: ‘Đủ rồi, này trưởng đoàn. Cứ để vậy! Đừng hỏi ta điều đó!’”

“Thưa Thế Tôn, không phải con đang khóc vì điều Thế Tôn mới nói với con, mà bởi vì con đã bị gài, bị gạt và bị lừa từ lâu bởi những tổ sư kịch sư trước giờ đã luôn nói: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọi người bằng những diễn xuất thật và giả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cười.’

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đã dựng đứng lại những thứ đã bị chúi đầu, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy

các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn. Thưa Thế Tôn, con xin được thụ giới xuất gia dưới đức Thế Tôn, con xin được thụ giới cao hơn có được không?”

Rồi trưởng đoàn kịch Talaputa đã thụ nhận giới xuất gia dưới đức Thế Tôn, ông ta cũng thụ giới cao hơn (đại thọ giới, thành Tỳ kheo). Và, không lâu sau khi ông thụ giới cao hơn... Thầy Talaputa đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 42:02)

3 Trưởng Đoàn Yodhājīva

Lúc đó có một trưởng đoàn chiến binh đánh thuê tên là ‘Yodhājīva Giết Thuê’²⁰⁴ đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe những tổ sư chiến sư đánh giết thuê thời trước giờ nói rằng: ‘Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần chiến trận.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ để vậy! Đừng hỏi ta về điều

đó!”

Lần thứ hai và lần thứ ba ông trưởng đoàn Yodhājīva lại thưa: “Thưa Thế Tôn, con nghe những người đánh thuê giết thuê ... được tái sinh trong số những thiên thần chiến trận.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Này ông trưởng đoàn, chắc ta vẫn chưa làm ông hiểu được khi ta nói ‘Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ để vậy! Đừng hỏi ta về điều đó!’ Nhưng dù vậy ta vẫn trả lời cho ông. Này ông trưởng đoàn, một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, tâm trí của người đó đã là thấp kém, đòi bại, bị ý nghĩ tà đạo dẫn dắt: ‘Cầu cho lũ chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị hủy diệt, bị tiêu diệt, hay bị diệt vong.’ Nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta sẽ bị tái sinh trong ‘Địa ngục Chiến Trận.’²⁰⁵ Nhưng ai cứ chấp tin quan điểm rằng: ‘Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần chiến trận’, thì đó là quan điểm sai lầm của người đó. Đối với ai có quan điểm sai lầm (tà kiến), ta nói, thì chỉ có một trong hai nơi đến, đó là: địa ngục hay cõi súc sinh.”

Khi điều này được nói ra, ông trưởng đoàn kịch Yodhājīva đã khóc òa với nước mắt hai hàng. [đức Thế Tôn đã nói:] “Chính vậy ta đã không nói thẳng với ông khi ta nói: ‘Đủ rồi, này trưởng đoàn. Cứ để vậy! Đừng hỏi ta điều đó!’”

“Thưa Thế Tôn, không phải con đang khóc vì điều Thế Tôn mới nói với con, mà bởi vì con đã bị gài, bị gạt và bị lừa từ lâu bởi những tổ sư chiến sư đánh giết thuê thời trước giờ đã luôn nói: ‘Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần chiến trận.’

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:03)

4 Trưởng Đoàn Hatthāroha

Lúc đó có ông Hatthāroha là trưởng đoàn chiến binh dùng Voi (tượng binh) ... [*Lời kinh gốc bị bỏ mất, và kết thúc bằng câu cuối như vậy:*]: “ ... người đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:04)

5 Trưởng Đoàn Assāroha

Lúc đó có ông Assāroha là trưởng đoàn chiến binh dùng

Ngựa (kỵ binh) đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

[Phần còn lại giống hết kinh 42:03 ở trên, chỉ khác ‘chiến binh đánh giết thuê’ được thay bằng ‘kỵ binh’.](SN 42:05)

6 Trưởng Thôn Asibandhakaputta

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Rồi ông trưởng thôn tên Asibandhakaputta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, những bà-la-môn ở miền tây—là những người luôn mang theo bình nước, mang vòng hoa làm từ cây cỏ dưới nước (cây thủy sinh), đắm mình trong nước, và thờ lửa thiêng—họ được cho là có khả năng dựng người chết đứng dậy, dẫn dắt người đó, và đưa người đó lên thiên đàng. Nhưng đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thì có khả năng làm cho (những người trong) toàn thể gian này, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời, hay không?”

“Ra vậy, này trưởng thôn, vậy ta sẽ hỏi ông về điều này. Cứ trả lời ta nếu thấy được. Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ví như có người ở đây sát sinh, lấy của không được cho (trộm, cắp, cướp, lừa

đảo, tham ô...), có quan hệ tính dục bất chính (tà dục tà dâm), nói láo nói sai, nói lời gây chia rẽ, nói lời gắt gỏng, nói tán dóc tầm phào, là người thèm khát, đầy ác ý, và chấp giữ quan điểm sai trái (tà kiến). Rồi có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh (đi nhiều quanh) và khấn vái như vậy: ‘Cầu cho người này khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ Ông nghĩ sao, này trưởng thôn, do nhờ có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp tay kính cẩn đi quanh, và khấn vái như vậy, cho nên ông ta sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời, phải không?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn”

“Này trưởng thôn, giả sử có một người quăng một tảng đá to xuống một ao nước sâu. Rồi có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện vì nó, tán tụng vì nó, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy: ‘Hãy nổi lên, này tảng đá! Hãy trôi lên, này tảng đá! Hãy nhảy lên bờ cao, này tảng đá!’ Ông nghĩ sao này gia chủ? Do nhờ có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, cho nên tảng đá sẽ nổi lên, trôi lên, và nhảy lên bờ cao, phải không?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn”

“Cũng giống như vậy, này trưởng thôn, nếu một người sống sát sinh ... và chấp giữ quan điểm sai trái, thì cho dù có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khăn vái như vậy, thì người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, cũng sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục.

“Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Giả sử có một người ở đây sống kiên cố: không sát sinh, không lấy của không được cho, không tà dục tà dâm, không nói láo nói sai, không nói lời gây chia rẽ, không nói lời gắt gỏng, không nói tán dóc tầm phào, là người không thèm khát, không ác ý, không chấp giữ quan điểm sai trái. Rồi có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khăn vái như vậy: ‘Cầu mong cho người này, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục.’ Ông nghĩ sao, này trưởng thôn, do có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khăn vái như vậy, cho nên người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa ... trong địa ngục, phải không ?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn.”

“Này trưởng thôn, giả sử một người nhấn chìm một hũ bơ hay một hũ dầu xuống một ao nước sâu, sau đó lấy đồ đập bể hũ ra. Những miếng bơ và mảnh vỡ đều chìm xuống dưới, nhưng bơ hay

dầu đều nổi lên trên. Rồi lại có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện vì nó, tán tụng vì nó, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy: ‘Hãy ngoan ngoãn chìm xuống, này bơ này dầu! Hãy lặn xuống, này bơ này dầu! Hãy lắng xuống, này bơ này dầu!’ Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Do nhờ có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, cho nên bơ hay dầu đó sẽ chìm xuống, lặn xuống, và lắng xuống, phải không?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này trưởng thôn, nếu một người sống kiêng cử: không sát sinh ... không chấp giữ quan điểm sai trái, thì cho dù có đám đông người đến và bu quanh người đó, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, thì người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, cũng sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

Khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đã thưa với đức Thế Tôn: “Kỳ diệu thay, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:06)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Rồi ông trưởng thôn tên Asibandhakaputta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có phải bậc Thế Tôn sống bi mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh, đúng không?”

“Đúng vậy, này trưởng thôn, Như Lai sống bi mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh.”

“Thưa Thế Tôn, vậy tại sao Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp một cách thấu suốt cho một số người, nhưng không chỉ dạy thấu suốt cho những người khác?” “Ra vậy, này trưởng thôn, ta sẽ hỏi ông điều này. Cứ trả lời nếu ông thấy được. Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ví như một nông dân ở đây có ba miếng ruộng: một miếng rất tốt, một miếng trung bình, và một miếng xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thế đất tệ. Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Nếu người nông dân đó muốn gieo hạt, ông ta sẽ gieo ở đâu trước: trên miếng tốt, miếng trung bình, hay miếng xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thế đất tệ?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người nông dân đó muốn gieo hạt, ông ta sẽ gieo trên miếng tốt trước tiên. Sau khi gieo hạt xong ở đó, có thể ông ta sẽ gieo hạt trên miếng trung bình. Sau khi gieo hạt ở đó, ông có thể gieo hoặc không gieo trên miếng đất xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thế đất tệ. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít số hạt đó còn có

thể dùng làm thức ăn cho gia súc.” (vì có gieo trên miếng ruộng xấu đó cũng toàn vô ích)

“Này trưởng thôn, miếng ruộng tốt giống như những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni đối với ta. Ta chỉ dạy cho họ Giáo Pháp tốt từ đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; Ta (phơi bày, khai mở) cho thấy đời sống thánh thiện được toàn thiện và tinh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, miếng ruộng trung bình giống như những đệ tử tại gia nam và nữ đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt từ đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; Ta cũng cho thấy đời sống thánh thiện được toàn thiện và tinh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, miếng ruộng xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thế đất tệ—thì giống như những tu sĩ, bà-la-môn, và các du sĩ giáo phái khác đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt từ đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; Ta cũng cho thấy đời sống thánh thiện được toàn thiện và tinh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít nếu họ chỉ hiểu được một câu ta nói, thì điều đó cũng dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.

“Này trưởng thôn, ví như có một người có ba bình nước: một bình không bị nứt, không để nước rỉ ra và thất thoát; một bình không bị nứt, nhưng nó để nước rỉ ra và thất thoát; và một bình bị nứt, nó để nước rỉ ra và thất thoát. Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Nếu một người muốn trữ nước, ông ta sẽ để nước trong bình nào trước: trong bình không bị nứt, không để nước rỉ ra và thất thoát; bình không bị nứt, nhưng nó để nước rỉ ra và thất thoát; hay trong bình bị nứt, nó để nước rỉ ra và thất thoát?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người đó muốn trữ nước, ông ta sẽ trữ nước trong bình không bị nứt, nó không để nước rỉ ra và thất thoát. Sau khi trữ nước ở đó, ông ta có thể trữ nước trong bình không bị nứt, nhưng nó để nước rỉ ra và thất thoát. Sau khi trữ nước ở đó, có thể ông ta trữ hoặc không trữ nước trong bình bị nứt, nó để nước rỉ ra và thất thoát. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít nước còn có thể được dùng để rửa chén bát dơ.” (vì có để nước trong bình bị nứt cũng bị chảy mất hết thôi)

“Này trưởng thôn, bình nước không bị nứt và không để nước rỉ ra và thất thoát cũng giống như các Tỷ kheo và Tỷ kheo ni đối với ta. Ta chỉ dạy cho họ Giáo Pháp tốt từ đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; Ta cho thấy đời sống thánh thiện được toàn thiện và tinh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, bình nước không bị nứt nhưng nó để rỉ

nước ra và thất thoát giống như những đệ tử tại gia nam và nữ đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt từ đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; Ta cho thấy đời sống thánh thiện được toàn thiện và tinh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, bình nước bị nứt và nó để nước rỉ ra và thất thoát giống như những tu sĩ, bà-la-môn, và các du sĩ giáo phái khác đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt từ đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; Ta cũng cho thấy đời sống thánh thiện được toàn thiện và tinh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít nếu họ chỉ hiểu được một câu ta nói, thì điều đó cũng dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”

Khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đa thưa với đức Thế Tôn: “Kỳ diệu thay, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:07)

8 *Người Thối Kèn Vô Ốc*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Nālandā, trong khu Vườn Xoài của gia chủ Pāvārika. Lúc đó có ông trưởng thôn

Asibandhakaputta, một đệ tử tại gia của giáo phái Ni-kiền-tử [nigaṇṭha] đã đến gặp đức Thế Tôn ... Rồi đức Thế Tôn mới nói với ông khi ông đang ngồi một bên:

1- “Này ông trưởng thôn, theo cách nào ông Ni-kiền-tử [Nigaṇṭha Nātaputta] chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử của mình?”

“Thưa ngài, ông Ni-kiền-tử chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử như vậy: ‘Ai sát sinh ... Ai lấy của không được cho ... Ai tà dục tà dâm ... Ai nói dối nói sai thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục. Mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình *thường xuyên* sống.’ Thưa ngài, Ni-kiền-tử chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử mình theo cách như vậy.”

- “Này trưởng thôn, nếu đúng là mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình *thường xuyên* sống, thì theo như lời của ông Ni-kiền-tử, sẽ không có ai bị rớt vào cảnh giới khổ đau, rớt vào địa ngục. Ông trưởng thôn, ông nghĩ sao? Như trong trường hợp người sát sinh, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì cái nào là *thường xuyên* hơn: thời gian khi ông ta đang sát sinh, hay thời gian ông ta không sát sinh?”

“Thưa ngài, như trong trường hợp người sát sinh, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì thời gian ông ta sát sinh là ít *thường xuyên*, thời gian ông ta không sát sinh là *thường xuyên* hơn.” (ví dụ, trong một ngày một người làm ở lò giết mổ, thời gian ông ta giết mổ heo bò, ví dụ mỗi con 1 phút, mỗi ngày giết 30 con,

vẫn ít hơn thời gian sống còn lại của ông ta một ngày.)

- “Như vậy, này trưởng thôn, nếu đúng là mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình thường xuyên sống, thì theo như lời của ông Ni-kiền-tử, sẽ không có ai bị rớt vào cảnh giới khổ đau, rớt vào địa ngục.

- Ông trưởng thôn, ông nghĩ sao? Như trong trường hợp người lấy của không được cho ... người tà dục tà dâm ... người nói dối nói sai, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì cái nào là thường xuyên hơn: thời gian khi ông ta đang lấy trộm lấy cắp ... đang tà dục tà dâm ... đang nói dối nói sai, hay thời gian ông ta không làm những điều đó?”

“Thưa ngài, như trong trường hợp người lấy của không được cho ... người tà dục tà dâm ... người nói dối nói sai, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì thời gian ông ta đang lấy trộm lấy cắp ... đang tà dục tà dâm ... đang nói dối nói sai là ít thường xuyên, thời gian ông ta không làm những điều đó là thường xuyên hơn.”

- “Như vậy, này trưởng thôn, nếu đúng là mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình thường xuyên sống, thì theo như lời của ông Ni-kiền-tử, sẽ không có ai bị rớt vào cảnh giới khổ đau, rớt vào địa ngục.

2- “Ồ đây, này trưởng thôn, có sư thầy nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: ‘Ai sát sinh ... Ai lấy của không được cho

... Ai tà dục tà dâm ... Ai nói dối nói sai thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.’ Rồi có đệ tử có hoàn toàn niềm tin vào vị sư thầy. Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Sư thầy của ta nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: “Ai sát sinh thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.” Giờ ta đã từng sát sinh, vậy ta ắt sẽ bị rớt vào cảnh giới khổ đau, rớt vào địa ngục.’ Người đệ tử khẳng khái một quan điểm như vậy. Nếu người đó không dẹp bỏ sự khẳng khái đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không từ bỏ quan điểm đó, thì đáng theo những gì người đó chấp, người đó sẽ bị rớt vào địa ngục.

- “Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Sư thầy của ta nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: “Ai lấy của không được cho ... Ai tà dục tà dâm ... Ai nói dối nói sai thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.” Giờ ta đã từng tà dục tà dâm ... từng lấy trộm lấy cắp ... từng nói dối nói sai, vậy ta ắt sẽ bị rớt vào cảnh giới khổ đau, rớt vào địa ngục.’ Người đệ tử khẳng khái một quan điểm như vậy. Nếu người đó không dẹp bỏ sự khẳng khái đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không từ bỏ quan điểm đó, thì đáng theo những gì người đó chấp, người đó sẽ bị rớt vào địa ngục.

- “Nhưng, này trưởng thôn, ở đây một Như Lai khởi sinh trong thế gian, là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã thành tựu về sự hiểu-biết và đức-hạnh chân thực, bậc phúc lành, người hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần dưỡng, bậc thầy của các thiên thần và loài người, là

bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn. Theo nhiều cách Như Lai chê trách và phê phán việc sát sinh, và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử sát sinh.’ Như Lai chê trách và phê phán việc lấy của không được cho, và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử việc lấy của không được cho.’ Như Lai chê trách và phê phán việc tà dục tà dâm, và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử việc tà dục tà dâm.’ Như Lai chê trách và phê phán việc nói dối nói sai, và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử việc nói dối nói sai.’

- “Rồi một đệ tử có niềm tin hoàn toàn vào vị sư thầy. Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Theo nhiều cách đức Thế Tôn chê trách và phê phán việc sát sinh, và đức Thế Tôn nói: “Hãy kiêng cử sát sinh.” Giờ ta đã từng sát sinh như vậy và như vậy. Điều đó là không đúng; điều đó là bất thiện. Nhưng cho dù ta có hối tiếc tới mức nào, thì việc làm xấu ác (tà nghiệp) đó cũng đâu thể nào hoàn tác được.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đệ tử dẹp bỏ việc sát sinh, và người đó kiêng cử mọi sự sát sinh trong tương lai. Như vậy là có sự dẹp bỏ việc xấu ác đó; như vậy là có sự chuyển hóa việc xấu ác đó.

- “Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Theo nhiều cách đức Thế Tôn chê trách và phê phán việc lấy của không được cho ... việc tà dục tà dâm ... việc nói dối nói sai, và đức Thế Tôn nói: “Hãy kiêng cử việc lấy trộm lấy cắp” ... “Hãy kiêng cử việc tà dục tà dâm” ... “Hãy kiêng cử việc nói dối nói sai.” Giờ ta đã từng lấy trộm lấy cắp ... đã từng tà dục tà dâm ... đã từng nói dối nói sai. Điều đó là không đúng; điều đó là bất thiện. Nhưng cho dù ta có hối tiếc tới

mức nào, thì việc làm xấu ác đó cũng đâu thể nào hoàn tác được.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đệ tử dẹp bỏ việc lấy của không được cho ... việc tà dục tà dâm ... việc nói dối nói sai, và người đó kiêng cử những việc xấu ác đó trong tương lai. Như vậy là có sự dẹp bỏ những việc xấu ác đó; như vậy là có sự chuyển hóa những việc xấu ác đó.

- “Sau khi đã dẹp bỏ việc sát sinh, người đó kiêng cử việc sát sinh. Sau khi đã dẹp bỏ việc lấy trộm lấy cắp, người đó kiêng cử việc lấy của không được cho. Sau khi đã dẹp bỏ việc tà dục tà dâm, người đó kiêng cử việc tà dục tà dâm. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói dối nói sai, người đó kiêng cử việc nói dối nói sai. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói lời gây chia rẽ, người đó kiêng cử việc nói lời gây chia rẽ. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói lời gắt gỏng, người đó kiêng cử việc nói lời gắt gỏng. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói chuyện tầm phào tán dóc, người đó kiêng cử việc nói chuyện tầm phào tán dóc. Sau khi đã dẹp bỏ tham [sự thèm muốn], người đó không còn tham [không còn thèm muốn]. Sau khi đã dẹp bỏ sân hận và ác ý, người đó có một cái tâm vô sân [không còn ác ý]. Sau khi đã dẹp bỏ cách nhìn sai lạc (tà kiến), người đó thành người có cách nhìn đúng đắn (chánh kiến).

- “Vậy đó, này trưởng thôn, vị đệ tử thánh thiện đó—là người đã không còn tham [thèm muốn], không còn sân [ác ý], không còn si [ngu mờ], có sự rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—sống bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm sự từ-ái (tâm từ), cũng

giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy bên trên, bên dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không còn thù ghét, không còn ác ý. Giống như một người giỏi thổi kèn vô óc thì có thể dễ dàng gửi tín hiệu của mình (tiếng kèn) khắp bốn phương hướng; cũng giống như vậy, khi ‘*sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ*’ mà được tu tập và phát triển theo cách này, thì mọi nghiệp giới hạn đã từng làm sẽ không còn nữa, không còn có nữa.²⁰⁶

- Người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... với một cái tâm thấm đẫm sự hoan hỷ vì người khác (tâm tùy hỷ) ... với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả), cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy bên trên, bên dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn ... sự tùy-hỷ ... sự buông-xả, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không còn thù ghét, không còn ác ý. Giống như một người giỏi thổi kèn vô óc thì có thể dễ dàng gửi tín hiệu của mình (tiếng kèn) khắp bốn phương hướng; cũng giống như vậy, khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ mà được tu tập và phát triển theo cách này, thì mọi nghiệp giới hạn đã từng làm sẽ không còn nữa, không còn có nữa.”

Sau khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:08)

9 Những Gia Đình

Trong một lần đức Thế Tôn, trong khi đang đi du hành giữa những người Kosala (Câu-tát-la, Kiền-tát-la) cùng với một Tăng đoàn lớn nhiều Tỳ kheo, đã đến Nālandā. Đức Thế Tôn ở Nālandā trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika.

Bấy giờ, vào lúc đó vùng Nālandā đang gặp nạn đói, vào lúc khan kiệt, mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng. Vào dịp đó ông Ni-kiền-tử cũng đang ở Nālandā với một đoàn lớn nhiều đệ tử của ông. Rồi ông trưởng thôn Asibandhakaputta, một đệ tử tại gia của giáo phái Ni-kiền-tử, đã đến gặp ông Ni-kiền-tử, kính chào ông, và ngồi xuống một bên. Rồi ông Ni-kiền-tử mới nói với ông ta:

“Này ông trưởng thôn, hãy bác bỏ giáo lý của sa-môn Cồ-đàm. Rồi tin đồn tốt về ông sẽ lan truyền như vậy: ‘Trưởng thôn Asibandhakaputta đã bác bỏ giáo lý của sa-môn Cồ-đàm, người thật uy lực và uy dũng.’”

“Nhưng, thưa ngài, làm sao tôi có thể bác bỏ giáo lý của sa-môn Cồ-đàm, một người thật uy lực và uy dũng?”

“Này trưởng thôn, hãy đến gặp sa-môn Cồ-đàm và hỏi ông ta: ‘Thưa ngài, có phải bậc Thế Tôn bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với các gia đình, sự bảo vệ đối với các gia đình, lòng bi mẫn đối với các gia đình?’ Khi ông ta được hỏi như vậy, nếu ông ta trả lời như vậy: ‘Đúng vậy, này trưởng thôn, Như Lai bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với các gia đình, sự bảo vệ đối với các gia đình, lòng bi mẫn đối với các gia đình’, thì ông nói tiếp với ông ta như vậy: ‘Thưa ngài, vậy thì tại sao Thế Tôn lại đi du hành với một đoàn lớn nhiều Tỳ kheo vào lúc đang có nạn đói, đang lúc khan kiệt, với mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng? Đức Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình hay sao.’ Khi sa-môn Cồ-đàm bị ông đặt vào thế kẹt này, thì ông ta sẽ ngậm bồ hòn đáng chứ không thể nuốt nó xuống hay nhổ nó ra.”

“Dạ, thưa ngài”, trưởng thôn Asibandhakaputta đáp lại. Rồi ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào ông Ni-kiền-tử, giữ ông ta hướng bên phải mình, và đi ra; và ông đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, ông ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa ngài, có phải bậc Thế Tôn bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với những gia đình, sự bảo hộ đối với những gia đình, sự bi mẫn đối với những gia đình?”

- “Đúng vậy, này trưởng thôn, Như Lai bằng nhiều cách đề

cao sự cảm thông đối với những gia đình, sự bảo hộ đối với những gia đình, sự bi悯 đối với những gia đình.”

“Vậy thì, thưa ngài, tại sao Thế Tôn lại đang đi du hành cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo vào lúc đang có nạn đói, vào lúc khan kiệt, mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng? Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình hay sao.”

- “Này trưởng thôn, ta nhớ lại trong chín mươi một đại kiếp trước, nhưng không thấy có gia đình nào bị tàn hoại chỉ vì cúng dường thức ăn đã nấu. Mặt khác, những gia đình nào giàu có, có nhiều tài sản và của cải, có nhiều vàng và bạc, có nhiều thứ sở hữu và phương tiện sinh sống, dồi dào tiền của và lúa gạo, thì tất cả họ có được như vậy là nhờ sự bố thí, nhờ sự chân thật, và nhờ sự tự chủ.

- “Này trưởng thôn, có tám nguyên nhân và điều kiện dẫn tới sự tàn hoại của các gia đình. Các gia đình đi đến sự tàn hoại do bị vua chúa, hoặc bị trộm cướp, hoặc bị hỏa hoạn, hoặc bị lũ lụt; hoặc do tiền của dành dụm bị biến mất; hoặc do công việc làm ăn thất bại vì không tự mình nỗ lực đúng đắn; hoặc trong gia đình có kẻ hư hỏng phung phí, làm tiêu tán và làm tiêu tan tiền của; và vô thường là thứ tám. Đó là tám nguyên nhân và điều kiện dẫn tới sự tàn hoại những gia đình. Nhưng trong khi có tồn tại tám nguyên nhân dẫn tới sự tàn hoại của những gia đình, nếu ai nói về ta như vậy: ‘Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì

khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình’, nếu người đó không dẹp bỏ lời khẳng định đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không dẹp bỏ quan điểm đó, thì người đó sẽ bị đọa xuống địa ngục.” Khi điều này được nói ra, trưởng thôn Asibandhakaputta đã nói với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:09)

10 Trưởng Đoàn Maṇicūḷaka

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ được gọi là Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó đoàn tùy tùng của nhà vua đang tề tụ trong cung điện và đang ngồi với nhau thì khởi sinh cuộc nói chuyện như sau: “Vàng bạc là có thể được nhận đổi với các tu sĩ theo người con dòng họ Thích-ca; các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca đồng ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca chấp nhận vàng bạc.”

Bấy giờ, lúc đó có người trưởng đoàn tên Maṇicūḷaka cũng đang ngồi ở đó. Rồi ông Maṇicūḷaka mới nói với đoàn tùy tùng: “Đừng nói như vậy, các thầy. Vàng bạc là không thể được nhận đổi với các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca; các tu sĩ tu theo

người con dòng họ Thích-ca không đồng ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca không chấp nhận vàng bạc.”²⁰⁷ Và ông Mañicūlaka đã có thể thuyết phục đoàn tùy tùng về điều này.

Rồi ông Mañicūlaka đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, ông kể lại chuyện đã xảy ra, và nói thêm rằng: “Thưa Thế Tôn, con hy vọng khi con trả lời họ như vậy là con đã nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không diễn dịch sai bằng ý gì trái với điều đó; rằng con đã giải thích cho họ đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở gì để bị họ phê bình.”

- “Chắc chắn là vậy, này ông trưởng đoàn, khi ông khi ông trả lời họ như vậy là ông đã nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không diễn dịch sai bằng ý gì trái với điều đó; rằng ông đã giải thích cho họ đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở gì để bị họ phê bình. Bởi vì, này ông trưởng đoàn, vàng bạc là không thể được nhận đối với các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca; các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca không đồng ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con dòng họ Thích-ca không chấp nhận vàng bạc. Họ đã từ bỏ vàng bạc và châu báu; họ đã từ bỏ việc sử dụng vàng bạc. Khi vàng bạc được nhận bởi bất cứ ai, thì coi như năm dây khoái-lạc giác-quan được nhận bởi người đó. Nếu năm dây khoái-lạc giác-quan được nhận bởi ai, thì chúng ta nhất định có thể coi người đó là người không có phẩm chất của một tu

sĩ hay của người tu theo người con dòng họ Thích-ca.

- “Thêm nữa, này ông đoàn trưởng, ta nói điều này: ‘Rạ có thể được tìm bởi người cần rạ; gỗ có thể được tìm bởi người cần gỗ; xe có thể được tìm bởi người cần xe; người thợ có thể được tìm bởi người cần thợ.’ Nhưng ta không nói có phương pháp nào vàng bạc có thể được chấp nhận hay tìm kiếm (bởi các Tỷ kheo).”

(SN 42:10)

11 Trưởng Thôn Bhadraka

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại một thị trấn tên Uruvelakappa của những người Malla. Rồi có vị trưởng thôn tên Bhadraka đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thật tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con về nguồn-gốc và sự phai-biến của khổ.”

- “Này ông trưởng thôn, nếu như ta dạy cho ông về nguồn-gốc và sự phai-biến của khổ trong thời quá khứ, và nói ‘Điều đó đã xảy ra trong thời quá khứ’ thì trong ông có thể khởi sinh nghi ngờ và bối rối. Và nếu như ta dạy cho ông về nguồn-gốc và sự phai-biến của khổ trong thời tương lai, và nói ‘Điều đó xảy ra trong tương lai’ thì trong ông có thể khởi sinh nghi ngờ và bối rối. Vậy nên, này ông trưởng thôn, trong khi ta đang ngồi ngay đây và ông

đang ngồi ngay đây, ta sẽ dạy cho ông về nguồn-gốc và sự phai-biến của khổ. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Bhadraka đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Có người nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi mà vì họ trong ông khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng?”

“Dạ có những người đó, thưa Thế Tôn.”

- “Nhưng có người nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi mà vì họ trong ông không khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng?”

“Dạ cũng có những người đó luôn, thưa Thế Tôn.”

- “Vì sao vậy, này ông trưởng thôn, vì sao có những người ở Uruvelakappa khi họ bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì họ trong ông khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; trong khi có những người khác cũng bị như vậy thì trong ông không khởi sinh như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, những người ở Uruvelakappa khi họ bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì họ trong con khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng—là vì con có tham muốn và ràng buộc đối với những người đó. Nhưng

những người khác ở Uruvelakappa khi họ bị vạ trong con không khởi sinh như vậy—là vì con không có tham muốn và ràng buộc đối với những người đó.

- “Này trưởng thôn, nguyên lý này ông mới nhìn thấy, mới hiểu ra, mới chứng thực tức thì, mới suy ra, giờ ông có thể vận dụng nó cho quá khứ và tương lai như vậy: ‘Khổ nào đã khởi sinh trong quá khứ, tất cả đều do tham dục là gốc rễ, có tham dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham dục là gốc rễ của mọi sự khổ. Khổ nào sẽ khởi sinh trong tương lai, tất cả đều do tham dục là gốc rễ, có tham dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham dục là gốc rễ của mọi sự khổ.’”

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Thật khéo hay điều mới được nói ra bởi đức Thế Tôn: ‘Khổ nào khởi sinh, tất cả đều do tham dục là gốc rễ, có tham dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham dục là gốc rễ của mọi sự khổ.’ Thưa Thế Tôn, con có một người con trai tên Ciravāsi, sống ở chỗ khác. Sáng sớm con thức dậy, con gọi một người tới và nói: ‘Đi anh, đi coi Ciravāsi có khỏe mạnh an ổn không.’ Trong khi chờ tới khi người đó trở về, trong lòng con cứ buồn lo và nghĩ ngợi: ‘Cầu cho Ciravāsi không gặp sự khó khổ nào!’”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Nếu như Ciravāsi bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê cười, vì điều đó trong ông có khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, phải không?”

“Thưa Thế Tôn, nếu như Ciravāsi bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, làm sao có thể trong con không khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng?”

- “Cũng theo cách như vậy, này ông trưởng thôn, điều này có thể được hiểu rằng: ‘Điều gì khởi sinh, tất cả đều do tham dục là gốc rễ, có tham dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham dục là gốc rễ của mọi sự khổ.’

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Khi chưa gặp vợ ông hoặc chưa nghe về cô ta, ông có tham muốn, ràng buộc, hay tình cảm nào với cô ta không?”

“Không có, thưa Thế Tôn.”

- “Vậy thì, này trưởng thôn, chỉ khi ông gặp cô ta hoặc khi nghe nói về cô ta thì sự tham muốn, sự ràng buộc, và tình cảm đó mới khởi sinh trong ông, phải không?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Nếu như vợ ông bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì điều đó trong ông có khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, phải không?” “Nếu như vợ con bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, thì đời con coi như chẳng còn gì, làm sao có thể trong con không khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng?”

- “Cũng theo cách như vậy, này trưởng thôn, điều này có thể được hiểu rằng: ‘Khổ nào khởi sinh, tất cả đều do tham dục là gốc rễ, có tham dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham dục là gốc rễ của khổ.’”

(SN 42:11)

12 Trưởng Thôn Rāsiya

Lúc đó có ông trưởng thôn tên Rāsiya đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con nghe người ta nói: ‘Sa-môn Cồ-đàm phê phán tất cả mọi sự hành xác khổ hạnh. Đặc biệt ông ta quở trách và chửi chê những người tự hành xác là sống thô lỗ.’ Thưa Thế Tôn, có phải những người nói như vậy là đã nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không diễn dịch sai sai ý đức Thế Tôn bằng điều gì trái với sự thật? Họ có giải thích đúng theo Giáo Pháp để không tạo ra cơ sở nào để bị người ta phê bình, hay không?”

“Này trưởng thôn, những người nói như vậy là không nói đúng điều đã được ta nói mà diễn dịch sai ý ta bằng sự sai giả và trái sự thật.

I

“Này trưởng thôn, có hai cực đoan không nên tu dưỡng bởi

người đã xuất gia tu hành, đó là: sự theo đuổi hạnh phúc nhục dục trong những khoái-lạc giác-quan, điều đó là thấp hèn, phàm tục, là cách sống của những người phàm tục, không thánh thiện, không lợi lạc; và sự theo đuổi sự hành xác khổ hạnh, đó là đau đớn, không thánh thiện, không lợi lạc. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai đã giác ngộ được con đường trung-đạo, nó giúp khởi sinh tầm-nhìn, nó giúp khởi sinh sự hiểu-biết, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự hiểu-biết trực-tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Và cái gì là con đường trung-đạo được giác ngộ bởi Như Lai, nó giúp khởi sinh tầm-nhìn ... dẫn tới Niết-bàn? Đó là Con đường Tám phần Thánh thiện (Bát thánh đạo); đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn ... định tâm đúng đắn. Đây là con đường trung đạo đã được giác ngộ bởi Như Lai, nó giúp khởi sinh tầm-nhìn, nó giúp khởi sinh sự hiểu-biết, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự hiểu-biết trực-tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn.²⁰⁸

II

“Này trưởng thôn, có ba loại người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan (dục lạc) có trong thế gian. Ba đó là gì?

(i)

“Ở đây, này trưởng thôn, có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng người đó cũng không chia sẻ chúng hay làm những

việc công đức.

(ii)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người tìm kiếm khoái-lạc giác-quan theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng người đó cũng không chia sẻ chúng hay những làm việc công đức.

(iii)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người tìm kiếm khoái-lạc giác-quan theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và người đó cũng có chia sẻ chúng và làm những việc công đức.

(iv)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người tìm kiếm khoái-lạc giác-quan theo cách hợp pháp và lẫn phi pháp, bằng bạo lực và lẫn không bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng người đó cũng không chia sẻ chúng hay làm những việc công đức.

(v)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người tìm kiếm khoái-lạc giác-quan theo cách hợp pháp và lẫn phi pháp, bằng bạo lực và cả không bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó làm bản thân

mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng người đó không chia sẻ chúng hay làm những việc công đức.

(vi)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người tìm kiếm khoái-lạc giác-quan theo cách hợp pháp và lẫn phi pháp, bằng bạo lực và lẫn không bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và người đó cũng có chia sẻ chúng và làm những việc công đức.

(vii)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người tìm kiếm khoái-lạc giác-quan theo cách hợp pháp, không bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, người đó không chia sẻ chúng hay làm những việc công đức.

(viii)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người tìm kiếm khoái-lạc giác-quan theo cách hợp pháp, không bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng người đó cũng không chia sẻ chúng hay làm những việc công đức.

(ix)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người tìm kiếm khoái-lạc

giác-quan theo cách hợp pháp, không bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và người đó cũng có chia sẻ chúng và làm những việc công đức. Nhưng người đó sử dụng tài sản trong khi bị trói buộc vào nó, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó, không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, không hiểu được sự giải-thoát khỏi nó.

(x)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người tìm kiếm khoái-lạc giác-quan theo cách hợp pháp, không bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và người đó cũng có chia sẻ chúng và làm những việc công đức. Và người đó sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó, nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự giải-thoát khỏi nó.

III

(i)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, người đó không chia sẻ chúng hay làm những việc công đức, có thể bị chê trách dựa trên ba căn cứ. Dựa trên ba căn cứ gì người đó có thể bị chê trách? ‘Người đó tìm kiếm của cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực’—đây là căn cứ thứ nhất người đó có thể bị chê

trách. ‘Người đó không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng’—đây là căn cứ thứ hai người đó có thể bị chê trách. ‘Người đó không chia sẻ chúng và không làm những việc công đức’—đây là căn cứ thứ ba người đó có thể bị chê trách. Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên ba căn cứ này.

(ii)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng người đó cũng không chia sẻ chúng hay làm những việc công đức, có thể bị chê trách dựa trên hai căn cứ và được khen ngợi dựa trên một căn cứ. Dựa trên hai căn cứ gì người đó có thể bị chê trách? ‘Người đó tìm kiếm của cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực’—đây là căn cứ thứ nhất người đó có thể bị chê trách. ‘Người đó không chia sẻ chúng và không làm những việc công đức’—đây là căn cứ thứ hai người đó có thể bị chê trách. Và dựa trên một căn cứ nào người đó có thể được khen ngợi? ‘Người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng’—đây là một căn cứ người đó có thể được khen ngợi. Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên hai căn cứ này và được khen ngợi dựa trên một căn cứ này.

(iii)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và người đó cũng có chia sẻ chúng và làm những việc công đức, có thể bị chê trách dựa trên một căn cứ và được khen ngợi dựa trên hai căn cứ. Dựa trên một căn cứ gì người đó có thể bị chê trách? ‘Người đó tìm kiếm của cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực’—đây là một căn cứ người đó có thể bị chê trách. Và dựa trên hai căn cứ nào người đó có thể được khen ngợi? ‘Người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng’—đây là một căn cứ người đó có thể được khen ngợi. ‘Người đó có chia sẻ chúng và làm những việc công đức’—đây là căn cứ thứ hai người đó có thể bị chê trách. Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên một căn cứ này và được khen ngợi dựa trên hai căn cứ này.

(iv)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của cải theo cách hợp pháp và lẫn phi pháp, không bằng bạo lực và cả bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, người đó không chia sẻ chúng hay làm những việc công đức, có thể được khen ngợi dựa trên một căn cứ và bị chê trách dựa trên ba căn cứ. Dựa trên một căn cứ nào người đó có thể được khen ngợi? ‘Người đó tìm kiếm của cải theo cách hợp pháp, không bằng bạo lực’—đây là một căn cứ người đó có thể được khen ngợi. Và dựa trên ba điều

còn lại là ba căn cứ người đó có thể bị chê trách. Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể được khen ngợi dựa trên một căn cứ này và có thể bị chê trách dựa trên ba căn cứ này.

(v)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của cải theo cách hợp pháp và lẫn phi pháp, không bằng bạo lực và cả bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng người đó không chia sẻ chúng hay làm những việc công đức, có thể được khen ngợi dựa trên hai căn cứ và bị chê trách dựa trên hai căn cứ. Dựa trên hai căn cứ nào người đó có thể được khen ngợi? ‘Người đó tìm kiếm của cải theo cách hợp pháp, không bằng bạo lực’—đây là một căn cứ người đó có thể được khen ngợi. ‘Người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng’—đây là căn cứ thứ hai người đó có thể được khen ngợi. Và dựa trên hai điều còn lại là hai căn cứ người đó có thể bị chê trách. Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể được khen ngợi dựa trên hai căn cứ này và có thể bị chê trách dựa trên hai căn cứ này.

(vi)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của cải theo cách hợp pháp và lẫn phi pháp, không bằng bạo lực và cả bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và người đó cũng có

chia sẻ chúng và làm những việc công đức, có thể bị chê trách dựa trên một căn cứ và được khen ngợi dựa trên ba căn cứ. Dựa trên một căn cứ nào người đó có thể bị chê trách? ‘Người đó tìm kiếm của cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực’—đây là một căn cứ người đó có thể bị chê trách. Và dựa trên ba điều còn lại là ba căn cứ người đó có thể được khen ngợi. Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên một căn cứ này và được khen ngợi dựa trên ba căn cứ này.

(vii)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của cải theo cách hợp pháp, không bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, người đó không chia sẻ chúng hay làm những việc công đức, có thể được khen ngợi dựa trên một căn cứ và bị chê trách dựa trên hai căn cứ. Dựa trên một căn cứ nào người đó có thể được khen ngợi? ‘Người đó tìm kiếm của cải theo cách hợp pháp, không bằng bạo lực’—đây là một căn cứ người đó có thể được khen ngợi. Và dựa trên hai điều còn lại là hai căn cứ người đó có thể bị chê trách. Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể được khen ngợi dựa trên một căn cứ này và bị chê trách dựa trên hai căn cứ này.

(viii)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-

quan tìm kiếm của cải theo cách hợp pháp, không bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng người đó không chia sẻ chúng hay làm những việc công đức, có thể bị chê trách dựa trên một căn cứ và được khen ngợi dựa trên hai căn cứ. Dựa trên một căn cứ nào người đó có thể bị chê trách? ‘Người đó không chia sẻ chúng hay làm những việc công đức’—đây là một căn cứ người đó có thể bị chê trách. Và dựa trên hai điều còn lại là hai căn cứ người đó có thể được khen ngợi. Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên một căn cứ này và được khen ngợi dựa trên hai căn cứ này.

(ix)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của cải theo cách hợp pháp, không bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và người đó cũng có chia sẻ chúng và làm những việc công đức, có thể được khen ngợi dựa trên tất cả ba điều đó là ba căn cứ; nhưng vẫn có thể bị chê trách dựa trên một căn cứ khác. Dựa trên căn cứ nào người đó có thể bị chê trách? ‘Người đó sử dụng của cải trong khi bị trói buộc vào chúng, mê đắm theo chúng, bị cuốn hút một cách mù quáng trong chúng, không nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng, không hiểu được sự giải-thoát khỏi chúng’—đây là một căn cứ người đó có thể bị chê trách. Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan được khen ngợi dựa trên ba

căn cứ này và bị chê trách dựa trên một căn cứ này.

(x)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của cải theo cách hợp pháp, không bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và người đó cũng có chia sẻ chúng và làm những việc công đức, và người đó sử dụng của cải mà không bị trói buộc vào chúng, không mê đắm theo chúng, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong chúng, nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng, hiểu được sự giải-thoát khỏi chúng, có thể được khen ngợi dựa trên tất cả bốn điều đó là bốn căn cứ. Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan được khen ngợi dựa trên bốn căn cứ này.

IV

“Này trưởng thôn, có ba loại tu sĩ sống thô lỗ có mặt trong thế gian. Ba đó là gì?

(i)

“Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành với ý nghĩ như vậy: ‘Có lẽ ta chứng đắc được một trạng thái thiện lành; có lẽ ta chứng đắc một sự khác-biệt xuất chúng (hơn người, siêu nhân) của sự hiểu-biết và tầm-nhìn xứng đáng của hàng thánh nhân.’ Người đó hành xác và hành khổ bản thân, nhưng không đạt

tới một trạng thái thiện lành nào hay chứng ngộ một sự khác-biệt xuất chúng nào của sự hiểu-biết và tầm-nhìn xứng đáng của hàng thánh nhân.²⁰⁹

(ii)

“Rồi, này trưởng thôn, có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin ... Người đó hành xác và hành khổ bản thân, và có đạt tới một trạng thái thiện lành, nhưng chưa chứng ngộ sự khác-biệt xuất chúng nào của sự hiểu-biết và tầm-nhìn xứng đáng của hàng thánh nhân.

(iii)

“Rồi, này trưởng thôn, có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin ... Người đó hành xác và hành khổ bản thân, và có đạt tới một trạng thái thiện lành, và cũng chứng ngộ một sự khác-biệt xuất chúng của sự hiểu-biết và tầm-nhìn xứng đáng của hàng thánh nhân.

V

(i)

“Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, nhưng không đạt tới một trạng thái thiện lành nào hay chứng ngộ một sự khác-biệt xuất chúng nào của sự hiểu-biết và tầm-nhìn xứng đáng của hàng thánh nhân, có thể bị chê trách dựa trên ba căn cứ. Dựa trên ba căn cứ nào người đó có thể bị chê trách? ‘Người đó hành xác và hành khổ bản thân mình’—đây là căn cứ thứ nhất người đó có thể bị chê trách. ‘Người đó không

đạt tới một trạng thái thiện lành nào’—đây là căn cứ thứ hai người đó có thể bị chê trách. ‘Người đó không chứng ngộ một sự khác-biệt xuất chúng nào của sự hiểu-biết và tầm-nhìn xứng đáng của hàng thánh nhân’—đây là căn cứ thứ ba người đó có thể bị chê trách. Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên ba căn cứ này.

(ii)

“Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, và có đạt tới một trạng thái thiện lành, nhưng chưa chứng ngộ một sự khác-biệt xuất chúng nào của sự hiểu-biết và tầm-nhìn xứng đáng của hàng thánh nhân, có thể bị chê trách dựa trên hai căn cứ và được khen ngợi dựa trên một căn cứ. Dựa trên hai căn cứ nào người đó có thể bị chê trách? ‘Người đó hành xác và hành khổ bản thân mình’—đây là căn cứ thứ nhất người đó có thể bị chê trách. ‘Người đó không chứng ngộ một sự khác-biệt xuất chúng nào của sự hiểu-biết và tầm-nhìn xứng đáng của hàng thánh nhân’—đây là căn cứ thứ hai người đó có thể bị chê trách. Và dựa trên một căn cứ nào người đó có thể được khen ngợi? ‘Người đó có đạt tới một trạng thái thiện lành’—đây là một căn cứ người đó có thể được khen ngợi. Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên hai căn cứ này và được khen ngợi dựa một căn cứ này.

(iii)

“Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, và có đạt tới một trạng thái thiện lành, và chúng ngộ một sự khác-biệt xuất chúng của sự hiểu-biết và tầm-nhìn xứng đáng của hàng thánh nhân, có thể bị chê trách dựa trên một căn cứ và được khen ngợi dựa trên hai căn cứ. Dựa trên một căn cứ nào người đó có thể bị chê trách? ‘Người đó hành xác và hành khổ bản thân mình’—đây là một căn cứ người đó có thể bị chê trách. Và dựa trên hai căn cứ nào người đó có thể được khen ngợi? ‘Người đó có đạt tới một trạng thái thiện lành’—đây là một căn cứ người đó có thể được khen ngợi. ‘Người đó chứng ngộ một sự khác-biệt xuất chúng của sự hiểu-biết và tầm-nhìn xứng đáng của hàng thánh nhân’—đây là căn cứ thứ hai người đó có thể được khen ngợi. Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên một căn cứ này và được khen ngợi dựa hai căn cứ này.

VI

“Này trưởng thôn, có ba loại sự phai-mòn²¹⁰ là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người trí hiền. Ba đó là gì?

(i)

“Có người tham dục, và do có tham người đó ý định làm tổn hại mình, làm tổn hại người khác, làm tổn hại cả mình và người. Khi tham được dẹp bỏ, thì người đó không ý định làm tổn hại

mình, làm tổn hại người khác, làm tổn hại cả mình và người. Sự phai-mòn (tham) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người trí hiền.

(ii)

“Có người sân hận, và do có sân người đó ý định làm tổn hại mình, làm tổn hại người khác, làm tổn hại cả mình và người. Khi sân được dẹp bỏ, thì người đó không ý định làm tổn hại mình, làm tổn hại người khác, làm tổn hại cả mình và người. Sự phai-mòn (sân) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người trí hiền.

(iii)

“Có người si mê, và do có si người đó ý định làm tổn hại mình, làm tổn hại người khác, làm tổn hại cả mình và người. Khi si được dẹp bỏ, thì người đó không ý định làm tổn hại mình, làm tổn hại người khác, làm tổn hại cả mình và người. Sự phai-mòn (si) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người trí hiền.

“Này trường thôn, có ba loại sự phai-mòn là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người trí hiền.”

Khi điều này được nói ra, trưởng thôn Rāsiya đã thưa với đức Thế Tôn: “Kỳ diệu thay, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn, ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:12)

13 Trưởng Thôn Pāṭaliya

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Koliya (Câu-lợi) trong một thị trấn của họ có tên là Uttara. Lúc đó có ông trưởng thôn tên Pāṭaliya đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe rằng: ‘Sa-môn Cồ-đàm biết bùa thuật.’ Thưa Thế Tôn, con hy vọng những người nói như vậy là nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không nói sai ý đức Thế Tôn bằng điều gì không thật; là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp và không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị phê bình. Bởi vì chúng không muốn nói sai lời đức Thế Tôn, thưa Thế Tôn.”

- “Này trưởng thôn, những ai nói ‘Sa-môn Cồ-đàm biết bùa thuật’ là họ nói đúng điều đã được nói bởi ta và không nói sai ý của ta bằng điều gì không thật; là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị phê bình.”

“Rồi nữa, thưa Thế Tôn, chúng con không tin những tu sĩ và bà-la-môn đó nói ‘Sa-môn Cồ-đàm là một nhà bùa thuật.’ Nhưng dường như sa-môn Cồ-đàm là một nhà bùa thuật!”

- “Này trưởng thôn, có phải ai nói rằng ‘tôi biết bùa thuật’ thì cũng nói rằng ‘tôi là một nhà bùa thuật’?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành!”

- “Vậy thì, này trưởng thôn, ta sẽ hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy được.

I

(i)

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông có biết những người Koliya có những người cai làm thuê có búi tóc thông xuống?”

“Con có biết, thưa Thế Tôn.”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Công việc của những người làm cai thuê có búi tóc thông xuống đó là gì?”

“Thưa Thế Tôn, công việc của họ là canh bắt kẻ trộm cắp cho những người Koliya và đưa tin cho những người Koliya.”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông có biết những người làm cai thuê có búi tóc thông xuống đó là có đức hạnh hay thất đức?”

“Thưa Thế Tôn, con biết những người đó là thất đức, có tính khí xấu. Họ nằm trong số những người thất đức, có tính khí xấu, trong thế gian.”

- “VẬY có đúng khi nói rằng do ông Pāṭaliya biết những người làm cai thuê có búi tóc thông xuống đó là thất đức, có tính khí xấu, nên chắc ông ta cũng là thất đức, có tính khí xấu.”

“Không, thưa Thế Tôn. Con thì khác với những người cai thuê có búi tóc thông xuống đó; tính cách của con và họ khác nhau.”

- “VẬY nếu ông có thể biết những người làm cai thuê đó là thất đức trong khi ông không phải là thất đức; thì tương tự, Như Lai biết về bùa thuật không có nghĩa là Như Lai là nhà bùa thuật, đúng vậy không? Ta hiểu về bùa thuật và hậu quả của nó. Và ta hiểu cách những nhà bùa thuật hành sự ra sao, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục.

(ii)

“Ta hiểu sự sát sinh và hậu quả của nó. Và ta hiểu cách những người sát sinh hành sự ra sao, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Ta hiểu sự lấy của không được cho ... sự tà dục tà dâm ... sự nói dối nói sai ... sự nói lời gây chia rẽ ... sự nói lời gắt gỏng ... sự nói chuyện tầm phào tán

dóc ... sự tham [thèm muốn] ... sự sân hận và sự ác ý ... cách nhìn sai lạc (tà kiến) và hậu quả của nó. Và ta hiểu cách những người trộm cắp ... những người có cách nhìn sai lạc hành sự ra sao, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục.”

II

“Có những tu sĩ và bà-la-môn có triết lý và quan điểm này: ‘Ai sát sinh thì ném trái khô đau và ưu buồn ngay trong kiếp này. Ai lấy của không được cho ... Ai tà dục tà dâm ... Ai nói dối nói sai thì ném trái khô đau và ưu buồn ngay trong kiếp này.’

(i)

- “Nhưng chúng ta có thể thấy: có người, đeo vòng hoa và được trang điểm, tắm rửa sạch sẽ và xức dầu thơm, tóc và râu được chải chuốt, thụ hưởng khoái lạc cùng với những phụ nữ, giống như một ông vua. Ai thấy cũng muốn hỏi: ‘Thưa ông, ông đó đã làm gì?’ Và họ trả lời: ‘Thưa anh, ông ta đã tấn công và *giết* kẻ thù của nhà vua. Nhà vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy. Cho nên ông ấy mới được đeo vòng hoa và được trang điểm, tắm rửa sạch sẽ và xức dầu thơm, tóc và râu được chải chuốt, thụ hưởng khoái lạc cùng với những phụ nữ, cũng giống như một ông vua.’

- “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng bằng dây thừng chắc chắn. Đầu bị cạo và ông ta bị dẫn

bước đi theo tiếng trống oái ăm từ đường này qua đường khác, từ khu này qua khu khác. Sau đó ông bị dẫn qua cửa thành phía nam, và họ chặt đầu ông ta ở phía nam khu thành. Ai thấy cũng muốn hỏi: ‘Thưa ông, ông ấy đã làm gì?’ Và họ trả lời: ‘Thưa anh, ông ta là kẻ thù của nhà vua, và ông ta mới *giết* một người.’ Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy chưa?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

- “Từ những chuyện như vậy, có thể nói các tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: ‘Ai sát sinh thì ném trái khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’”

“Họ sai, thưa Thế Tôn.”

- “Nhưng những ai nói lời vô căn cứ, sai giả là có đức hạnh hay thất đức?”

“Thất đức, thưa Thế Tôn.”

- “Và những ai là thất đức, có bản chất xấu thì đang hành sự đúng đắn hay sai trái?”

“Họ đang hành sự sai trái, thưa Thế Tôn.”

- “Và những ai đang hành sự sai trái thì có quan điểm đúng đắn hay sai lạc?”

“Họ có quan điểm sai lạc, thưa Thế Tôn.”

- “Nhưng vậy có đúng khi tin vào những người có quan điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(ii)

- “Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang điểm ... ‘Thưa anh, ông ta đã tấn công kẻ thù của nhà vua và cướp đoạt của quý châu báu của họ. Nhà vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy ...’

- “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng ... ‘Thưa anh, ông ta lấy cắp đồ trong làng hay trong rừng. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’ Nay trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

“Từ những chuyện như vậy, có thể nói các tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: ‘Ai lấy của không được cho thì ném trả khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’”

“Họ sai, thưa Thế Tôn.”

“Nhưng vậy có đúng khi tin vào những người có quan điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(iii)

- “Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang điểm ... ‘Thưa anh, ông ta đã *tà dục tà dâm* với những thiếp của một ông vua là kẻ thù của nhà vua này. Nhà vua này vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy ...’

- “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng ... ‘Thưa anh, ông ta đã *tà dục tà dâm* với mấy phụ nữ và hầu nữ của những gia đình hoàng đế. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’ Nay trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

“Từ những chuyện như vậy, có thể nói các tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: ‘Ai *tà dục tà dâm* thì ném trái khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’”

“Họ sai, thưa Thế Tôn.”

“Nhưng vậy có đúng khi tin vào những người có quan điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(iv)

- “Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang điểm ... ‘Thưa anh, ông ta đã bày chuyện *nói dối, nói bịa, nói nịnh* để làm vui lòng nhà vua. Nhà vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy ...’

- “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng ... ‘Thưa anh, ông ta đã *nói dối nói lừa dụ dỗ* một người con của một gia chủ để cho anh ta trở thành hư hỏng suy đồi. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’ Đây trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

- “Từ những chuyện như vậy, có thể nói các tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: ‘Ai nói dối nói sai thì ném trái khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’”

“Họ sai, thưa Thế Tôn.”

- “Nhưng vậy có đúng khi tin vào những người có quan điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

III

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa đức Thế Tôn! Con có một nhà khách, ở đó có đủ giường chiếu, chỗ ngồi, bình nước, và đèn dầu. Khi nào có một tu sĩ hay bà-la-môn đến ở, con đều chia sẻ những gì tốt nhất con có được. Rồi có một lần, có bốn sư thầy khác nhau cùng đến ở trong nhà khách, họ có bốn quan điểm khác nhau

(a) “Một sư thầy có triết lý và quan điểm như vậy:²¹¹ ‘Không có gì phải cho đi, không có gì phải hiến tặng, không có gì phải cúng dường (vì không có phước quả từ việc cho đi, cúng dường; không cần phải bố thí); không có nghiệp quả tốt hay xấu cho những hành động tốt hay xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp và công bố lại trong thế gian này và thế giới khác.’

(b) “Một sư thầy khác thì có triết lý và quan điểm như vậy: ‘Có ý nghĩa trong việc cho đi, trong việc hiến tặng, trong việc cúng dường (vì có phước quả lành; nên biết bố thí); có nghiệp quả

tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thể giới (đời) này, có thể giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt và đức hạnh trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp và công bố lại trong thế gian này và thế giới khác.’

(c) “Một sư thầy khác lại có triết lý và quan điểm như vậy:²¹² “Khi người ta tự làm hoặc khiến (xui, chỉ, ép, thông qua...) người khác làm, khi gây tổn hại hoặc khiến người khác gây tổn hại, khi hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ, khi gây ra ưu buồn hoặc khiến người khác gây ưu buồn, khi áp bức hoặc khiến người khác áp bức, khi hăm dọa hoặc khiến người khác hăm dọa, khi người ta sát sinh hoặc lấy của không được cho, đột nhập nhà cửa, lấy cướp của cải, làm nghề trộm cắp, đi cướp đường, dụ dỗ vợ người khác, nói sai nói dối— thì làm vậy chẳng có gì là tội ác cả. Nếu, có lấy một bánh xe gấn dao bén, đem băm chém hết chỗ chúng sinh của trái đất này thành thịt đồng, thành đồng đồng thịt, thì do vậy cũng chẳng có gì là tội ác và chẳng có ác quả ác báo nào cả. Nếu người ta có đi dọc bờ nam sông Hằng sát sinh và tàn sát, gây tổn hại và khiến người khác gây tổn hại, hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ, thì do vậy cũng chẳng có gì là tội ác và chẳng có ác quả ác báo gì cả. Nếu người ta có đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí (cho, tặng, cúng dường, giúp đỡ, chia sẻ...) hoặc khiến người khác bố thí, thì do làm vậy cũng chẳng có công đức gì và chẳng có phước quả gì cả. Có bố thí, có tu dưỡng bản thân, có tự chủ kiềm chế, có

nói thật nói đúng, thì làm vậy cũng chẳng có công đức gì hay phước quả gì cả.’

(d) “Một sư thầy khác lại có triết lý và quan điểm lại như vậy: ‘Khi người ta tự làm hoặc khiến (xui, chỉ, ép, thông qua...) người khác làm ... — thì làm vậy đều là tội ác. Nếu, lấy một bánh xe gấn dao bén, đem băm chém hết chỗ chúng sinh của trái đất này thành thịt đông, thành đông đông thịt, thì làm vậy là tội ác và có ác quả ác báo cho người làm. Nếu người ta đi dọc bờ nam sông Hằng sát sinh và tàn sát, gây tổn hại và khiến người khác gây tổn hại, hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ, thì làm vậy là tội ác và có ác quả ác báo cho người làm. Nếu người ta đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí (cho, tặng, cúng dường, giúp đỡ, chia sẻ...) hoặc khiến người khác bố thí, thì làm vậy là có công đức và có phước quả cho người làm. Có bố thí, có tu dưỡng bản thân, có tự chủ kiềm chế, có nói thật nói đúng, thì làm vậy là có công đức và có phước quả cho người làm.’

“Con có sự nghi ngờ và sự không chắc chắn về điều đó như vậy: ‘Mình không biết trong số tu sĩ và bà-la-môn đáng kính đó ai là nói đúng, ai là nói sai?’”

- “Này trưởng thôn, không có gì ngạc nhiên khi ông nghi ngờ và không chắc chắn. Nghi ngờ khởi sinh trong một người về một vấn đề còn chưa biết chắc.”

“Con tin tưởng Đức Phật có thể chỉ dạy con để mà con có thể loại bỏ trạng thái không chắc chắn (lờ mờ) như vậy.

IV

- “Này trưởng thôn, có ‘sự định-tâm của Giáo Pháp.’ Nếu ông đạt được ‘sự định-tâm của tâm’ trong đó, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái không chắc chắn như vậy.²¹³ Và, này trưởng thôn, cái gì là sự định-tâm của Giáo Pháp?

(i)

“Ở đây, này trưởng thôn, sau khi đã dẹp bỏ việc sát sinh, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự sát sinh. Sau khi đã dẹp bỏ việc lấy trộm lấy cắp, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn việc lấy của không được cho. Sau khi đã dẹp bỏ việc tà dục tà dâm, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự tà dục tà dâm. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói dối nói sai, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự nói dối nói láo. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói lời gây chia rẽ, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự nói lời gây chia rẽ. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói lời gắt gỏng, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự nói lời gắt gỏng. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói chuyện tầm phào tán dóc, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự nói chuyện tầm phào tán dóc. Sau khi đã dẹp bỏ sự tham [thèm muốn], người đó thành vô-tham [không còn thèm muốn]. Sau khi đã dẹp bỏ sân hận và ác ý, người đó có một cái tâm vô-sân [không còn ác ý]. Sau khi đã dẹp bỏ quan điểm sai lạc (tà kiến), người đó là có quan điểm đúng đắn

(chánh kiến).

“Rồi, này trưởng thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn tham, không còn sân, không còn si, thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—sống bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm sự **từ-ái**; và tương tự với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy phương trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thâm đắm sự từ-ái, lớn rộng, cao thượng, vô lượng, không-còn thù ghét, không-còn ác ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘ Sư thầy này nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: **(a)** “Không có gì phải cho đi ... không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp và công bố lại trong thế gian này và thế giới khác.” Nếu lời nói của sư thầy này là đúng, thì đấng nào ta cũng không dính tội lỗi gì nếu ta không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Đúng hay sai thì ta cũng nắm phần thắng: dù gì ta đã biết giới hạnh thân, lời nói, và tâm ý, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, ta cũng được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phấn khởi bởi sự khoan khoái, tâm trở nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh phúc trở nên đạt-định.

“Này trưởng thôn, đây là sự định-tâm của Giáo Pháp. Nếu ông đạt tới sự định-tâm của tâm trong đó, thì ông sẽ dẹp bỏ được trạng thái không chắc chắn.

(ii)

“Rồi, này trưởng thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn tham, không còn sân, không còn si, thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự **từ-ái** ... không-còn ác ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘ Sư thầy này nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: **(b)** ‘Có ý nghĩa trong việc cho đi ... có những tu sĩ và bà-la-môn tốt và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp và công bố lại trong thế gian này và thế giới khác.’ Nếu lời nói của sư thầy này là đúng, thì đằng nào ta cũng không dính tội lỗi gì nếu ta không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Đúng hay sai thì ta cũng nắm phần thắng: dù gì ta đã biết giới hạnh thân, lời nói, và tâm ý, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, ta cũng được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phấn khởi bởi sự khoan khoái, tâm trở nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh phúc trở nên đạt-định.

“Này trưởng thôn, đây là sự định-tâm của Giáo Pháp. Nếu ông đạt tới sự định-tâm của tâm trong đó, thì ông sẽ dẹp bỏ được trạng thái không chắc chắn.

(iii)

“Rồi, này trưởng thôn, người người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn tham, không còn sân, không còn si, thường biết rõ ràng, có chánh niệm—sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự **tự-ái** ... không-còn ác ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘Sư thầy này nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: (c) “Khi người ta tự làm hoặc khiến (xui, chỉ, ép, thông qua...) người khác làm ... thì do vậy cũng chẳng có công đức gì hay phước quả gì cả.” Nếu lời nói của sư thầy này là đúng, thì đằng nào ta cũng không dính tội lỗi gì nếu ta không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Đúng hay sai thì ta cũng nắm phần thắng: dù gì ta đã biết giới hạnh thân, lời nói, và tâm ý, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, ta cũng được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phấn khởi bởi sự khoan khoái, tâm trở nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh phúc trở nên đạt-định.

“Này trưởng thôn, đây là sự định-tâm của Giáo Pháp. Nếu

ông đạt tới sự định-tâm của tâm trong đó, thì ông sẽ dẹp bỏ được trạng thái không chắc chắn.

(iv)

“Rồi, này trưởng thôn, người người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn tham, không còn sân, không còn si, thường biết rõ ràng, có chánh niệm—sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái ... không-còn ác ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘ Sư thầy này nắm giữ một triết lý và quan điểm như vậy: (d) “Khi người ta tự làm hoặc khiến (xui, chỉ, ép, thông qua...) người khác làm ... thì làm vậy là có công đức và có phước quả.” Nếu lời nói của sư thầy này là đúng, thì đấng nào ta cũng không dính tội lỗi gì nếu ta không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Đúng hay sai thì ta cũng nắm phần thắng: dù gì ta đã biết giới hạnh thân, lời nói, và tâm ý, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, ta cũng được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phấn khởi bởi sự khoan khoái, tâm trở nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh phúc trở nên đạt-định.

“Này trưởng thôn, đây là sự định-tâm của Giáo Pháp. Nếu ông đạt tới sự định-tâm của tâm trong đó, thì ông sẽ dẹp bỏ được trạng thái không chắc chắn.

V

[Giống hết các đoạn **IV- (i), (ii), (iii), (iv)** kể trên, chỉ khác chữ “sự **từ-ái**” (tâm từ) được thay bằng chữ “sự **bi-mẫn**” (tâm bi).]

VI

[Giống hết các đoạn **IV- (i), (ii), (iii), (iv)** kể trên, chỉ khác chữ “sự **từ-ái**” (tâm từ) được thay bằng chữ “sự **tùy-hỷ**” (tâm hỷ).]

VII

[Giống hết các đoạn **IV- (i), (ii), (iii), (iv)** kể trên, chỉ khác chữ “sự **từ-ái**” (tâm từ) được thay bằng chữ “sự **buông-xả**” (tâm xả).]

Khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Pāṭaliya đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu thay, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn, ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:13)

Chương 43

Liên Kết VÔ VI

(43 *Asaṅkhatasa*—*samyutta*)

(43 *Tương Ứng Vô Vi*)

NHÓM 1

NHÓM ‘THỨ NHẤT’

(Paṭhama-vagga)

1 **(1) Sự Chánh-Niệm hướng vào Thân**

Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-vi (không còn bị điều kiện, không còn bị tác động, không còn tạo tác) và con đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự vô-vi? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự vô vi.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự chánh-niệm hướng vào thân:²¹⁴ đây là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi mẫn vì lòng bi mẫn đối với các đệ tử vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có mấy gốc cây, kia có mấy chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau

này hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”(SN 43:01)

2 (2) *Thiền Định và Thiền Quán*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-vi và con đường dẫn tới sự trạng thái vô-vi. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự vô-vi? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự vô-vi.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là thiền định [sự vắng lặng] và thiền quán [sự minh sát]: đây là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(SN 43:02)

3 (3) *Ý Nghĩ và Sự Soi Xét*

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định tâm có ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ); trạng thái định không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ): đây là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(Đây là chỉ tầng thiền định thứ nhất và thứ hai)

(SN 43:03)

4 (4) Sự Định Tâm Trống Không

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định tâm trống không (tính không), sự định tâm vô dấu hiệu (vô tướng), sự định tâm vô định hướng:²¹⁵ đây là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(SN 43:04)

►[Các kinh từ **SN 43:05** đến kinh **SN 43:11** dưới đây lần lượt nói ra **37** phần trợ giúp giác ngộ (bồ-đề phần).]

5 (5) Sự Thiết Lập Chánh Niệm²¹⁶

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là bốn nền tảng chánh niệm (tứ niệm xứ): đây là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(SN 43:05)

6 (6) Sự Nỗ Lực Đúng Đắn

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là bốn sự nỗ lực đúng đắn (tứ chánh cần): đây là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(SN 43:06)

7 (7) Các Cơ Sở Năng Lực Tâm Linh

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là bốn cơ sở năng lực tâm linh (tứ thần túc): đây là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(SN 43:07)

8 (8) Các Căn Tâm Linh

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là năm căn tâm linh (ngũ căn): đây là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(SN 43:08)

9 (9) Các Năng Lực

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là năm năng lực (ngũ lực): đây là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(SN 43:09)

10 (10) Các Yếu Tố Giác Ngộ

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là bảy yếu tố (giúp) giác ngộ (thất giác chi): đây là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi”

(SN 43:10)

11 (11) Con Đường Tám Phần

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là con đường tám phần thánh thiện (Bát Thánh Đạo): đây là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi.

“Này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con đường dẫn tới trạng thái vô-vi Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

(SN 43:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘THỨ HAI’

(Paṭhama-vagga)

12 (1) Sự Vô-Vi

[1. Thiền Định]

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-vi (không còn bị điều kiện, không còn bị tác động, không còn tạo tác) và con đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự vô-vi? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự vô vi.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là thiền định [sự tĩnh lặng, sự vắng lặng]: đây là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con đường dẫn tới trạng thái vô-vi Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”[2. Thiền Quán]

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là thiền quán [sự minh sát, thiền tuệ]: đây là con

đường dẫn tới trạng thái vô-vi....

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con đường dẫn tới trạng thái vô-vi Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”(SN 43:13)

[3–8. Trạng Thái Định]

[3] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là trạng thái định tâm có ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ): đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....” (Tầng thiền định thứ nhất)

[4] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là trạng thái sự định tâm không có ý nghĩ (tâm), chỉ còn sự soi xét (tứ): đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....” (Tầng thiền định thứ hai)

[5] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định tâm không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ): đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....” (Tầng thiền định thứ ba)

[6] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định tâm trống-không: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[7] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định tâm vô dấu hiệu: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[8] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định tâm không định hướng: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[9–12. Bốn Sự Nền Tảng Chánh Niệm]

(Thân, Cảm Giác, Tâm, Các Hiện Tượng)

[9] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, có sự rõ-biết (thường biết, tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự phiền bức (ưu) đối với thế giới: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[10] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát cảm-giác trong các cảm-giác, nhiệt thành, có sự rõ-biết (thường biết, tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự phiền bức (ưu) đối với thế giới: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[11] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới

trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, có sự rõ-biết (thường biết, tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự phiền bức (u) đối với thế giới: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[12] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát các hiện-tượng (pháp) trong những hiện-tượng, nhiệt thành, có sự rõ-biết (thường biết, tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự phiền bức (u) đối với thế giới: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[13–16. Bốn Sự Nỗ Lực Đúng Dẫn]

[13] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo phát khởi mong-muốn sự không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó nỗ lực, phát khởi năng lượng, dụng tâm, và cố gắng: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[14] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo phát khởi mong-muốn dẹp bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh; người đó nỗ lực, phát khởi năng lượng, dụng tâm, và cố gắng....”

[15] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo phát khởi mong-muốn sự khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh; người đó nỗ lực, phát khởi năng lượng, dụng tâm, và cố gắng....”

[16] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo phát khởi mong-muốn sự duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh; mong muốn sự không suy đồi, sự tăng trưởng, sự khuếch trương nhờ tu tập; người đó nỗ lực, phát khởi năng lượng, dụng tâm, và cố gắng: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[17–20. Bốn Cơ Sở Năng Lực Tâm Linh]

[17] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cơ sở năng lực tâm linh có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn và những sự tạo-tác cố-ý của nỗ lực: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[18] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cơ sở năng lực tâm linh có-được sự định-tâm nhờ năng-lượng và những sự tạo-tác cố-ý của nỗ lực....”

[19] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cơ sở năng lực tâm linh có-được sự định-tâm nhờ tâm và những sự tạo-tác cố-ý của nỗ lực....” ...

[20] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cơ sở năng lực tâm linh có-được sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của nỗ lực: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[21–25. Năm Căn Tâm Linh]

[21] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin (tín), dựa trên sự sống ẩn-dật, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, chín muồi (trưởng thành) trong sự giải-thoát: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....” [22-25] ... “Và, này

các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn năng-lượng (tân) ... căn chánh-niệm (niệm)... căn trí-tuệ (tuệ), dựa trên sự sống ẩn-dật, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, chín muồi trong sự giải-thoát: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[26–30. Năm Năng Lực]

[26] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập năng lực (sức mạnh) niềm-tin (tín), dựa trên sự sống ẩn-dật, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, chín muồi trong sự giải-thoát: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[27-30] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập năng lực (sức mạnh) năng-lượng (tân) ... năng lực chánh-niệm (niệm) ... năng lực trí-tuệ (tuệ), dựa trên sự sống ẩn-dật, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, chín muồi trong sự giải-thoát: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[31–37. Bảy Yếu Tố Giác Ngộ]

[31] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập ‘yếu tố giác ngộ’ là chánh-niệm, dựa trên sự sống ẩn-dật, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, chín muồi trong sự giải-thoát: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[32-37] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập ‘yếu tố giác ngộ’ là điều-tra (phân biệt các trạng thái, trạch pháp) ...

‘yếu tố giác ngộ’ là năng-lượng ... ‘yếu tố giác ngộ’ là sự hoan-hỷ ... ‘yếu tố giác ngộ’ là sự tĩnh-lặng ... ‘yếu tố giác ngộ’ là sự định-tâm ... ‘yếu tố giác ngộ’ là sự buông-xả, dựa trên sự sống ẩn-dật, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, chín muồi trong sự giải-thoát: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[38–45. Bát Thánh Đạo]

[38] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), dựa trên sự sống ẩn-dật, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, chín muồi trong sự giải-thoát: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi....”

[39-45] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập ý-định đúng đắn (chánh tư duy) ... lời nói đúng đắn (chánh ngữ) ... hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) ... sự mưu sinh đúng đắn (chánh hạnh) ... sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) ... sự chú-tâm đúng đắn (chánh niệm) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), dựa trên sự sống ẩn-dật, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, chín muồi trong sự giải-thoát: đây được gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi mẫn vì lòng bi mẫn đối với các đệ

tử vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Nay các Tỳ kheo, đây có mấy gốc cây, kia có mấy chồi trồng. Nay các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.” (SN 43:12)

13 (2) *Sự Buông Hết*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự buông-hết (không còn nắm cháp, buông thả) và con đường dẫn tới sự buông-hết. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự buông-hết?...” [*Tiếp tục bằng toàn bộ lời kinh từ 43:01 đến 43:12 ở trên.*] (SN 43:13)

14 (3) — 43 (32) *Sự Không Còn Ô Nhiễm...*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự không-còn ô-nhiễm (hết ô nhiễm, vô nhiễm, lậu tận) và con đường dẫn tới sự không-còn ô-nhiễm. Hãy lắng nghe điều đó....

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự-thật và con đường dẫn tới sự thật....

“Ta sẽ dạy cho các thầy bờ-bên-kia (đáo bỉ ngạn) ... sự vi-tế ... trạng thái rất khó mà thấy được ... sự không-già ... sự chắc-

chấn (ổn định) ... sự không phân-tán ... sự không thể-hiện ... sự không tăng-phóng [bởi dục vọng, sự tự-ta, và quan điểm này nọ] ... sự bình-an ... sự bất-tử ... sự siêu-phàm ... sự phước-lành (thiện vận) ... sự an-ninh Sự tiêu-diệt dục-vọng ... sự kỳ diệu ... sự tuyệt vời ... sự vô-bệnh ... trạng thái vô-bệnh ... Niết-bàn ... sự không-còn đau-khổ ... sự chán-bỏ ... sự tinh-khiết ... sự tự-do ... sự không-còn dính kết ... hòn-đảo ... nơi trú-ẩn ... nơi tị-nạn ... nơi nương-tựa ...”

(SN 43:14—43)

44 **(33) Nơi Đến**

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy nơi-đến (đích đến) và con đường dẫn tới nơi-đến đó. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nơi-đến? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là nơi-đến.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường dẫn tới nơi-đến đó? Đó là sự chánh-niệm hướng vào thân: đây là con đường dẫn tới nơi-đến đó.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy nơi-đến và con đường dẫn tới nơi-đến đó. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi mẫn vì lòng bi mẫn đối với các đệ tử vì

mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Nay các Tỳ kheo, đây có mấy gốc cây, kia có mấy chòi trống. Nay các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

[*Tiếp tục bằng toàn bộ lời kinh từ **43:01** đến **43:12** ở trên.*]

(SN 43:44)

Chương 44

Liên Kết KHÔNG ĐƯỢC TUYÊN BỐ

(*44 Abyākata—saṃyutta*)

(*44 Tương Ứng Không-Thuyết*)

1 *Khemā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có Tỳ kheo ni Khemā²¹⁷ trong khi đang đi du hành giữa (vùng đất của) những người Kosala (Kiều-tát-la), đã chọn nơi tạm trú ở Toraṇavatthu nằm giữa Sāvathī và Sāketa. Rồi Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala, trong khi đang đi từ Sāketa đến Sāvathī, đã chọn nơi tạm trú một đêm ở Toraṇavatthu nằm giữa Sāketa và Sāvathī. Lúc đó Vua Pasenadi của xứ Kosala đã nói với một người như vậy: “Này khanh, hãy đi tìm coi có tu sĩ hay bà-la-môn nào đang ở Toraṇavatthu để ta có thể viếng thăm hôm nay.”

“Dạ, thưa đại vương”, người đó đáp lại. Ông ta thăm dò hết cả vùng Toraṇavatthu nhưng không thấy có tu sĩ hay bà-la-môn nào ở đó để Vua Pasenadi có thể đến thăm. Tuy nhiên ông ta đã thấy có Tỳ kheo ni Khemā đang trú ở Toraṇavatthu, nên ông đến thưa với nhà vua:

“Thưa đại vương, không có tu sĩ và bà-la-môn nào có ở Toraṇavatthu để đại vương đến thăm. Nhưng, thưa đại vương, có Tỳ kheo ni tên là Khemā, một đệ tử của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Hiện những tin đồn tốt về bậc nữ tu này như vậy: ‘Ni ấy là bậc khôn trí, giỏi giẩn, thông minh, học rộng, là một người thuyết giảng hay khéo, có biện tài.’ Vậy đại vương có thể ghé thăm ni ấy.”

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp Tỳ kheo ni Khemā, ngồi xuống một bên và thưa với ni ấy:

“Thưa đức ni, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”²¹⁸

“Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’”

“Vậy là, thưa đức ni, Như Lai không hiện hữu sau khi chết?”

“Này đại vương, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết.’”

“Vậy là sao, thưa đức ni, Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết?”

“Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết.’”

“Vậy thì, thưa đức ni, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?”

“Này đại vương, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

“Vậy là sao, thưa đức ni? Khi được hỏi: ‘Thưa đức ni, là sao, Như Lai hiện hữu sau khi chết?’ ... Và khi được hỏi ‘Vậy thì, thưa đức ni, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu

sau khi chết?”— trong mỗi trường hợp ni đều nói: ‘Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này.’ Bây giờ, thưa đức ni, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

“Vậy thì, này đại vương, tôi sẽ hỏi đại vương cũng về vấn đề này. Cứ trả lời nếu đại vương thấy được. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ngài có một người tính toán, hay một kẻ toán, hay một nhà toán học nào có thể đếm số hạt cát của sông Hằng và nói như vậy: ‘Có rất nhiều hạt cát’ hay ‘Có rất nhiều trăm hạt cát’ hay ‘Có rất nhiều ngàn hạt cát’ hay ‘Có rất nhiều trăm ngàn hạt cát’?”

“Không, thưa đức ni.”

“Vậy thì, này đại vương, ngài có một người tính toán, hay một kẻ toán, hay một nhà toán học nào có thể đếm số nước của đại dương và nói như vậy: ‘Có rất nhiều gàu nước’ hay ‘Có rất nhiều trăm gàu nước’ hay ‘Có rất nhiều ngàn gàu nước’ hay ‘Có rất nhiều trăm ngàn gàu nước’?”

“Không, thưa đức ni. Bởi lý do gì? Bởi vì đại dương là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước.”

“Cũng giống như vậy,²¹⁹ này đại vương, nếu ai mô tả Như Lai qua thân-sắc, thì thân-sắc đó Như Lai đã dẹp bỏ, đã cắt bỏ tận gốc, đã làm thành như gốc chết của cây cọ, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Này đại vương, Như Lai được giải thoát khỏi sự suy tính (tính toán, ước tính, tính theo) về mặt

thân-sắc; Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia. Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’ thì cũng không trúng được.

“Nếu ai mô tả Như Lai qua cảm-giác ... qua nhận-thức ... qua những sự tạo-tác cố-ý ... qua thức, thì thức đó Như Lai đã dẹp bỏ, đã cắt bỏ tận gốc, đã làm thành như gốc chết của cây cọ, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Nay đại vương, Như Lai được giải thoát khỏi sự suy tính về mặt thức; Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia. Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’ thì cũng không trúng được.”

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của Tỳ kheo ni Khemā, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào đức ni, và đi ra, giữ ni ở hướng bên phải mình.

Rồi, trong một dịp sau đó, Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức

Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

“Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’”

[Tiếp tục lời kinh như đoạn hỏi đáp ở trên, cho tới:]

“Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

“VẬY là sao, thưa Thế Tôn? Khi được hỏi ‘Thưa Thế Tôn, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?’ ... Và khi được hỏi ‘Vậy thì, thưa Thế Tôn, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?’— trong mỗi trường hợp Thế Tôn đều trả lời: ‘Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này.’ Bây giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

“VẬY thì, này đại vương, ta sẽ hỏi đại vương cũng về vấn đề này. Cứ trả lời nếu đại vương thấy được. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ngài có một người tính toán, hay một kẻ toán, hay một nhà toán học nào ... *[tiếp tục y hệt lời đoạn này ở trên, cho tới:]* ... Này đại vương, Như Lai được giải thoát khỏi sự suy tính về mặt thức; Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia. Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’

thì không trúng; nếu nói ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’ thì cũng không trúng được.”

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Cái cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị sư thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính. Thưa Thế Tôn, trong một lần trước con có đến gặp Tỳ kheo ni Khemā và đã hỏi ni ấy về vấn đề này. Đức ni cũng đã giải thích vấn đề này bằng những từ ngữ và câu chữ y hệt như đức Thế Tôn mới dùng để giải thích. “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Cái cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị sư thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính. Thưa Thế Tôn, bây giờ chúng con phải đi. Chúng con đang bận bịu và có nhiều thứ phải làm.”

“Vậy thì, này đại vương, ngài cứ tùy tiện mà đi.”

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào đức Thế Tôn, và đi ra, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình.

(SN 44:01)

2 *Anurādhā*

[Kinh này giống hết kinh **SN 22:86**.]

(SN 44:02)

3 *Xá-Lợi-Phất và Câu-Hi-La (1)*

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Câu-hi-la [*Koṭṭhita*] đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Xá-lợi-phất. Thầy ấy chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

“Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’”

[*Tiếp tục như đoạn hỏi đáp này trong kinh 44:01 ở trên, cho tới:*] “Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu.’”

“VẬY là sao, này đạo hữu? Khi được hỏi ‘Này đạo hữu, là

sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?’ ... Và khi được hỏi ‘Vậy thì, này đạo hữu, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?’— trong mỗi trường hợp đạo hữu đều nói: ‘Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này.’ Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

“Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’: điều này là dính líu thân-sắc, này đạo hữu. ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’: điều này là dính líu thân-sắc. ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’: điều này dính líu với thân-sắc. ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’: điều này là dính líu thân-sắc.

“Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’: điều này là dính líu cảm-giác ... là dính líu nhận-thức ... là dính líu những sự tạo-tác cố-ý ... là dính líu thức, này đạo hữu. Nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’: điều này là dính líu cảm-giác ... là dính líu thức. Nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’: điều này là dính líu cảm-giác ... là dính líu thức. Nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’: điều này là dính líu cảm-giác ... là dính líu thức.

“Này đạo hữu, đây là nguyên nhân và lý do điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

(SN 44:03)

4 *Xá-Lợi-Phát và Câu-Hi-La (2)*

[*Bắt đầu y hệt kinh kể trên, cho tới:*]

“Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

“Này đạo hữu, đó là những người không biết và thấy thân-sắc đúng như nó thực là, những người không biết và thấy nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’ Đó là những người không biết và thấy cảm-giác đúng như nó thực là ... những người không biết và thấy nhận-thức đúng như nó thực là ... những người không biết và thấy những sự tạo-tác cố-ý đúng như nó thực là ... những người không biết và thấy thức đúng như nó thực là, những người không biết và thấy nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Nhưng, này đạo hữu, những ai biết và thấy thân-sắc ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức đúng như nó thực là, những ai biết và nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và

con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thì họ không nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu, đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

(SN 44:04)

5 *Xá-Lợi-Phát và Câu-Hi-La (3)*

[*Bắt đầu y hệt kinh kể trên, cho tới:*]

“Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

“Này đạo hữu, đó là những người còn tham dục đối với thân-sắc, những người còn sự tham muốn, cảm tình (luyến ái), sự thèm khát, sự mê đắm, và dục vọng đối với thân-sắc, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’ Đó là những người còn tham dục đối với cảm-giác ... những người còn tham dục đối với nhận-thức ... những người còn tham dục đối với những sự tạo-tác cố-ý ... những người còn tham dục đối với thức, những người còn sự tham muốn,

cảm tình, sự thèm khát, sự mê đắm, và dục vọng đối với cảm-giác ... thức, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Nhưng, này đạo hữu, những ai không-còn tham dục đối với thân-sắc ... những ai không-còn tham dục đối với cảm-giác ... những ai không-còn tham dục đối với nhận-thức ... những ai không-còn tham dục đối với những sự tạo-tác cố-ý ... những ai không-còn tham dục đối với thức, những ai không-còn sự tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự mê đắm, và dục vọng đối với cảm-giác ... thức, thì họ không nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu, đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

(SN 44:05)

6 **Xá-Lợi-Phát và Câu-Hi-La (4)**

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phát và Ngài Câu-hi-la đang sống ở Bārāṇasī trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn tu và đến gặp thầy Xá-lợi-phát. Thầy

ấy chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

[Tiếp tục đoạn hỏi đáp y hệt kinh kể trên, cho tới:]

“Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

[i. Thích Thú Năm-Uẩn]

- “Này đạo hữu, đó là những người thích thú thân-sắc, khoái thích thân-sắc, vui thích thân-sắc, và những người không biết và thấy sự chấm-dứt của thân-sắc đúng như nó thực là, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’ Đó là những người thích thú cảm-giác ... những người thích thú nhận-thức ... những người thích thú những sự tạo-tác cố-ý ... những người thích thú thức, những người khoái thích cảm-giác ... thức, những người vui thích cảm-giác ... thức, và những người không biết và thấy sự chấm-dứt của cảm-giác ... thức, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

- “Nhưng, này đạo hữu, những ai *không* thích thú thân-sắc ...

những ai không thích thú cảm-giác ... những ai không thích thú nhận-thức ... những ai không thích thú những sự tạo-tác cố-ý ... những ai không thích thú thức, những ai không khoái thích cảm-giác ... thức, những ai không vui thích cảm-giác ... thức, và những ai biết và thấy sự chấm-dứt của cảm-giác ... thức, thì họ *không* nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu, đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[ii. Thích Thú sự Hiện-Hữu]

“Nhưng, này đạo hữu, có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

- “Có, này đạo hữu. Đó là những người thích thú sự hiện-hữu, những người khoái thích sự hiện-hữu, những người vui thích sự hiện-hữu, và những người không biết và thấy sự chấm-dứt của sự hiện-hữu đúng như nó thực là, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

- “Nhưng, này đạo hữu, những ai *không* thích thú sự hiện-hữu, những ai không khoái thích sự hiện-hữu, những ai không vui thích sự hiện-hữu, và những ai biết và thấy sự chấm-dứt của sự hiện-hữu đúng như nó thực là, thì họ *không* nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không

phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu, đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[iii. Thích Thú sự Dính-Chấp]

“Nhưng, này đạo hữu, có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

- “Có, này đạo hữu. Đó là những người thích thú sự dính-chấp, những người khoái thích sự dính-chấp, những người vui thích sự dính-chấp, và những người không biết và thấy sự chấm-dứt của sự dính-chấp đúng như nó thực là, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

- “Nhưng, này đạo hữu, những ai *không* thích thú sự dính-chấp, những ai không khoái thích sự dính-chấp, những ai không vui thích sự dính-chấp, và những ai biết và thấy sự chấm-dứt của sự dính-chấp đúng như nó thực là, thì họ *không* nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu, đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[iv. Thích Thú Dục-Vọng]

“Nhưng, này đạo hữu, có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

- “Có, này đạo hữu. Đó là những người thích thú dục-vọng, những người khoái thích dục-vọng, những người vui thích dục-vọng, và những người không biết và thấy sự chấm-dứt của dục-vọng đúng như nó thực là, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

- “Nhưng, này đạo hữu, những ai *không* thích thú dục-vọng, những ai không khoái thích dục-vọng, những ai không vui thích dục-vọng, và những ai biết và thấy sự chấm-dứt của dục-vọng đúng như nó thực là, thì họ *không* nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu, đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[v. Còn phương pháp nào khác?]

“Nhưng, này đạo hữu, còn có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

- “Ồ đây, này đạo hữu Xá-lợi-phất, đạo hữu còn muốn có thêm cách gì nữa (để giải thích) cho điều này? Này đạo hữu Xá-lợi-phất, khi một Tỷ kheo được giải-thoát nhờ sự tiêu-diệt dục-

vọng, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả về người đó nữa.”
(tức người đó không còn tái sinh, không còn tái hiện trong thế gian nữa)

(SN 44:06)

7 *Mục-kiền-liên*

Lúc đó có du sĩ tên Vacchagotta đến gặp Ngài Đại Mục-kiền-liên và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy Mục-kiền-liên:

“Là sao, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là bất diệt?”

“Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Thế giới là bất diệt.’”

“Vậy là, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là không bất diệt?”

“Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Thế giới là không bất diệt.’”

“Vậy là sao, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là hữu hạn?”

“Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Thế giới là hữu hạn.’”

“Vậy thì, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là vô hạn?”

“Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Thế giới là vô hạn.’”

“Là sao, Thầy Mục-kiền-liên, linh hồn và thân xác là một?”

“Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Linh hồn và thân xác là một.’”

“Vậy là, Thầy Mục-kiền-liên, linh hồn là một thứ, thân xác là thứ khác?”

“Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Linh hồn là một thứ, thân xác là thứ khác.’”

“Vậy, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

“Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’”

“Vậy là, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai không hiện hữu sau khi chết?”

“Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết.’”

“Vậy là sao, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết?”

“Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết.’”

“Vậy thì, Thầy Mục-kiền-liên, Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’?”

“Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

“Bây giờ, Thầy Mục-kiền-liên, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi những du sĩ thuộc giáo phái khác được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’, hay ‘Thế giới là không bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là hữu hạn’, hay ‘Thế giới là vô hạn’; hoặc ‘Linh hồn và thân xác là một’, hay ‘Linh hồn và thân xác là khác nhau’; hoặc ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?”

“Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi mắt là như vậy: ‘Đây là của-ta, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta.’ Họ cứ coi tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là như vậy: ‘Đây là của-ta, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta.’ Do vậy khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như

vậy: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’ Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì coi mắt là như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta.’ Như Lai coi tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta.’ Do vậy, khi Như Lai được hỏi những câu hỏi như vậy, Như Lai không đưa ra những câu trả lời như vậy.”

Rồi du sĩ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến gặp đức Thế Tôn. Ông ta chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Là sao, thưa thiện sa-môn Cồ-đàm, thế giới là bất diệt?”

[Tiếp tục lời kinh như đoạn hỏi đáp ở trên, cho đến:]

“Này Vaccha, ta cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’.”

“Thầy Cồ-đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi những du sĩ thuộc giáo phái khác khi được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm khi được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?”

“Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi mắt ...

tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là như vậy: ‘Đây là của-ta, đây là ‘ta’, đây là bản thân ta.’ Do vậy khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như vậy: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’ Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì coi mắt ... tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta’, đây không phải là bản thân ta.’ Do vậy, khi Như Lai được hỏi những câu hỏi như vậy, Như Lai không đưa ra những câu trả lời như vậy.”

“Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Cái cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị sư thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính. Thầy Cồ-đàm, vừa rồi tôi có đến gặp sa-môn Mục-kiền-liên và đã hỏi vị ấy về vấn đề này. Sa-môn Mục-kiền-liên cũng đã giải thích vấn đề này bằng những từ ngữ và câu chữ y hệt như Thầy Cồ-đàm mới dùng để giải thích. “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Cái cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị sư thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính.”

(SN 44:07)

Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Là sao, Thầy Cồ-đàm, thế giới là bất diệt?” ...

[Tiếp tục lại đoạn hỏi đáp như như kinh kể trên, cho đến:]

“Thầy Cồ-đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi những du sĩ thuộc giáo phái khác khi được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm khi được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?”

“Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hay thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Họ cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hay thức là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như vậy: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’ Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì *không* coi thân-sắc là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Như Lai *không* coi

cảm-giác ... thức là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, khi Như Lai được hỏi những câu hỏi như vậy, Như Lai không đưa ra những câu trả lời như vậy.”

Rồi du sĩ Vacchagotta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến gặp Ngài Đại Mục-kiền-liên. Ông ta chào hỏi qua lại với thầy Mục-kiền-liên ... và nói với thầy ấy:

“Là sao, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là bất diệt?”

[Tiếp tục lại lời đoạn hỏi đáp như trên, cho đến:]

“Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’.”

“Thầy Mục-kiền-liên, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi những du sĩ thuộc giáo phái khác khi được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất tận’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm khi được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?”

“Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hay thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Họ cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức

là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hay thức là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như vậy: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’ Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì *không* coi thân-sắc là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Như Lai *không* coi cảm-giác ... thức là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, khi Như Lai được hỏi những câu hỏi như vậy, Như Lai không đưa ra những câu trả lời như vậy.”

“Thật kỳ diệu, Thầy Mục-kiền-liên! Thật tuyệt vời, Thầy Mục-kiền-liên! Cái cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị sư thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính. Thầy Mục-kiền-liên, vừa rồi tôi có đến gặp sa-môn Cồ-đàm và đã hỏi vị ấy về vấn đề này. Sa-môn Cồ-đàm cũng đã giải thích vấn đề này bằng những từ ngữ và câu chữ y hệt như Thầy Mục-kiền-liên mới dùng để giải thích. “Thật kỳ diệu, Thầy Mục-kiền-liên! Thật tuyệt vời, Thầy Mục-kiền-liên! Cái cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị sư thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính.”

(SN 44:08)

Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, trong mấy ngày qua một số tu sĩ, các bà-la-môn, và những du sĩ các giáo phái khác đã tụ họp trong hội trường tranh luận ([nguyên văn: “hội trường huyền não”]), và khi họ đang ngồi với nhau thì có cuộc đối thoại khởi sinh giữa họ như vậy:

‘Vị Pūraṇa Kassapa này—là người lãnh đạo một giáo đoàn, một hội đoàn, là sư trưởng của giáo đoàn, là người thầy tâm linh nổi tiếng và nổi danh được nhiều người coi là bậc thánh hiền—khi có một đệ tử (bình thường) nào mới chết, vị này tuyên bố được người này đã tái sinh ở cõi đó, người nọ đã tái sinh ở cõi kia. Và khi có một đệ tử, thuộc hàng cao nhất, một người siêu phàm, một người đã đạt tới sự chứng ngộ cao siêu phàm mới chết, vị ấy cũng tuyên bố được vị này đã tái sinh ở cõi đó, vị đó đã tái sinh ở cõi kia.’”

‘Vị Makkhali Gosāla này ... Vị Nigaṇṭha Nātaputta (Ni-kiền-tử) này ... Vị This Saṅjaya Belatṭhiputta này ... Vị Pakudha Kaccāyana này ... Vị Ajita Kesakambalī (A-tur-đà) này ... khi có một đệ tử (bình thường) nào mới chết, vị này tuyên bố được người này đã tái sinh ở cõi đó, người nọ đã tái sinh ở cõi kia. Và khi có một đệ tử, thuộc hàng cao nhất, một người siêu phàm, một người đã đạt tới sự chứng ngộ cao siêu phàm mới chết, vị ấy cũng tuyên bố được vị này đã tái sinh ở cõi đó, vị đó đã tái sinh ở cõi kia.’”

‘Vị sa-môn Cồ-đàm này— là người lãnh đạo một giáo đoàn, một hội đoàn, là sư trưởng của giáo đoàn, là người thầy tâm linh nổi tiếng và nổi danh được nhiều người coi là bậc thánh hiền—khi có một đệ tử (bình thường) nào mới chết, vị này tuyên bố được người này đã tái sinh ở cõi đó, người nọ đã tái sinh ở cõi kia. Nhưng khi có một đệ tử, thuộc hàng cao nhất, một người siêu phàm, một người đã đạt tới sự chứng ngộ cao siêu phàm mới chết, thì vị ấy *không* tuyên bố người này đã tái sinh ở cõi đó, người nọ đã tái sinh ở cõi kia. Thay vì vậy, vị ấy tuyên bố về sự tái sinh của người đó như vầy: “Người đó đã cắt đứt dục-vọng, đã chặt đứt công-cùm, và, bằng cách phá bỏ sự tự-ta (tự ngã), người đó đã chấm dứt mọi sự khổ.”’

“Thầy Cồ-đàm, có sự bối rối trong tôi, có sự nghi ngờ rằng: ‘Giáo Pháp của sa-môn Cồ-đàm nên được hiểu biết theo cách nào?’”

“Này Vaccha, ông bị bối rối cũng phải thôi, ông nghi ngờ cũng phải thôi. Bởi vì sự nghi ngờ đã khởi sinh trong ông về một vấn đề còn làm bối rối. Này Vaccha, ta tuyên bố sự tái-sinh là đối với người còn nhiên liệu, không phải đối với người không còn nhiên liệu. Giống như một lửa cháy bằng nhiên liệu, không phải không có nhiên liệu; cũng giống như vậy, này Vaccha, ta tuyên bố sự tái-sinh là đối với người còn nhiên liệu, không phải đối với người không còn nhiên liệu..”

“Thầy Cồ-đàm, khi một ngọn lửa bị gió thổi bay đi, thì Thầy

Cồ-đàm tuyên bố lúc đó nhiên liệu của nó là gì?”

“Này Vaccha, khi một ngọn lửa bị gió thổi bay đi, ta tuyên bố lúc đó nó được tiếp liệu bởi gió. Vì lúc đó gió là nhiên liệu của nó.”

“Và, Thầy Cồ-đàm, khi một chúng sinh đã đặt xuống (từ bỏ) thân này nhưng vẫn chưa được tái sinh trong một thân khác, thì Thầy Cồ-đàm tuyên bố lúc đó nhiên liệu của nó là gì?”

“Này Vaccha, khi một chúng sinh đã đặt xuống thân này nhưng chưa tái sinh trong một thân khác, ta tuyên bố lúc đó nó được tiếp liệu bởi dục-vọng.²²⁰ Vì lúc đó dục-vọng là nhiên liệu của nó.”

(SN 44:09)

10 *Ānanda* [Có cái ‘Ta’ hay không?]

Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn ... và nói với đức Thế Tôn:

“Bây giờ thì, Thầy Cồ-đàm, có cái ‘ta’ (ngã, tự ngã, bản ngã) phải không?” Khi điều này được hỏi, đức Thế Tôn im lặng.

“Thầy Cồ-đàm, vậy không có cái ‘ta’ phải không?” Lần thứ hai đức Thế Tôn vẫn im lặng.

Rồi du sĩ Vacchagotta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và bỏ đi. Rồi, không lâu sau khi du sĩ Vacchagotta bỏ đi, Ngài Ānanda mới thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, vì sao vậy, vì sao khi Thế Tôn được hỏi bởi du sĩ Vacchagotta mà Thế Tôn không trả lời?”

“Này Ānanda, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta ‘Có cái ‘ta’ nào không?’ mà ta trả lời ‘Có cái ‘ta’’, thì đó là tán đồng theo những tu sĩ và bà-la-môn theo thuyết bất-diệt (thường hằng; thường kiến). Và, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta ‘Không có cái ‘ta’ phải không?’ mà ta trả lời ‘Không có cái ‘ta’’, thì đó là tán đồng theo các tu sĩ và bà-la-môn theo thuyết hủy-diệt (chết là hết, đoạn diệt, đoạn kiến).

“Này Ānanda, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta ‘Có cái ‘ta’ phải không?’ mà ta trả lời ‘Có cái ‘ta’’, thì điều đó có phù hợp và giúp ta khởi sinh được sự hiểu-biết (trí, minh) rằng ‘*Tất cả mọi hiện-tượng đều là vô-ngã*’ hay không?” (mọi thứ đều vô ngã, chư pháp vô ngã)

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Và, này Ānanda, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta ‘Không có cái ‘ta’ phải không?’ mà ta trả lời ‘Không có cái ‘ta’’, thì, du sĩ, vốn đã bối rối, sẽ càng bị bối rối sùng sờ hơn nữa, rồi ông ta lại nghĩ ‘*Đường như cái ‘ta’ ta từng có bấy lâu nay giờ cũng chẳng còn.*’”

(SN 44:10)

11 Sabhiya Kaccāna

Trong một lần có Ngài Sabhiya Kaccāna đang sống ở Ñātika trong Ngôi Nhà Gạch. Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp thầy Sabhiya Kaccāna, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy:

“Là sao, Thầy Kaccāna, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

[Tiếp tục giống đoạn hỏi đáp này trong kinh 44:01 cho đến:]

“Bây giờ, Thầy Kaccāna, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

“Này Vaccha, để mô tả một người là ‘có thân-sắc’ hay ‘không có thân-sắc’ hay ‘có nhận-thức’ hay ‘không có nhận-thức’ hay ‘không có nhận thức cũng không phải không có nhận thức’ thì chắc phải có nguyên nhân và điều kiện (nhân duyên) để làm điều đó: nhưng nếu nguyên nhân và điều kiện đó chấm dứt hoàn toàn và tiệt hết, không còn tàn dư, thì lấy gì để mô tả người đó là ‘gồm có thân-sắc’ hay ‘không có thân-sắc’ hay ‘có nhận-thức’ hay ‘không có nhận-thức’ hay ‘không có nhận thức cũng không phải không có nhận thức’ như vậy?”

“Thầy Kaccāna, thầy xuất gia đi tu đã bao lâu rồi?”

“Chưa lâu lắm, này bạn hữu. Ba năm.”

“Này bạn hữu, một người đạt được (sự hiểu-biết) như vậy

trong chừng ấy năm thì quả thực là đã (đạt được) nhiều lắm, nói chi tới những người đã vượt qua cả trình độ này!”

(SN 44:11)

—HẾT QUYỂN 4—
(QUYỂN SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN)

CHÚ THÍCH

¹ Chữ “bên-trong” (*ajjhattika* = *adhi* + *atta* + *ika*) là chỉ riêng *sáu cơ-sở cảm-nhận*, tức *sáu giác-quan* (*sáu nội xứ, sáu căn*) và ngược lại là “bên-ngoài” (*bāhira*) là chỉ riêng *sáu đối-tượng ở bên ngoài* (*sáu ngoại xứ*); [mặc dù theo như Vi Diệu Pháp tạng, chữ *dhammāyatana* là chỉ những đối tượng của thức-tâm (*manoviññāṇa*) và những thứ phái sinh của thức (*viññāṇa*)...].] (1)

² [Các kinh **35:1–22** được biên soạn theo những khuôn-mẫu kinh đã từng gặp trước giờ. Trong chương này, mỗi khuôn-mẫu kinh được khởi tạo 02 lượt: lượt đầu cho “*sáu giác-quan*” (bên-trong) và lượt sau cho “*các đối-tượng*” (bên ngoài).] (2)

³ [Spk phân biệt những loại “mắt” khác nhau được nói trong kinh điển Phật giáo. Trước nhất, có hai loại chính: mắt của sự hiểu-biết hay trí nhãn (*ñāṇacakkhu*) và mắt thường hay nhục nhãn (*maṃsacakkhu*).

- Mắt hiểu-biết gồm có năm loại: **(i)** Mắt Phật hay Phật nhãn (*buddhacakkhu*), là sự hiểu-biết về thiên-hướng (căn cơ) và khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) của chúng sinh, và sự hiểu-biết về mức độ chín chắn của các căn tâm-linh của chúng sinh; **(ii)** Mắt Giáo Pháp hay Pháp nhãn (*dhammacakkhu*), là sự hiểu-biết về ba thánh đạo và thánh quả đầu tiên; **(iii)** Mắt vũ trụ hay thế trí nhãn (*samantacakkhu*), là sự hiểu-biết của Phật về vũ trụ; **(iv)** Mắt thiên thánh hay thiên nhãn (*dibbacakkhu*), là sự hiểu-biết khởi sinh sự thâm nhập của ánh sáng [có thể nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của chúng sinh; và **(v)** Mắt trí-tuệ hay tuệ nhãn (*paññācakkhu*), là sự giác ngộ Bốn Diệu Đế.

- Mắt thường gồm có hai loại: **(i)** mắt hợp tổ, tức nhãn cầu, hay phần tròng mắt (*sasambhāracakkhu*); và **(ii)** mắt nhạy cảm (*pasādacakkhu*), là chất liệu nhạy cảm để nhận biết các hình-sắc... [có lẽ là võng mạc và các dây thần kinh thị giác]. Ở đây Phật nói về phần “mắt nhạy cảm” là cơ-sở mắt (nhãn xứ). Tai, mũi, lưỡi, thân cũng được hiểu một cách tương tự như

vậy, như nhĩ xứ... than xứ. Tâm (*mano*) là tâm thuộc ba cõi, là lãnh địa khám phá bằng trí tuệ (*tebhūmakasamma- sanacāraccitta*).] (3)

⁴ [Spk: Cái sự “bên-trong” của sáu giác-quan nên được hiểu là do xuất phát từ sức mạnh của tham-muốn và nhục-dục đối với chúng. Đối với những người coi sáu cơ sở bên-trong như phần bên-trong của ngôi nhà, thì sáu cơ sở bên ngoài giống như xung quanh ngôi nhà. Chỉ do tham-muốn và nhục-dục của người ta là cực kỳ mạnh mẽ trong liên hệ với phần bên-trong ngôi nhà và không để người lạ bước vô nhà; tương tự như vậy trong liên hệ với đối với những cơ sở cảm nhận bên-trong (các giác quan). Nhưng tham-muốn và nhục-dục của người ta đối với phần bên-ngoài là không quá mạnh mẽ, nên họ cũng không cấm cản những người khác đi qua đi lại xung quanh bên ngoài ngôi nhà; tương tự như vậy trong liên hệ đối với những cơ sở cảm nhận bên-ngoài (các đối tượng giác quan).] (5)

⁵ [“Tất-cả” ở đây là: 12 cơ sở cảm nhận bên-trong và bên-ngoài; tức: *sáu giác-quan* và *sáu đối-tượng giác quan*.] (6)

⁶ [Có nghĩa là: Nếu bỏ qua 12 cơ-sở cảm nhận thì người đó không thể chỉ ra một hiện-tượng thực (pháp thực) nào.] (7)

⁷ [Spk: Một người sẽ bị phiền bức, khổ não nếu ra khỏi trú xứ hay lãnh địa của mình.] (8)

⁸ [Spk: trong bài kinh này có ba loại hiểu hoàn-toàn: Sự hiểu hoàn-toàn về điều đã biết, sự hiểu hoàn-toàn bằng cách xem xét thấu đáo, và sự hiểu hoàn-toàn chính là sự dẹp-bỏ.] (11)

⁹ [Bài kinh này, thường được gọi là “*Kinh Lửa*”, theo **Vin I 34–35**; đây được biết là bài thuyết giảng thứ ba Đức Phật đã nói ra (từ sau Giác Ngộ). Theo nguồn này, một ngàn tu sĩ lắng nghe kinh này trước đó là những người tu khổ hạnh thờ thần lửa, và do đó Đức Phật đã dùng luôn đề tài lửa để nói cho họ dễ họ dễ thấm hiểu hơn, (và nhờ đó tất cả họ họ đã giác ngộ).

Nhân tiện: để hiểu thêm về cách Phật đã chuyển hóa được họ bằng bài kinh

này, quý vị có thể coi thêm quyển “*Cuộc Đời Của Đức Phật*” của nhà sư Ñāṇamoli, trang **54–60, 64–69.**] (13)

¹⁰ (Chữ “*sự nhìn-nhận*” là tạm dịch chữ “*maññita*”). [*maññita*: là quá khứ phân từ của *maññanā*] là tiến trình ý nghĩ (tư duy) sai lệch bị chi phối bởi dục-vọng, sự tự-ta (tự ngã), và các quan-điểm này nọ (tà kiến); những quan niệm khởi sinh từ những cách (lối, khuôn, kiểu) nghĩ như vậy cũng được gọi là những sự nhìn-nhận. Trong đó bao gồm cả những ý tưởng ‘Ta là’, ‘Ta là này’ (cái ‘ta’, ‘đây là ta’; ngã kiến, ngã chấp) và tất cả những quan niệm khác xuất phát từ những sai lầm gốc rễ này; coi thêm kinh **SN 35:248.**

Nhân tiện: một khảo sát sâu rộng nhất về những ‘*sự nhìn-nhận*’ là bài kinh *Mūlapariyāya Sutta* **[MN 01]**; coi thêm quyển “*Bài Kinh về Gốc Rễ của sự Hiện Hữu*” của thầy TKBĐ, gồm bản dịch kinh này và những giảng giải về nó.] (15)

¹¹ [Kiểu mẫu lời kinh ‘bốn cách nhìn nhận’ như vậy cũng có trong kinh *Mūlapariyāya Sutta*, mặc dù trong kinh *Mūlapariyāya Sutta* không dùng mẫu này cho mục đích nói về những cơ sở cảm-nhận.] (16)

¹² [Spk: Trong bài kinh này, trí tuệ minh-sát đạt đỉnh là thánh quả A-la-hán đã được giảng giải với 44 trường hợp. Spk-pt: Trong cửa-mắt có bảy thứ: mắt, thức mắt, tiếp-xúc mắt, và cảm-giác sướng, khổ và trung tính. Năm cửa giác quan còn lại cũng giống tương tự như vậy. Đoạn nói về sự “*không nhìn nhận ‘tất-cả*” đã thành 43 thứ, và riêng câu “*người đó không dính chấp gì trong thế giới*” là 1 nữa, nên tổng số là 44.] (17)

¹³ [Nguyên văn: *Sabbamaññītasamugghātasappāyapaṭipadā.*] (18)

¹⁴ [Spk: Trong bài kinh này trí tuệ minh-sát đạt đỉnh thánh quả A-la-hán được giảng giải với 48 trường hợp. Spk-pt: Cụm chữ “*thì nó không phải vậy*” (tức là: là khác, đang khác đi, đang biến đổi) nên được đưa vào mọi phân đoạn của bài kinh, tạo nên 8 thứ trong mỗi phân đoạn đó. Do vậy thành 48 trường hợp. [Spk-pt không giải thích tại sao đoạn nói về các uẩn, các yếu-tố... được đưa vào và đoạn “*người đó không dính chấp gì trong thế gian*” không thể

được đếm thêm thành 2 thứ để nâng tổng số lên thành 50 trường hợp, cho nó giống tương tự như cách đếm của kinh kể trên.] (20)

¹⁵ [Về 10 gông-cùm (*samyojana*) coi kinh **SN 45:179, 45:180.**]

¹⁶ [Về 3 loại ô-nhiễm (*āsava*, lậu hoặc), coi kinh **SN 38:8, 45:163**; về 7 khuynh-hướng tiềm-ẩn (*anusaya*, tùy miên), coi kinh **SN 45:175.**]

¹⁷ [Về 4 loại dính-chấp (*upādāna*, chấp thủ), coi kinh **SN 12:2, 45:173**; về 3 loại hoàn-toàn hiểu (*pariññā*), coi lại chú thích ở kinh **SN 35:26** ở trên. Spk phân đoạn như vậy: “Để hoàn-toàn hiểu về tất cả bốn loại dính-chấp bằng ba loại hoàn-toàn.”] (24)

¹⁸ [Chữ ‘*sự giải-thoát của nó*’ ngay chỗ này là chữ ‘*vimokkhā*’– hiếm khi được dùng. Thường các kinh dùng chữ ‘*vimuttiyā*’ là danh từ trực tiếp liên hệ với tính từ ‘*vimuccati*’: giải thoát.] (25)

¹⁹ [Tỳ kheo Migajāla là con trai của gia chủ Visākhā, vị nữ thí chủ lớn nhất của Đức Phật và Tăng đoàn; coi thêm thi kệ **Th 417-22** là nói về thầy ấy.]

²⁰ [Coi thêm kinh **SN 01:20, SN 04:22.**]

²¹ [Thầy *Upasena* là em ruột của thầy Xá-lợi-phất; coi thêm thi kệ **Th 577-86** nói về thầy ấy. Hang động có miệng vòm che giống hình đầu rắn, nên được gọi tên như vậy.] (31)

²² [Spk: sau khi ăn trưa trưởng lão *Upasena* ngồi khâu vá lại áo cà sa của mình...lúc đó con rắn độc rớt xuống người của thầy, và nọc độc lập tức lan tỏa khắp thân thể. Nên thầy đã nói với các Tỳ kheo như vậy vì không muốn để thân mình chết sinh thời trong hang động.] (32)

²³ [“*Giáo Pháp có thể nhìn thấy một cách trực tiếp*”: *Sandiṭṭhiko dhammo*. Lời câu kinh này là tiêu chuẩn để quán chiếu Giáo Pháp, [chỉ trừ chữ đầu tiên là, *svākkhāto*?] *Upavāṇa* là một người hầu cận của Phật khi Phật bị bệnh do trúng gió; coi kinh **SN 7:13.**]

²⁴ [Cử động, cựa mình, muốn ngồi dậy là để tỏ lòng kính trọng và chào đón khi có người (Phật) đến thăm mình; chú thích này và lời kinh tiếp theo cũng giống lời trong kinh Vakkali **SN 22:87.**] (38)

²⁵ [*‘Sự phai biến của tham dục’*: chữ gốc là *‘rāgavirāgattham’*. Nghĩa của chữ này thường được lặp lại rất nhiều (trong các kinh), vì bản thân chữ *‘virāga’* có nghĩa là *‘không-có rāga’*, tức *‘không-có tham dục’* hay *‘vô-dục’*. Nhưng gốc chữ *‘virāga’* vốn có nghĩa đen là sự loại bỏ màu sắc, sự làm phai màu, và do vậy toàn bộ chữ ghép có thể dịch nghĩa như là “*sự phai biến*” của “*màu sắc*” bị nhuốm bởi *‘tham dục’*.] (39)

²⁶ [Trong các kinh, chữ “*khởi sinh tâm-nhìn của Giáo Pháp*” là đồng nghĩa với sự chứng ngộ một trong ba thánh quả đầu tiên, thường là Nhập-lưu.] (40)

²⁷ [*Niết-bàn không còn sự dính-chấp: Anupādāparinibbānattham.* Ở đây có nghĩa kép, vì chữ Pāli *upādā* (hay *upādāna*) có nghĩa là sự dính-chấp và nhiên-liệu; do vậy có thể hiểu rằng mục-tiêu của Giáo Pháp là sự “*làm tắt [lửa] bằng cách hết nhiên-liệu*”. Lửa ở đây dĩ nhiên là chỉ *tham, sân, si* [coi thêm kinh **SN 35:28**] (41)

²⁸ [Chỗ này không phải Phật nói lấp hay nói kiêu huê-không; ý Phật muốn nhấn mạnh lại rằng vô-minh chính là nguyên nhân gốc rễ của mọi sự trói buộc dính chấp, nên nếu dẹp bỏ được nó là dẹp bỏ hay tháo bung *một-phát* tất cả mọi sự trói buộc dính chấp.] (42)

²⁹ [Nghĩa là: nhìn mọi dấu hiệu (hình tướng) của những sự tạo-tác (hành) khác với cách nhìn của những người không hoàn-toàn hiểu sự dính-chấp. Những người thường nhìn tất cả dấu hiệu là có bản ngã, người hoàn-toàn hiểu thì nhìn chúng là vô ngã, không phải là ngã. Bài kinh này đang nói về tính vô-ngã.] (43)

³⁰ [Coi lại chú thích về mẫu đoạn kinh này trong chú thích kinh **SN 12:24.**] (44)

³¹ [Đây là cách chơi chữ, cố ghép nghĩa chữ thế giới “*loka*” từ chữ “*lujjati*”

có nghĩa: bị tan rã, có bản chất tan hoại; về nghĩa “*sáu cơ sở giác-quan là thế giới*”: coi thêm kinh **SN 35:116.**] (45)

³² [Kinh này giống như **MN 144** có tên “*Lời Khuyên Dạy Channa*” (*Channovāda*). Thêm nữa, Channa trong kinh này rõ ràng là khác với Channa trong kinh **SN 22:90.**] (48)

³³ [Với lời nói này, thầy Channa dường như ngụ ý mình đã là một A-la-hán; một luận giảng giải thích: ‘*một cách không bị tội lỗi*’ tức là ‘*không còn tái hữu, không còn tái sinh nữa.*’] (51)

³⁴ [Tới chỗ **(a)**, **Spk** cho rằng: ‘Thầy Channa trả lời câu hỏi giống như đã gán cho mình thánh quả A-la-hán. Thầy Xá-lợi-phất biết thầy Channa vẫn còn là người phạm, nhưng thầy Xá-lợi-phất không nói ra. Tuy nhiên, thầy Đại Cunda đã tiếp tục khởi xướng (giáo huấn) thêm để thuyết phục thầy Channa (phải nắm chắc) về điều này.’ (52)

[Tới chỗ **(b)**, **Spk** giải thích tiếp: ‘Trong khi thầy Channa đã dùng dao, những *dấu-hiệu* (hình tướng) của cảnh-giới tái-sinh hiện ra, thầy ấy nhận ra mình vẫn còn là người phạm chấp và tâm còn bị kích động (lo sợ, bận tâm). Thầy ấy liền thiết lập sự minh-sát, nhận biết rõ những sự tạo-tác (các hành), và chứng luôn thánh quả A-la-hán và Niết-bàn.

[**(c)** Nhưng, lưu ý, *các luận giảng chỉ là những giải thích từ bên ngoài đưa vào để giải thích nghĩa kinh*, (không nhất thiết là luôn đúng với nghĩa của kinh). Nếu người đọc bám chắc vào từng lời kinh thì dường như thầy Channa đã là một A-la-hán khi thầy ấy đã tuyên bố như vậy về sự “*không bị tội lỗi*” của mình. Điều này thực sự là ‘*cú sốc*’ khi cả hai vị thánh đạo hữu đã không nhận ra! Có thể hiểu hàm ý của lời kinh là như vậy: sự đau đớn dữ dội đến mức đã thúc đẩy một bậc A-la-hán muốn kết liễu mạng sống của mình—không phải do còn sân si, mà đơn giản chỉ vì mong muốn thoát khỏi sự đau đớn quá sức chịu đựng của thân; [giống kinh **SN 22:87** nói về sự kết liễu thân mình của A-la-hán Vakkali vậy.] (52), (53), (54), (55), (56), (57)

³⁵ [Coi thêm kinh **SN 54:09.**] (59)

³⁶ [Trong kinh **MN III** 269,28–29 nói rằng thầy ấy chứng bát-Niết-bàn “vào một lúc sau đó” (*aparena samayena*), chứ không xác định rõ là trong kỳ An cư Mùa Mưa (Kiết Hạ) đó.]

³⁷ [Spk giải thích] (62)

³⁸ [Coi thêm chú thích thứ hai của kinh **SN 35:30** ở trên.] (63)

³⁹ [Như trong kinh **SN 35:31**, coi chú thích của nó.] (64)

⁴⁰ [Như kinh **SN 35:23**, và chú thích của nó.] (65)

⁴¹ [Cảm nhận là thuộc uẩn cảm-giác (thọ uẩn), ý-định là uẩn những sự tạo-tác (hành uẩn), nhận thức là uẩn nhận-thức (tưởng uẩn).] (67)

⁴² Nguyên văn: *dukkhādhivāhā*. Spk: chúng là những kẻ mang đến (*āvahanakā*) sự khổ đau cùng cực (*adhidukkha*), được xếp hạng như địa ngục, hỏa ngục...] (69)

⁴³ [Spk giải thích] (70)

⁴⁴ [*Mālun̄kyaputta* xuất hiện trong kinh **MN 63** và **64**; và trong thi kệ **Th 794–817**. Cũng có mặt trong kinh **AN II 248–49**, trong đó thầy đã thỉnh cầu giáo pháp khi tuổi đã già.] (72)

⁴⁵ Lời dạy này cũng được nói cho ần sĩ *Bāhiya Dārucirīya* trong kinh **Ud 8,5–12**. (... và sự giảng giải rất dài của Spk)] (75)

⁴⁶ (79)

⁴⁷ [*‘Lấp đất’*: nghĩa gốc là rãi lấp, rãi đầy; hàm nghĩa: bị nhuộm màu bởi những ô-nhiễm] (81)

⁴⁸ [*‘Những hiện-tượng’* (các pháp): **(i)** theo Spk: là những trạng thái định và tuệ minh sát (*samatha-vipassanā dhammā*); **(ii)** nhưng theo tôi: ‘*những hiện-tượng*’ ở đây là chỉ sáu giác-quan (bên trong) và *sáu đối-tượng giác quan* (bên ngoài) không thể hiện đúng thực là ‘*vô thường, khổ, vô ngã*’; coi thêm

kinh **SN 35:99** bên dưới.] (83)

⁴⁹ [Ông Uddaka Rāmaputta là vị thầy thứ hai của Phật về thiền-định trong thời trước khi Phật, lúc đó Phật đã thấy cách tu đó không đưa đến sự giải thoát rốt ráo, nên đã từ biệt ông. Coi **MN I** 165-66] (86)

⁵⁰ [‘*Bị chà xát và đè bóp*’: nghĩa bóng là bị tác động và tác hại, bị hư biến đủ kiểu; cả câu này muốn chỉ các giai đoạn ‘*sinh, trưởng, hoại, diệt*’ của thân.] (87)

⁵¹ *Sự an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc (yogakkhemupariyāyam)*. Chữ *yogakkhema* thường là một chữ đồng nghĩa thánh quả A-la-hán hay Niết-bàn, được giải thích bởi những nhà luận giảng là sự an-toàn hay sự giải-thoát khỏi bốn sự trói-buộc (*yoga*) của sự tham-dục, sự hiện-hữu, sự vô-minh, và những tà-kiến.ươ] (88)

⁵² [So sánh kinh **SN 22:150**, cùng khuôn-mẫu kinh.] (90)

⁵³ [Đây là ba dạng của sự ‘tự ta’ (ngã mạn, ta-đây); coi thêm kinh **SN 22:49**.] (91)

⁵⁴ (94), (95)

⁵⁵ (94), (95)

⁵⁶ [Coi thêm kinh **SN 2:26** [= **AN II 47-49**]; kinh **116** này có thể được coi như một luận giảng đối với hai kinh đó vậy.] (96)

⁵⁷ [Toàn bộ phần lời kinh còn lại bên dưới cũng được tìm thấy trong kinh **MN I 110–11**, **MN III 223–25**; **Spk**: Phật đã biết trước các Tỷ kheo sẽ đến gặp hỏi thầy Ananda và thầy ấy sẽ giảng giải tiếp, và sau khi nghe họ sẽ khen ngợi thầy Ananda...] (97)

⁵⁸ [Thế giới ở đây là thế giới được nhận thức bởi sáu giác-quan, có thể gọi là

‘*thế giới do trải nghiệm*’. Theo vòng nhân-duyên, khi còn vô-minh và dục-vọng là còn sinh ra sáu giác-quan, cho nên tu tập để diệt dục-vọng cũng là cách chấm dứt sáu giác-quan, để không còn khởi sinh lại sáu giác-quan, không còn tái sinh. Coi thêm kinh **SN 2:26** và chú thích của nó.] (98)

⁵⁹ [Spk giải thích] (102)

⁶⁰ [*chấm dứt sáu giác-quan* là đồng nghĩa Niết-bàn. Mà ở đây chúng ta thấy lời giải thích của thầy Ananda thậm chí còn ngắn gọn hơn nhiều so với câu nói ‘vấn tắt’ của Phật.] (104)

⁶¹ (106)

⁶² [Coi phân tích chi tiết ở **Vism 20-22 (Ppn 1:53-59)**] (107)

⁶³ [Coi **Vism 31-33, (Png 1:89-94)**] (108)

⁶⁴ [Giống kinh **MN 147.**] (109)

⁶⁵ Spk: riêng trong bài kinh này, chữ “*tâm-nhìn của Giáo Pháp*” không phải chỉ chỉ bậc Nhập-lưu mà chỉ cả bốn thánh đạo và thánh quả. Một số thiên thần đã chứng ngộ Nhập-lưu, một số Nhất-lai, một số Bất-lai, và một số chứng luôn A-la-hán. Số lượng thiên thần trong bài kinh này là rất nhiều, không thể đếm được. ươ] (112)

⁶⁶ [Trong kinh **AN I 26,11** ông được tuyên bố là đệ tử tại gia nam ưu tú trong số những đệ tử tại gia cúng dường một cách đúng đắn; coi thêm kinh **AN IV 208-12.**] (113)

⁶⁷ [Trong kinh **AN I 26,12** ông được tuyên bố là đệ tử tại gia nam ưu tú trong số những đệ tử tại gia tham dự vào Tăng đoàn; coi thêm kinh **AN IV 212-6.**] (114)

⁶⁸ [Về câu chuyện chuyển đạo của vị gia chủ này, coi kinh **MN 56.**] (115)

⁶⁹ [Trong kinh **AN I 26,12** thầy Bhāradvāja được tuyên bố là đệ tử xuất gia

ưu tú trong số những người đã cất lên tiếng gầm sư tử; thầy ấy tuyên bố thánh quả A-la-hán của mình trong kinh **SN 48:49**; coi thêm **Vin II, 111-12.**] (116)

⁷⁰ [Udena là vua của xứ Kosambī; về chuyện của ông, đọc thêm các kinh **Dhp-a I 161–227**; **BL 1:247–93**] (117)

⁷¹ [Chỗ này chính là chủ-đề thiền được gọi là “*nhận-thức về sự không sạch ô uế của thân*” (*asubhasaññā*) [như trong kinh **AN V 109,18–27**], hoặc “*quán-niệm về thân*” (*kāyagatāsati*) được giảng giải chi tiết trong **Vism 239–66** (**Ppn 8:42–144**).] (120)

⁷² [*Abhāvitakāyā*: không tu thân. Spk: là không tu tập tu dưỡng trong “thân” của năm cửa giác quan (*abhāvitapañcadvārikakāyā*), tức là thiếu kiểm chế giác quan.] (121)

⁷³ (Gia chủ Ghosita là người cúng dường khu tịnh xá ở Kosambi, nên được gọi là Tịnh Xá của ông Ghosita hay Tịnh Xá Ghosita.)

⁷⁴ [Ba yếu-tố: giác quan, đối tượng, và thức; rồi nhân với sáu giác-quan là có mười tám; về các yếu-tố (giới), coi các kinh **SN 14:01–10**] (122)

⁷⁵ [Spk: *Tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng*: đó là, một tiếp-xúc hội với thức-mắt có chức năng là một điều-kiện (duyên), theo cách là sự hỗ-trợ (trợ duyên) quyết định (*upanissaya*), đối với một cảm-giác sướng trong thời *javana* (tâm tốc hành). Cảm-giác sướng khởi sinh trong thời *javana* phase tùy thuộc theo một tiếp-xúc. Ứng dụng cách lý giải tương tự cho những đoạn kinh kế tiếp.] (123)

⁷⁶ [Gia chủ này cũng xuất hiện trong các kinh **SN 22:03–04**] (124)

⁷⁷ [Câu này giống như trong kinh **SN 14:04**] (125)

⁷⁸ [*Manāpam itth’ etan ti pajānāti*. Spk: Tỳ kheo đó hiểu hình-sắc dễ ưa được nhìn thấy bởi mình như vậy: “*Nó chỉ là vậy*”, nghĩa là, “*Đó chỉ là một thứ dễ ưa*” (chỉ biết vậy thôi: không có gì phải dính theo hay mê thích hay dính tâm theo nó)] (126)

⁷⁹ [Ngay đầu kinh **SN 22:01** có chú thích về ông.] (128)

⁸⁰ [Spk: Giáo Pháp ở đây là mười đường nghiệp thiện (chứ chưa có toàn bộ Giáo Pháp của Phật sau này), và thiền định (*jhana*) là tu tập tám tầng thiền định (chứ chưa có thiền tuệ minh-sát.)] (131)

⁸¹ [Có ý thích hay ham thích (*adhimuccati*) thứ gì bằng cách “*tham*”; từ chối hay ghét đả (*byāpajjati*) thứ gì bằng cách “*sân*” hay “*ác-y*”.] (130)

⁸² [*‘đẹp bình bát’*: là không ăn nữa, nhưng hành động đầy đủ của một Tỷ kheo lúc đó là mang bình bát ra và đổ nước vào, dùng tay phải rửa bình bát và rửa luôn bàn tay mình trong đó luôn (sau cùng có thể tráng nước bình bát và dội nước bàn tay làm cuối).] (135)

⁸³ [Lý do chỗ này là: một Tỷ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho người nghe còn mang giày dép là phạm giới luật ***Sekhiya 61***; cho người ngồi chỗ cao hơn là phạm giới luật ***Sekhiya 69***; cho người trùm che đầu tóc là phạm giới luật ***Sekhiya 67***. Ý nghĩa giới luật: những trường hợp đó thể hiện sự không tôn trọng của người nghe]; (có lẽ do nữ bà-la-môn không phải người trong Tăng Đoàn nên không hề biết điều đó mà thôi).] (136)

⁸⁴ (*Sakya* (Thích-ca) là một xứ, một vương quốc, của những người họ tộc Thích-ca; họ tộc Thích-ca có nhiều dòng họ khác nhau, như họ tộc Cồ-đàm (Gothama) của Phật...)

⁸⁵ [Spk: không có địa ngục nào tên này, vì cách gọi như vậy là chỉ chung về ***31 đại địa ngục***; nếu chỉ cái tệ nhất trong số đó thì đó là đại địa ngục A-tỳ (Avīci), hoặc trong **SN 56:43** có tả về một đại địa ngục khác là Đại Hỏa Ngục.] (138)

⁸⁶ [Spk cho rằng ‘thiên-đường’ ở đây là chỉ cung trời Tāvātimsa (Đao-lợi, cõi trời Ba Mươi Ba)?.] (139)

⁸⁷ [Spk: Cách-nhìn hay chánh-kiến này của bậc trí-hiền rõ-thấy (*idaṃ passantānaṃ paññitānaṃ dassanaṃ*) là ngược lại (*paccanikaṃ*), là trái

ngược, với toàn bộ thể gian. Vì thế gian nhận làm năm-uẩn là thường-hằng, là hạnh-hức, là bản ngã, và đẹp-đẽ (*thường, lạc, ngã, tịnh*), còn những bậc trí thì rõ thấy chúng là vô-thường, khổ, vô-ngã, và ô-úế.] (142)

⁸⁸ [Spk: “*Trạng thái đó*” = trạng thái Niết-bàn (*nibbānapadam*). “*Đã hoàn toàn tắt ngấm*”: bậc vô-nhiễm đã hoàn toàn tắt ngấm bởi sự dập tắt mọi ô-nhiễm (*kilesaparinibbānena parinibbanti*). Hoặc nói cách khác, sau khi trở nên không còn dính-nhiễm nhờ sự hiểu-biết đúng đắn (chánh trí), những bậc ấy hoàn toàn tắt ngấm (tịch diệt) bằng cách dập tắt năm-uẩn (*khandhaparinibbānena parinibbanti*).] (143)

⁸⁹ (144)

⁹⁰ [Đề ý: các kinh **SN 35:140–45** là các kinh song hành với các kinh **SN 22:18–20**.] (145)

⁹¹ [“*được tạo ra*”: *abhisakkhata*; “*được chế tác* (tác thành, hình thành) bởi sự cố-ý”: *abhisancetayita*; “*thứ để được cảm nhận*”: *vedaniya*.] (“*nghiệp cũ*” chỗ này đang chỉ các *giác-quan*; kinh **SN 12:37** cũng có chú thích ‘*nghiệp cũ*’ y hệt như vậy, nhưng nó chỉ chỉ về thân)] (146)

⁹² [Nguyên văn: ‘*Anantevāsikam idaṃ bhikkhave brahmacariyaṃ vussati anācariyakam*’. Chỗ này rất khó dịch ra ngay!, vì lời kinh như câu đánh đố, có chơi chữ và hàm nghĩa. Một “*học trò*” (*antevāsī*) có nghĩa gốc là “*người sống ở bên-trong*”, do vậy [như lời kinh kế tiếp bên dưới cũng giải thích] một người có các ô-nhiễm không trú ở bên-trong (*na antovasanti*) thì được gọi là “*không-có các học trò*” (vì chữ ‘*học trò*’ nghĩa gốc = ‘*người sống ở bên trong*’, như vậy ‘*không có các học trò*’ = ‘*không-có ai trú ở bên-trong*’). Còn chữ “*sur thấy*” (*ācariya*) được chơi chữ với chữ (*samudācarati*) có nghĩa là “*tấn công*”; do vậy một người không bị tấn công bởi các ô-nhiễm thì được gọi là “*không-có sur thấy*.” Spk thì cho rằng:

(*anantevāsikam+anto vasanakilesavirahitam*) = “*không-có các ô-nhiễm trú ở bên trong*”, và

(*anācariyakam+ācaranākilesavirahitaṃ* = “không-có các ô-nhiễm tấn công”.) (148)

⁹³ [Về “*sự-nhớ*”, coi lại giải thích chỗ này trong kinh **35:96** ở trên, là bao hàm hai nghĩa là *sự-nhớ* và *chánh-niệm*.] (149)

⁹⁴ [Coi thêm kinh **SN 12:68**.] (150)

⁹⁵ [So sánh kinh **SN 35:70**. Spk nói bài kinh nói về sự quán-chiếu lại (*paccavekkhaṇā*) của một học-nhân (*sekha*) và về bậc A-la-hán.] (151)

⁹⁶ [*Được trang bị các căn: Indriyasampanno*. Spk: có nghĩa là: *hoàn thiện trong các căn (paripuṇṇindriyo)*. Người đã chứng thánh quả A-la-hán bằng cách khám phá sáu căn giác-quan (sáu giác quan) bằng minh-sát tuệ thì được nói là “*hoàn thiện trong các căn*”, bởi vì người đó có-được các căn đã được thuần-hóa, hoặc bởi do người đó có-được các căn tâm linh như can niềm-tin, căn trí-tuệ... đã khởi sinh bằng cách khám phá sáu căn giác-quan bằng minh-sát tuệ, như căn mắt ... căn tâm.. Để coi thêm về “*được trang bị các căn*”, mời coi lại kinh **SN 48:19**.] (152)

⁹⁷ (153)

⁹⁸ [**Ee** nhóm mỗi ba kinh thành một kinh, nên số bài kinh cuối cùng của họ là 186; nhưng **Be** và **Se**, (và thầy TKBD cũng làm theo), thì đánh số mỗi kinh bằng mỗi số riêng, nên số kinh cuối cùng là 227.

Spk: **60** bài kinh này được nói cho những thiên-hướng (căn cơ) của những người-nghe khác nhau để cho họ dễ giác ngộ; như vậy mỗi bài kinh được thuyết giảng riêng cho mỗi thiên-hướng của người-nghe (*puggala-ajjhāsayavasena*). Cuối cùng **60** Tỳ kheo đều chứng ngộ A-la-hán.] (160)

⁹⁹ [Spk: ‘*đại dương đối với một người*’: ngụ ý **(i)** mệnh mông khó lấp đầy, không thể làm thỏa mãn bằng mọi đối tượng hình sắc ở cõi trần và cõi trời... và **(ii)** (người) bị chìm ngìm trong đại dương của những đối tượng hình sắc...] (161)

¹⁰⁰ [Theo kinh **It 114, 15-18** thì giải thích những hiểm nguy đó như sau: “sóng dữ” (*ūmi*): sân giận và tuyệt vọng (*kodhūpāyāsa*); “lốc xoáy” (*āvatta*): năm dây dục lạc; “cá mập và quỷ dữ” (*gāharakkhasa*): phụ nữ (sắc dục).] (162)

¹⁰¹ [Cả bốn cây đều thuộc họ cây fig, tức họ cây đa đề; coi thêm kinh **SN 46:39.**] (167)

¹⁰² [Tức là: nếu không có tham-muốn và nhục-dục là gốc rễ của khổ đau thì sự tu hành để tiêu diệt tham-muốn và nhục-dục đâu có nghĩa lý gì. Bởi chừng nào người còn sáu giác-quan thì còn bị gông cùm bởi những đối tượng giác quan, và không thể được giải thoát] (168)

¹⁰³ [Giống ví dụ trong kinh **SN 22:95.**] (169)

¹⁰⁴ [Gây chia rẽ trong Tăng Đoàn là phạm vào một trong năm trọng tội sẽ bị nghiệp báo lập tức, kiếp kế tiếp sẽ bị rớt ngay xuống địa ngục. Coi **It 10-11** và **Vin 198**] (171)

¹⁰⁵ [Chỉ bốn họ rắn độc; kinh **AN II, 110-11** cũng nói về bốn họ rắn độc này.] (173)

¹⁰⁶ [Coi thêm ví dụ *cái bè* trong kinh **MN I, 134-135**] (177)

¹⁰⁷ [coi thêm kinh **SN 35:228** ở trên.] (178)

¹⁰⁸ [Về các yếu-tố, mời coi thêm ở **Vism 367–68 (Ppn 11:102)**] (179)

¹⁰⁹ [Coi thêm ví dụ người hầu cận sát thủ trong kinh **SN 22:85.**] (181)

¹¹⁰ [So sánh lời trong kinh **AN I, 113-14**, ví dụ người lái xe ngựa bên dưới cũng có ở **MN III, 97.**] (183)

¹¹¹ (Về chỗ này, mời coi thêm **Vism 31-33 (Png 1:89-94)**)

¹¹² (186)

¹¹³ [Giống lời kinh trong **SN 22:03.**] (187)

¹¹⁴ [Lời kinh này cũng được ghi trong các kinh: **AN II 239, 29–240,1, AN IV 128,23–26, 201,20–23; Ud 52,13–16, 55,10–13.**] (188)

¹¹⁵ [Cồ-đàm (*Gotama*): Phật gọi như vậy vì nhóm người này cũng thuộc dòng họ *Gotama*, giống như Phật]. (*Gotama* (Cồ-đàm) là một dòng họ trong họ tộc *Sakya* (Thích-ca).) (192)

¹¹⁶ [Chữ gốc ‘*avassuta*’: bị chảy-vào, bị nhiễm vào] (194)

¹¹⁷ [Giống như lời kinh **SN 35:132.**] (195)

¹¹⁸ [(Toàn bộ đoạn này như một câu). Và câu này trong bản gốc tiếng Pali là vô cùng phức hợp, dùng một lần ba mệnh đề...; cú pháp lời kinh này là không thông thường (đơn giản) như trong các kinh khác của Phật...] (196)

¹¹⁹ [Spk: *dukkhadhammā* (những pháp khổ) là *dukkhasambhavadhammā* (những trạng thái từ đó khổ phát sinh ra). Bởi vì do có năm-uẩn nên từ đó có thể phát sinh ra nhiều loại khổ như bị thương, bị giết, bị bắt tù... (trong kiếp luân hồi)] (197)

¹²⁰ [Giống ví dụ trong kinh **SN 12:63**, chỉ khác một chút lời.] (198)

¹²¹ [Ví dụ này cũng có ở **MN I 453,26–29** và **MN III 300,19–23.**] (201)

¹²² [‘*thanh lọc tâm-nhìn*’ (*dasaana*) thường có nghĩa là chứng ngộ Nhập-lưu, đã đạt tới ‘*tâm-nhìn của Giáo Pháp*’ (*dhammacakkhu*); tuy nhiên ‘*tâm-nhìn được thanh lọc một cách khéo léo*’ (*suvisuddham*) ở đây có lẽ chỉ chặng thánh đạo để chứng thánh quả A-la-hán.]

¹²³ [Chữ ‘*kiṃsuka*’ có nghĩa ‘*đây là gì?*’]. (Từ chú thích (204) vẫn chưa nhận diện rõ đó là cây nào ...)] (204)

¹²⁴ [Chữ gốc: ‘*sirīsa*’, tức là Cây Bò-Đề của Đức Phật Kakusandha (Câu-lưu-

tôn); coi kinh **DN II 4,12.**] (205)

¹²⁵ [*Bị chà xát và đè bóp*: nghĩa bóng là bị tác động và tác hại, bị hư biến đủ kiểu; cả câu này chỉ các giai đoạn ‘sinh, trưởng, hoại, diệt’ của thân; Spk giải thích y hệt như chú thích ở kinh **SN 35:103** ở trên.] (208)

¹²⁶ [Spk suy luận ‘*người chủ thành*’ là cái tâm minh-sát (*vipassanācitta*), đó là hoàng tử được đăng quang bằng sự đăng quang là thánh quả A-la-hán bởi hai sứ giả-sự tĩnh-lặng và minh-sát. Sự diễn dịch này theo tôi là quá bó hẹp. Tôi nghĩ đơn giản ý chỗ này có nghĩa: “*thức*” là trung tâm của mọi trải nghiệm cá nhân.] (209)

¹²⁷ [Ngoài *Chương 5* (**SN 5**) trong **Quyển I**, trong bộ kinh này hiếm khi thấy đề cập tới các Tỷ kheo ni; Tỷ kheo ni chỉ được đề cập thêm một lần nữa ở kinh **SN 35:231** ở trên. (Phật cũng có ít có hội nói trực tiếp cho các Tỷ kheo ni).] (211)

¹²⁸ [*Cần cạo khan hiếm*’ là tạm dịch chữ gốc [*duhitika*]: nghĩa là ‘không có gì để ăn, uống, nghỉ ngơi... nên không thể đi qua được’; nghĩa bóng: là con đường ô-nhiễm phạm tục là như ‘con đường *duhitika*’.] (212)

¹²⁹ [Ba cái này là chỉ ba sự *dính-chấp* chính đại của con người: cái ‘*ta*’: thân kiến; cái ‘*của-ta*’: dục vọng; cái sự ‘*ta là*’: sự ta-đây, tự ngã. Ba ‘cái’ này thì đã hết sạch trong những bậc A-la-hán.] (217)

¹³⁰ [Spk giải thích ý nghĩa là Tỷ kheo thiếu đức-hạnh thì như cái gai thúi làm thương tổn những người dân làng. Còn Spk-pt thì nói: những Tỷ kheo thiếu thất-đức thì như người ép uông dân làng phải cúng dường mặc dù những ‘đại đức thúi’ là không đáng được cúng dường hay kính trọng...] (219)

¹³¹ [Nghĩa như trong kinh **SN 22:64**; Skp: tức không nhìn nhận năm-uẩn theo cách của dục-vọng, tà kiến (thân kiến), và sự tự-ngã (ngã kiến)] (223)

¹³² [Về ý niệm ‘*Ta-là*’: chữ ‘*Ta-là*’ [*asmi*] thường đặc chỉ sự ‘*tự-ta*’ (tự ngã), coi lại trong kinh **SN 22:89** theo lời của Ngài Khemaka; về ‘*chín sự nhìn-*

nhận’: coi lại kinh **SN 22:47**, chúng cũng được ghi trong **MN III 246**.] (224)

¹³³ [TKBD: Phần thi kệ [*trong kinh này và các kinh sau*] không được đề trong ngoặc kép “...”, vì chúng có vẻ không phải lời của Phật; có thể những người biên tập ngày xưa đã lấy từ chỗ nọ chỗ kia trong các kinh rồi gắn vào các bài kinh này. Trong kinh này, lời kệ kinh được nói theo khuôn-mẫu ‘*Tứ Diệu Đế*’, với ‘*khổ*’ được thay bằng ‘*cảm-giác*’ với ý nghĩa rằng mọi cảm-giác đều nằm trong sự khổ, bởi cảm-giác cũng là một trong năm khổ uẩn. Spk giải thích rằng ‘*có đạt-định*’ và ‘*luôn rõ-biết*’: là định và tuệ minh-sát. Còn Spt-*pt* thì giải thích: ‘*hết đối*’: là hết dục vọng; ‘*dập tắt*’: là hết mọi ô-nhiễm. Như vậy, bài kệ là bao gồm tất-cả, gồm tất cả những trạng-thái trong bốn-cõi.] (227)

¹³⁴ (Tức: sướng không tham, khổ không sân, trơ không si (mà phải biết rõ về nó).)

[Ba khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) này trong tiếng Pāli là *rāgānusaya*, *paṭighānusaya*, *avijjānusaya*. Trong số 7 khuynh-hướng tiềm-ẩn (*anusaya*) [coi lại kinh **SN 45:175**] thì riêng ba loại này liên quan tới những cảm-giác; coi thêm kinh **MN I 303,6–11**.] (229)

¹³⁵ [Spk: ‘*phá tan tự-ngã*’ bằng cách nhìn-ra nó và dẹp-bỏ nó.] (231)

¹³⁶ [Tức, theo Spk: người phạm tục không biết có sự giải-thoát là “*thiền định*, *đạo tu*, và *quả tu*”. Họ chỉ biết một chỗ giải thoát tạm bợ là các dục lạc để che lấp những sự khổ đau]. (235)

(Ví dụ: nhân loại luôn tìm kiếm vui sướng trong đủ loại dục lạc như: phương tiện tiền của, tiện nghi, ái tình, tính dục, ăn uống, rượu chè, hút chích, trò chơi, trò giải trí, tiệc tùng, tụ tập ...)

¹³⁷ (Nguyên văn dịch là: “*Một Tỳ kheo nên chờ tới lúc của mình có chánh-niệm và thường rõ-biết*”. Câu này có thể được hiểu là: “Người tu nên sống có chánh-niệm và tỉnh-giác cho đến lúc chết”; hoặc: “Trong khi chờ đến lúc chết, người tu nên luôn thực hành sự chánh-niệm và sự tỉnh-giác”; hoặc:

“Chừng nào còn sống, người tu phải luôn có chánh-niệm và rõ-biết”. Bởi cảnh lúc này là Phật đang nói với những người bệnh ở khu bệnh xá.)

¹³⁸ [Ví dụ này cũng có trong kinh **SN 12:62** và **48:39.**] (240)

¹³⁹ [Spk: *Cảm-giác dễ chịu thuộc thể-xác (sāmisā)* là cảm-giác kết nối với cảm nhận thể xác; *cảm-giác dễ chịu thuộc tinh-thần* [thuộc tâm thần, thuộc tâm] (*nirāmisā*) là cảm-giác khởi sinh trong tầng thiền định thứ nhất ... thứ hai hay bằng thiền tuệ minh-sát, hay bằng cách tưởng-niệm Phật (hay Pháp, Tăng). *Cảm-giác khổ đau thuộc thể-xác* là cảm-giác thể xác khởi sinh thông qua cảm nhận thể-xác [Spk-pt định nghĩa: đó là cảm-giác khổ đau của những người đang chịu đựng đau khổ do cảm nhận giác quan]; *cảm-giác khổ đau thuộc tinh-thần* là cảm-giác ưu phiền (*domanassa*) khởi sinh do khao khát đạt tới sự giải-thoát vô thượng [Spk- pt: chính là thánh quả A-la-hán] (mà chưa đạt được). *Cảm-giác trung tính thuộc thể-xác* khởi sinh thông qua cảm nhận thuộc thể-xác; *cảm-giác trung tính thuộc tinh-thần* là cảm-giác trung tính khởi sinh bằng cách (trong trạng thái) tầng thiền định thứ tư (trạng thái không còn vướng khổ). Coi thêm kinh **36:31.**] (244)

¹⁴⁰ [Lời kinh này cũng nằm trong kinh **MN 59**, kinh “*Bahuvedaniya Sutta*”.] (245)

¹⁴¹ [108 loại cảm-giác này được giảng giải trong kinh **36:22** bên dưới dưới.] (246)

¹⁴² [Kể từ tầng thiền định thứ tư trở lên, do không còn sự vướng và khổ, nên sự hạnh-phúc ở đây được coi là dạng “*khoái-lạc bình an và siêu phàm*”; thường được gọi là “*an trú*” hay “*lạc trú*”, theo nghĩa nó là “*bình an và siêu phàm*”] (247)

¹⁴³ [*Sự chấm-dứt* (tịch diệt) được gọi là hạnh-phúc theo nghĩa nó là ‘*niềm hạnh phúc không được cảm nhận*’ (*avedayasukha*) (bằng giác quan).’ Còn ‘*niềm hạnh phúc được cảm nhận*’ (*vedayasukha*) thì khởi sinh theo cách của năm dây khoái lạc-giác-quan và tám tầng thiền nói trên, trong khi đó *sự chấm-dứt* thì được gọi là ‘*niềm hạnh phúc không được cảm nhận*.’ Cho dù có

được cảm nhận hay không, chúng vẫn đều là hạnh-phúc theo cái nghĩa là ‘*sự an trú không-còn khổ đau*’ (*niddukkhabhāva*).] (248)

¹⁴⁴ [Tôi đọc nguyên văn câu cuối là: *Yattha yattha āvuso sukhaṃ upalabbhati yamhi yamhi, taṃ taṃtathāgato sukhasmiṃpaññāpeti*. Spk: Cho dù sự hạnh-phúc (lạc) được cảm nhận hay không được cảm nhận, Như Lai mô tả rằng sự gì không còn khổ là hạnh-phúc thôi.]

¹⁴⁵ [*Moḷi* (hay *moli*, *cūlā*): búi tóc trên đầu; tên vị này có nghĩa: ‘*Sīvaka có búi tóc*’.]

¹⁴⁶ Quan điểm này thường được coi giống giống như kiểu thuyết *pubbakatahetuvāda* (thuyết nghiệp tiền sinh, nghiệp từ kiếp trước). Trong kinh **MN II 214–23**, trong đó thuyết này được cho là của đạo Jain (Ni-kiền-tử), Đức Phật đã bác bỏ theo một góc độ lý lẽ, và trong kinh **AN I 173,27–174,15** thì Đức Phật cũng phê phán theo một góc độ khác.] (251)

¹⁴⁷ [Trong cách lý luận này, chữ *vedanā* (cảm-giác) đang được Phật dùng theo một nghĩa hẹp của nó là “*sự cảm nhận cảm-giác khổ đau*”. Mật (*pitta*), đờm (*semha*), và gió (*vāta*) là ba thứ dịch khí chất (*dosa*) trong cơ thể theo y học Ấn Độ thời cổ (Y học Ayurveda của Hindu). Nên để ý rằng Đức Phật gọi ý sự trải nghiệm của cá nhân (ai cũng đều cảm nhận đau bụng...) và cảm nhận chung (theo kinh nghiệm dân gian) là hai góc độ để bác bỏ cái quan điểm cho rằng cảm-giác là do nghiệp quá khứ gây ra, cái quan điểm cho rằng *chỉ nghiệp và nghiệp là toàn bộ nguyên nhân* của mọi cảm-giác trong hiện tại toàn bộ là nghiệp. Thực ra, theo cách trả lời của Phật, cũng có nghiệp quá khứ tạo nghiệp quả trong hiện tại, ví dụ nghiệp ác quá khứ tạo ra nghiệp quả bệnh tật là nguyên nhân trực tiếp tạo ra rất nhiều cảm-giác đau đớn, nhức nhối, quần quai... trong kiếp này. Như vậy, *nghiệp quá khứ* vẫn có thể là nguyên nhân gián tiếp (gây ra bệnh tật này nọ...) tạo ra cảm-giác đau khổ trực tiếp gây ra bởi 7 *nguyên nhân đầu*. Nhưng phải có luôn nguyên nhân trực tiếp thứ 8 [nghiệp quả] thì mới gọi là *đủ toàn-bộ nguyên nhân* [mặc dù chúng phải diễn ra cùng với nhiều loại điều-kiện (duyên) khác nhau nữa.] (252)

¹⁴⁸ [Các căn này được nói rõ trong các kinh **SN 48:31—40.**] (254)

¹⁴⁹ [Coi kinh **MN III, 216-217**: mỗi loại nhân *sáu đối-tượng giác quan* bên ngoài (hình sắc, âm thanh...) thành mười tám loại khác.] (255)

¹⁵⁰ [Coi kinh **MN III, 217-219**: mỗi loại nhân *sáu đối-tượng giác quan* bên ngoài.] (256)

¹⁵¹ (257)

¹⁵² (259)

¹⁵³ [Spk: tức niềm hoan hỷ từ sự giải-thoát là siêu tâm linh hơn cả niềm hoan hỷ trong các tầng thiền định.] (260)

¹⁵⁴ [(i) Đoạn mở đầu này (*Lúc đó ... như vậy?*), **Be** đã đưa vào bài kinh **37:05** này và coi như các kinh **37:05—24** chỉ được nói cho *Anuruddha*. Tôi [TKBĐ] cũng làm theo **Be**. (ii) Còn **Ee** thì để đoạn này trước cả hai kinh đầu tiên của hai loạt kinh [Màng Tối] và [Màng Sáng]. (iii) Nhưng trong **Se** lại khác hơn: chỉ hai kinh đầu tiên của hai loạt kinh đó là được nói cho *Anuruddha*, và các kinh còn lại đều nói cho “các Tỷ kheo”; trong đó **Se** cũng lặp lại hai kinh đầu tiên đó và đổi thành nói cho “các Tỷ kheo”, vì lý do này nên **Se** tăng thêm hai số kinh trong **NHÓM 1** này. Và trong **Se** các kinh trong hai loạt kinh này cũng thiếu chữ “*yebhuyyena*” (*hầu như, hầu hết, phần nhiều*) vốn có trong bốn bài kinh trước (*hầu như bị tái sinh*).]

[*Anuruddha* (A-nậu-lâu-đà) là đệ nhất về ‘thiên nhãn thông’ nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh; và dường như thầy ấy cũng hay gặp phải những phụ nữ, cả trong cõi trần và cõi trời; coi kinh **SN 9:06.**] (263)

¹⁵⁵ [‘*Người đối nghịch*’ (*asapattī*) ở đây là chỉ vợ thứ, vợ lẽ, thê thiếp mà chồng có thể cưới thêm.] (269)

¹⁵⁶ [Spk: người này thực ra là cháu ruột của thầy Xá-lợi-phất, tên ông có nghĩa: ‘người ăn táo hồng’] (270)

¹⁵⁷ [So sánh kinh **AN I 217–19**. Chữ “*sugata*” (bậc khéo đi, thiện thế, [TKBD] bậc phúc lành) thường là biểu tượng chỉ Đức Phật, nhưng ở đây, ở dạng số nhiều, thì nó dùng để chỉ tất cả những bậc A-la-hán.] (272)

¹⁵⁸ [*Người đạt tới sự yên ủi (assāsapatta)*. Câu trả lời kinh này là công thức tiêu chuẩn đối với bậc học-nhân (*sekha*). Kinh kế tiếp, *người đạt tới sự yên ủi tối thượng (paramassāsapatta)* là chỉ bậc vô-học nhân (*asekha*), tức A-la-hán.] (273)

¹⁵⁹ [Ba loại khó được giải thích trong **Vism 499,14–21 (Ppn 16:34-35)**.] (274)

¹⁶⁰ [Spk dẫn lời trong kinh **MN II, 96** để giải thích câu cuối: (nếu tu tập đúng theo Giáo Pháp thì) “*được chỉ dạy buổi tối, sáng mai sẽ chứng ngộ sự khác-biệt [tức giác ngộ], được chỉ dạy buổi sáng, buổi tối sẽ chứng ngộ sự khác-biệt*”. (sự khác-biệt có nghĩa là sự tu tiến, sự chứng ngộ so với trước đó).] (275)

¹⁶¹ [Chín bài kinh đầu tiên của Chương này kể lại những trải-nghiệm của thầy Mục-kiền-liên trong cuộc phấn đấu trong suốt tuần đầu tiên ngay sau khi thầy được thụ giáo thành Tỳ kheo. Về những câu chuyện khác về sự tu hành của vị thánh tăng, mời coi thêm các kinh **AN IV 85–88**, và quyển “*Mục-kiền-liên: Bậc Thầy Thần Thông*” của học giả Hecker, và quyển “*Những Vị Đại Đệ Tử của Đức Phật*” được biên soạn bởi của nhà sư trưởng lão Nyanaponika và Hecker.] (276)

¹⁶² [Spk: nhận-thức và sự chú-ý còn dính kèm nhục-dục tức là còn dính kèm bởi năm chướng-ngại] (277)

¹⁶³ [Về *Mục-kiền-liên đệ nhất thần thông*: coi thêm các kinh **SN 51:14, 51:31**] (278)

¹⁶⁴ [So sánh kinh **SN 21:01**, trong đó trải nghiệm tăng thiên định thứ hai cũng được diễn tả bằng chữ “*sự im-lặng thánh-thiện*” (*ariya tuṇhībhāva*), một thuật ngữ tiêu chuẩn để diễn tả tầng thiên định thứ hai này.] (279)

¹⁶⁵ [*Animitta cetosamādhī*: sự/trạng thái định-tâm vô dấu hiệu hay định vô tướng. Spk: là chỉ định minh sát (*vipassanā-samādhī*), xảy ra khi người thiền đã dẹp bỏ dấu hiệu vô thường (vô thường tướng) ... Trạng thái “định vô dấu hiệu của tâm” không được định nghĩa thêm trong các bộ kinh Nikāya, nhưng vị trí của nó được đặt sau tầng chứng đắc vô sắc thứ tám cho thấy nó là một loại/trạng thái định (*samādhī*) về mặt định tính là khác với loại định trong thiền định tĩnh lặng (*samatha*). Bên dưới có kinh nói thêm về “sự giải thoát vô dấu hiệu của tâm” (*animittā cetovimutti*), đó là kinh **SN 41:07**. Trong kinh **SN 43:04** bên dưới thì sự định vô dấu hiệu (*animitta samādhī*) còn được Phật gọi là con đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Coi thêm chú giải ở kinh này. Để tìm hiểu sâu rộng hơn về loại “định vô dấu hiệu này”, coi thêm quyển “*Thiền Vô Dấu Hiệu trong Phật giáo Pāli*” của Harvey.]

¹⁶⁶ [Đây là loại ‘niềm-tin’ của một thánh đệ tử, tối thiểu là bậc Nhập-lưu, vì đây là một trong bốn yếu-tố phẩm chất của một bậc thánh Nhập-lưu; coi kinh **SN 12:41**. Vua trời Đế-thích được thấy là một bậc thánh Nhập-lưu trong kinh **DN II, 288**.] (283)

¹⁶⁷ [Về Candana: coi kinh thi **SN 2:05**; còn bốn thiên thần kia đang trị vì các thiên thần của bốn cõi dục-giới nằm trên cõi trời Ba Mươi Ba] (184)

¹⁶⁸ [Gia chủ Citta được coi là nam đệ tử tại gia giỏi thuyết pháp nhất, coi kinh **AN I, 26, SN 17:23**.] (285)

¹⁶⁹ [Giống ví dụ ở kinh **SN 35:232** ở trên.] (286)

¹⁷⁰ [Kinh thi **Th 120** được cho là của Ngài Isidatta. Isidatta khi còn tại gia đã nhận được lá thư từ người bạn “chưa biết mặt” là cư sĩ Citta [coi kinh kế tiếp] đề cao về Phật, Pháp, Tăng. Nhờ đó Isidatta đã có niềm-tin vào Tam Bảo và đã xuất gia dưới Ngài Đại Ca-chiên-diên, và đã nhanh chóng chứng ngộ A-la-hán với sáu sự hiểu-biết trực-tiếp.] (289)

¹⁷¹ [Về sự “dẹp bình bát” của Tỳ kheo, coi lại chú thích trong kinh **35:133** ở trên.] (290)

¹⁷² [*Brahmajāla Sutta*, (kinh Phạm Võng), tức kinh **DN 1.**] (292)

¹⁷³ [Các luận giảng **Spk** và **Spk-pt** không giải thích gì về sự bỏ đi ngay của thầy ấy. Có thể thầy ấy nhìn thấy sự nguy-hại của sự vinh và danh (vì được kính phục và chăm sóc gia bởi chủ Citta) nên muốn rời đi để sống một cách ẩn danh hoàn toàn. Thầy Mahaka trong kinh kể tiếp cũng bỏ đi như vậy.] (293)

¹⁷⁴ [*“Cực kỳ nóng bức”* có lẽ vì cát nóng dưới chân và nắng nóng trên đầu.] (294)

¹⁷⁵ [Đoạn này cũng có ghi trong **Vism 393–94.**] (295)

¹⁷⁶ [Các đoạn kinh thảo luận giáo lý của kinh này là tương ứng với các đoạn kinh trong **MN** (tương ứng với tên bộ kinh và bản dịch Pali-Anh của TKBD) **MN I 301,17–302,5; MN I 296,11–23; MN I 302,6–27**. Tuy nhiên câu hỏi và trả lời cuối cùng không thấy có trong các kinh **MN 43** và **MN 44**. (Vì lúc này **MN** đó chưa được dịch Việt nên chưa có số trang bên bản dịch Việt để chỉ ra tương ứng). **Spk** giải thích rằng gia chủ Citta thường an trú trong sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức (diệt thọ tướng) [**Spk-pt**: tức sự an trú của bậc thánh Bất-lai] và do vậy ông mới đặt câu hỏi về những sự tạo-tác (các hành) vốn là cơ sở cho sự chấm-dứt. Coi thêm chú thích (299) ngay bên dưới.] (297)

¹⁷⁷ [Coi thêm kinh **SN 12:02** và chú thích của nó về yếu tố “sự tạo-tác” của vòng duyên-khởi.] (298)

¹⁷⁸ [Câu hỏi này nói về trạng thái định *chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức*, hay *diệt thọ tướng định* (*saññāvedayitanirodha*), cũng thường được gọi là trạng thái *diệt-định* (*nirodhasamāpatti*): chứng đắc sự chấm-dứt, là một trạng thái trong đó tâm và mọi chức năng thuộc tâm đều ngừng diệt. Trạng thái này được nói là chỉ có thể đạt tới bởi những bậc A-la-hán và Bất-lai, những bậc đã làm chủ được tầng thiền định. Để đọc thêm chi tiết, mời coi **Vism 702–9 (Ppn 23:16–52)**. **Spk** cho rằng gia chủ Citta hỏi như vậy để coi vị Tỷ kheo đó đã quen thuộc với sự chứng đắc đó chưa.] (299)

¹⁷⁹ [Spk: tức vô tâm, không khởi niệm khởi tâm (*acittaka*) trong lúc đó.] (300)

¹⁸⁰ [*Sự tạo-tác lời-nói* (của ý-nghĩ và sự soi-xét) chấm dứt trong tầng thiền định thứ hai; *sự tạo-tác của thân* (sự thở vô thở ra) chấm dứt trong tầng thiền định thứ tư; *sự tạo-tác của tâm* (nhận-thức và cảm-giác) chấm dứt khi chúng nhập và trạng thái diệt-định (diệt thọ tưởng)] (301)

¹⁸¹ [Spk: trước khi chứng trạng thái diệt thọ tưởng, vào lúc ấn định thời gian nhập định, người tu nhất quyết rằng: “Ta sẽ vô tâm trong khoảng thời gian (nhập định) đó và sau đó ta sẽ trở lại có chú tâm.”] (303)

¹⁸² [Spk: Sau khi người thiền thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt (diệt định) đó, tâm chứng quả khởi sinh trước. Do chiếu theo sự nhận-thức và cảm-giác liên quan với tâm đó nên mới nói “*sự tạo-tác của tâm khởi sinh trước*”. Sau đó, vào lúc *bhavaṅga* (phần cơ sở để hiện hữu, hay hữu phần; = vô thức, tiềm thức), sự tạo-tác của thân [sự thở] khởi sinh, và rồi sau đó, vào lúc hoạt động (của thân) bình thường trở lại, sự tạo-tác lời-nói khởi sinh trở lại, được gọi là ý-nghĩ (tâm) và sự suy-xét (tứ) có thể làm phát sinh lời-nói trở lại.] (304)

¹⁸³ Ba sự tiếp-xúc đó lần lượt là: *suññataphassa*, *animittaphassa*, *appaṇihitaphassa*. Spk: Những tiếp-xúc này có thể được giải thích theo tính-chất riêng (*saguṇa*) của chúng hoặc theo đối-tượng (*ārammaṇa*) của chúng. Theo cách tính-chất riêng là: sự chứng quả thiền định (*phalasamāpatti*) được gọi là sự trống-không, và do vậy sự tiếp-xúc đi kèm được gọi là sự tiếp-xúc trống không; giải thích tương tự đối với hai loại tiếp-xúc kia. Theo cách đối-tượng là: Niết-bàn được gọi là sự *trống-không* bởi nó không còn tham, sân, si; *vô dấu-hiệu* bởi những dấu hiệu tham, sân, si không còn; *vô định hướng* bởi nó không con hướng đến tham, sân, si. Sự tiếp-xúc của sự chứng quả đã khởi sinh, nó lấy sự trống-không/Niết-bàn làm đối tượng, thì được gọi là sự tiếp-xúc trống-không; Sự chứng-quả là sự chứng đắc thiền định đặc biệt, trong đó cái tâm trực tiếp trải nghiệm niềm chân phúc của Niết-bàn. Nó được cho là có bốn mức độ, tương ứng với bốn tầng giác ngộ [thánh quả Nhập-lưu ... A-la-hán]. Coi thêm **Vism 698–702 (Ppn 23:3–15).**] (305)

¹⁸⁴ [Spk: Niết-bàn được gọi là sự tách ly, ẩn dật (*viveka*); tức tâm ngã về Niết-bàn.] (306)

¹⁸⁵ [Sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tướng) được chứng đắc bằng tiến trình chứng đắc các tầng thiền sắc-giới (*jhana*) trước, rồi tới các tầng chứng đắc vô-sắc giới, rồi sau đó thiền quán để minh-sát ba đặc tính ‘vô thường, khổ, vô ngã.’ Các bước tu đã được giải thích trong **Vism 705-707.**] (307)

¹⁸⁶ [Kinh thi **Th 659-672** là của/nói về thầy Godatta; lời kinh đối thoại tiếp theo cũng có trong **MN I, 297-298** trong đó thầy Xá-lợi-phất và Đại Ca-chiên-diên là người nói.] (308)

¹⁸⁷ [Spk: có 12 sự giải-thoát loại này, đó gồm: các cảnh giới cõi trời (bốn phạm trú) và bốn thánh đạo và bốn thánh quả.] (309)

¹⁸⁸ [Spk: có 09 sự giải-thoát loại này, đó gồm: cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ) và bốn thánh đạo và bốn thánh quả.] (310)

¹⁸⁹ [Spk không giải chỗ này, nhưng dường như cách diễn tả “*sự giải-thoát nhờ sự trống không hay tính-không*” (*suññatā cetovimutti*) thường được dùng để chỉ sự định-tâm dựa trên sự minh-sát vào cái bản chất vô-ngã của mọi hiện-tượng, và của cả các thánh-đạo và thánh-quả siêu thế.] (311)

¹⁹⁰ [Spk: có 13 *sự giải-thoát vô dấu hiệu của tâm* (*animitta cetovimutti*) loại này, đó gồm: *tuệ minh-sát* (bởi nó loại bỏ những ‘dấu hiệu’ của thường hằng, sự sống, và cái ‘ta’ (thường, lạc, ngã); *bốn tầng định vô-sắc giới* (bởi trong đó không còn ‘dấu hiệu’ của sắc-giới); và *bốn thánh đạo*, và *bốn thánh quả* (bởi những ô-nhiễm, tức những ‘cái tạo-nên’ những ‘dấu hiệu’ không có trong đó).] (312)

¹⁹¹ [Theo cách diễn dịch này, *sự giải-thoát vô lượng của tâm* là bốn cõi trời (bốn phạm trú, tứ vô lượng tâm); *sự giải-thoát của tâm nhờ sự không-có-gì* là tầng chứng đắc vô sắc giới thứ ba (vô sở hữu xứ); và *sự giải-thoát của tâm nhờ sự trống-không (tính không)* là sự định-tâm dựa trên sự minh-sát vào cái

bản chất vô-ngã của mọi hiện-tượng. *Sự giải-thoát vô dẫu hiệu của tâm* thì khó chỉ ra hoặc quy theo những tiêu chuẩn giáo lý. Spk thì chỉ xếp nó thuộc (thánh quả) siêu thế với Niết-bàn là đối tượng của nó.] (313)

¹⁹² [Spk: ‘bậc nhất, tốt nhất’ ở đây là do có luôn thánh quả A-la-hán] (314)

¹⁹³ [Spk: bởi chúng đánh đầu một người là tham, hay sân, hay si. Tham tác ra ‘dầu hiệu đẹp’, sân tác ra ‘dầu hiệu xấu’, còn si tác ra những ‘dầu hiệu thường, lạ, ngã.’] (316)

¹⁹⁴ [Mặc dù *sự giải-thoát trống-không của tâm* không được nói ra thành một loại riêng, nhưng trạng thái đó được nói ra trong tất cả các loại giải-thoát, như là: “trống sạch tham, trống sạch sân, trống sạch si”.] (317)

¹⁹⁵ [Nigantha (Ni-kiền-tử) cũng chính là Mahavira (Đại Thiên), tổ sư sáng lập đạo Jain. Ông xuất hiện mấy lần trong kinh điển Pali (đặc biệt trong **MN 56**), nhưng chưa thấy ông gặp Phật lần nào. Những đệ tử của ông được gọi là những người ni-kiền-tử, là “những người không có búi tóc.”] (318)

¹⁹⁶ [Spk: vì sao gia chủ Citta phải tới gặp ông khổ sĩ trần truồng đó? Vì muốn xóa bỏ ý nghĩ của những người Ni-kiền-tử cho rằng những người theo đạo Phật không thân thiện với mọi người. Ngoài ra ông cũng muốn đến để chỉ ra những điều không đúng trong giáo lý của ông Ni-kiền-tử...] (319)

¹⁹⁷ [Spk giải thích] (324)

¹⁹⁸ [TKBD giải thích.] (327)

¹⁹⁹ [TKBD giải thích.] (329)

²⁰⁰ [Spk: chữ ‘*Caṇḍa*’: nghĩa là hung dữ, bạo tàn; tên này do những người kết tập kinh đặt ra.] (332)

²⁰¹ [Tên ông có nghĩa là: ‘cái hộp cây bói đa’ bởi da mặt ông có màu trái của cây này khi nó chín rụng xuống đất. Ông là kịch sĩ nổi tiếng khắp Ấn Độ. Lời kinh thi **Th 1091-1145** về sự đề cao lương tâm là của ông.] (334)

²⁰² [Spk: thực ra không có riêng một địa ngục nào tên đó; đó là một chỗ trong đại địa ngục A-tỳ ở đó các cư dân bị tra tấn trong các trang phục hóa trang của những diễn viên, kịch sĩ...] (337)

²⁰³ [Coi kinh **MN I** trang **387–89**, một phần trong đó là song hành với đoạn kinh này, mặc dù trong đó nói về một loại quan điểm khách về sự tái sinh.] (338)

²⁰⁴ [Spk: tên của ông có nghĩa ‘người kiếm sống bằng nghề chiến tranh’; tên này do những người kết tập kinh đặt ra; TKBD chọn dịch là ‘người giết thuê’ hay ‘lính đánh thuê chuyên nghiệp’ cho hợp với nghĩa phổ thông.] (339)

²⁰⁵ [Spk: thực ra không có riêng một địa ngục nào tên đó; đó là một chỗ trong đại địa ngục A-tỳ ở đó các cư dân trong hình dạng lính chiến bị giết chết.] (341)

²⁰⁶ [So sánh kinh **AN V 299-301**. Spk: chữ “tâm-từ” [nghĩa đơn giản] ở đây có thể được diễn dịch là trạng thái cận-định hay tăng thiền định, nhưng khi nó được phẩm định như “*sự giải thoát của tâm*” (*cetovimutti*) thì nhất định có nghĩa là tăng thiền định.

“*Nghiệp giới hạn*” (*pamāṇakatam kammaṃ*) nghĩa là nghiệp dục-giới; còn nghiệp sắc-giới là *ngiệp không giới hạn* [vô lượng, *appamāṇakatam kammaṃ*]; nó được gọi là nghiệp không giới hạn hay vô lượng bởi nó vượt trên giới hạn (dục giới), bởi nó được tu tập bằng một sự bao trùm thấm đẫm... [coi thêm **Vism 309–11**; **Ppn 9:49–58**].

“*không còn nữa, không còn có nữa*” (*na tam tatrāvasissati, na tam tatrāvatitṭhati*). Spk: tức nghiệp dục-giới không còn dính, không còn có mặt trong cõi sắc-giới và vô-sắc giới. Nghiệp dục-giới thì không thể lẩn át nghiệp sắc-giới và nghiệp vô-sắc giới; ngược lại, như dòng lũ lớn áp đảo một dòng suối nhỏ, nghiệp sắc-giới và nghiệp vô-sắc giới áp đảo nghiệp dục-giới. Nghiệp siêu xuất hơn, sau khi đã ngăn chặn nghiệp dục-giới tạo nghiệp quả của nó, thì hướng tới tái sinh vào cảnh giới cõi trời (phạm trú).] (346)

²⁰⁷ [Giới luật cấm các Tỷ kheo nhận vàng bạc cúng dường; đó là điều luật “*Nissaggiya-pācittiya*” số 18; coi thêm **Vin III 236–39** và **Vin I 245,2–7**. Bài kinh được ghi trong **Vin II 296–97** là tuyên ngôn cấm các Tỷ kheo nhận vàng bạc. Theo **Vin III 238**, “bạc” ở đây bao hàm tất cả các loại tiền bạc, tiền cắc, hay bất cứ thứ gì làm phương tiện mua bán, trao đổi.] (350)

²⁰⁸ [Đoạn này có những lời kinh Đức Phật đã nói trong bài thuyết giảng đầu tiên, tức kinh *Chuyển Pháp Luân*, **SN 56:11**.] (354)

²⁰⁹ [*‘Một trạng thái thiện lành’*: chỉ thành tựu về đức-hạnh hay trạng thái thiện lành thông thường của tâm; *‘sự khác-biệt xuất chúng của sự hiểu-biết và tầm-nhìn’*: là chỉ sự chứng đắc các tầng thiền định sắc giới, các tầng thiền vô sắc giới, những sự hiểu-biết trực-tiếp, thánh đạo và thánh quả.] (356)

²¹⁰ [*“Ba loại phai mòn”*: *Tisso sandiṭṭhikā nijjarā*. Chữ “*nijjarā*” (nghĩa: mòn đi, phai mòn đi, voi đi) là một thuật ngữ của giáo phái Jain (Ni-kiền-từ) đã được Đức Phật ứng dụng để nói với ông trưởng thôn này. Những người theo phái Jain cho rằng những tu sĩ tu tập có nghĩa là làm “phai mòn đi” tất cả sự khổ (*sabbam dukkham nijjinam bhavissati*); Coi thêm quan điểm của họ trong kinh **MN I 93,2–11** và **MN II 214,7–13**, và Đức Phật cũng đã ứng dụng nói về sự “phai mòn đi” theo một cách khác trong kinh **MN II 223–25**. Ba loại “phai mòn” này (*sandiṭṭhikā nijjarā*) cũng được tả trong kinh **AN I 221,5–30** (như: giới hạnh, các tầng thiền định, sự tiêu diệt các ô nhiễm), và 20 “*sự phai mòn đi*” (*nijjarā*) được nói trong kinh **MN III 76,12–77,23**.

Spk: một con đường đạo được miêu tả như ba sự phai mòn vì do có sự phai mòn đi của ba loại ô nhiễm (tham, sân, si).] (357)

²¹¹ [Giống kinh **SN 24:05**] (361)

²¹² [Giống kinh **SN 24:06**] (362)

²¹³ [Spk đưa ra ba cách diễn dịch luân phiên cho chữ *dhamma-samādhī* (sự định-tâm của Giáo Pháp) và chữ *citta-samādhī* (sự định-tâm của tâm) như vậy: (i) *dhamma-samādhī* là *dhamma* (giáo pháp) của mười đường nghiệp

thiện; còn *citta-samādhī* là bốn thánh đạo đi kèm tuệ minh-sát; (ii) năm *dhammā* [năm pháp (hay trạng thái)]—đó là: sự hoan hỷ, sự khoan khoái, sự tĩnh lặng, sự hạnh phúc, và sự định tâm—được gọi là *dhamma-samādhī*; trong khi đó *citta-samādhī* vẫn là bốn thánh đạo đi kèm với tuệ minh sát; (iii) *dhamma-samādhī* là/gồm mười đường nghiệp thiện và bốn sự an trú cõi trời; còn trạng thái nhất-điểm của tâm (sự hội tụ nhất-điểm, tâm nhất-điểm, sự hợp-nhất của tâm) khởi sinh (đạt được) đối với người đã hoàn thiện *dhamma-samādhī* nói trên thì được gọi là *citta-samādhī* (sự định-tâm của tâm).] (263)

²¹⁴ [*Kāyagatā sati*: ‘sự chánh niệm hướng vào thân’ hay ‘chánh niệm về thân’. Nghĩa kinh này là tương đồng với tất cả phương pháp tu tập được ghi trong PHẦN “Quán niệm về Thân” (*Kāyānupassanā*) của bài kinh *Các Nền Tảng Chánh Niệm* (*Satipaṭṭhāna Sutta*, kinh *Niệm Xứ*) [tức kinh **DN 22, MN 10**]. Và tất cả phần ‘quán niệm về thân’ này cũng được tách ra thành một bài kinh riêng, đó là kinh “*Chánh Niệm về Thân*” (*Kāyagatāsaṭi Sutta*) [tức kinh **MN 119**]. Các giảng luận thường gọi tóm gọn là ‘*Thiền quán về 32 bộ phận của thân*’, như trong **Vism 240 [Ppn 8:44]**.] (366)

²¹⁵ Sự/trạng thái định trống không (*suññata samādhī*); sự định không dấu hiệu (*animitta samādhī*); sự định không định hướng (*appaṇihita samādhī*). Spk không giải thích về các chữ này. Ba chữ này có ghi trong kinh **DN III 219,21–22**, nhưng cũng không có chú giải gì; nhưng **Sv III 1003–4** thì luận giảng chúng như vậy: “Người tu, ở giai đoạn thiền quán thâm cao, quán xét mọi thứ là vô-ngã, thì đạt ‘*định trống không*’ (tính không) khi đạt tới thánh đạo và thánh quả [bởi người đó đã nhìn thấy mọi thứ đều không có ngã nào]; người tu quán xét mọi thứ là vô thường thì đạt ‘*định không vô dấu hiệu*’ [bởi người đó đã nhìn thấy thông qua ‘dấu hiệu của vô thường’]; còn người tu quán xét mọi thứ đều là khổ thì đạt ‘*định vô định hướng*’ [bởi người đó không còn hướng tới hay dựa vào những thứ đã được nhìn thấy là khổ đau]. Coi thêm phần thảo luận về “ba cửa đi tới giải thoát” trong **Vism 657–59 (Ppn 21:66–73)**. Về ‘sự định-tâm không dấu hiệu’ (*animitta cetosamādhī*), coi thêm kinh **SN 40:09** ở trên.

²¹⁶ [Các kinh từ **SN 43:05** này đến kinh **SN 43:11** lần lượt nói ra 37 phần trợ

giúp giác ngộ (bồ-đề phần). Và tất cả 37 phần trợ đạo này được lặp lại trong kinh **SN 43:12** (từ đoạn [9] cho đến hết [39-45] luôn). Coi thêm chú thích của kinh **SN 45:51.**] (369)

²¹⁷ [Trong kinh **AN I 25,19** ni được tuyên bố là Tỳ kheo ni đệ nhất về đại-trí (*etadaggaṃ mahā-paññānaṃ*), và trong kinh **SN 17:24** ni được mô tả là một mẫu-mực cho các Tỳ kheo ni noi theo. Về chi tiết tiểu sử, coi thêm quyển “*Những Nữ Đại Đệ Tử của Đức Phật*” của Hecker; quyển “*Những Đại Đệ Tử của Đức Phật*” của Nyanaponika và Hecker, trang 266-276. Coi thêm quyển “*Luận giảng về Trưởng Lão Ni Kệ*” của Pruitt, trang 164-174.] (373)

²¹⁸ [Lời kinh về những câu hỏi này giống trong các kinh **SN 16:12, 24:15–18, 33:1–55.**] (374)

²¹⁹ [Câu trả lời ở đây cũng giống y những câu trả lời của Phật cho du sĩ Vacchagotta trong kinh **MN I 487–488**, tức kinh **MN 72.**] (375)

²²⁰ [*“Vì lúc đó dục-vọng là nhiên liệu của nó” (tamahaṃ taṇhūpādānaṃ vadāmi).* Lời tuyên bố này của Phật trông có vẻ như có ‘một thời-đoạn tạm thời’ nằm giữa lúc-chết và lúc tái/thụ sinh (như kiểu giai đoạn ‘trung ấm’ được nói trong các truyền thống khác). Nhưng vì điều này thì mâu thuẫn với triết lý chính thống của Phật giáo nguyên thủy [Trưởng Lão Bộ, *Theravāda*], nên Spk cho rằng: chính ngay ‘lúc-chết’ chúng sinh được cho là ‘chưa được tái sinh’, đơn giản bởi thức-tái sinh vẫn chưa khởi sinh vào lúc đó.] (382)

+ Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, sửa lỗi, hiệu đính, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tổng, liên hệ người dịch; email:

lekinkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: 0909503993.

+ Hoặc về kỹ thuật, liên hệ anh Huỳnh Văn Thịnh, email:

huynhvanthinh@gmail.com, hoặc điện thoại: 0363316764.

